VƯƠNG HỒNG SẾN

PHONG LƯU CŨ MỚI





- Thú nuôi Chim
- Thú đá Gà
- Thú đá Cá Thia Thia
- Thú chơi Dế Mèn, cúc, cống...
- Có thêm bài luận về Chim Phụng Hoàng, Ve Ve, Bọ Hung



PHONG LƯU CŨ MỚI

VƯƠNG HỒNG SỂN

PHONG LƯU CŨ MỚI

- Thú nuôi chim
- Thú đá gà
- Thú đá cá thia thia
- Thú chơi dế mèn, cúc, cống...
- Có thêm bài luận về chim phụng hoàng, ve ve, bọ hung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

PHI LỘ

Những bài nhỏ này trước đây tôi không định in thành tập. Viết vào khoảng 1958-1961, khi ấy tôi còn làm việc ở Viện bảo tàng Sài Gòn, nên tôi nhớ Ba tôi mà gởi bài về Sóc Trăng cho Ba tôi đọc chơi, cũng một dịp tôi gỡ tội lúc nhỏ sao quá ham chọi gà, đá cá. Sau đó, tôi lại cho đăng vào:

*- Tập **Bách Khoa**, tháng 7 năm 1958: Thú nuôi chim.*

*- Tạp san **Mai**, tháng 5 năm 1951: Thú chọi gà.*

Thời gian trôi qua, tôi đã không dám nhìn đó là "văn của mình ưng bụng" và trước sau vẫn xem chẳng hơn mấy trang viết chơi đánh dấu chút gì thoáng qua không trở lại của buổi xuân thời... Vì vậy mà tôi không vội in.

Đầu tháng này, trong sân nhà, có nhánh lan còi đeo gốc xoài, bỗng nhiên nẩy một giò hoa tím lạ. Hỏi lan gì? Có người biết, bảo: "Sắp phát tài, lan báo hỷ đấy".

Và trên đường bèo nước, tôi đã gặp một Người. Ông đọc những bài trên đây và khuyên tôi ráng đi đến việc xuất bản. Chẳng những ông khuyến khích lần này, ông lại căn dặn làm sao có một đặc san, tuần tự in tiếp những bài cũ mới của tôi, nhứt là ráng sao nói với các anh em tôi quen biết, trao tác phẩm để lựa lại cùng in thành sách.

Nghe thì ham thật. Nhưng cũng ái ngại phần nào. Từ về vườn năm 1964, tôi sống chật vật với chiếc lương hưu trí hẩm hiu, lỡ khóc lỡ cười. Thuế đòi cấp bách, nhà từ năm Mậu Thân, nóc dột tưới hột sen, năm ngoái vợ đau vô mổ nằm nhà thương thí... Mỗi lần như vậy, đồ sưu tập thân yêu, tự nhiên không chơn cẳng mà biết đi... Hay được, ông châu mày, càng hối thúc tôi mau ra sách. Thôi thì ba bảy cũng liều. Tuy vậy, lòng khấp khởi lo sợ: buổi gạo cao bạc thấp, tuy thấp mà mò không ra, số mạng loại sách như của tôi sẽ ra sao? Nhưng nếu tập số I này

không yểu số, tôi sẽ in tiếp:

- Tập II: ***Thú xem truyện Tàu và tìm hiểu cái hay trong truyện Tàu.*** *Trong tập, tôi sẽ lựa những chuyện hay đã kích thích tôi chọn con đường sưu tập cổ ngoạn. Thừa dịp đó, tôi sẽ dọn đường cho những bạn đọc sách tôi sẽ ghiền đồ cổ, như tôi.*

- Tập III: ***Thú chơi cổ ngoạn****. Tập này sẽ nói sâu thêm vấn đề chơi đồ cổ, để thấy rõ nếu biết chơi và khéo tìm hiểu, thì đây là một nghệ thuật hơn là một thứ tiêu khiển tầm thường.*

Khi đã dự bị, và trái đã chín muồi, tôi sẽ xuất bản:

- Tập IV: ***Khảo về thú chơi ấm chén và nghệ thuật biết rành về đồ gốm, đồ sành, đồ kiểu và đồ sứ cổ.*** *Tập này sẽ có đủ sở trường, sở đoản một đời tôi. Tôi sẽ kể rõ những gì tôi đã lầm, những gì tôi sở đắc, bao nhiêu điều học hỏi của tôi thâu lượm trên những bộ chén trà, dĩa xưa, lộc bình cổ đã sưu tập bấy lâu. Có nhiều câu văn nôm tuyệt tác, viết trên sứ cổ, gọi "đồ da trắng men lám Huế" thuở nay tôi chưa gặp trên sử sách cổ kim.*

- Tập V: ***Hơn nửa đời Hư?*** *Đây là tập hồi ký và tâm sự của một kẻ si mê đồ sứ cổ. Tôi sẽ cho thấy những gì thắc mắc của nhà sưu tập. Chơi và nghiện đồ sứ cổ là nên hay hư, có ích hay có hại?*

In được bao nhiêu đó là ngoài sức tưởng tượng của tôi. Không dám mong nhiều. Con cá sống nhờ nước. Cuốn sách sống nhờ có người mua. Trên đường xuất bản, vái cho gặp những bạn tốt của sách, dám mua lấy, sắm lấy mà đọc.

Cẩn tự

Vân Đường Phủ, ba ngày trước lễ Thanh minh

(26 tháng 2 Canh Tuất - 2-4-1970)

V.H.S

TỰ NGÔN

Tôi bình sanh thích những gì đẹp: giò lan hàm tiếu, đoá hoa mãn khai. Một cuốn sách đóng bìa khéo đủ làm tôi vui cũng như trên sân quần vợt, tôi lại thích những đường banh tuyệt vời, không đỡ gạt nổi. Càng thêm tuổi, tôi chuyên tâm về thẩm mỹ và văn hóa. Tôi trồng lan và nghiên cứu về lan, nhưng chỉ trồng chơi trong sân nhà, âm thầm ngắm nghía, săm soi lấy mình. Cụ Tú Hải Văn viết và Nguyễn Tuân nhắc lại trong *Vang bóng một thời*, chuyện những chiếc ấm đất:

"Họ lịch sự như tiên, phú quý như trời,

quất con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu;

"Ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất,

gọi hề đồng pha nước trước hiên mai."

Tôi thấy rất hay, nhưng thầm hỏi: đời nay dễ gì *quất con ngựa rong chơi!* Ngoài ngõ chẳng là tấp nập nhiều xe trên mười bánh! Cũng không thể *Gọi hề đồng pha nước!* Đời bình dân, tự mình pha nước chắc ăn hơn. Họa chăng cỏ thì ai trồng cũng được, gặp cỏ lan "vương giả chi hương" thì càng quí.

Ngẫu nhiên tôi gặp anh Vương. Anh dắt đường tôi biết thêm nghệ thuật chơi đồ cổ, giúp tôi quên nhiều những éo le hiện tại.

Một hôm, anh Vương trao cho tôi đọc bản thảo tập *Phong lưu cũ mới*. Tôi muốn giúp anh trong việc ấn hành. Tôi lại ước ao anh Vương tìm cho tôi những bản thảo cùng một loại để xuất bản cùng một thể. Tôi muốn thực hành những gì anh Vương đã bàn trong bài *Phi lộ* trên đây. Chúng tôi muốn làm thế nào để có một tạp chí hay tạp san, sẽ lấy nhan, tỷ như *Hiếu cổ tùng thư* hoặc *Hiếu cổ đặc san*, trong ấy sẽ in thành tập

riêng:

- Khảo về văn minh ba miền: nguồn gốc, văn hóa, nghệ thuật...

- Tìm hiểu những phong tục tập quán xưa, sưu tập và ghi chép lại đầy đủ những thú phong lưu cổ thời, đại loại như chơi cổ ngoạn, chơi sách, chơi cổ đồ, phép đánh đầu hồ, phép đi săn bắn, thú chơi tem, chơi tranh, chơi lan, chơi chữ ký, chơi kiểng gốc hay kiểng lá, trồng xương rồng, gắn hòn non bộ... bao nhiêu ấy và còn nữa, gộp chung lại dưới danh từ: *Thú chơi đồ cổ.*

- Sưu tầm, sao lục các sách hay ngoài Bắc và Trung, Nam, sưu tập những tuồng hát bội Huế, Bình Định và Sài Gòn, tìm và in lại những tác phẩm của các nhà xuất bản có danh lớp trước: Xuân Lan, Mạc Đình Tư, Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh (Hà Nội), Đào Duy Anh, Ngô Đê Mân (Huế), Phát Toán, Nguyễn Văn Của, J. Viết (Sài Gòn), những áng văn hay đã trên 50 năm của thời đại Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, v.v... góp lại làm một bộ môn gọi *Thú chơi sách.*

Ban đầu chưa chuẩn bị kịp, thử in hoặc hai tháng hoặc ba tháng làm một tập nho nhỏ, sau này có đà có thế, sẽ ra đều đều mỗi tháng một tập cùng một đề tài. Các tập ấy sau sẽ đóng lại làm một bộ hằng năm hay hằng sáu tháng một, để đi lần đến việc trở nên tập kỷ yếu của một cơ quan chuyên ròng việc bảo tồn quốc túy, và lấy tôn chỉ là "hiếu cổ".

Cho hay việc muốn làm có khác với việc sẽ làm được. Và việc sẽ làm được thành công cùng chăng, còn tùy nơi sức nhiều người hiệp lại. Nếu đã cùng chung chí hướng, cùng chung hoài bão, kẻ công người của thì lo gì việc không thành?

Để sớm bắt tay vào việc, tôi mạo muội viết bài Tự Ngôn

này kính gởi quí vị học giả và văn nhân, xin vui lòng hưởng ứng.

Sài Gòn, ngày 14 tháng 4 năm 1970

Cẩn tự

CỔ TRUNG NGƯƠN

THÂN KÍNH TẶNG HƯƠNG HỒN TỪ MẪU, mất năm 1913:

- *Nhớ mẹ xưa nuôi con thập phần chu đáo;*
- *Con lên sáu, dạy nhìn mặt đồng xu, phân biệt đồng nào là xu lá bài, đồng nào là "xu on-xon-chem" (xu này kỷ niệm năm 1875, mở nhà băng Pháp, trên xu đề chữ un centième de piastre", mà 1875 là năm sanh của ba tôi);*
- *Bảy tuổi, mẹ tập con đọc truyện Tàu để phân biệt người trung, đứa nịnh;*

Dõi theo ý mẹ, nay con nuôi thân bằng nghề xem đồ sứ cổ, nhờ đó quên buồn khổ, vui thầm với nhân vật xưa.

THÂN KÍNH TẶNG BA,

mất ngày 18-1-1961:

- *Nhớ năm 1960, BA tuổi 86, vẫn quắc thước minh mẫn, từ Sài Gòn con về thăm, BA ngồi nhắc chuyện cũ tỉnh nhà cho nghe, chi tiết không bỏ sót một mảy;*
- *Sển bé thơ, BA lấy mai cần đước đóng xe rùa cho chơi;*
- *Sển trưởng thành, BA nhịn vàng lấy bịt tô quí, dĩa lạ, chén xưa, bổn thân chạm trên vàng bài thi cổ, gắn vào độc bình quí, CÂNG CON ĐẾN THẾ LÀ CÙNG.*

Ngày nay, cha mẹ mất rồi, con bơ vơ, đã trả được chút gì?

Ơn song thân nhắc lại không hết:

Cha mẹ nuôi con vô sở bất chí.

Con viết bộ này, kính dâng lên hương hồn cha mẹ, để nhớ ơn chín chữ cao sâu

(Xuân CANH TÝ 1960 - Hạ TÂN SỬU 1961)

(Xuân CANH TUẤT 1970)

VƯƠNG HỒNG SỂN

Dẫn

Khoan vội vào đề, và xin hãy cùng tôi tra cứu về danh từ PHONG LƯU trước đã.

Hán Việt từ điển ĐÀO DUY ANH ghi:

PHONG LƯU: Cái đức tốt như ngọn gió chỗ này bay đến chỗ khác, như dòng nước nơi nọ chảy đến nơi kia.

Tỷ dụ: LƯU PHONG DƯ VẬN.

- Dáng dấp và thái độ cũng gọi PHONG LƯU.

- Phẩm cách của con người.

- Cái tinh thần riêng.

- Ngày nay thường gọi người hay chơi bời đĩ thoã là PHONG LƯU.

Tuy rõ rệt, nhưng các nghĩa ấy, chưa ai bằng lòng.

Hãy tra bộ *Từ điển Khai Trí Tiến Đức:*

PHONG LƯU-Thái độ nhàn nhã: tính người phong lưu.

- Đủ ăn tiêu không phải phiền lụy gì.

Tỷ dụ: nhà ấy độ này đã phong lưu.

- Ăn chơi hoa nguyệt: Bình khang là chốn phong lưu.

Cắt nghĩa như thế đã thấu đáo đến nơi đến chốn. Nhưng dường như thấy đều chưa bằng bụng. Khảo qua bộ *ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ* của nhà tiền bối trong Nam, cụ Huỳnh Tịnh Của, thấy vỏn vẹn một hàng:

PHONG LƯU- Thong thả vô sự; cuộc ăn chơi.

Đến đây, cũng chưa thỏa mãn. Bèn nhờ *Từ điển* ĐÀO VĂN TẬP:

PHONG LƯU - Chơi bời hoa nguyệt. Tỷ dụ:

"Phong lưu là cạm trên đời,

Hồng nhan đánh bả con người tài hoa". (câu hát xưa).

- Sống nhàn hạ, đủ ăn đủ tiêu, không phải vay mượn ai.

Tỷ dụ: sống phong lưu.

Rốt lại, đành xếp các bộ sách thầy, và tạm mượn nghĩa của bộ *Khai Trí Tiến Đức:*

PHONG LƯU: Thái độ nhàn nhã.

Dựa theo đó, những thú phong lưu, tức là những thú tiêu khiển để giết thì giờ trong những cơn rỗi rảnh nhàn hạ.

*

*   *

Riêng tôi, từ ngày thất thế, từ năm 1947, xứ nhà, tỉnh nhà là Sóc Trăng không ở được, và phải bỏ chạy lên đây rồi ở luôn Sài Gòn, ngon cơm ngọt canh từ thuở. Phong trần lê gót, từng ở đậu nhà quen, ngủ tiệm hút, những thú vui không đắt tiền, những phở ngon, hủ tiếu giòn đều có nếm... *CẦM, KỲ, THI, HỌA*, là phong lưu cũ. Bốn món đều không hay, nay tuổi già, nếu mãi đờn bản *kéo xe kéo bò* thì tốt hơn nên xoay qua thú khác. Bụng vẫn đói, muốn quên việc đời, muốn có kế nuôi thân, đành học thêm những *thú phong lưu mới*.

Kể từ ấy, đi sâu thêm vào:

- thú chơi cổ ngoạn,

- thú chơi sách,

- thú nghe hát bội, đánh chầu, tìm hiểu câu văn,

- thú xem truyện Tàu và hiểu các điển tích xưa nay.

Lại cũng chập chững:

- thú chơi non bộ và uốn kiểng,

- thú chơi ấm chén và nghệ thuật uống trà,

- thú nuôi chim...

Đã chán phè *thú* hay *nạn* thức khuya nuôi gà nòi, hoặc quần cá thia thia đá độ.

Nay không ngại chê khen, ráng viết nhắc lại vài thú đã từng nếm trải, ước mong các tay lão luyện không giấu nghề, chỉ biểu thêm. Không học được thầy, thì học với bạn, không xấu.

Chơi đồ cổ ngoạn, không khác làm cái việc tìm hoa, vớt hoa rơi dưới mương rãnh.

Chơi sách cũ, không khác việc chuộc các Kiều nương đang mắc nạn.

Nhưng đồ xưa, sách vở, đọc mãi, sưu tập mãi cũng chán. Bước thêm bước nữa, tìm hiểu những gì cổ nhân đã gọi: *nghề chơi cũng lắm công phu.*

Chư quý vị, nếu không ngã lòng, hãy cùng tôi nhín chút giờ dư, trở lại những phong lưu cũ mới.

Cẩn tự,

V.H.S

BÀN VỀ NHỮNG THÚ VUI CHƠI CỦA NGƯỜI XƯA

Tạp chí NAM PHONG số 94, tháng tư d.l. 1925, có đăng một bài khá dài, từ trang 365 đến 377 của cụ Tùng Vân, luận về *cuộc vui chơi hàng ngày của hạng người thượng lưu trí thức*.

Tựa hấp dẫn, chứa nhiều hứa hẹn... Nhưng khi đọc, tôi không được thỏa mãn mấy. Nhà túc nho nhóm *NAM PHONG* vẫn không đá động đến những thú vui cổ thời của nhóm hậu sanh như tôi tìm hiểu, như thả diều, thả thuẫn, đánh vụ ó, chơi đu bầu, là thú vui của hạng bình dân, hoặc như đánh đu tiên, đánh đầu hồ, bắn giàng đạn ốc xa cừ, phóng lao, săn bắn, cỡi ngựa, v.v... là thú vui của hàng dư ăn dư để. Ngay nay nhắc lại các thú ấy, chúng tôi lấy làm mơ hồ; người thông thạo từng chơi, cũng quên hầu hết. Tập hát tập đờn làm chi, vì đã có dĩa hát, máy radiơ, máy truyền hình truyền thanh thay thế. Đi câu cũng sẵn cần câu máy. Xuống tam bản là xả máy chạy vo, cần gì chèo chống... Nhắc lại, trong bài khảo cứu của cụ *TÙNG VÂN*, vẫn không thấy tả thể cách, hình dáng từng món chơi của thời đại đã qua, và cũng không dạy cho biết điều gì, chỉ luận suông ngót trên mươi trang các thú vui chơi của hạng sĩ phu thời ấy.

Theo tác giả, phàm nói đến thượng lưu là chỉ nên bàn qua *phẩm cách con người*, không nên nói về *các phái người*... Vì thế, tác giả không đá động đến giới nông, công, thương. Vả chăng trong ba giới này, nếu có người lỗi lạc, hay giỏi thì đã được liệt vào hạng thượng lưu nói chung kia rồi, và chỉ vì trong giới sĩ phu mới gồm nhiều thượng lưu hơn cả, nên toàn bài tác giả chỉ luận về sĩ phu mà thôi.

Nếu cho phép tôi tóm bắt bài của báo *NAM PHONG* đã đăng, thì đại lược bài ấy như vầy:

"Từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, văn minh nước Việt còn thuộc về cái *văn minh thuần nhất*, chỉ nhìn nhận một khoa cổ học thuộc về văn chương, thuộc về luân lý; chỉ có hai môn ấy là trọng, ngoài ra các nghề khác đều là *mạt nghệ* đáng khinh.

Khi nào học văn kém quá, khi ấy mới quay về nghề võ.

Đối với sự học, người dân lớp xưa luôn luôn *có chí cao thượng*, đời đời muốn nối dõi *sĩ khí, nho phong*. Những nhà đi học xem đó là đích chánh, truyền tử lưu tôn, ít khi để gián đoạn: *nền nếp đại gia* không bỏ, và thường rất trọng ba chữ: *"kế thư hương"*. Con nhà đi học nối nghiệp ông cha, giữ được nền *trung hiếu*, thế là *hiền thảo*, chứ không tất cầu lấy đại phú đại quí, hoặc giả tham lam vô sỉ, mà mang tội với sử xanh.

Ngày xưa không biết gì là công hội, công quán, câu lạc bộ. Hàng ngày anh em đi lại chơi với nhau, bất kỳ nhóm ít hay đông người, thường mời nhau ở lại để chờ trăng lên làm thú, rồi nhơn bóng trăng đưa nhau về một đỗi đường làm nhã, hoặc cùng ngồi trong cửa sổ đốt trầm đốt nến, cùng nhau dưới đèn dưới hương nói chuyện mưa nắng ấm lạnh, mùa màng. Người tỉnh nọ sang chơi tỉnh kia, người làng này qua chơi làng khác, hỏi thăm nhau hoa mai nở chửa, cùng là tặng nhau bụi cúc giò lan là thường sự. Gặp nhau như vậy, điếu thuốc hút vặt, chén trà hoặc tô nước lã uống suông, thèm nữa là vài miếng trầu, rồi chia tay nhau, hứng lắm là đôi chung rượu làm duyên, chớ không tửu hào thịnh soạn dây dưa bất tận như nay hằng thấy.

Gặp nhau như vậy thường lấy chuyện trong sách trong kinh làm đầu đề: chuyện Tây Thi, Thúy Kiều, chuyện gái dung nhan nghiêng nước nghiêng thành, gái tỳ bà, thi Xuân Hương, tích My Châu, My Ê... Nghe nói chuyện đủ no người, ngồi cười thôi cũng ấm bụng! Hết tán chuyện đến tán thi, từ thi chữ qua thơ nôm đủ lối. Ngoài cuộc vui chơi hàng ngày như vậy, nên kể bốn thú đại khái của nhà Nho là:

- *Thứ nhứt, cuộc tiêu khiển như đố thơ* (nên so sánh với *exercices de vocabulaire* của Tây học). Đem những tập thơ lạ lùng ít người biết, trích ra một câu; trong câu ấy giấu nhẹm đi một chữ. Lại đặt bốn năm chữ khác, xáo trộn chung với chữ chính rút trong nguyên cảo, rồi treo giải thưởng, thử thách, đố ai kiếm được trúng chữ trong chính nguyên cảo thì thưởng quà hoặc một món tiền tượng trưng. (Trong *"VANG BÓNG MỘT THỜI"*, Nguyễn Tuân viết hai chuyện độc đáo, điển hình thú chơi này là *"THẢ THƠ"* và *"ĐÁNH THƠ"*) [1]

---

(1) "Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ thất ngôn mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: *"Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần"*, đấy chứ? Ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ *"Hướng"* ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần" Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm *"Quân hướng Tiêu Tương, ngã (vòng) Tần"*. Chữ (vòng) đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ "thả". Thí dụ, thầy thả năm chữ:

"cố, tại, vọng, phản" và luôn cả cái chữ "hướng"-trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi. Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Bây giờ trên mẩu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ phản. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn để bỏ cái khoảng viết mấy chữ "quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần", với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ *cố, tại, vọng, phản, hướng,* em chọn lấy chữ phản mà đánh mà làm thành ra câu: *Quân hướng Tiêu Tương ngã phản Tần,* thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

(Trích *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân, bản Thời Đại, Hà Nội, 1943, tr.68).

Một tỷ dụ khác... Nguyên hôm ấy, lão Phó sứ cho thả năm chữ: *"cầm, thủ, đan, thiếp, sầu"*, trong một câu thơ mà lão vòng chữ đầu. "(vòng) *tâm duy hữu dạ đăng tri"* kể cũng khó đánh đấy chứ. "Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ biết cho tấm lòng gì?" Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sầu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mụ Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ "Cầm" rồi mụ thánh thót bấm khẽ mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ "cầm" và hôm ấy tôi đặt hai chục được sáu chục (VBMT, tr. 82, 83)

Một đôi khi pha thêm nghề đàn, nghề cờ, nhưng bao giờ cổ nhân cũng không biết trọng hai nghệ thuật này, và thường xem đàn, kỳ là những lối chơi có hại, không nên mê mệt vì nó.

Thứ hai là cuộc phụ tiên. - Nhiều người đọc, ngâm những thơ Lý, Đỗ để luyện đồng. Đồng tử là người cầm bút bằng cây đào, chờ khi hồn tiên nhập xác thì đồng tử vạch bút xuống mâm gạo, mâm cát: "hạ bút thành chương"... lắm khi cũng có chuyện huyền hoặc giả dối, cũng lắm khi nhận được nhiều bài thi khá xuất sắc đến nay còn truyền tụng. Càng gần khoa thi, các cuộc phụ tiên càng thịnh. Đây cũng là một lối chơi thơ, chú trọng về nghệ thuật hơn là cầu lợi (vào khoảng năm 1925, tại Sài Gòn thích chơi "xây ghế" cũng một loại như phụ tiên. Lấy cái bàn mặt tròn, chưn giữa chia ba cẳng, rồi ngồi chung quanh bàn, trên bàn có đốt một cây nhang, hai bàn tay mỗi người đều đặt lên bàn cho giáp nhau thành vòng tròn, một người đọc lên một bài kệ xây ghế rồi giây lát bàn rung rinh, tự nhiên lấy chưn gõ cộp cộp, giao hẹn gõ một là A, gõ hai là B v.v... và ráp lần thành câu có nghĩa). Đêm 25-8-1925, đàn Cầu Kho xin được hai bài như sau: Thuật thế sự. - Kỳ nhứt.

Âm dương tuy cách cũng trời chung,
Thấy trái nên đây mới tỏ cùng.
Thất dạ thuyền xưa không đậu bến,
Đau lòng hạc cũ chẳng về tùng.
Cúi đầu đành chịu thân trăm tuổi,

Thả thơ còn có *cách đánh chữ chân* là câu thơ bảy chữ; đem vòng chữ thứ bảy cho làng đánh thì gọi đánh chữ chân (VBMT, tr. 90). (xin xem VBMT, còn nhiều đoạn hay lắm, không trình ra hết được) Các bản đã có: Tân Dân 1940 Thời Đại 1943, Đắc Lộ Thư Xã 1945, Trúc Khê Chính Ký 1951 và Cảo Thơm 1962.

Ngước mặt ngơ trông bặt chín trùng.
Mạnh yếu há ngồi cam phải vậy,
Hay chi cá chậu với chim lồng?

(25-8-1925, xưng tên: Thanh Sơn, 48 tuổi, chết, quán Long Hồ). Qua vài ngày sau cũng trong tháng Tám, Tiên cho thêm bài này nữa:

Chim lồng bao thuở lại non xanh,
Ngóng mắt trông vơi chốn thoát mình.
Dựng nước không ai tài tướng lược,
Liều mình thiếu kẻ đáng hùng anh.
Vầy thuyền chi sợ cơn dông tố,
Hiệp chủng còn hơn cuộc chiến tranh.
Gìn dạ chờ Châu về Hiệp Phố,
Nỗi mình sự nghiệp mỗi tan tành.

(Hai bài thi xây ghế, từ năm 1925, mà đọc nghe như chuyện hiện tại, không đủ sức và cũng không dám phê bình, nay xin chép ra đây làm tài liệu).

- *Thứ ba là cuộc hát ả đào,* vừa để nghe giọng ngâm trong trẻo, tiếng đàn du dương, vừa để có dịp chung vui với các bạn xa nhau hay vắng mặt lâu ngày. Những bài hát NGUYỄN CÔNG TRỨ, DƯƠNG KHUÊ còn lưu truyền mãi với thời gian. Đại để tiếng trống nhà Nho lấy ung dung tao nhã làm hay, không tục tằn cũng không bợm bãi.

- *Bốn là cuộc đi tắm.*- Mới nghe dường lạ tai, cho là quái gở, há chăng thú đi tắm biển là mới có đây thôi? Kỳ thực, trong làng xưa, nơi nào có hồ trong ao sạch, có phong cảnh nên thơ, thường hẹn nhau hội hè bạn đi tắm. Tuy nhiên trong lúc tắm

đua nhau bơi lội, dè đâu cũng là một lối thể thao bất ngờ của cổ thời. Tắm xong bày ra đánh cờ, hoặc bình văn, nhắm chút rượu, đề bài ký. Sĩ phu phần nhiều chí ở bằng hữu, ở văn chương, không chí ở tửu nhục. Đây là thực hành câu *dục đức tảo thân* (từ bỏ những điều dơ bẩn, để nuôi đức tốt trong thân).

Kể từ sau đây, Á Âu chung đụng, văn minh thêm phức tạp nhưng tan tác ra nhiều phương diện và chưa được điều hòa...!"

*

* *

Bài của cụ *TÙNG VÂN* đại khái là như thế. Không thấy kể cho ta biết tỷ dụ *thú đánh đầu hồ* ra sao, bầu gỗ để đánh đầu hồ hình dáng thước tấc như thế nào? (năm 1955, tôi có dịp ra Huế đô có thấy bầu gỗ của đức DỰC TÔN, sẽ hứa tìm hiểu sau này). Lại nữa, như *phép bắn giàng* là gì? Bia để cách xa mấy thước? Phép bắn ra sao? Còn như thú vui bắt chim bằng nhựa gắn trên cây, chim đậu vào đó mắc nhựa, hết phương bay được, mà thứ nhựa ấy làm bằng chất gì? Hoặc thú giải buồn, vò đạn đất, để trong ống đồng thổi hơi ra mạnh đủ bắn chim, ống này dài, lớn bao nả? Hoặc thú dắt chó đi săn thịt trong rừng rú (Như giống chó cù lao Phú Quốc, nực cười trong bộ *QUE SAIS-JE?* của Pháp vẫn khen tài danh khắp hoàn cầu, thế mà tại xứ này giống Phú Quốc vẫn bị thiệt thòi, người có bề thế vẫn nuôi chó lớn con, ăn nhiều tốt mã, *Danois*, hay *Berger Allemand* mới quý). Những cuộc vui ấy đều gác ngoài luận đề, vì đó là *thú tiêu khiển* của hạng võ sĩ, không phải của văn nhân.

Xưa kia, quan niệm rất khác với quan niệm ta ngày nay. Xưa gọi để móng tay dài là tượng trưng của người sang cả, vì hiểu rằng người nhàn nhã phong lưu không làm động đến móng tay! (Thảo nào ngày nay, bàn tay của người Việt vẫn nhỏ xương hơn của người Âu Tây, giữa hai người Tây Nam đo bề cao bằng

nhau!). Các môn thể thao, dượt võ nghệ, đánh quyền (quờn), cỡi ngựa, vận động thân thể đều là những môn không xứng đáng cho hàng nho sĩ quan tâm đến.

Bởi quan niệm của xã hội ông bà chúng ta như thế, thảo nào đàn ông Việt mảng nằm học mãi đến *dài lưng, tốn vải,* còn đàn bà Việt vì nuôi chồng gánh gạo vất vả cho nên *tiếng khóc nỉ non.* Những cảnh giống mạnh để cho phái yếu làm việc nuôi ăn vẫn không chướng mắt. (Ba bốn chục năm về trước, còn thấy trên đường Hà Nội, cảnh người võ phu lực lưỡng nằm chình ình "khỏe thân" trên xe tay, còn dưới đất là một người đàn bà yếu ớt cong lưng đẩy hoặc kéo đức ông chồng (*chồng là chúa, vợ là tôi* mà ly!).

Bởi sĩ phu trọng thuyết *không làm động đến móng tay* cho nên ngực lép lưng gù, ốm tong teo lại còn hãnh diện ấy đó là bộ tướng học trò, dòng giống Nho gia!

Ngày nay, ta đã thấm nhuần văn minh Âu Mỹ, chúng ta biết luyện bắp thịt, luyện hơi thở, và khi thấy cần, cũng biết dùng võ lực, võ thế judo thay cho lời nói suông, chúng ta quen đủ các môn thể thao tân thời, nhưng thử hỏi qua những thú vui của cổ nhân, thì riêng tôi, tôi lấy làm bối rối và mắc cỡ.

Vả lại lớp người xưa để lại rất ít tài liệu... *TANG THƯƠNG NGẪU LỤC* chẳng những hiếm có mà cũng hiếm người kiếm để đọc.

Lớp tiền bối cách đây không xa mấy thì cũng rất hà tiện lời nói và viết lách. Các cụ tuy không chê dè, nhưng vẫn không thích chép để lại... Họa chăng quyển *VANG BÓNG MỘT THỜI* cứu vớt đôi phần bằng vài nét chấm phá tài tình nếu không nói là độc đáo, nhưng bao nhiêu ấy đâu thấm vào đâu? (Chuyện ăn cướp luyện đòn "bút chì", chuyện lão ăn mày ghiền trà dạy tôi nhiều hơn trăm bộ sách nhảm). Thêm nữa, là cái nạn tập võ

nghệ, tập đánh roi đi quờn, múa kiếm, đời Tây nó cấm, nên lu mờ rất mau.

Như vậy, muốn đi sâu vào đề, tưởng không nên đòi hỏi quá nhiều. Một bài luận dẫu dài thế nào, cũng không tả xiết những thú chơi thời xưa, và như vậy trách cụ TÙNG VÂN thì đắc tội lớn với cổ nhân.

Để kết luận, nên nhớ xưa chỉ biết học một nghề văn là quí trọng nhứt. Người học trò chỉ luyện trí nhớ cho tinh, và xem thường trí thông minh; không chịu sáng kiến và tuyệt nhiên không biết trọng dụng môn thể thao.

Phương pháp tân thời thì tập luyện gân cốt cho nở nang, tập uống rượu mạnh cho máu thêm nóng, dễ điều hòa. Trái lại, những thú chơi cổ thời là cốt để luyện chí cho thêm bền (tập đánh đầu hồ là tập tánh nhẫn nhịn, không nên nóng nảy), các thú như bắn giàng, phóng lao, cốt luyện tâm cho thật vững, luyện tinh thần cho cứng rắn, không cốt luyện thân thể và không biết lấy đó làm môn vận động. Xưa ghét phô trương sức mạnh (đàn bà ép ngực, đàn ông sợ người thấy mình có tướng võ phu). Nho sĩ chê các nghề dùng đến tay chân sức lực là hèn, không xứng đáng đối với con nhà học trò. Trên ba mươi năm về trước, quyền Anh có đem ra so tài với võ ta trong một cuộc thử thách nẩy lửa (Amadou thí võ với TẠ ÁNH XÉM). Võ Anh chỉ nội hiệp đầu đã làm cho thầy nghề võ ta thở chẳng ra hơi, vì chưng kém luyện tập mà tài cũng khó hơn. Tuy vậy khi ra khỏi võ trường thì tài nói khoác không đâu bì: nào tài tay không chẻ trái dừa bể hai, tài tét củi khô không dùng dao rựa, tài có quả đấm thôi sơn phá vách tường gạch trong vài ba đấm, và ngón "xìn tá" (thần đả) dùng ngón tay xoi tường trổ vách như chơi...

***

Nay đã không còn người giỏi, mà tôi thì không đành để lạc

mất dấu tích các nghề nhỏ phong lưu xưa của ông bà.

Bởi vậy, nay tôi biết được món nào, xin nói về món ấy cái đã. Tôi ước ao sau này sẽ có người bổ túc, dạy thêm, nhứt là các môn ít ai biết như: đánh đầu hồ, bắn giàng, bắn ná, v.v... vì đó mới là văn hóa Việt.

Nãy giờ nói đã nhiều: tôi không dám dài dòng, giỏi tài chỉ trích... Việc dẫn chứng các thú phong lưu cũ mới, còn ở những chương sau.

Gia Định, ngày 24 tháng 5 dl. 1961

BẮC CẦU CHO XƯA NỐI VỚI NAY

1. NGƯ :

Ngư phủ đứng giữa trời, thênh thang trên mặt nước: vì thế tầm mắt rộng bao la: *Đố ai biết được tấm lòng vò?*

Cổ nhân để *NGƯ* đứng đầu bốn thú.

2. TIỀU:

Tiều phu vác búa vào rừng, núi, làm bạn cùng hoa chim lạ, cảnh thần tiên. Tuy vậy còn tù túng trong xó rừng, trũng đá, kém *NGƯ PHỦ* một bực, nên sắp hạng nhì: *NGƯ* rồi *TIỀU*.

3. CANH:

Nông phu thảnh thơi ngoài đồng áng, nghêu ngao trời nước, mấy mẫu ruộng thừa kế, vài gian nhà cỏ lưu truyền, mồ mả ông cha tụ nơi đó, cổng làng mỗi bữa vào ra, lũy tre xanh che chở, an phận tùy duyên, nối nghiệp tông đường, có công xây dựng và bảo thủ nước nhà, tuy thua *NGƯ* và *TIỀU*, nhưng chiếm hàng thứ ba trong xã hội cổ: 1. *Ngư, 2 Tiều, 3 Canh*.

4. ĐỘC:

Kẻ sĩ đọc thơ, mặc dầu có học, nhưng bạn cùng đèn sách trong tối, vùi đầu trên trang giấy, càng nho sĩ lắm, càng ít ra đường, ở trong tháp ngà thét rồi ngực lép lưng gù, sao được vai rộng, ngực nở như *NGƯ, TIỀU, CANH, SĨ* là đọc thơ nhân, đứng hàng thứ tư là thậm phải.

1. Ngư, 2 Tiều, 3 Canh, 4 Độc [1]

---

(1) Thuyết khác, thay vì đọc sách, kể môn vui thứ tư là nghề chăn: ngư, tiều, canh, mục. Thuyết này phải chăng do bọn du mục phương Bắc: Mông Cổ (Nguyên), Mãn Châu (Thanh) truyền ra và cũng phát sinh từ hai đời này về sau?

Trong xã hội cổ Trung Hoa, người làm nghề buôn bán *(thương nhân)* đứng vào hạng chót trong bốn hạng dân của xã hội cổ thời, vì *thương nhân* ít mến quê hương, *chỗ nào làm ăn khá, chỗ ấy là nhà, là xứ.*

Người làm nghề bằng tay *(công nhân)* không mấy khi xuất dương, ở đâu ở đó, ít dời chỗ, đứng trên *thương nhân* một bực.

Đáng ra, người làm ruộng *(nông phu)*, ở trong xã hội cổ Trung Hoa là người có công nhiều nhất: sanh, sống, ở ăn, già chết đều ở trên thửa ruộng cha truyền con nối, lẽ ra như vậy, *nông phu* đáng được sắp vào bực nhứt trong xã hội đời xưa...

Nhưng cổ nhân, Khổng giáo, đã nghĩ đáo để và xét rằng *nông phu* không thông thái bằng *sĩ phu*; lại nữa luận cho chí đáo, Sĩ là *nông thông hiểu chữ nghĩa*, nên sĩ đứng đầu, trước Nông, Công, Thương. (Nguyên do, đời nhà Châu, *sĩ phu* là dòng phái tộc Ân-Thương sót lại, vừa biết thờ phượng, vừa biết bói mưa, coi gió, biết trước lúc nào làm mùa, gieo trồng, gặt hái phải thời...)

Vì thế, xã hội cổ Trung Hoa sắp hạng bốn dân:

1) Nhứt Sĩ 2) Nhì Nông

3) Tam Công 4) Tứ Thương.

*

* *

Sau tám mươi năm Pháp dành chỗ, xã hội Việt Nam sanh thêm bốn hạng dân mới:

Dân thầy, dân thợ thuyền, dân thành thị, dân thôn quê, gọi tắt: dân thầy, dân thợ, dân chợ, dân quê.

Trong dân thầy có hạng dân ông; trong nhà quê kẻ chợ có chân lấm tay bùn: *dân đen*, và hạng thường dân: *xích tử*.

Gì thì gì, họ đều vui những thú mộc mạc như nhau:

- Lấy chọi gà, đá cá thia thia để quên thù gia vong quốc phá...

"NƯỚC NAM CÓ BỐN MỸ MIỀU:

"*KỲ* thêu, *NGẠN* vẽ, *TAM* tiêu, *DÙNG* đờn.

Kỳ, Ngạn, Tam, Dùng là tện bốn nhơn vật phong lưu cựu trào giỏi về thêu thùa (Kỳ), về vẽ vời (Ngạn), về thổi tiêu (Tam) và về đàn địch (Dùng). Nhưng bốn nhơn vật ấy sống về đời vua nào? Chúng tôi xin chịu dốt.

*

* *

Ngày nay, chiều chiều vẳng nghe anh thợ nguội hàng xóm lên dây lục huyền cầm I Pha Nho (Tây Ban Nha) dạo mấy khúc não nuột, phong lưu có kém gì ông ký láng giềng duỗi lưng trên sập gõ, thả hồn theo làn sóng điện rỉ rả du dương:

Cô *MINH TRANG* nỉ non *ĐÊM TÀN BẾN NGỰ*,

Cô *BA ÚT, NĂM SA ĐÉC* ai oán lớp *PHỤNG NGHI ĐÌNH*, hát Nam xen hát Khách, ai là người thưởng thức sính tài?

Với nhẫn nại, với thời gian, chúng ta hãy tìm hiểu những thú vui lớp trước.

CẦM

Trong bốn thú phong lưu cũ, cổ nhân sắp nghề đàn đứng trước, có lẽ vì *đàn hay* có thể làm cho tâm hồn thơ thới, nhẹ nhàng. Đàn khả dĩ *dưỡng tâm dưỡng trí.*

KỲ

Xưa con vua Thuấn ham chơi quên việc nước. Thuấn dạy đánh cờ, đem con về đường chánh: Cờ đứng bực nhì.

THI

Xưa cổ nhân xét thấy làm thi không khó: có học là ắt biết làm. Sánh kỹ, người học trò đàn cho tươi, cờ cho cao, có hoa tay, thì rất dễ. Vì lẽ ấy, sắp hạng: cầm, kỳ, rồi mới đến thi.

HỌA

Nghề vẽ đứng hạn tư, vì hễ chữ viết hay, là vẽ họa khéo léo, hai nghề đi đôi, mà chữ để sinh nhai, họa theo xưa, chỉ để tặng anh em chớ không bán lấy tiền...

Ngày nay, bốn nghề ấy càng lu mờ: đàn địch đã có Tivi (máy truyền hình), máy radio, dĩa hát thay thế; giỏi cờ giỏi thơ chưa đủ kiếm cơm; nghề vẽ lại bị máy chụp ảnh đoạt công. Người nào tinh luyện được một, đã là *phong lưu ra phết*. Nếu trên đời phải có một thú vui nào để dưỡng tâm thì tôi xin khuyên tìm vọc qua nghề mới, dễ học dễ quen tay. Những nghề mới ấy là...

PHẦN THỨ NHỨT

THÚ NUÔI CHIM

Thị tại môn tiền nảo
Nguyệt lai môn hạ nhàn
(Đường Thi)

THÚ NUÔI CHIM [1]

NGƯỜI MÌNH có tánh thích chơi chim.

Tôi góp nhóp được bao nhiêu tài liệu này, kinh nghiệm có mà nghe thấy cũng có, nay xin chép ra đây, nhờ người cao học biết thì chỉ giùm thêm.

Nuôi kéc.- Không mấy ai nuôi lồng: kéc mỏ rất bén, lồng sắt lồng thép chắc đến bực nào, cũng không lại nó: kéc gặm thét rồi lồng cũng phải hư.

Nuôi kéc, người chủ xích cẳng vào một nhánh gỗ cứng, uống hình vòng nguyệt, trên có móc sắt nhỏ để tiện treo trên trần nhà, gợi cảnh *chim đứng trong cung trăng*; hoặc làm giá kệ có nấc thang, chim mặc sức leo trèo. Giá kệ này rất tiện lợi, có chơn đứng vững vàng và rất gọn; muốn dời chỗ nào tùy thích, muốn xách đem đi đâu cũng tiện.

Bị xích giò vào xiềng bạc, kẽm hay xiềng xì-kên, kéc đánh đu trên nhành, lần qua lần lại, giang san chỉ nội bao nhiêu đó. Ly-tiết mắc vòng, mấy cơn giận dữ qua, gặm không khờn, cắn không hầy hấn, kéc duy nuốt hận, sẵn bắp nguyên trái, chuối chưa lột vỏ, bèn tha hồ ăn học nói. Có con nuôi lâu, nhái hệt giọng người lớn trong nhà, ồn ào khó chịu. Quên mình điểu thú, lên mặt *song tàn*, mắng tớ quở trẻ em ỏm tỏi; ai lạ mới vào nhà, thoạt nghe tiếng trách phạt oai nghiêm, giật mình tưởng chừng nghe giọng người quen đứng ở đâu đây!

Nhưng nhái được tiếng người, có khi kéc chết cũng vì lên mặt thông thái. Có sách kể chuyện một con kéc Jacot nói giỏi, hiểu biết đủ điều. Ngày kia, nhảy nhót liến khỉ thế nào, kéc thoạt làm ngã cây đèn dầu vào mình. Dầu bắt cháy lông, kéc la

---

(1) Có đăng ký đầu trong tạp san BÁCH KHOA số 37 ngày 15-7-1958.

thất thanh, hết *"Bớ ông, bớ bà"*, rồi *"Bớ bà, bớ ông"*, người trong nhà quen lệ nhàm tai, không một ai để ý cũng không một ai tiếp cứu. Tội nghiệp, đến chừng nhận được sự thật, thì kéc ta đã rô-ti!

*

* *

Có hàm ý gì chăng, cái câu:

"Chiều chiều bắt kéc nhổ lông,

"Kéc kêu bớ Tự, sao mày bất nhơn?

Nghe lại câu hát đưa em này từ đất Huế xuất phát ra. Xa xôi bóng bẩy, hàm súc trữ tình. Ý nhị thật. Nhưng có dính líu gì chăng với cái chết của ông Hồng Bảo? Sao dám kêu huỵch tẹt: Tự này, Tự kia? Câu này nghi làm sau này sửa lại cho sát đề; sơ khởi ắt không phải làm vậy.

Kéc chia ra nhiều thứ nhiều loại, lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, khi gọi *anh vũ*, khi gọi *con keo, con vẹt*, nhưng tiếng *kéc* là thông dụng nhứt.

Xin đừng lầm với *Két*, chữ này không có trong từ điển Huỳnh Tịnh Của, nhưng trong bộ GÉNIBREL chua rằng: *mồng kết*, espèce de canard sauvage.

Vào thời xưa, ở bên phương Tây, chí đến nay, ở Nhựt Bản và xứ Mông Cổ, vẫn còn giữ tục nuôi chim ưng để đi săn. Và phần nhiều các vương hầu, nhà quí phái đi săn, nơi cổ tay hay bả vai, thường đeo miếng da dày dành cho chim ưng đậu không rách thịt.

Có tích bên Âu Châu, vua chúa xưa rất thích thú phong lưu đi săn bằng chim ưng. Con GERFAUT là loại chim ưng xứ Na Uy và Islande rất được trọng vọng. Sách *Origine des animaux*

domestiques của René THEVENIN, trong bộ *Que sais-je?* có kể chuyện một ông vua ngày xưa bị phe đối thủ sanh cầm. Bầy tôi bắt con chim ưng danh tiếng đem đổi mạng, chuộc được vua về! Mạng vua không quí bằng chim, thấy chưa?

Trung Hoa và Nhựt Bản *nuôi cồng cọc, nuôi cò*, tập cho lặn hụp dưới nước, bắt cá bắt tôm; bắt được mồi lại phải trồi lên nạp rắc rắc cho chủ; muốn nuốt trộm cũng nuốt "không vô" vì thằng chủ mắc toi đã tròng nơi cổ một vòng bằng gỗ cứng chận ngoẻn: làm việc có công, lúc mãn cuộc, chủ thưởng cho vài con cá ươn, tép chấu,- cho con nào hay con nấy, muốn kén cũng không kịp, trời đã chiều, mà nào dám so đo, bởi tấm thân trong vòng nô lệ; cảnh khéo nực cười:

Chim trời bắt cá biển cung cấp cho người thế gian!

Cái nghề nhẫn tâm nuôi chim tập bắt cá làm kế sinh nhai, bên nước chúng ta chưa ai bắt chước.

Nuôi nhồng, nuôi sảnh, nuôi sáo sành, sáo nghệ, sáo trâu, thì sắm lồng tre lồng trúc xinh xinh, lồng sắt sơn son, lồng thép thau có đậu bông bắt chỉ ngộ nghĩnh. Các loại chim này, lưỡi mềm (trừ sáo trâu dở hơn hết), khéo học nhái được tiếng người. Đôi ba tháng, thấy chim biếng nói thì biết lưỡi nó đớ đi, vì có một lớp da khô đóng mo ngoài chót, lưỡi không mềm mỏng như ngày thường: những lúc như vậy, chim biếng nói biếng ăn. Phải lột lưỡi, lấy móng tay khều kỹ lưỡng cho tróc lớp da cứng kia đi, đoạn gỡ nhẹ nhẹ lấy cái vảy mày thì lưỡi mềm lại, nội vài ngày, lưỡi hết ê, chim lành mạnh líu lo đỏ đẻ như xưa...

Thật vậy, có nuôi chim mới biết thương chim. Ban trưa giờ vắng, có con giỏi, nhái hệt giọng người, tiếng kêu lảnh lót *chè khoai, xe kéo*, báo hại mấy chị bán hàng nhí nhảnh, lo ra, cất gánh chạy te te, tội nghiệp nhứt là chuyện này xảy ra đã trên

đôi mươi năm, là chuyện mấy chú kéo xe kéo già thiếu nhựa ngồi ngáp gió dưới gốc cây, tiếng đâu thé thé bên tai, tưởng chừng bắt được mối xộp, giật mình xách gọng bò lê bò càng chạy lại, chừng biết mình lầm tay con linh điểu, xách gọng xe bẽn lẽn, bộ mặt bí xị, trông lỡ khóc lỡ cười.

Khi tôi còn thơ ấu, cha mẹ tôi ở chợ Sóc Trăng, nhà ba căn mát mẻ, trên đường "Hàng Me" sau đổi làm đường Đại Ngãi, và nay là đường Hai Bà Trưng. Ngoài hàng ba, cha tôi có nuôi con nhồng núi, lông mướt sẫm đen huyền, cổ thêm có khoang vàng hực như cổ chị Mên ở Sốc Thổ mới ra. Trưa trưa, nhồng ta cất tiếng nhắc chừng gọi tôi xách cặp đi học. Vẫn kêu xách khóe y hệt giọng gia nghiêm. Bây giờ cha tôi đã mất (mất ngày mồng hai tháng chạp năm Canh Tý 1961), tóc tôi đã bạc màu, thế mà mấy tiếng nhồng kêu: *Bớ Sển! Bớ Sển!* văng vẳng bên tai như mới ngày nào.

Nhồng, sảnh, sáo, nuôi lâu năm, chủ vừa mến vừa thương, có lẽ còn mến thương hơn con đẻ trẻ nhà, - thì chim chết cóng, công phu nuôi nấng chỉ còn không đầy một nắm lông xương! Không đau ốm chi hết, chỉ một tật "đau bụng". Đang nhảy nhót hát rân, thoạt nín nghẹn trân trân, đứng đờ rồi té ngửa xuống đáy lồng, hai cẳng đưa lên trời, hai cánh đập bạch bạch, giãy tê tê ngáp gió... Mấy lúc như vậy, chủ nuôi đừng quýnh, nếu biết kịp, cứ bắt chim ra vạch mỏ, thổi vài hơi người vào họng chim, lấy tay vuốt ve kéo giò giương cánh, tiếp hơi cho chim y như phương pháp cứu người chết đuối. Một đôi khi may ra biết sớm, chim bắt hơi lướt khỏi cơn xung bệnh, sống lại được hay không cũng chưa biết chừng. Chớ cũng chưa nghe thấy danh sư nào tài ba dám vỗ ngực lên bảng chẩn mạch khui toa cứu chim "mắc gió"! Bằng như rủi ro, chim chết, thì cứ đổ thừa *chim trúng gió độc, chim đau bụng, chim nhớ núi nhớ rừng*. Rẻ hơn nữa là y như giọng mẹ bù trẻ, lên mặt thầy đời, hô to: *con chim nó tới*

số! Tôi thà chịu cái giọng dốt đó hơn là nghe lời ông nào đây cắt nghĩa rất khoa học rằng: *Chim chết vì lâu ngày ở tù túng trong lồng, không được ăn sinh tố "vitamine" trên rừng sẵn có.*

Buồn đi một lúc lâu, rồi như còn mắc nợ đời, sẵn lồng quen thói, người chủ gặp dịp khác, mua sắm chim mới, tiếp tục nuôi lại nữa. Muốn nói đó là *thú phong lưu* chơi chim, hay là căn quả, nợ kiếp trước, làm mọi cho chim, nói sao tùy ý người ngoại cuộc hay ở trong vòng.

Nhồng núi, trong Nam có loại ở Cao Nguyên, Bến Cát, Trảng Bom, Tà Lài, Bù Đóp là danh tiếng nhứt. Cũng nên biết là chim có tánh quen ăn do một người đút, nếu người đó là chủ chim thì không nói đi đâu được với nó. Cũng thì mồi ấy mà thay tay, không biết ý chim, thì lắm lúc con chim quí chết ngay. Không biết ý, cho ăn sái giờ, sai cách thức, thì chim cũng ngủm cù đèo. Một điều khác nên nhớ là muốn nuôi chim phải lựa nuôi từ nhỏ, chim còn bụng cứt, thì sau này chim khôn theo ý mình, đừng ham mua chim khôn sẵn về nuôi, chủ nó cho ăn cho tắm thế nào, giờ nào mình không biết thì toi tiền thêm tiếc. Những lúc ở không, mỗi ngày lấy vài giờ nuôi chim, săn sóc nó làm *nhàn hạ*, nhưng những khi có chuyện muốn vắng nhà ít lâu không được thì mới thấy tự mình chuốc vạ vào thân.

Không kể bọn làm nghề bói bài, bọn thầy phù thủy nuôi quạ, nuôi chim ụt, chim mèo cho cảnh quanh mình thêm rợn, tội nghiệp mấy con chim nhỏ loại áo dà, manh manh, "thầy bói" "bạc má", của mấy anh bói quẻ thẻ ngoài đường: đợi khi có khách cầu tài, cầu gia đạo, lão thầy tay với kéo cánh cửa lồng ngăn bên trong, con chim tập sẵn lách mình chun ra, chạy lại xấp thẻ, như a ý khúc tùng, gắp lên một tấm, ngó lão thầy; lão với tay lấy thẻ, "ban" cho một hột thóc bủn xỉn, đoạn chim trở về chỗ cũ, nếu ngày ấy vắng khách thì, nếu tôi là chim, thà liều mình chết phứt để đầu thai lớp khác, sướng hơn là chịu cảnh

mãi ăn gạo đếm hột và trọn đời kiến cắn bụng không thôi.

*

* *

Nuôi chim chìa vôi, thì phải ra công săn bắt bò cào, châu chấu, đào đất lượm trùn cho chim ăn. Thậm chí người nhà mua được miếng thịt bò, của không đủ mèo ngửi, mà cũng lén lút thẻo bớt vài miếng ngon cấp cho con chìa vôi yêu thích [1]. Độ trước, ở tiệm thuốc Bắc lớn, người Tàu vẽ duyên có bán một loại sâu nhỏ phơi khô, màu đo đỏ, cân bán từng ly từng chỉ, giá thật mắc mỏ, thứ sâu này quên mất không biết tên gì, nhưng lại tiệm hỏi thì họ biết liền. Nuôi chim loại chìa vôi, thỉnh thoảng cho ăn thứ sâu này thì chim mau sung sức, mập mạnh, tươi lông mướt cánh. Ngày nay người nuôi chim phong lưu tài tử đã đỡ khổ nhiều. Dân Sài Gòn ngày một thêm đông, nên xoay trở đủ nghề. Họ khéo ra công bắt bò cào, dế mèn, sáng sáng tề tựu nhau bày bán nơi *Chợ Chim*, chợ này mới tụ hội cách nay không lâu mấy, ở khuỷnh sau trường Bá Nghệ, đường Kinh Lấp (Hàm Nghi), giữa khoảng hai con đường Pasteur và Công Lý. Văn minh hơn một bực là các tay hưu quan an nhàn, từng đọc sách Pháp, biết gây giống *sâu bánh mì*, biết mua hột cỏ Tây về trồng, hái hột bán kiếm xu bộn bộn. Trong chợ chim, cũng gọi *Chợ Trời* hay *chợ lộ thiên*, thấy có bán chó đắt tiền, con mèo tam thể, cây mai bông trắng, mỗi gốc đề giá sáu ngàn đồng

---

(1) Tôi còn nhớ trong hát bội, có câu này, (trong câu có đủ trầu, cau, vôi, thuốc):
"Chim chìa vôi bay ngang đám thuốc,
Cá bã trầu lội tuốt mương cau".
và ai lại chẳng biết câu bất hủ:
"Chim quyên xuống đất ăn trùn
Anh hùng lỡ vận, lên rừng đốt than".
(ám chỉ tướng TRẦN KHÁNH DƯ khi thất thời).

(nhưng vẫn chưa thấy ai "rinh"), và tạp nhạp đủ thứ, có cả thuốc sán lãi rẻ tiền và sách lạc xon bán không chạy, nhắc lại trong chợ chim này thường thấy người tay xách lồng sang, tay ôm hộp đựng thức ăn của con điểu cưng, chen vai cùng thầy nọ hấp tấp vì còn phải vô sở làm, nay ghé tạm lại đây cốt để mua gấp ít ngoe bò cào, dế mái, cũng không dám se sua bề bộn sắm hộp sắm túi, duy giấu đỡ mấy con này trong bao thơ cũ, hay vỏ hộp quẹt không, để đợi mãn giờ về nhà sẽ cung cấp cho con chim câng. Chợ chim có khách đủ hạng, khách thích chơi chim cũng có, mà bợm bãi lái chim cũng có, chuyên nghề xách lồng thật đẹp giả mặt người sang, kỳ trung là "thằng bán chim vô hạnh", trong lồng bẹo con bạch yến giả mạo, khoe đây là con yến Nhựt Bản mới mua về, lông *xác pháo "chánh hiệu"* nhưng giá nào y cũng bán, ai rớ tới nó thì nó không buông tha, vì như đã nói, đó là con chim giả, *lông phun nước sơn*, ai mua về nhà vài ngày là lộ tẩy. *Chim sơn* đã có thì *chó sơn lông* cũng có, tính coi chó gì đầu là đầu chó xi chó ghẻ, lưng lại lốm đốm tròn tròn toàn những vệt đen huyền rõ khéo, thật tròn xoe, trổ hiện trên màu vàng hực bộ lông *vàng da cọp*, sau rõ lại đó là con phèn nhà ta giả làm con *kim tiền cẩu* đời nay. Kim-tiền-cẩu đời xưa là con thần khuyển có tài cắn giết yêu tinh quỷ my, con *kim tiền cẩu* tân chế đích thị là con chó vóc giạc dễ coi, ngày nọ chủ thấy nó "tốt bộ", bèn mặc cho một chiếc áo có khoét lỗ sẵn lốm đốm tròn tròn như đồng bạc, rồi sẽ lén đưa nó lại tiệm sơn xe máy xe đạp, trả một số tiền phải chăng, độ một giờ sau dắt chó ra khỏi "lò phun sơn điện" rồi có thể đưa luôn chó lại chợ chim, duy phải nhớ đừng gấp lắm không nên, vì còn phải đủ ngày giờ thủ tiêu cái áo chó ban nãy, và đủ ngày giờ cho con chó khô lông. Nơi chợ chim, đã nói chó phèn, chó cò trở nên "Kim tiền cẩu", thì loại mèo bốn chân cũng có thể tháp tùng theo chủ và loại chó "xa-lông" bỏ túi, cũng lóc cóc theo mụ me Tây, me Mèo,

xem đi xem lại đó là chợ Đời, bán "chó ăn cắp", mèo bốn cẳng, mèo hai chưn đủ thứ! Nơi đây là Chợ Trời, chợ súc vật, mà cũng là chợ hoa, chợ ái tình, bán từ cây bông giấy màu trắng mới nhập cảng, cây hoa "ma-ní" lá xen xanh trắng như chiếc áo sơ-mi loè loẹt Phi Luật Tân, có bán rong cho cá ăn, hoa chớm nở, hoa sắp tàn, hoa mai bị đọa.

Người nuôi chim công phu không ai bằng. Trong lồng, sắm một mùng vừa đựng nước sạch, làm bể cạn chờ con nhồng nóng rực rỉa lông; sắm một mẻ cát sàng sảy kỹ càng cho con chim trời trưa tắm mát, có nước trong cát mịn cho chim rửa cánh vùi lông, tha hồ chim sung sức. Chủ nhà khuya sớm nhọc nhằn với chim (hỏi đối với người trong thân, được như thế chửa?) Và chờ khi chim khỏe sung, bộ tịch chăm hẳm, thì chủ xách lồng, hội hiệp bọn đồng điệu đồng chơi chim với nhau, cáp độ con chim nhà với con chim hàng xóm, con chim người mình nuôi với con chim do ngoại kiều rèn đúc có phương pháp, bày trò cho nó đá chọi đánh cắn với nhau, hơn thua bằng những cuộc đánh bạc giỡn tiền, mê mệt không kém đá cá thia thia, đấu kê hay là đổ bác.

Tại đô thành, luôn cả trong phố chật hẹp Chợ Lớn, tôi đã thấy tận mắt nhiều căn phố người khách trú ở, không lớn hơn cái vỏ hộp quẹt cây, không đủ chỗ hòng chưng bày hàng, thế mà chủ nhân ông dày công khổ cực, sắm lồng riêng nuôi đến bốn con chìa vôi, con này treo khít dưới con kia, và sáng sớm ông chưa lo dọn hàng, phải lo thay nước, phân phát lương thực từ con ngựa trời, châu chấu ngắt chưn, đến con giòi, con sâu bò lúc nhúc, công phu tỷ mỷ, tôi thấy rồi so sánh lại, riêng mừng cho mình, cứ mỗi sáng mỗi thức sớm lau quét o bế đồ xưa và sách cũ, đâu nhọc và đâu gàn bằng ông khách trú chơi chim này!

*   *

Có người nuôi *cun cút*, là giống chim nhỏ bé bằng nắm tay, thế mà gan lì còn hơn gan Triệu Tử.

Người khác nuôi *chim trích*, người nuôi *quốc quốc, le le*, ngỗng trắng; nuôi quen cho ở chung lộn với vịt gà, trẻ nhỏ lại gần nó cắn cho mà biết! Chiều le le lùa vịt vô chuồng thấy rất nên thương. Nuôi chó, chó táp người lạ, đưa nhau ra tòa, chủ bị phạt là thường. Nuôi trích, nuôi ngỗng: trích gặm rách da, ngỗng cạp chảy máu: chưa có luật pháp nào áp dụng phạt những tình trạng này, sướng chưa?

Tục ví *nuôi như nuôi cun cút*, độ chừng đoán biết cách săn sóc tâng tiu tỉ mỉ là dường nào.

Người thì nuôi *cu đất, cu cườm*: con nào gáy "cu cu" là thường sự. Con nào gáy tiếng hai, tiếng ba: "Rục cu-cu", có con gáy đến bốn tiếng, năm tiếng: "Rục cu cu... cu... cu", "Rục cu cu, cu cu... cu", những con ấy là bạc là vàng, chủ nuôi hãnh mặt khõe mình có con linh điểu. *Chim nhà tôi, nó gáy có hậu ghê!*.

Có con lại gáy lặp đi lặp lại nghe ngộ ngộ: "Rục cu cu, Rục cu cu... cu". Nếu ở trường, học trò thế ấy là thằng cà lăm vô dụng; đàng này nó là con chim, nên xứng đáng là con linh điểu! Mấy con chim như vậy là món nợ đời trong gia đình. Con trẻ rủi động tới là bị đòn nứt thịt; vợ nhà rủi tay làm sẩy thì còn sợ hơn mất vàng thoi ngọc quí.

Xưa có tích thằng nuôi gà chọi miệt Hốc Môn, bị trời trồng giữa ban ngày, cũng tại nó dám rượt đánh mẹ nó, chẳng qua bà này thương dâu, nàng dâu lỡ tay liệng khúc củi làm chết con gà cưng, tưởng nhận tội nó nghĩ tình mẫu tử mà tha, không dè tên nghịch nhi đi chơi về, hay mẹ giết chết gà, nó coi gà trọng hơn

mẹ, xách dao rượt chém, trời trồng cũng đáng!

Nuôi cu cũng thế... Viết đến đây tôi bỗng nhớ anh cựu hương chủ Trần Ngọc Lợi, tự Lỹ, quê làng Hòa Tú (Sóc Trăng). Năm 1946, vì phải tuân lịnh tản cư, tôi bèn lìa tổ ấm, bỏ chợ búa chạy vô ruộng quê, nương náu nhà anh chủ, dính dấp bà con bên vợ trước. Đến chừng có lịnh "triệt để tản cư" nữa, trong nhà anh Chủ ai nấy đều tay gói tay xách, cụ bị gồng gánh đem đồ quí xuống thuyền: mắm, gạo, nước ngọt, tính cuộc lâu dài, "đại viễn du" vô hạn định. Khi ấy, anh Chủ, vỏn vẹn không động móng tay, chờ đến giờ thuyền lui bến, một tay anh xách lục cu [1], một tay xách cây siêu đao, chễm chệ xuống thuyền, oai nghi như lớp *phó hội Châu Du*. Chúng tôi nhạo anh là ngông, anh cười chúng tôi là còn bận bịu mắc nợ đời, nào chưa dứt lòng trần, nào còn thương tiếc của tiền và chưa thoát tục. Anh chê chúng tôi không như ảnh lìa bỏ hết sự sản, thong dong rảnh tay rảnh nợ, nhẹ nhàng hồn.trí, mặc tình táu nhựa chơi chim, từ đây sẽ thi hành triệt để câu *cầm hạc tiêu dao!* (Anh Chủ ôi! Ngày nay anh đã là người thiên cổ, miệng nào ngạo anh cho đành. Ngày nay tôi nhớ lại lúc ấy anh cầm siêu đao dẫn mẹ chạy giặc, rõ anh là người con chí hiếu. Nhưng đêm hôm ấy Tây bắn già quá, anh quăng cây siêu đao của anh lúc nào, anh đâu còn nữa mà hỏi? Ô hô! Anh Chủ!)

Cũng độ ấy, trong lúc bình bồng tản cư giữa trời và nước, chiều ba mươi nhớ lại ngày mai này là mồng Một Tết, ngùi ngùi tủi cho cái Tết vong hương không pháo không lân, cũng không miếng đất nhỏ cặm nêu. Thuyền chúng tôi cắm sào đậu cửa Sông Lớn, tục danh Vàm Cổ Cò. Người người tuy xa nhà xa tổ ấm, nhưng đã là chiều ba mươi tháng chạp, nên trưa hôm đó

---

(1) Lồng cu có tên riêng là cái lục, có lẽ vì lồng che lá xanh tươi (lục) chung quanh lồng để nhái cảnh rậm rừng - Lục cu nhỏ bé và thấp vừa mình con chim chớ không rộng và khoảng khoát như các lồng chim khác. V.H.S.

không hẹn mà như một, thuyền nào ghe nào đều lo giỗ quải ông bà đạm bạc trên thuyền, cho đỡ tủi. Duềnh ngận bạc phận, có chút vậy mà an ủi vô cùng... Riêng anh Chủ, thong dong tự toại, ai mặc ai, sáng bửng tưng anh xách lục lên bờ mất dạng. Đúng ngọ, cúng rồi, cơm dọn ra mà anh vẫn không có thì anh em cũng khó mà cầm đũa. Thêm nỗi, giờ ấy là giờ *Sốc dậy*, người Thổ dân lộng hành. Đứng trước mũi thuyền ngóng xa xa thấy dạng những con người mình trần đen như cột cháy ấy đang quơ bổi đốt xóm làng và đang lùa bắt đàn bà trẻ con người mình, lại càng thêm thót ruột, trống ngực đánh lung tung... Chúng tôi đề nghị nhờ cậu trai út con anh Chủ lên bờ tầm cha, để mời anh xuống cho kịp buổi cơm và cũng kịp giờ lui bến tỵ nạn Thổ đốt. Tội nghiệp đứa con anh Chủ triệt để thi hành sứ mạng giao phó. Vô tận bụi cây xanh giữa rừng, thấy cha mình đang nằm khoanh tôm, nhịp đùi, núp dưới bóng mát, ca nho nhỏ bài "Thanh niên hành khúc":

Này thanh niên ơi!!! Chúng ta đến ngày giải phóng.

Anh Chủ giờ này khoái đến tột độ...

Cu nhà, trong lục, bo bo, kêu rúc...

Cu rừng, như có gì thúc đẩy, ban đầu "nhát đèn" rồi "mê trận", chuyền chuyền đáp đáp lần xuống nhánh thấp, định không còn mấy chốc nữa là "cho cơm" anh Chủ!

Anh Chủ, trống ngực đánh muốn bể, ngứa ngáy cùng khắp thân thể mà không dám gãi...

Giữa lúc ấy, sứ giả của chúng tôi, ngây thơ nào biết gì, phần bụng đói phần mảng lo *giặc đàng thổ cáp duồng* sứ giả của chúng tôi, chuyện đã tới bên trôn, nên không giữ gìn cẩn thận, không kể giờ phút thiêng liêng của cha, cứ việc bước tới... Lá khô dưới chân kêu sột soạt, anh Chủ trợn mắt dộc mà thằng

nhỏ bất chất... Bỗng một nhánh khô gãy dưới chân đứa nhỏ: cu rừng giật mình bay cái vù... Cu nhà, mất trớn, cũng thôi bo... Anh Chủ phừng phừng trỗi dậy, không kể phụ tử tình thâm, cũng không thèm hỏi lý do sự tình, xáng đứa trai út mấy tát tay tá hỏa hào quang. Rồi anh nhứt định bỏ bữa cơm Tết, tiếp tục dàn xếp dọn lớp lại, nhưng cu rừng "động ổ" đã bay mất dạng.

Báo hại chúng tôi ăn Tết ly hương mất hứng!

Mê gác cu đến nước ấy là cùng. [1]

Kinh khủng vì nạn thổ dân tàn ác, tác oai tác phúc, không biết giờ phút nào rượt kịp thuyền mình; hồi hộp cho một người anh kính mến, nghĩa hiệp, đang còn trên bờ rồi số phận sẽ ra sao, chúng tôi nao nao trong lòng, biếng nuốt cơm, biếng nói rằng, dè đâu đến đỏ đèn, các ghe thuyền chùm nhum một chỗ, thì thấy anh Chủ lù lù xách lục xuống ghe, an nhiên vô sự. Anh ngồi ăn cơm một mình, nghe anh em kẻ trách người móc, anh gật gù nhìn nhận: một mình anh làm cả thuyền lo sợ, cũng vì một con chim, giá thử bắt được, cũng không hơn hai bạc! Tưởng như vậy anh Chủ ăn năn... Khôn dè sáng sau hỏi lại, lục chim và anh Chủ đã lên bờ quyết "ăn thua đủ" với con chim rừng cứng cổ.

Nghĩ tới giống chim cu mà ngán. Quen lồng quen lục, mê ba hột lúa giẻ vàng tươm nhựa, mà sát hại giống nòi không tiếc tiếng gáy tiếng gù. Chủ đem ra rừng bụi, lựa chỗ êm thấm, che

---

(1) Nhớ câu: *Ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu*. Xét ra: làm mai là một, xa-nhe (signer) ký tên lãnh nợ vay bạc Chà là hai, chóng bị quên ơn, oán thì có... Còn cầm chầu vẫn ít ai vừa lòng, trên sân khấu cũng như dưới hàng khán giả. Đến như gác cu, câu chuyện như trên đủ thấu tâm tình, nhứt là không phải do tôi bày đặt. Nay nhớ lại từng tuổi này tôi đã vướng *đủ bốn cái ngu*. V.H.S

túp lá xanh giả cảnh lâm sơn, ngoài lục đánh cỏ phẳng phiu rồi gài lưới kín trên thả cỏ non cho dễ mà con mắt, mảnh lưới có tra sẵn sợi nhợ bí mật dài, anh chủ chim lôi nhợ ra ngoài xa ngồi núp bóng chờ thời, không khác *Thái Công ngồi câu sông Vị*. Trong lục mặc tình *"cu gù, cu gáy, cu bo"*, chim rừng nghe tiếng chim lạ đến xâm chiếm địa phận mình, sẵn tánh ghét tiếng gáy, mà cũng là quen thói cậy tài hay ỷ sức khỏe, không chịu kiêng dè, từ trên cao liều mình phóng xuống mổ cắn chim nhà. Mảng say cuộc tranh giành, quên đề phòng, anh chủ chim chực cơ hội thuận tiện, bèn giựt sợi dây ác nghiệt, chim rừng mê độ không hay biết, nên hai tấm lưới sập liền theo tay, ô hô, còn gì là phóng khoáng tự do?

Bắt được chim về, xem con nào tốt mã thì sắm thêm lục mới, tập dượt chờ ngày giở lại trò cốt nhục tương tàn. Những con chim xấu, tha hồ nhậu nhẹt.

Tục còn câu *cưng như cưng cu cu* nhiều nghĩa. Bằng ai muốn thấu đáo nghe huỵch tẹt, tiếc thay anh Chủ Trần Ngọc Lợi, làng Hòa Tú, đã không còn. [1]

Nói đến tự do phóng khoáng của chim, sực nhớ câu chuyện

---

(1) Nói có vong hồn ảnh Chủ Lỹ. Anh là người cao kiến lạ lùng. Năm 1945-1946, anh em mình ăn gia tài, đứa nào cũng trên 2000 công ruộng. Đứa nào như đứa nấy, mảng lo giành ăn, đóng thuế gia tài, ra tiền cho tá điền làm ruộng. Bùng một cái, giặc giã liên miên đến nay chưa dứt, đứa nào theo nghiệp nông cũng đều phủi hai tay không, bỏ chạy lên thành mất cả sự nghiệp đất đai, dầu nay chính phủ nghĩ tình mua lại ruộng đất cấp phát cho người trực canh, của đổ mà hốt, vừa đủ trả nợ bấy lâu nay vay mượn ăn xài, duy một mình anh Chủ, thấy xa hiểu rộng, từ năm 1946, anh đã lớp bán, lớp cho, lớp đem cầm cố cho Chà lấy tiền ăn xài cho đã, ai nấy đều chê anh là "con phá sản", nay rõ lại, tuy anh đã nằm dưới đất, nào có hay đâu mấy thằng bà con với anh như tôi đây, bo bo ky cóp để dành rồi cũng phủi tay không? Nay muốn bắt chước anh thì đã quá muộn.

từng đọc trong sách Tây [1]. Theo sách ấy, dường như chim trong lồng mất tự do đã đành, nhưng những chim ngoài trời, nghiệm ra cũng chưa tự do gì mấy.

Thử xem loài chim vạc luôn luôn đi ăn ban đêm; chim cò thì vẫn ăn ban ngày, chúng đụng đầu nhau trong giờ nghịch lệ sái giờ ước kết, thì không giận nào bằng, mổ cắn lung tung. Giống chim ở rừng thì lại không dám ra kiếm ăn ngoài đồng nội. Trái lại giống chim đồng bằng không bao giờ dám tuôn pha rừng rú. Bên Mỹ quốc, có loài *Cardinal* là chim hung tợn khét tiếng: lông đỏ mỏ dữ. Thế mà khi rừng của nó bị phá, cây ngã rạp la liệt, thì chim Cardinal nằm mẹp dưới đất chờ chết, nhứt định không dám bay qua rừng khác tuy chỉ cách đó không hơn hai trăm thước, không khéo thâm nhập địa phận chim ụt chim mèo, chúng nó đánh cho mang xấu hoặc lên án tử hình, gặp đâu cắn đó, như vậy thà nằm chết tại rừng cũ còn thơm danh hơn! Nghiệm cho kỹ, mỗi giống chim muông, mỗi loài điểu thú, vẫn có khu vực riêng biệt, tuy ranh giới mắt phàm không ngó thấy, nhưng bọn điểu cầm cùng giống hoặc khác loài đã có quy chế riêng, không bao giờ con này dám xâm phạm địa phận con khác, nếu xâm phạm không khác nào, như ta nói, xâm phạm tử địa, cấm địa, ranh giới nước thù, v.v... Thậm chí, có giống chim hung dữ thuở nay chưa từng chịu thua chim nào, thế mà nếu ta thử bắt đem thả nơi khu rừng lạ thì con chim dữ ấy sao sao cũng nòng nã tìm cách bay về quê cũ, rừng cũ chớ không đủ can đảm ở lại chỗ mới, vì đó vốn là *ngoại quốc*, lạ nước lạ non không chỗ dung thân. Điều khác là khi chim đẻ, lại càng cố thủ giữ gìn địa phận chống kẻ thù hơn lúc bình thường. Duy có giống chim hậu điểu (oiseaux migrateurs) tùy mùa đổi chỗ ở cho

---

(1) Xin tìm đọc, nếu may gặp, Sélection, Mai 1959: "Dans la nature, aussi les oiseaux sont en cage" (ngoài cảnh vật thiên nhiên, chim cũng vẫn như ở tù trong lồng chớ không tự do chút nào).

nên có một cách dường như *xin phép*. Mỗi khi chim hậu điểu bay về quê cũ, con chim trống về tới quê hương, cẩn thận sẽ đứng trên chót cây đại thọ rồi cất cổ gáy lớn lên. Nếu không nghe tiếng chim trống khác gáy trả lời, ấy là cuộc đất chưa ai chiếm cứ, vợ chồng về ở được, trọn mùa bình an; bằng như nghe có tiếng trả lời, thì là *đất có chủ rồi*, hãy toan bồng bế vợ con tìm nơi đất mới vô chủ, đừng cượng lý ở lại chỗ xưa là trái với *kết ước mật cha truyền con nối*. Tiếng chim gáy nghe đến đâu là ranh giới của chim ăn đến đó. Ghét nhau từ tiếng gáy cũng vì tục lệ chim như vậy đó thôi. Khi chim gáy để *cắm ranh đất* lại cũng là một dịp gáy lên để tìm bạn ngọc trăm năm. Con chim trống nào biếng nhác, đến trễ, gáy trễ, mảng chần chờ để con chim trống khác gáy trước, "cắm ranh trước", "có vợ trước", thì đành chịu bụng đói, độc thân, và hãy cất cánh bay kiếm tha phương: cầu thê, cầu thực.

*

* *

Tiện đây, tôi xin trích lục một đoạn nghiên cứu nữa, rất mới mẻ về chim chóc.

Tập *SÉLECTION*, tháng Mars 1961 có đăng một bài của bà Jeanne GEORGE khảo về cách ăn thói ở của loại bạc má (mésange) Mỹ quốc. Như ta đã biết, chồng bà là ông John GEORGE, nguyên là một điểu cầm gia danh tiếng dạy khoa *écologie des oiseaux*, chuyên tìm hiểu về thú tánh, tập quán, cách ăn thói ở, cách sanh sản của điểu cầm, v.v... Một hôm, ông cho bà biết ông sẽ để riêng bảy năm học hỏi, nghiên cứu lại về chim bạc má "mésange". Bà tỏ ý lấy làm lạ hỏi chồng "như thế chẳng là tự cổ chí kim chưa ai khảo tường tận về loại mésange hay sao"? thì John cười mà trả lời rằng "phải nghiên cứu thêm bảy năm như vậy nữa mới là thấu thoát vấn đề chim bạc má." Bắt đầu, ông mượn bà tiếp tay ông, cầm giùm một con chim

trống đặt tên là "Bonnet Noir" (thằng Kết Đen) (từ đây xin gọi tắt là B.N.) để ông cho đeo số trước tịch đàng hoàng tiện bề nhìn nhận. Ông đeo cho B.N. một cẳng là khoanh plastique màu lam, còn cẳng bên kia ông đeo khoanh aluminium có chạm số, rất dễ nhìn. Trong khi bà kềm con B.N. trên tay, bà xem kỹ thấy mắt chim quả là lưỡng tiện, một nhãn kiếm ăn ngó con mồi, một nhãn thủ thế phòng chim dữ, mèo chó chụp bất thình lình. Lại nữa, xương chim dường như cốt bộng, để thêm nhẹ mình lúc bay, tim chim đập rất mau, có thể lên đến một ngàn tiếng đập trong mỗi phút, và tai chim không "thính" lắm, tỷ như tiếng thường của người, đối với chim, nhỏ nhí quá, không lọt tai được.

B.N. được thả ra rồi thì bay nhập đoàn với mươi lăm con khác thành một tiểu đoàn chim bạc má, có một bạc má bự cầm bầy, quản thủ độ tám mẫu đất vuông có cả rừng, bụi rậm và vườn tược sum suê. Ngày ngày chim ngủ đêm trong rừng, kiếm ăn xóm bà George, ăn rồi bay đậu nghỉ khỏe trên đại thọ *xóm nhà đèn*, khỏe cánh rồi bay một vòng đảo qua viếng *xóm Chị Chim Ụt*, rồi trở về xóm bà George là vừa đúng bữa ăn trưa. Lúc nào gặp đông thiên giá lạnh thì cả đoàn làm thi, bàn triết lý, hoặc đứng lặng yên ngắm tuyết rơi, và kiếm ăn trong khu rừng êm ấm.

Buổi sáng hôm B.N. được ghi số và thả, phu nhơn thấy bầy chim đáp xuống sân bà, có một con "Jaune" đang đứng ăn, thoạt B.N. hạ cánh đáp xuống thì "Jaune" nhường chỗ tức thì. Giây lát có chim "Vert" đáp xuống thì đến lượt B.N. tránh mặt; sau đó có các chim khác đáp xuống, nhưng những phen ấy B.N. vẫn đứng ăn như thường: do đó phu nhơn độ chừng có lẽ B.N. là phó trưởng đoàn, *"ông phó xếp" bạc má!* chỉ thấp hơn con "Vert" một bực. Theo kinh nghiệm của phu nhơn thâu thập, thì trong đoàn vẫn có con chim nầy húng hiếp, làm anh làm chị các con

khác, nhưng những lúc hoạn nạn hay ngộ địch thì luôn luôn tương thân tương trợ không bỏnhau. Con chim nào khờ khạo, lì đù cách mấy miễn biết nhập đoàn, biết tuân lệnh, biết có lớn có nhỏ, thì sẽ được chở che, không bao giờ sợ đói sợ lạnh. Những khi diều quạ, chim ưng toan bắt, thì đã có các con lanh lợi hơn giải cứu, ủng hộ hết lòng.

Hạ tuần tháng giêng năm đó, phu nhơn để ý bạc má khi ăn trong sân tỏ vẻ bứt rứt rộn rực khác hơn mọi lần. Chồng bà bảo ấy thế là đến mùa chim mái chịu trống. Bà tọc mạch rình mò xem B.N. sẽ lựa ai làm vợ. Chiều hôm ấy, rõ ràng bà bắt gặp B.N. "gù" chị Roussote. Khi lựa được "ý trung nhơn" của mình rồi, bà thấy B.N. hăng hái bay đi "xóm nhà đèn", chọn một cây cao để sau này làm ổ, nay phải chiếm trước hầu không có con khác tranh giành. Qua tháng ba, thì cuộc "ăn ở cùng nhau" giữa B.N. và Roussote đã thành tựu. Cùng trong tháng ấy, có cuộc biến đổi khá lớn trong tiểu đoàn bạc má vì chim từng cặp đưa nhau đi tìm chỗ vừa ý để ân ái và tạo gia đình riêng mỗi cặp mỗi nơi. Trong đoàn còn sót lại hai con chim trống "vô duyên" nhứt, bộ tịch lù đù, "thương không vô" nên mặc dù gáy gù khô cổ khô nước miếng, nhưng không bắt cặp được với mái nào, mỗi lần bay đến xóm mới "bày trò 35" thì vẫn bị chim trống ra cắn đánh, hai chim lẻ bạn đành tìm xóm cô quạnh ở độc thân chờ dịp may khi nào có chim chồng chết hay chim lạ "gái già" ở đâu đến sẽ ráp thử. Phu nhơn nghiên cứu lâu năm thấy rằng trong giới chim bạc má, dường như vợ chồng chung tình với nhau lắm và không thấy có chuyện lấy bậy, vụng trộm ái tình.

Trọn một tuần nhựt, phu nhơn không thấy bóng B.N lai vãng xóm bà, nên sốt ruột bà đi tìm thử thì thấy B.N. đến định cư "xóm nhà đèn" và mãi lo dùng mỏ cứng moi bọng cây liễu già, lót ổ cho mụ Roussote. Hễ chồng mệt thì vợ tiếp, vợ mệt thì chồng ra tay, chung sức nhau moi bọng cây thêm lớn và rộng

rãi, moi rồi, B.N. lấy rễ mềm và lông rụng lót thêm và tỏ vẻ âu yếm cưng mụ Roussote vô ngần. Ổ lót rồi, đúng tám ngày sau, phu nhơn bắt gặp B.N. đứng rỉa lông làm dáng trên cành gần cửa sổ nhà bà. Trong khi ấy, mụ Roussote đứng xù lông hạ cánh xuống xệ xệ, rõ là điệu bộ một phụ nữ đa tình đang mong mỏi một cuộc ân ái mây mưa. À! Thì ra hai chim đang tìm cách thỏa dục tình. B.N. biểu quyết đồng tình cùng Roussote... Hai con chim không hẹn mà nên, tự nhiên vỗ cánh bay lên không trung cao thật cao, rồi xáp lại nhau, cánh đâu cánh, mỏ giao mỏ, đầu cụng đầu, mình khít sát kín, rồi tê lê mê, sập sận líu nhíu để rơi hai thân thể song song, rớt xuống thấp. Trong khi ấy thì B.N. đã bắn "tinh dực" vào hậu môn chim mái và mụ Roussote đã chịu trống rồi vậy. Cách thụ thai của loại điểu cầm là thế. Trứng non trong bụng chim mái đậu vài giờ sau khi thâu nhận tinh chim trống đã "kiết tử", bây giờ chỉ đợi lòng trắng bọc thêm, lớp vỏ cứng bọc thêm là thành hình trứng chim "có trống". Sáng sớm hôm sau, chim mái nhận thấy trong mình "đì nặng, bụng khó chịu", bèn rặn đẻ, trứng rơi ra dễ dàng trong ổ, đẻ xong chim mái nhẹ mình vẫn bay theo phu tướng kiếm ăn thản nhiên vô sự. Trong tám ngày liên tiếp, mụ Roussote đẻ được tám trứng. Đến kỳ đẻ xong trứng thứ tám, mụ Roussote ở trong bộng cây, ấp trứng không ra, bỏ ăn bỏ uống, đủ biết rằng tuy mang tiếng là "bạc má" nhưng chim mésange mê con lắm! Trứng ấp mười ba ngày liền đêm là nở con. Trong lúc ấy, B.N. phải đem cơm cho vợ, bắt từ con sâu non mềm, và đút cho Roussote "tới miệng", Roussote chỉ nằm đơ trên trứng, lim dim, há miệng, nhõng nhẽo còn hơn các chị đài các tân thời. Phu nhơn ghi ngày mồng chín tháng Năm là chim nở, vỏ trứng không được lôi ra khỏi ổ cho sạch sẽ bên trong, chim con vừa nở là kêu la chi chít và đã biết ăn. Chim con không ỉa ra "cứt su" nhưng tiết ra phân nguyên bọc, mỗi ngày B.N. phải cắn bọc lôi ra xa ổ cho được vệ sinh. Mười sáu ngày từ phá vỏ trứng, là

chim đủ lông đủ cánh tập bay. Tuy vậy vành mỏ chim mất màu vàng là chim đã khôn lớn trưởng thành. Mặt trời mọc khỏi ngọn cây là chim tập bay. Ban đầu bay từ nhánh nhỏ này qua nhánh nhỏ kia, trước còn lính quýnh vụng về bợ ngợ, mỗi lần bay lên đậu lại đều nhủi đầu xính vính, chưa chi đã la đói đòi ăn. Qua tháng Tám, bầy con của B.N. đẻ tám nay còn ba, năm con xấu số bị ụt, mèo, cú sớt ăn tươi nuốt sống lần hồi. Bước đầu tháng Chín, B.N. trở nên cô thân độc mộc như xưa, vì con đã trưởng thành và đã theo tiếng nói trái tim đi lập gia đình đôi bạn nơi xa lạ. Ấy cũng là thiên tánh hay linh tánh của điểu cầm, tránh khi lớn không ở chung với cha mẹ là cốt tránh sự loạn luân giữa anh em chị em, vả lại điểu cầm mà cũng biết nếu đồng một huyết mạch mà làm chồng vợ lẫn nhau thì mau đi đến sự lụn bại giống nòi, sanh con đẻ cháu sẽ tật nguyền, không khỏe mạnh. Càng khổ thêm cho B.N. là mụ Roussote qua đời hồi nào không rõ biết, cảnh bơ vơ của B.N. càng thêm bơ vơ. Một đoàn chim bạc má lạ, từ đâu bay đến gần nhà bà George phu nhơn, định đùm đậu nơi đây qua hết mùa đông rét giá. Năm ấy B.N. thăng chức trở nên chim chúa đoàn, B.N. tỏ ra có sức lực hơn các chim trống khác, cả vợ chồng John George đều lấy làm lạ cho sự trường thọ của B.N. vì đếm đốt tay B.N. đã hơn tám tuổi lẻ. B.N. có bản lĩnh lạ thường, bầy chim mới lạ đến tá túc sẵn mất chúa đoàn bị B.N. rủ các trống khác đến chinh phạt, đánh bại chim mới và sáp nhập bầy chim mới vào đoàn của B.N. cầm đầu. Nhơn dịp B.N. nới rộng chu vi chiếm đóng thêm tám mẫu vuông nữa. Từ đây cương vực của B.N. càng rộng lớn, quyền hành của B.N. càng nhiều. B.N. càng lão luyện, xứng đáng một chim "cầm bầy": lo cho chim em út từ miếng ăn chỗ ngủ, đêm nào các chim vào rừng nín lặng thì B.N. mới chịu nghỉ ngơi. Đầu năm thứ chín, trong một đêm mưa gió bão bùng, rạng ngày, vắng mặt B.N. Vợ chồng John George bàn tán phân vân, chồng viện cớ vì trận bão chim chóc chết hại

nhiều, e B.N. ham đất bay đi chinh phục phương xa nào đó chăng, còn phu nhơn thì cẩn thận hơn, lưỡng lự phân phân bất nhứt. B.N. không còn trong đoàn, bọn chim trống lại một phen thư hùng để tranh nhau chỗ trống do B.N. để lại.

Một con bạc má tên gọi "Orange" đánh thắng các trống khác tự mình lên nối ngôi B.N. Phu nhân trở vào văn phòng, lấy xấp thẻ chim ra tra cứu. À há! Orange đích thị là cháu đích tôn của B.N., thảo nào? B.N. đã chết còn nhiều B.N. đời đời kế tiếp đó chi? Và chung quy chim bạc má loại mésange trong vùng phu nhơn ở luôn luôn vẫn còn nhiều.

*

*   *

Người khác nuôi chim họa mi, sắm lồng bề cao thật cao, dưới đáy thả cát nhuyễn, để khi mỗi lần chim hót, chim cất cánh bay lên tận đỉnh lồng rồi phùng xòe thả mình rơi xuống sập sận, vừa xoay mình tròn, vừa líu lo lảnh lót, ai nghe ai thấy cũng mê.

Nhưng công phu và thanh nhã hơn hết là nuôi *chim bạch yến*. Tiếng rằng yến bạch, mà lông có nhiều sắc nhiều màu: con lông trắng gọi *bạch* đã đành, đến như con lông vàng dợt cũng lại là con *bạch yến*: người nào gọi *hoàng yến* hay *kim tước* thì cho người đó là cầu kỳ!

Gần đây hơn nữa, bên Nhựt Bổn, các điểu cầm gia thiện nghệ có gây được một giống chim mới *bạch yến màu xác pháo*, lông đỏ hồng hồng y như xác pháo nổ toang. Ngày nay tại Sài Gòn giống chim này đã có khá bộn, chớ độ năm 1958, có một điểu gia ở đường Thủ Khoa Huân, dám mua một con tận bên Pháp, giá hơn tám ngàn bạc, chỉ nội tiền chuyên chở và bảo hiểm đi máy bay, đã là mười lăm ngàn quan Pháp (bạc 1958). Tôi thấy tận mắt con chim này, thấy luôn giấy chứng chỉ, có ký

tên bảo lãnh đàng hoàng. Tôi ngán quá, hỏi chủ gia, ông cười nói "Tuy mua mắc thật, nhưng mình gây giống ra và lấy vốn lại không mấy hồi!" Riêng tôi, tôi nghĩ khác: "nếu con chim vì thiếu săn sóc hay vì lẽ nào, không sống được trên đất Sài Gòn nóng nực này, thì chẳng là toi tiền? Thôi đi ông bạn ơi! Tôi có được số tiền như ông, tôi sẽ mua một cái độc bình Khang Hy, mình vuông, vẽ "tiền, hậu Xích Bích", có đề hai bài phú của Tô Đông Pha mà tôi ao ước bấy lâu nay, Tết đến tôi cắm mai, ngắm nghía đủ hai vợ chồng, giặc đến, tôi chạy trốn bỏ nó ở lại cũng không tốn công cho ăn cho uống. Ông nói nuôi chim thủ lợi, vậy chớ cái bình của tôi, gặp thằng Mỹ thằng Tây nào gàn hơn hai đứa mình nữa, nó hỏi nài, chừng ấy ông sẽ biết tay tôi! Hỳ! Hỳ!".

Thử giở từ điển Đào Duy Anh, tra sơ thì thấy:

- *Serin, canari, serin d'or:* hoàng yến hay kim tước;

- *jaune serin:* màu vàng của chim bạch yến, màu vàng lợt;

- *jaune queue de serin:* vàng hơi đậm;

- *seriner:* cách tập bằng kèn serinette, thổi cho chim bạch yến hót theo.

- *serinette:* hộp nhạc để tập chim hót.

Cứ xem nội bao nhiêu đó đủ thấy người phương Tây nuôi chim tìm đủ phương pháp tập luyện cho chim hót theo ý muốn, bằng máy móc, bằng đàn, sáo, bằng giọng hát, v.v... không như bên mình chỉ biết tốn công nuôi và cho ăn, còn chim hát cùng không, phú cho Trời, Đất.

Tóm lại, bạch yến và hoàng yến đều là giống chim sanh sản từ quần đảo *Canaries* ở Đại Tây Dương, người Tàu đem qua bán trước tiên và nay người mình gây giống cũng nhiều.

Còn một thứ bạch yến, lông pha vài sọc đen, định cho là giống chim lai căn lâu đời, vì lúc ở ngoài trời, có thể bạch yến mái bị se sẻ trống hay loại chim khác làm *điều ô nhục.*

Tục truyền muốn có chim hót hay, nên lựa giống bạch yến mình thon dài, đầu dẹp dẹp, chớ giống mình tròn núc na, đầu to như đầu chim se sẻ thì ít con hát giỏi.

Đừng lộn bạch yến với *hoàng anh*, hay chim oanh (lariot) màu vàng anh, cũng biết hót và vẫn có *danh với câu bất hủ:* "con oanh học nói trên nhành mỉa mai" (K.V.K.)

Đến như chim bạch yến nuôi lâu đã biết hót, có người còn cầu kỳ lập dị, kén cho được chim *tốt lông tốt bộ,* đứng hót cách nào cho khéo mới là phải điệu, đầu cất xéo làm sao, cánh nghiêng nghiêng thế nào, như vậy mới là đẹp. (Không khác cô ca sĩ, chẳng những hát hay, mà phải đừng lé, đừng khòm, đừng cúp đầu, đừng đủ thứ). Đến như tiếng chim hót, lại kén phải tiếng dài, tiếng vắn, lên bổng xuống trầm, phải phân minh và phải ra làm sao mới là trúng cách, hát cụt ngủn, hát lè nhè, thì hoặc đó là con chim mơ chưa biết hát, hoặc chim không có hậu, hoặc đó là con chim bày điềm, chủ chim sắp suy tàn!

Nhưng chim hay mặc chim, chớ khá hờ hẫng sơ sẩy chim gặp mèo thì khốn!

Ngày nay tiền giấy bạc đã nhẹ về thể chất thì chớ, thêm nhẹ về giá trị, cho nên một con chim hay giỏi, có người dám mua bạc ngàn bạc vạn, con chim tầm thường có khi cũng đến bốn năm trăm bạc mỗi con.

Nuôi bạch yến cho ăn bằng tấm giã nhỏ, lựa tấm gạo giã tay cho ăn tốt hơn tấm chà máy, vì tấm chà mất hết sinh tố, chim ăn lâu ngày sanh bịnh trĩnh đít. Người nuôi chim nhiều, nếu có đất rộng, nên trồng giống cỏ bông lấy hột tươi, hột mới, cho ăn chim càng thêm khỏe mạnh. Thỉnh thoảng phải cho ăn

xà lách và tròng đỏ hột gà. Có người tập chim ăn rau sam, vừa đỡ tốn lại được phần dễ kiếm. Phải lấy nang mực khô treo trong lồng sẵn cho chim gặm để thêm chất vôi làm vỏ trứng, không thì chim chậm đẻ. Lấy cỏ khô dăm bào sạch để sẵn cho chim tha làm ổ. Lại phải năng thay giấy hay vật chi lót đáy lồng cho được tiêm tất tránh mùi hôi của phân chim.

Còn nhớ năm xưa tại chợ.Sa Đéc, có ông thầy thuốc Tàu, rất phong lưu, danh gọi ông thầy *Lâm Quang*, vừa giỏi nghề y dược, vừa có tài nuôi bạch yến, đời ấy không ai bì kịp. Ông có một cặp chim đặc biệt thuở ấy, đến bây giờ cách trên ba mươi năm, tôi ăn cơm lục tỉnh đã mòn răng mà chưa gặp con chim nào giỏi hơn. Chim ông nuôi trong lồng đương bằng tre bên Tàu tuyệt khéo, ông về bển mang qua. Tự tay ông săn sóc con chim. Hồ nước uống, bể nước tắm, hũ đựng hột cỏ chim ăn, mỗi mỗi đều là những cổ vật đồ sứ hiếm hoi, cái đề "Khang Hy", cái đề "Ung Chánh" hay "Càn Long", vừa đẹp vừa quý. Cặp chim này, chủ câng cũng phải, và mấy mươi năm về trước, nội chợ Sa Đéc không ai không nể danh. Thuở ấy trong tỉnh thái bình, mỗi chủ nhật có lệ đấu xảo chim giữa một nhóm lương hữu đồng điệu. Sáng chủ nhật nào, sau buổi điểm tâm là tôi thấy các nhà chơi chim tay xách lồng tay xách ô dù, từ miệt Tân Qui, Tân Hưng, Vĩnh Phước, tề tựu tại nhà lầu ông Lâm Quang trổ mặt ra con sông Sa Đéc, chỗ phố ngày nay còn lại một tiệm bán mì *Mì chú Dầu* trên ba mươi năm danh tiếng. Trà thuốc vừa xong thì đem chim ra đấu. Ông Lâm Quang giấu kỹ lồng chim của ông trong thơ phòng phía trong. Ngoài này, nơi nhà cầu rộng lớn, gió mát hiu hiu từ Mũi Chợ Cồn thổi vào, chung quanh những chậu lan Trung Quốc quý lạ, hương xông thoang thoảng, ông Lâm Quang ngồi giữa như vị chủ khảo trường thi, thong thả xem các tay chơi chim lần lượt xúm nhau tuyển chọn những con chim nào hót hay để riêng từ lồng treo trên trần nhà cầu, còn những chim hát còn non thì cho đem lồng treo chung quanh hành lang,

xa hơn một tí, để tập nghe mà bắt chước. Lần hồi ông Lâm Quang chấm những con chim lành nghề cho đem vào giữa vòng quan khách ngồi. Khi các con chim ấy hát phỉ tình phỉ sức, thỏa thích ngỏa nguê rồi, chừng ấy ông Lâm Quang mới sai trẻ thân tín bước vào trong buồng đem lồng chim cưng của ông ra. Ông cho treo lồng trên cao giữa nhà: các chim kia chưa biết gì vẫn khoe tài líu lo chi chít... Thoạt con bạch yến của ông Lâm Quang cất tiếng chào. Ban đầu chỉ nghe một giọng trong trẻo và lớn, áp cả tiếng các chim khác. Kế đâu tiếng vang như thác đổ, khi dồn dập cất bổng lên cao như suối reo đỉnh thượng, thoạt đổi giọng trầm nhẹ như gió tụ trũng sâu, đó rồi thoạt vọt lên cao thật cao, không khác tiếng nước ào ào dồn chơn đá dựng. Líu lo, êm ái khoan nhặt đồng đều, ngọc khua, sáo thổi cũng không bì. Khi chim ông Lâm Quang dứt tiếng hát rồi, là một sự im lặng khắp trong ngoài: ruồi bay cũng nghe. Các chim khác tự mắc cỡ vì lượng biết tài mình còn kém xa nên im hơi lặng tiếng đã đành, tội nghiệp các chủ chim, thua buồn cho công linh từ thuở trôi sông, cũng biếng nói và quên phứt xã giao là dầu chi cũng phải vỗ tay *khen lấy lòng*.

Ông Lâm Quang truyền đem trà thơm, chén quí ra đãi khách, không quên hẹn tuần sau ông vẫn chờ chim khác đấu tài. Nhưng đào đâu ra con chim đối thủ, trong khi chuyển vận trong xứ còn là tàu hỏa, xe hơi cũng ít, chim Sài Gòn, chim Chợ Lớn làm sao hót lại chim ông Lâm Quang, và tàu bay chở chim xứ lạ lúc ấy tuyệt nhiên không có.

Quên nói, cặp chim ông Lâm Quang, con đầu tài cao như vậy, mà nghe đâu con nhì, lúc hát còn điêu luyện hơn bội tam bội tứ, hèn chi tiếng đồn cặp chim ấy, lối năm 1930, là chim vô địch chợ Sa Đéc. Ngày nay, sao dời vật đổi, năm rồi có việc ghé tỉnh cũ, hỏi thăm bạn xưa phần nhiều đã mất, khu phố đìu hiu, nhà ông Lâm Quang nay đà đổi chủ, họa chăng quán mì còn đó,

nhưng ác thay, răng cỏ và bao tử bây giờ cũng làm cho mì kém ngon. Hỏi vói vài câu thì chị "xẩm" con xinh lịch bưng tô năm trước nay đã có cháu ngoại!

*

*　　*

Tích xưa, *nuôi chim anh võ*, thấy ghi trong truyện Thuyết Đường. Vương Thế Sung chưa phùng thời, lãnh mạng đi tìm chuộc con anh võ của ông viên ngoại đồng tánh sẩy lồng. Gặp chim trong nhà một lão viên ngoại khác. Năn nỉ ráo nước miếng cũng không cho chuộc. Nói thét, tên viên ngoại ác tâm cầm con chim khôn xé ra làm hai quăng cho Thế Sung đem xác về cho chủ. Đêm ấy Thế Sung trả thù, chặt đầu viên ngoại ác, viết phản thơ trên vách, lui vào rừng chiêu binh xưng phản vương, tung hoành mấy năm, ai muốn biết rõ xin tìm mướn hay mua bộ Thuyết Đường!

Sẵn trớn cũng nên kể luôn năm xưa đọc sách, nay cũng không nhớ rõ trong bộ nào hòng dẫn chứng, có nhắc chuyện một anh chàng lái buôn đi thương mãi phương xa, chẳng may gặp cảnh nghịch: mua cao bán hạ, không bao lâu vốn liếng gần cụt, buồn lòng thả ra chợ dạo chơi. Anh thấy bán một giỏ chim, độ trên trăm con cun cút, anh bỏ tiền ra mua, định sau này bán lẻ lấy lời chi độ lần hồi về xứ. Đem chim về chỗ ngụ, thì trời đà tối, cũng chưa kịp đếm, để vậy một đêm, sáng ngày ra xem thì trời ôi, thấy dư trăm con xác chết nằm dưới đáy lồng, trừ phi một con duy nhứt, mỏ dữ mắt lanh, hiện đứng trên nhánh cây giữa lồng, hùng hùng củ củ, oai như một tướng soái thắng trận. Anh lái có ý định giết nốt con chim còn lại cho đã nư giận, song chưa nỡ xuống tay. Ấy cũng may đời cho anh, hoặc vận cùng đã mãn, khiến anh giữ con chim duy nhất ấy lại. Quả nhiên về sau, anh đem chim dâng cho quốc vương xứ ấy, ông vua này có tiếng là thích chọi chim, ông ưa bày trò cho chim đá cắn, đá

lộn, cắn lộn, ông xem trò ấy lấy làm thú. Khỏi nói, khi gặp con chim duy nhứt của anh lái buôn, trong xứ không có con nào đối thủ. Nhờ đó anh lái buôn có tiền gầy dựng cơ nghiệp không mấy hồi. (Tích này rõ lại có đăng trên báo Tự Do số ngày 12-1-1959, nhan là “Vương Thành” của ông bạn thân Nguyễn Hoạt dịch rút trong Liêu Trai chí dị).

*

* *

Một chuyện khác nữa kể rằng có một người nuôi chim dạy chim ca hát, dạy đủ thứ tiếng nói, đi đâu thầy trò cũng không rời nhau. Một bữa qua xứ lạ, đem chim theo, lỡ đường hụt tiền ăn, người chủ lấy làm buồn. Chim vụt nói: *Sao không bán tôi đi? Bán tôi thì chẳng lo chi tiền ăn.*

Người nuôi chim. - *Tao không nỡ bán mày.*

Chim hót: - *Không can chi. Chủ lấy tiền rồi phải đi cho chóng, qua phía Tây khỏi thành hai mươi dặm, chỗ cây đại thọ mà đợi tôi.*

Người nuôi chim nghe lọt tai, đem chim vào thành, vừa đi vừa nói chuyện với chim, ai nấy thấy lạ bu theo coi. Xảy có người trong Nội gặp làm vậy chạy về tâu vua, vua liền đòi chủ chim bảo bán.

Chủ chim tâu: - *Kẻ tiểu nhơn nuôi chim, mến tay mến chơn, đi ở không lìa nhau, dầu túng cũng không đành bán.*

Vua hỏi: - *Chim, mi muốn ở lại đây với trẫm hay muốn theo chủ?*

Chim trả lời: - *Muốn ở!*

Vua mừng. - Chim lại nói. - *Như mua thì trả mười đồng thôi, đừng trả nhiều!*

Vua khen chim khôn, hối nội thị lấy đủ mười đồng ra trả. Người chủ chim giả bộ giận dữ, lấy tiền quày quả ra đi. Vua nói chuyện chơi, chim trình thưa bặt thiệp, vua dạy đem thịt cho nó ăn, chim ăn no lại đòi tắm. Vua sai lấy chậu vàng múc nước, mở cửa lồng cho nó ra tắm. Chim tắm xong bay lên mái điện đứng rỉa lông, nói chuyện với vua ráo rẻ. Khô lông, chim sè cánh nhảy nhót rồi nói: - *Tôi đi nhé!* Chưa kịp ngó, nó đà bay đi mất. Vua cùng nội thị ngửa mặt thương tiếc, hối đi kiếm thì chủ đi phương nào và chim bay về đâu không ai biết được.

Sau có người còn gặp chim và chủ đưa nhau dạo chơi một phương xa.

*

*   *

Thêm một tích nữa gọi *Chim trả thù*, rút trong *Truyện giải buồn* của ông Huỳnh Tịnh Của (bộ sách này rất hiếm có).

Tích rằng: *Chùa Thiên Tân có chim séo làm ổ trên "Thu kỹ"* (chỗ hai mái nhà giao lại, về sau danh từ này nói trại đi, lâu ngày không ai biết rõ, và trong Nam quen gọi chỗ ấy là "khu đĩ"). *Trên ván bửng có một con rắn lớn, mỗi khi chim vừa đủ lông ra ràng thì rắn bò ra nuốt hết, chim mẹ buồn thảm kêu la ít ngày rồi bay đi mất. Ai dè nó còn trở lại, và năm thứ ba, thấy nó làm ổ như trước. Con nó vừa lớn lên, nó liền bay đi, ba bữa mới về vào ổ kêu con ra cho ăn... Rắn bò ra, động ổ séo con thất kinh kêu la thảm thiết, chim mẹ bay bổng lên mây xanh. Một hồi nghe có tiếng ào ào, trời đất tối tăm, ai nấy đều sợ hãi ra coi thì thấy một con đại bàng điểu, cánh sè che khuất mặt trời, ở đâu trên không ùn ùn đáp xuống, đánh cánh bay đi, hai con séo bay theo như tiễn đưa.* Thật là kỳ dị. Trong sách kể tiếp *chim séo vụt bay, vắng đi lâu rồi về, là lập tâm trả thù đã sẵn; kịp khi sanh lứa sau, rắn ăn quen, séo bay ba ngày trở lại, rắn chưa*

kịp nuốt chim non thì mỏ chim thần đã đánh rắn đứt làm hai, tuy biết đó là chuyện thần thoại nhưng hấp dẫn vô cùng, biết chừng đâu là chuyện nửa thiệt nửa bịa cho thêm duyên?

*

*   *

Một tích khác thuộc về ***chim hồng****. Xưa kia có người đánh bẫy đặng một con chim hồng, chim trống bay theo về tận nhà, bay lên đáp xuống kêu la tối ngày rồi mới bay đi. Sáng ngày người đánh bẫy dậy sớm đi ra ngoài thì thấy con chim trống bay tới rồi và kêu và bay theo đậu một bên chơn. Người ấy liền chụp mà bắt nó luôn. Chẳng dè con chim nghển cổ mửa ra một thoi vàng. Người đánh bẫy hội ý bèn thả con chim mái, cả hai bay quần trên cao giây lát thì bay mất.*

Rõ là chim mà còn biết đem vàng chuộc vợ.

*

*   *

Sau rốt, đây là một chuyện giai thoại chứng rằng người mình, đối với khoa học, rất là dễ dãi.

Chuyện kể lại rằng thuở xưa trời đất biến sanh thú vật cũng chưa lấy chi làm đủ, hoặc có con thiếu chơn, hoặc có con thiếu cánh. Nên sau có ba ông tiên giáng xuống trần nơi sơn lâm đặng cứu vớt những loài tàn tật.

Truyền rao hẹn trong ba ngày những con nào thiếu chơn thiếu cánh thì hãy đến cho tiên làm phép.

Khi ấy có một con vịt có một chơn, những mảng lo kiếm ăn không hay, qua ngày thứ tư, mới chạy đến lạy ba ông tiên. Tiên nói: "Mầy tới trễ, bây giờ chẳng còn giống gì mà trồng thế cái chơn thiếu của mày". Vịt cố năn nỉ lạy lục... Ba ông tiên cầm

lòng không đậu, bèn bẻ một cái cẳng ghế mà làm phép, rồi tháp chơn cho con vịt, dặn rằng: "Nếu sau có về, đứng ngủ gì đều phải cho cẩn thận, phải co cẳng lên, chớ đừng có đạp những vật ô uế, cẳng này mà trở nên vô dụng thì chúng ta cũng không biết lấy chi mà đền!"

Con vịt từ tạ ra về, dọc đàng gặp một bầy chim, nào chà chiện, ốc cao, đỏ nách, đều là chim tàn tật, không có chơn mà đi. Vịt mách sao không lên kíp chỗ sơn lâm xin tiên trồng chơn cho. Mấy con chim này nghe nói mừng khấp khởi, lật đật bay tới chỗ, khẩn cầu ráo nước miếng. Ba tiên nói: "Chúng ta có dặn phải tựu trong ba ngày, nay đã quá hạn kỳ, vật liệu đã hết, biết lấy chi mà trồng cho bay?" Nhưng chim nó lạy lục năn nỉ thiết yếu quá, ba tiên tội nghiệp, bèn nhổ một mớ chơn nhang làm phép vãi ra mà nói: "Đó là chúng bay lấy thứ này cắm làm chơn mà đi". Chim kêu nài viện cớ sợ cọng chơn nhang nhỏ quá, e nửa chừng gãy đi biết lấy chi mà chắp.

Ba tiên nói: "Coi vậy chớ không sao! Không can chi mà phòng sợ! Cẩn thận hơn thì khi đậu xuống, chúng bay hãy nhún nhún ba cái thăm chừng, như có gãy thì lên đây ông thay cho thứ khác".

Từ thuở ấy, chà chiện, ốc cao, đỏ nách, mỗi lần đáp xuống là nhún nhún thử cặp giò; còn chim vịt khi ngủ thì co lên một cẳng.

*

*   *

LẠI CHƠI CHIM

Dẫn: Bài *THÚ CHƠI CHIM* sau khi viết và đăng vào tạp san *BÁCH KHOA* (số 37 ngày 15-7-1958) một buổi nọ, tôi tiếp một ông bạn mới quen lần đầu nhưng ân cần mời tôi đến nhà xem cách ông nuôi chim. Bước chân vào biệt thất, tôi đã một phen giựt mình: chim lồng lớn nè, chim lồng bé nè, nhà phố tuy nhỏ, hàng ba càng bé nhỏ, (đến đây tôi bồi hồi nhớ căn nhà cũ ở cùng một dãy đã từng che chở cho hai đầu xanh nay đã xa nhau vì bất đồng ý kiến... đường Thủ Khoa Huân) mà nhà ông bạn chứa chim ôi là chim, mỗi thứ mỗi loại, lồng đủ cỡ màu sắc khác nhau sắp đặt có ngăn nắp. Vào phòng khách, cũng lại là chim nữa. Trên bàn giấy, có một chồng sách khảo về điểu cầm cao nghều nghệu, chủ nhơn ông chứng tỏ là một nhà chơi chim lành nghề!

*

* *

Sau đó, ngày 27-8-1958 nhơn đến Toà Đô sảnh nghe lão TCHYA diễn thuyết, tôi gặp ông bạn thân, bác sĩ họ Ngô, dạy rằng: trong cuộc đấu chim bạch yến, có một danh từ không thấy tôi dùng trong bài của tôi, danh từ ấy là *"sùy"* dùng để tả lúc con chim trống nhà sừng sộ nghe con trống lạ, sợ mất cục cưng mái.

"Sùy" theo giọng Bắc, hay *"Xùy"* giọng Nam, coi vậy mà rắc rối ghê. Tôi ghi chép ra đây xin chất vấn hải nội quân tử. Theo tôi:

- *Thuyết thứ nhứt.- **Xùy*** ắt do ***Xuy*** phát âm theo giọng Tàu (?) Xuy là thổi. Tỷ dụ: *Ngũ Tử Tư xuy tiêu khất thực. Trương Lưu xuy tiêu phá Sở binh.*

Và xuy đồng là ống bằng đồng hay ống bằng trúc thường

dùng để thổi đạn bắn chim.

- *Thuyết thứ hai:* **Xùy** hay **Xòe**, như xòe tay, xòe cánh, sau biến đi thành "sè cánh" dễ nói hơn. Chim trống thấy chim lạ, sợ mất vợ, nên tranh đấu. Trước khi tranh đấu, phải làm cho chim địch thấy oai phong của mình, phải *gáy* phải *xòe*, *xòe cánh*, *phùng xòe v.v...*

- *Thuyết thứ ba,* mới thấy trong tạp san "Phổ Thông" của anh Nguyễn Vỹ, số 56 ngày 1-5-1961, trong bài khảo về "điệu múa xòe" của người Thái thì tác giả, ông Cao Chu viết: ***XÒE:*** *tiếng Thái có nghĩa là múa.*

Kết luận, xuy, xùy, xòe, còn trong vòng lẩn thẩn đợi người cao minh chỉ giáo.

Tiếng Việt coi vậy mà khó: Tàu, Thái, Miên, Ta, mượn qua mượn lại, cắt nghĩa không ra.

Qua ngày 31-7-1959, nỗi thắc mắc trên được giải quyết một phần nào. Trong bài khảo cứu Pháp văn đăng trong SÉLECTION tháng Mai(*) 1959, tr. 134-142, hai tác gải đứng tên chung là John và Jeanne GEORGE viết rõ như vầy:

Loại chim chóc dùng tiếng gáy vừa để tranh tài giành phần đất ăn ở và chia giới hạn giữa các loại điểu cầm. Chim nào tiếng gáy thanh tao chắc được luôn vợ đẹp. Tuy vậy, cũng cần nơi vị trí chiếm cứ được thắng lợi; nếu vị trí này lọt vào chốn thâm sơn cùng cốc thì dầu tiếng gáy êm tai tao nhã cách mấy cũng không có con chim mái nào chịu đi theo vào đó!

*

*   *

Nay xin trở lại *chim yến*. Những tài liệu này đã đăng rồi trong tạp san BÁCH KHOA số 47 ngày 15-12-1958, bài này của ông GIẢN đường Thủ Khoa Huân biên soạn, có nhờ tôi giới

(*) Mai : Tiếng Pháp nghĩa là tháng 5 (Bt)

thiệu. Nay tôi xin phép ông GIẢN và báo BÁCH KHOA đăng lại đây cho đầy đủ, và thành thật cám ơn ông bạn và tạp san giá trị kia.

"*Chim yến* vốn gốc tích ở quần đảo Canaries, trong Đại Tây Dương, vì đó người Pháp đặt tên chim yến là "Canari" (tên khoa học thì: *Serinus Canarius*), còn người I Pha Nho(*) và Bồ Đào Nha lại gọi *"canario"*. Đảo Madère và đảo Acores của Bồ Đào Nha rất nhiều chim này.

Yến sanh ngoài trời nhỏ con và mảnh dẻ hơn yến nhà. Lông yến rừng xám xanh có ánh vàng, tựa loại "thanh yến" ta nuôi trong lồng; trước cổ và ngực, thì màu vàng hơi xanh xanh, còn trán, gáy, nơi mí mắt, hai bên cổ và chỗ khấu đuôi lại màu vàng sẫm; lông dưới bụng hơi trắng, còn hai bên sườn thì có vạch nâu sẫm. Lông cánh và đuôi màu nâu sẫm có điểm vạch xanh ánh vàng.

Yến ăn hạt nhỏ, mầm lá non, trái cây ngọt và chín mõm, nhất là sung, vả, lúc chín nứt ra; nó ăn cả sâu và cũng nuôi con bằng sâu nữa.

Nó ưa thích những nơi có nước và thường tắm hàng đàn ở những nơi như vậy.

Mỗi năm yến sanh bốn lứa, mỗi lứa độ bốn đến sáu trứng. Chim cha và chim mẹ đều *ham con* và tận tụy săn sóc nuôi con chu đáo. Nuôi xong bốn lứa, yến bắt đầu thay lông; đến gần mùa đẻ sau thì yến mẹ đã trơn lông mượt cánh. Ngày nay có người sáng trí không chờ chim mẹ ấp và nuôi, vẫn lựa chim mẹ xấu khác thay thế vai tuồng *vú em* để chim mẹ mau lại sức.

Yến làm ổ ngoài trời, trên những cây ăn trái, thích lựa những chẽ (chảng) cây không cao lắm và cũng không thấp lắm.

*

* *

(*) I Pha Nho : Nước Tây Ban Nha (Bt)

Người ta bắt đầu nuôi yến từ đầu thế kỷ thứ XVI. Đầu tiên ở Âu Châu, rồi tràn sang Á Châu, sau cùng Mỹ Châu.

Khi chiếm được quần đảo Canaries, người I Pha Nho (Tây Ban Nha) bèn độc chiếm quyền bán chim yến ra ngoài quần đảo. Lúc ban sơ chim hiếm lắm và chỉ vua chúa, các nhà quí phái mới có được.

Trong hạ bán thế kỷ thứ XVI, có một chiếc tàu I Pha Nho chở rất nhiều yến định đem qua Ý Đại Lợi, không may bị bão tố, tàu đắm nơi đảo Elbe (Địa Trung Hải), một phần yến xổng ra sống tản mác trên đảo này. Nhờ hợp thủy thổ, yến sanh sản nơi đây rất lẹ. Dân bản xứ nhờ đó làm nguồn lợi lớn, bắt chim bán đi khắp nơi: Ý Đại Lợi, Thụy Sĩ, Đức, Pháp, Thổ, Nga, Bỉ, Hòa Lan và Anh Quốc. Người Đức có tài nuôi chim giỏi nhứt. Nhờ nuôi trong lồng lâu năm, đời đời tuyển lựa nên sắc vàng chim yến lan rộng dần dần khắp thân thể chim, biến thành loại *yến vàng tuyền* như ngày nay thường thấy.

Chim yến đã thành một mối lợi quan trọng cho người Đức, và theo ước lượng đáng tin cậy, số chim hàng năm người Đức bán ra ngoại quốc lên đến số triệu con.

Dần dần người Đức trau giồi nghệ thuật nuôi chim và gây riêng một loại yến hót tài tình. *Yến Harz* (sanh ở vùng Harz) và yến Đức hót hay nhất ngày nay. Người Đức lập hội nuôi yến, viết báo nói về yến, lập ra nhiều kỳ thi tuyển chọn yến hót hay để khuyến khích và phổ biến cách nuôi chim gây thành một loại riêng biệt, có một giọng hót khác hẳn yến ngoài trời.

Bây giờ hầu hết Âu Châu đâu đâu cũng nuôi yến, nhưng mỗi nơi nuôi chim với mục đích không giống nhau. Đức và Ý nuôi chim cần nơi giọng hót, nước Anh thì chú ý đến màu sắc hình dáng luôn và giọng hót. Riêng Pháp thì thiên về yến lông

xoăn (quăn, không suôn sóng).

Vì khuynh hướng khác, nên người ta gây lần ra yến càng ngày càng khác xa loại chim gốc ở đảo Canaries có trước.

Những yến tạ nuôi ngày nay sanh sống ở trong lồng đã hơn mấy trăm năm nên đã trở nên giống chim nhà, có thể xếp vào các loại gia cầm, gia súc, như gà, vịt, bồ câu v.v... Cánh của nó yếu đi và không đưa nó bay xa như chim trời được.

*

*   *

YẾN NUÔI Ở ĐỨC

Người Đức chuyên nuôi chim để hót, nên không chú trọng nhiều về màu sắc và hình dáng. Có hai loại:

- *Saxon và Harz,* hình vóc như nhau, giọng hót cũng tương tự. *Saxon* bầu con hơn, đứng ngả mình về trước, khi hót cổ có hơi phồng hơi và mở hoác mỏ.

Harz hình thon và cao hơn, đứng thẳng mình, khi hót ngậm mỏ, cổ thật phồng.

Ngày nay loại *Saxon* bị bỏ rơi và chỉ được coi như chim thường, không quí mấy. Loại *Harz* vẫn được săn sóc và chọn lọc, nuôi nấng kỹ lưỡng để luyện giọng hót càng ngày càng thêm hoàn hảo, tận thiện tận mỹ.

*

*   *

YẾN NUÔI Ở ANH

Các loại được nuôi bên Anh là: *Yorkshire, Lizard, Norwich, v.v...* Phần nhiều những yến này đều to con, nhưng không sai con (đẻ ít), thêm nuôi con rất vụng. Người sành điệu thường cho

chim khác ấp trứng và nuôi con thế.

*

*   *

YẾN NUÔI Ở BỈ

Những yến nước Bỉ có hai loại:

1) Giống *Malinois*, to con, hót hay, thường được gọi *Waterslager*, hót theo giọng chim *Rossignol*, nhái tiếng thác reo, suối chảy, nước sôi. Loại này ở Pháp đang gây giống, đặt tên là *Rossignol de Paris*.

2) Một loại yến nữa ưa đứng còng lưng hay gập lưng lại như thằng gù. Loại sau này, nay lan sang Anh, trong khi ở Bỉ còn lại rất ít, vì không mấy người thích nuôi.

*

*   *

YẾN NUÔI Ở PHÁP

Loại yến lông xoăn ở Paris là do loại xoăn Hòa Lan gây giống ra. Cho được thật đẹp như ý muốn, người Pháp tạo nên những làn lông xoăn rất cân đối: ở lưng, ngang đầu vai, lông xoăn phải phồng to lên, còn lông ở hai bên ngực phải xoăn châu vào giữa và phải úp lên nhau, làm cho giữa ngực chim như có một đường sâu (hỏng). Con nào lông xoăn không đều, không cân đối, thì mất giá trị. Còn lông trên đầu phải mượt sát xuống, trái lại ở gáy thì phải quăn ngược lên. Trông toàn thể con chim có thể mường tượng một chị *Pa-ri-diên* kiều diễm, sanh đẻ tại kinh đô hoa lệ, vì mùa đông thiên giá lạnh, đang ung dung quấn trên cổ ngà vóc ngọc một chiếc áo ngự hàn quí giá, dưới thân ngọc chuốt vàng trau lại mặc một cái áo dài hẹp đáy, để lộ hai chân mảnh khảnh, mỹ nhân ấy đang *kim liên bộ bộ*, bước

mau trên lề đường...

Ngoài những loại đặc biệt kể trên, để ta thấy khuynh hướng và thú ưa từng nước, ít lâu nay, người chơi chim yến lại tỏ ra chú trọng về *yến màu*, con nào màu càng mới càng lạ thì càng được quí trọng, tỷ như: *Hồng yến* (hồng thật đỏ), hay *Hắc yến* (toàn đen). Yến đen, đến nay chỉ nghe đồn bên Anh quốc đã gây giống được nhiều, tưởng cũng chưa nhiều mấy, nên chưa ai ở đây trông thấy.

Cũng có nơi vừa gây giống yến màu, vừa tập chim hót giọng yến Harz. Biết chừng nào nước ta được có chim đủ *thanh lẫn sắc*, vừa kiều mỵ như gái Nam, vừa lảnh lót giọng Đầm nước Đức, quận Harz?

*

* *

YẾN NUÔI Ở NHỰT

Từ đầu năm 1958, nhờ ở sự giao thông dễ dàng và mau lẹ bằng tàu bay thứ phản lực, nên có nhiều người thừa dịp qua tận xứ Phù Tang đem về đây một ít *chim yến đỏ* và vài kiểu lồng xinh xắn bằng tre hoặc thép. Tiếc thay trong những người có diễm phúc sang viếng xứ hoa Anh Đào, lại chưa có người chịu khó sưu tầm và học hỏi phương pháp nuôi chim yến của người chuyên môn Nhựt.

Căn cứ vào những lồng chim tinh xảo và loại yến đỏ mới lạ của người Nhựt gây giống được, ta có thể nói không lầm rằng người nuôi chim nước Nhựt đã đến trình độ cao siêu không kém nước nào bên Âu Châu, hoặc bên Mỹ quốc.

*

* *

YẾN NUÔI Ở VIỆT NAM

Người Việt biết nuôi chim yến đã lâu, do người Tàu phong lưu đem qua; nhưng ta chỉ biết chơi toàn *hoàng yến*, lác đác xen một ít thanh yến (vert). Còn *yến trắng* cũng mới có độ vài chục năm đây thôi.

Cách nay không bao lâu, người mình mua yến màu tận bên Pháp về nuôi như: *thanh yến* (vert), *yến màu lam* (bleu), *yến cà phê sữa đậm* (isabelle), *yến lưng màu nâu lẫn đen, dưới bụng đỏ sẫm* (agate rouge), và *hồng yến* (rouge intensif). Những *yến màu* này đem về đây đã bắt đầu chịu phong thổ và có sanh sản rồi, nhưng kết quả chưa khả quan mấy, vì phần đông người nuôi chim hơi nóng và gấp, chưa chi muốn có nhiều chim lạ trước hơn ai, để mau thủ lợi, nên chim bên Tây vừa sang Việt Nam, chưa *quen nước quen cái*, đã để chung lồng, ép *đổ mái*, làm như thế chẳng những chim cha chim mẹ mua mắc tiền chết yểu, không trường thọ, thêm dầu đẻ chim con, cũng không như ý muốn, không sống lâu dài.

Lại cũng có người lúc ghép chim, không để ý chịu khó chọn lọc màu sắc cho kỹ càng, thành thử đúc được chim vá lang, xấu hơn chim cha chim mẹ, làm như vậy chẳng những hủy hoại giống chim của người tiền bối lâu năm gây tạo, tức đi thụt lùi chớ không tiến bước vào.

Một tệ đoan khác là người xứ ta không biết trọng chữ "tín", muốn kiếm được tiền thì không ngại gì mà không "lường gạt" khách mua hàng bằng thiên phương vạn kế: lấy nước sơn điện phun vào lông chim yến giả chim màu hồng, màu xác pháo v.v..., khách mua về ít lâu mới biết mắc mưu, muốn kiếm thằng bợm bãi thì nó đã cao bay xa chạy.

(Thuật theo tài liệu của ông GIẢN ở đường Thủ Khoa Huân, đăng trong tạp san BÁCH KHOA số 47 đề ngày 15-12-1958).

*

* *

Viết đến đây, thoạt có người chận tay, hỏi:

- Anh biết chơi chim chớ? Và còn chơi nữa hay đã thôi rồi?

- Xin đáp: Tôi từng chơi nhiều năm lúc thiếu thời và lúc có nhiều tiền. Nhưng tôi đã không nuôi chim từ khi rời bỏ tỉnh nhà lên Sài Gòn kiếm cơm từ năm 1947. Nuôi chim như tôi lúc trước cũng chỉ thêm tội bất hiếu, vì tôi chỉ ra công kiếm và bỏ tiền mua, mặc cho nghiêm phụ, nay nhớ lại càng thêm thương và hối hận, mặc cho cha già tự tay đan lồng khéo, thay tấm, thay nước, rửa lồng. Lại còn nhiều lẽ khác khiến tôi không muốn nuôi nữa:

Tuổi đã lớn, không thấy đó là thú vui. Thấy chim tự do ngoài trời hót, thú hơn thấy con chim làm cái việc ấy trong lồng. Độ trước mỗi chim năm, sáu, mười đồng bạc là nhiều. Nay giá chim từ năm trăm đến bạc ngàn, bạc vạn. Chim đủ thứ màu, làm sao sắm kịp với người? Từ ngày có cuộc tản cư, di cư, làm thân con người đâu phải ru rú trong nhà hoài, sắm chim bỏ không ai săn sóc độ ba hôm, thì bao nhiêu tiền cũng mất, bao nhiêu chim quí cũng không còn.

Nhưng lý do chính đáng, nói thật ra là tại một bài văn cũ đến nay đọc còn thấy hiệu nghiệm như toa thuốc thần phương; xin trích lục ra đây để cùng nhau đồng lãm:

"CÁI BUỒN CỦA MỘT TÊN TÙ GIÀ"

(Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti.

Bản dịch của PHẠM THƯỢNG CHI).

"Truyện tôi thuật lại đây là một nhỏ mọn, một buổi tối kia anh Y-vệ tôi đã kể cho tôi nghe.

Bữa ấy anh tôi đi theo cái thuyền binh, điệu ra ngoài bến một mớ tù phải đi đày Tân Đảo.

Trong số có một tên tù già lắm (ít ra cũng bảy mươi tuổi), có đem theo một cái lồng nhỏ, trong có con chim sẻ con ra dáng trân trọng lắm.

Anh tôi, nhân đứng không, hỏi chuyện lão. Coi lão không ra mặt ninh ác gì, nhưng cùng xích chung với một chàng trẻ tuổi, thật là tay mạt hạng du côn, mắt cận thị, đeo nhỡn kính, mũi thon thon, mặt tái mét.

Tội lão là tội cướp đường cướp chợ già đời, bị bắt đã năm sáu lần, kết án ăn trộm và du thủ du thực. Lão nói rằng: "Khốn lắm! Thưa ông, đã ăn trộm một lần rồi, không sao chừa được nữa; nghề nghiệp thì không có, làm thuê làm mướn ở đâu cũng không ai dùng, ông bảo làm thế nào? Phải kiếm cách mà ăn, chứ sao? Cái án sau cùng của tôi là cái án ăn trộm một bì khoai, với lại một cái roi ngựa và một quả dưa. Sao không cho tôi chết quách ở nhà, già cả như thế này còn đem đi đày làm chi cho nó cực?..."

Thấy anh tôi có ý ân cần hỏi han, lão lấy làm vui mừng lắm, chỉ cho xem cái của quí nhất của lão ở đời: là một cái lồng nhỏ ở trong có con sẻ con.

Con sẻ nuôi đã quen, thuộc tiếng lão, ngót một năm trời ở ngục vẫn đậu trên vai lão... Trời ơi! Xin được phép đem con chim theo sang Tân Đảo, kể cũng đã khó nhọc thay! Rồi lại phải làm cho nó một cái lồng để đi đường; phải kiếm gỗ, kiếm một ít dây thép cũ, lại kiếm một ít sơn xanh để sơn một lượt cho coi được.

Nói đến đây, tôi còn nhớ lời anh tôi thuật lại, không sai một chữ: "Khốn nạn, con chim sẻ! Ở trong lồng ngày ngày ăn có một miếng bánh đen là thứ bánh lương tù. Thế mà vẫn ra

dáng vui vẻ; vẫn nhảy nhót như các chim khác".

Cách mấy giờ sau tàu nhỏ đã áp đến tàu bể, sắp sửa cho tù xuống để chở đi, đi cái chuyến xa ghê! Anh Y-vệ tôi đã nhãng quên lão tù già, chợt đi qua đến gần chỗ lão ngồi. Thấy lão nói giọng thất thanh mà tay thì chỉ cái lồng nhỏ:

- Này ông, ông cầm lấy. Tôi biếu ông; họa có dùng được gì chăng, để làm quà cho ông vậy...

Anh tôi cám ơn, nói rằng:

- Ồ không. Lão phải đem nó đi chứ. Để sang bên ấy cho nó làm bạn cùng...

Lão già nói lại rằng:

- Trời ơi! Nó không còn trong này nữa... Ông không biết ư? Nó không còn đây nữa...

Nói xong thấy hai giọt nước mắt chảy xuống má, thê thảm vô cùng.

Thì ra trong khi tàu chạy, kẻ xô người đẩy, cửa lồng mở ra, con chim sợ, bay ra ngoài mất,- rồi rơi ngay xuống bể, vì đã bị cắt cánh. Trời ơi! Đứt ruột thay là lúc bấy giờ! Trông thấy nó bị nước xoáy, vừa giẫy vừa chết, mà không làm sao được! Thoạt tiên, cũng là cái sơ tâm tự nhiên, muốn kêu lên, muốn nhờ người cứu, muốn gọi ngay anh tôi mà kêu vang,... nhưng nghĩ ra, sực nhớ đến cái thân phận khốn đốn của mình, bèn ngừng lại ngay: ai là người thương đến con chim sẻ của một thằng tù già như mình? Ai là người để tai nghe đến lời kêu van nữa? Có đâu lại mơ tưởng rằng người ta sẽ dừng tàu lại để vớt một con chim sẻ chết đuối, mà con chim sẻ của một thằng tù, ấy mới mơ tưởng vô lý chứ!... Nghĩ thế rồi ngậm miệng ngồi yên, nhìn cái hình nho nhỏ đen đen vẫn còn giẫy trong đám bọt bể xa xa; bấy giờ mới cảm thương cho cái thân phận mình trơ trọi một mình,

nước mắt chan chứa, khóc cái thân cô thế cùng, khóc đến mờ cả mắt, mà bên cạnh thì cái chàng thanh niên đeo kính là người bạn cùng xích kia, lại nhăn nanh cười lão dở hơi!

Bây giờ chim không còn nữa, cái lồng kia chu chí làm để nuôi chim, còn giữ làm gì; thấy anh tôi là người lính thủy có bụng tốt, ân cần hỏi đến chuyện mình, bèn cố đưa cho, muốn để lại cho cái di sản đó trước khi vĩnh biệt vô cùng.

Anh tôi cũng rầu rầu trong lòng, nhận lấy cái lồng, để khỏi thêm phiền lòng lão già cô độc, khỏi ra ý khinh rẻ cái đồ vật của lão khó nhọc mới làm nên.

Anh tôi kể cho tôi nghe truyện ấy, tôi lấy làm cảm kích vô cùng, tôi nói lại đây, muôn phần không được một.

Bây giờ là đêm, đã khuya, tôi gần đi ngủ. Tôi bình sinh trông thấy biết bao nhiêu là cái khổ vỡ lở ra ngoài, ai ai cũng biết; biết bao nhiêu là bi kịch thảm kịch đâm nhau, giết nhau, mà không thấy cảm động gì mấy; vậy mà bữa này nghe nói cái khổ của lão già đó, bất giác như phá quả tim, đến mất giấc ngủ, nghĩ cũng lạ. Tôi nói:

- Có cách gì mà gửi cho hắn con chim khác...

Anh tôi nói:

- Có, tôi cũng đã nghĩ thế. Ra chỗ người ta bán chim, mua lấy một con chim đẹp, bỏ nó vào lồng, sớm mai còn kịp giờ tàu chạy, đem ra cho hắn. Cũng khí khó. Vả cũng chỉ có chú mới có thể xin phép sớm mai ra ngoài bến, ghé vào tàu mà tìm lão tù già đó, tôi cũng không biết tên hắn là gì nữa. Nhưng mà... chắc có người họ cho là nực cười...

- À, hẳn chứ. Cái gì chứ cái thiên hạ cười thì không khỏi được!...

Rồi, một lúc, tôi tự ngẫm nghĩ một mình cũng lấy cái ý ấy

làm nực cười thật, mà tự mình cười, cười thầm không lộ ra ngoài.

Song tôi cũng không thi hành cái ý đó; sớm mai thức dậy, cái cảm giác lúc đầu cũng đã qua đi, tôi lấy làm truyện(*) trẻ con, truyện(*) nực cười thực. Cái buồn của lão già kia không phải là cái buồn có thể lấy đồ chơi mà làm cho nguôi được. Khốn nạn! Làm thân một tên tù già, cô độc ở đời, nuôi được con chim con để làm bạn, đến nỗi tấm lòng đã nguội lạnh như băng như đá, còn cảm động được, chảy được những giọt nước mắt cảm thương, nay đã mất đi rồi thì dẫu được con chim xanh trên trời, cũng không đền được con sẻ con bị xén cánh và nuôi bằng bánh nhà tù đó...

Trích dịch trong thuyết bộ của Pierre Loti,
Phạm Quỳnh dịch ra văn Việt. (Khảo về tiểu thuyết,
Phạm Quỳnh biên dịch, Đông Kinh ấn quán xuất bản,
Hà Nội, 1929, trương 94-99).

(*) Viết đúng phải là *chuyện* (Bt)

PHẦN THỨ HAI

(PHỤ LỤC PHẦN THỨ NHỨT)

CHIM PHỤNG HOÀNG

PHỤNG HOÀNG

I.- ĐIỂN TÍCH

Phụng, phượng vốn là linh điểu. Trống gọi *phụng*, mái gọi *hoàng*.

Phụng hoàng là giống chim lạ, quý. Người nước Tàu, nước Nhựt, cả nước ta đều tin tưởng đinh ninh rằng khi gặp đời thái bình thạnh trị, chim phụng hoàng mới xuất hiện.

Phụng hoàng tiêu là cái ống sáo tre. Sáo tre, chỗ miệng thổi giống hình mắt phụng.

Loan cũng đồng loại với phụng hoàng.

Loan phiêu phụng bạc: chim loan chim phụng bay tan tác. Khi nói về chồng vợ thì có nghĩa chồng vợ xa lìa. Khi nói về lối chữ viết thì hiểu chữ đẹp sánh được bầy loan bay phụng bay đáp thung thăng.

Loan phụng hòa minh: Cả hai cùng hót. Nhơn đó, ta dùng điển này để chúc đám cưới, ước ao vợ chồng mới hòa hiệp lâu dài.

Loan tường phụng chữ: Chữ viết đẹp xinh như loan liệng phụng bay.

Phụng hoàng vu phi: Chim phụng chim hoàng đồng bay cùng nhau; vợ chồng hòa hiệp.

Phụng cầu hoàng: Chim phụng tìm chim hoàng, đi cầu chim hoàng. Con trai đi tìm con gái. Tích Tư Mã Tương Như gặp nàng Trác Văn Quân, hai người nên đôi vợ chồng, lá lay môi giới cũng vì bản đàn Phụng cầu hoàng.

Phụng cử: Kẻ sứ thần vâng mạng ra xứ ngoài, không khác chim phụng bay phương xa.

Phụng mao lân giác: Lông chim phụng, sừng con lân, toàn vật hiếm có. Nghĩa bóng: con cháu hiền tài của nhà quí tộc.

Phụng minh triều dương: Chim phụng kêu ở phía mặt trời mọc; điềm lành khó được. Người hiền tài đem văn chương ngôn luận để hô hào (Từ điển Đào Duy Anh).

Phụng Sồ: Bàng Thống, đệ nhị quân sư của Lưu Bị đời Tam Quốc: chim phụng còn non; người hiền tài.

Khảo sách Henri Doré [1] dựa điển Tàu viết bằng Pháp văn:

1) Phụng hoàng có xuất hiện trên nóc điện vua Huỳnh Đế (2697-2598 trước Da tô)[2];

2) Đời vua Thiếu Hạo (2597-2514 tr.D.t.) phụng hoàng hiện ra lần nữa. Thiếu Hạo Đế lựa tên điểu cầm đặt tước phẩm phong triều.

3) Năm 2351 trước D.t., có một cặp chim phụng đến làm ổ trên nóc điện vua Nghiêu.

*

*   *

II.- SỰ THỜ KÍNH CHIM PHỤNG

1) Theo sử chép lại, đời Tiền Hán, triều vua Chiêu Đế (năm 84 trước D.t.), đã có tục lệ thờ chim phụng.

Qua đời vua Võ Đế, việc thờ chim phụng càng thêm thạnh hành.

Hoác Quang tâu cùng Chiêu Đế rằng biển Đông có chim phụng ra đời (năm 84 trước D.t.) Chiêu Đế sai quan ra tận

---

(1) Recherches sur les superstitions en Chine, Henri Donré-1ère partie.- Les pratiques superstitieuses,- tome II,No 4, Chang-Hai, Imprimerie Tou Sè-Wè, 1912, p.438.

(2) Trước Datô : trước Công Nguyên (Bt)

Đông Hải tế chim phụng.

2) Năm 73 trước D.t., sử chép có bầy chim phụng xuất hiện tại tỉnh Sơn Đông. Vua Tuyên Đế lấy đó làm điềm lành cho ngôi cửu ngũ của mình. Hoác Quang tâu xin bày lễ tạ linh điểu. Tuyên Đế y tấu, và ban chiếu đại xá trong nước.

Ba năm sau, chim phụng hiện đất Lỗ. Ân xá một kỳ nữa.

Sau rốt, sử chép phụng hiện tại Phụng dương phủ, tỉnh An Huy, vào đời Đại Minh Hồng Võ.

Sách Henri Doré không kể truyện Thuyết Đường, tích Tề Quốc Viễn chọc ổ chim phụng tại Phụng hoàng san.

*

*   *

III.- HÌNH THÙ CHIM PHỤNG

Như đã nói rồi, phụng là linh điểu. Thuở thái bình, phụng ra đời. Cơn loạn lạc, phụng ẩn non cao, không cho người thấy.

Phụng là chúa trong ba trăm sáu chục loài chim (Henri Doré, trương 444).

Sách tả hình chim phụng: "đầu như đầu gà mái, mắt như mắt người ta; cổ rắn, tạng phủ y tạng phủ loại côn trùng, trán chim én, lưng rùa"(1)

Đuôi phụng giống đuôi cá, gồm mười hai lông tượng trưng mười hai tháng. Năm nào nhuận (theo âm lịch) thêm một lông, tượng trưng mười ba tháng trong năm ấy.

Tiếng phụng gáy có đủ ngũ âm, dịu dàng tiết tấu. Sắc lông

---

(1) Il a la tête poule, l'oeil de l'homme, le cou du serpent, les viscères de la sauterelle, le front de l'hirondelle, et le dos de la tortue (Henri Doré, p.444).

có đủ năm màu. Theo thần thoại, phụng là kết tinh của "hỏa đức" và "nhựt đức".

Người Tàu vẽ chim phụng đứng chầu mặt trời, gọi tích *phụng hoàng triều dương.*

Phụng sanh tại Đông Hải, tắm nước thanh tuyền (suối trong), sống tại Côn Sơn, ngụ tại Đơn động. Phụng đáp nơi nào, thì có trăm giống chim bay theo chầu hầu.

Phụng chỉ đỗ cây ngô đồng, ăn ròng trái trúc (quân tử trước), chỉ uống nước suối tinh khiết.

Chim phụng cao sáu thước mộc (six pieds).

Một tích không thấy dẫn trong sách Henri Doré là tích "mẫu đơn phụng" vẽ chim phụng đậu kề hoa mẫu đơn (cả hai đều tượng trưng đàn bà đẹp).

Tích "rồng chầu biển Bắc, phụng gáy non Kỳ" cũng không ghi trong sách Henri Doré.

Tôi biết có hai tài liệu quan trọng:

1) Trong quyển "L'Art à Huế" của cố L. Cadière, trong bộ Bulletin des Amis du Vieux Huế (tập san của nhóm Đô thành hiếu cổ) năm 1919, trương 89-94, thì: Long là biểu hiện của đấng thiên tử, còn *Phụng* là tượng trưng bực mẫu nghi thiên hạ (hoàng hậu).

Mỹ thuật Việt Nam thường tạc hình phụng trên mái nhà, nóc đền, chùa, khi để đứng đầu đòn dông, khi vẽ vào bình phong, hoặc trên quạt giấy, tranh lụa, hộp sơn mài, v.v... Khi vẽ hình chim đúng như thật, khi vẽ kiểu *phụng biến*, từ một nhánh hoa, một gốc kiểng, chế biến ra, mượn lá làm cánh chim, lấy rễ cây làm chân cẳng; một nhánh cây quéo lại, đó là đầu con phụng ngó mặt ra sau đuôi, có đủ mắt, mỏ, mồng: khách Tây phương không hiểu nghệ sĩ trổ hình gì, kỳ kỳ quái quái;

người Á Đông quen với thuyết Lão Trang hư không huyền ảo lại thích thú và lấy làm tự nhiên khi thấy từ giới thảo mộc có thể sang giới sanh cầm điểu thú dễ dàng.

Mộc biến điểu: mẫu đơn, cúc, cung nhơn thảo (amaryllis) biến chim phụng, chim loan, v.v... (Hiểu như vậy mới thấy mầu nhiệm của lời thề "Tại thiên tỵ dực điểu. Tại địa liên lý chi").

Không nên lầm *phụng loan* cùng hạc điểu, tuy cả ba đều là vật của tiên ông cỡi làm chơn cẳng bay trên không gian, như mô tả trong truyện thần thoại Tàu "Kỵ hạc Tây thiên", "Giá phụng tiên du",...

2) Tài liệu thứ hai là *Le Phénix fabuleux de la Chine et le Faisan Ocellé d' Annam* (P. Jabouille-Bulletin des Amis du Vieux Huế, année 1929, p.171-186). Do theo tài liệu này, chim *Faisan Ocellé d' Annam* cũng gọi là con *Rheinardia Ocellata* (J. Verreaux) đã được nghiên cứu kỹ càng kể từ năm 1850-1856 và mô tả rõ rệt từ năm 1882. Phái đoàn khảo cứu Delacour phải xuất hành bốn lượt, nhưng chỉ thu góp đem về, vừa chim bắt sống, vừa chim chết, cả thảy lối hai trăm con.

Ông U.Hachisuka, nhà thông thái nước Nhựt, chuyên khảo về điểu cầm (Pháp gọi "ornithologiste", hoặc "ornithologue") viết bài, dịch ra Pháp văn là *"Le Phénix de l'art chinois, si souvent représenté, aurait eu comme modèle, le faisan ocellé d' Indochine, ce qui prouverait des raisons d' ordre linguistique et historique".* (B.A.V.H. Index 1914-1941, p.69): (chim phụng mô tả trong mỹ thuật Trung Hoa, thường vẽ ra hình, vẫn lấy kiểu nơi con chim *faisan ocellé d' Indochine* (trĩ xứ Đông Dương); và chứng cứ còn nhiều trong ngôn ngữ học và trong lịch sử).

*

* *

Nay tôi tạm ngừng nơi đây phần điển cổ, để day qua phần

khoa học, có lẽ thiết thực hơn:

- *Tài liệu theo các nhà học về điểu cầm.*

Tập san *Đô thành hiếu cổ* (Bulletin des Amis du Vieux Hué), năm 1929, số 4 năm thứ 16,- Oct. Déc..1929, trương 171 đến 186, có đăng bài khảo cứu rành rọt bằng Pháp văn, tác giả M.P. Jaboulle, vốn nhà chính trị, từng làm Khâm Sứ Trung Việt tại Huế, vừa là nhà khảo cứu có biệt tài chuyên về điểu cầm, lại cũng phong lưu tài tử, từng xếp đặt trong viện bảo tàng Huế đô góp công với Sogny. Jabouille là đại diện tại Việt Nam cho Viện Bác vật[*] Paris (correspondant du Muséum de Paris). Năm xưa, bài của Jabouille viết rất đầy đủ, nay đọc còn hấp dẫn lắm. Tiếc thay đó là văn Pháp, ít người thưởng thức, nên tôi không nên tài hèn, ráng dịch như sau, mặc dầu lẩn thẩn, nhưng những ai thích khảo cứu ắt hiểu nỗi lòng dịch giả.

Chim trĩ "Faisan Ocellé d' Annam" [1] có khi gọi "Argus" [2] vốn loại chim thuộc bộ môn Rheinardia [3]. Chim này chỉ ở triền núi phía đông dãy Trường sơn (Chaine Annamitique) từ Nha Trang đến Vinh là dứt địa phận sinh sống của nó. Mặc dầu phái đoàn Delacour gia tâm nghiên cứu kỹ càng, nhưng đến ngày nay chim trĩ đối với chúng ta vẫn còn nhiều bí ẩn. Thuở giờ ít ai lên đến sào huyệt của loại trĩ; những tay thiện xạ cũng ít khi hạ được trĩ sống, và không mấy ai thấy chim này, tuy ta vẫn tưởng việc ấy rất dễ dàng.

Trong hai trăm chim hoặc sống hoặc chết của phái đoàn Delacour thâu thập, không con nào mang vết thương do ná đâm đạn bắn. Hai trăm trĩ này đều do người Khaleus và người sơn cước gài bẫy sanh cầm hoặc tuy bắt được còn sống nhưng đã

---

(1) Ocellé: có điểm tròn hình giống con mắt.
(2) Argus: loại trĩ riêng xứ Ấn Độ.
(3) Lấy tên ông tìm gặp và thấy lần đầu chim trĩ tại Việt Nam mà đặt: ông Rheinardt.
(*) Bác vật : nghĩa là kỹ sư - từ cũ (Bt)

phạm thương sau rủi ro mà chết; nhưng xét ra chim này mắc bẫy mắc lồng cũng vì tánh ưa phùng xòe khoe múa trước chim mái. Về sau nghiệm ra một con chim trống sanh cầm, dưỡng nuôi săn sóc kỹ lưỡng cách nào, được tự do thế mấy, cũng phải ít nữa đôi ba năm mới quen lồng và khứng múa me trước chim mái: đủ biết loài trĩ chỉ thích sống tự do ngoài trời, không ưa cảnh bó buộc trong lồng và luôn luôn nhớ cảnh rừng rú núi non của nó. Trĩ nuôi có khi cũng đẻ trứng, nhưng ấp ít nở, dầu nở chim con sống vài tuần nhựt rồi cũng chết (có lẽ vì lúc ấy khoa nuôi chim chưa tiến bộ).

Khoảng năm 1850 và năm 1856, ông J. Verreaux, nhà bác vật học phụ trách Bác vật viện Paris, có để ý đến sự cách biệt giữa sắc lông trĩ Mã Lai (Argus de Malaisie, Argusianus Argus) lại với vài lông chim trĩ rời rạc mua nơi xứ nào không rõ ất nhưng lúc ấy nguyên của vườn bách thảo Paris tàng trữ. Sau khi khảo xét chắc chắn, J. Verreaux bèn quả quyết rằng lông chim rời thuộc một loại trĩ lạ, chưa ai từng khám phá, và nhơn vì lông này có hoa tròn như con mắt, nên y đặt tên là "Argus Ocellatus". Về sau, tên này đều được các chuyên gia nhìn nhận là đúng (Ch. Bonaparte, G.R. Gray, v.v...)

Có nhiều nhà du lịch từng gặp nơi nhà hoặc trên tay người Việt thời ấy những lông chim lạ này mà lúc đó chưa ai bắt gặp nơi chỗ nào khác bao giờ. Tập san T'oung Pao năm 1904, số 5 trương 553, thuật lại năm 1819-1820 đã có trung úy Rey viếng núi Ngũ Hành tại Đà Nẵng. Nơi đây Rey thấy nhiều giống chim lạ chưa từng gặp chỗ khác nhứt là Rey thấy một bộ lông quí, theo Rey giống chim sản xuất mớ lông này dường như chỉ sanh sống riêng biệt vùng núi non hiểm trở đất Phú Yên mà thôi. Người bản xứ gọi đó là *kim try* (chim trĩ) và kính như thần điểu. *Kim try* lớn bằng chim bồ câu, mỏ đỏ, đầu đen, cổ trắng, cánh màu hoàng kim (vàng), ức bụng và lông đuôi thì màu xám tro.

Lạ nhứt là đuôi lông dài trên tám thước mộc (8 pieds). Chính là lông Rey thấy, tuy đã ngắn đi một đoạn, vẫn còn đo được 5 pieds 2 pouces (5 thước 2 tấc Anh). Tuy còn đôi chỗ lệch lạc, nhưng tài liệu này nay nghiệm ra quả phù hạp với tình trạng con Rheinardie d'Annam vậy.

Năm 1871, một điểu cầm gia khác, ông D.G. Elliot lại khảo về chim trĩ này và viết bài khảo luận xác đáng hơn bài của trung úy Rey. Trong sách in năm 1872 nói về loại chim Phasianidé (các loại trĩ), Elliot in hình màu một lông đuôi trĩ (faisan Ocellé họa hình lớn bằng lông chim thật. Ngờ đâu bài khảo luận của D.G. Elliot gây ra một cuộc bút chiến sôi nổi giữa ông và các điểu cầm gia khác. Elliot bị chế nhạo đủ điều, có kẻ lại nghi ông lấy lông công "paon spicifère" mà gán cho con chim ông mô tả. Học giả khác lại cười ông khéo bày một con chim quái gở bằng cách mượn vài lông rời rạc mà đồ chừng một con chim hình sắc như vậy, kỳ trung chê Elliot chưa thấy nguyên hình con chim "lạ" ấy bao giờ.

Khen cho Elliot chẳng sờn lòng, nán đợi đến năm 1882, tìm dịp "trả đũa" và trưng bằng chứng hẳn hoi để cải chính cái dốt nát của các điểu cầm gia khác và bêu giễu họ lại. Cũng năm 1882, Bác vật việnParis tiếp nhận hai bộ xác ướp chim trĩ còn nguyên vẹn do miền Trung phần Việt Nam gởi qua:

1) Bộ thứ nhứt mua hai ngàn quan tiền Pháp, do nhà điểu cầm Maingonnat gởi; chim này do Trung tá Rheinardt, tùy viên sứ quán Lang-sa tại Huế tặng ông;

2) Bộ nhì thì Viện Bác vật tiếp nhận của Le Myre de Villiers, viết lộn chăng? Thực ra: Le Myre de Vilers lúc ấy là thống đốc Nam Kỳ, được triều đình Huế biếu.

Bài phúc trình gởi lên hội nghiên cứu thú cầm Pháp quốc đề ngày 12 tháng sáu năm 1882 và loại trĩ này được đặt tên là

Argus Rheinardi, Rheinardia Ocellata, Rheinardius Ocellatus, Rheinardtius Ocellatus, v.v... rốt lại hội thú cầm lựa danh từ đầu tiên mà đặt tên chim; danh từ ấy đến nay vẫn dùng, ấy là "Rheinardia Ocellata" (J. Verreaux).

Tập san "Science pour tous" (Khoa học cho khắp mọi người) số ra ngày 8 tháng Bảy năm 1882, tả hình trạng chim trĩ xứ Việt Nam rõ rệt lắm. Qua tháng Chín cũng năm 1882, tạp chí "La Nature" khắc bản cây in thành sách hình trĩ này.

Hai con chim kiểu mẫu đầu tiên của Bác vật viện Paris vốn là hai trĩ trống tìm gặp tại đỉnh núi hướng Tây gần kinh đô Huế.

Tiếp theo đó, bác sĩ Philipp, cũng là tùy viên sứ quán Pháp tại Huế, gởi thêm tài liệu rành rẽ về chim trĩ, những tài liệu này nghiệm lại khá đúng và vẫn còn dùng được.

Bác sĩ Philipp cho biết chim của Trung tá Rheinardt gởi qua Pháp, nguyên của mục sư Renauld, chủ đồn điền Ba Trúc (cách Huế hai mươi cây số ngàn) được người sơn cước biếu. Lúc dâng cho mục sư, chim vẫn sống nhưng có lẽ đã bị thương. Chim chết đi, Renauld lấy da lông dồn thuốc, ướp xác kỹ càng, thịt thì nếm thử, nên viết trong thơ rằng: "Đây là con chim trống. Thịt nó màu sậm và ngon như thịt chim faisan"[1]

Cả hai giống chim faisan Ocellé và chim Carpoccoccyx đều thần bí lắm. Không bao giờ các tay khảo cứu hoặc nhà điểu cầm thấy nó tại chỗ sinh sống của nó, mặc dầu biết chắc nơi trú ẩn của hai loại này chỉ là vùng đèo Hải Vân và đèo Phú Gia mà thôi.

---

(1) Lão Renauld về sau còn tìm ra một giống chim lạ nữa, đó là cu đất, đặt tên là Carpoccocyx Renauldi.

Nhiều đoàn thám hiểm như phái đoàn Pavie, đoàn của bác sĩ Harmahd, phái đoàn của hầu tước Barthélemy, vẫn tốn rất nhiều công phu, tựu trung không thâu lượm kết quả là bao cho ngành động vật học. Loài thú cầm Đông Dương nói chung và của Việt Nam nói riêng, về sau được thế giới chú ý nhiều là vào những năm gần đây mà thôi.

Phái đoàn Delacour được chánh phủ Pháp thời ấy trợ cấp dồi dào nhưng cũng không làm gì có kết quả; di tích chim trĩ faisan Ocellé vẫn mai một và bặt tông tích cho đến năm 1882 mới khởi công tìm tòi lại nữa. Một dịp may bất ngờ xảy ra trong thời buổi ấy là người sơn cước Khaleus hiến nạp một lúc cho phái đoàn: đến cả sáu chục chim trĩ; tiếc thay khoa học thời ấy chưa biết cách thế nuôi dưỡng loài chim chóc để chúng bị chứng bạch hầu (diphtérie) mà chết lần mòn. Một vài con sót lại khi chở qua đến bến tàu Marseille, lối tám ngày sau cũng "ngủm cù đèo" luôn.

Ngày nay, nhiều vườn công cộng Âu Châu và nhiều tư gia các nước vẫn nuôi chim faisan Ocellé d' Annam và chim vẫn sanh sản như ở rừng rú (nghe nói ngoài Huế có người nuôi).

Phái đoàn Delacour xuất hành trước sau làm bốn kỳ và kết luận là giống trĩ Faisan Ocellé gần như là chim riêng biệt xứ Việt Nam, chỉ sanh sản tự do trên khuỷnh đất này; như cũng thì dãy Trường Sơn (Chaine Annamitique) nhưng triền núi bên Lào thì không có chim trĩ ở và chỉ triền bên Việt Nam mới có chim trĩ ở mà thôi.

Trong bộ sách "Transactions Meiji Japan 3 ty", quyển thứ XXIII, xuất bản năm 1925, từ trương 1 đến trương 13, nhà điểu cầm Nhựt M.U. Hachisuka có viết một bài khảo luận về chim phụng hoàng Trung Quốc, và ông này đề quyết phụng hoàng đích thực là chim trĩ faisan Ocellé d' Annam của nước ta vậy. Năm xưa, ông Jabouille có xin phép Hachisuka dịch bài khảo

Nhựt ngữ ra Pháp văn, đăng trong tập san Đô thành hiếu cổ (B.A.V.H) nay tôi mạn phép dịch lại văn Việt như sau:

Đã nhận ra chim phụng hoàng rồi.

"Có hai giống chim linh, thường được các sách vở Trung Hoa, Nhựt Bản nhắc đến; ấy là *phụng hoàng (feng huang)* và *loan* (lủan). Nhựt gọi *Hô O và Ran* (luan), Anh gọi *Phoenix*".

Chim phụng và chim loan thường vẽ hình gần như nhau. Họa sĩ Trung và Nhựt đều vẽ một cách; lúc vẽ thường phỏng theo hình gà rừng, hình con công hoặc một loại trĩ xứ khác. Từ thuở nào đến nay, các điểu cầm gia Á Đông vẫn in trí rằng *phụng* và *loan* là linh điểu, chỉ trong thần thoại mới có, nên không mấy khi tìm tòi kiếm thế tả hình dạng nó ra gần như thực, và đinh ninh trong óc nước nhà thái bình thạnh trị mới có giống chim này xuất hiện.

Danh từ gọi chim này trong Nhựt ngữ xét lại thì gần đúng danh từ của đời thượng cổ trung Hoa:

HÔ (P'ÊNG) (BẰNG) là danh từ đời xưa dùng để gọi giống chim to lớn khác thường *(đại bàng điểu)*. Sau đó đặt ra danh từ *HÔ (FENG) (PHỤNG)*. Những danh từ này lúc đó đồng nghĩa với nhau. Tục truyền khi chim phụng bay, thì có cả bầy chim khác giống cùng bay theo chầu hầu, kể cả ngàn con như vậy; vì đó danh từ *HÔ (P'ENG) (BẰNG)* được dùng để chỉ người bằng hữu. Lần hồi, Trung Hoa và Nhựt Bản đồng bỏ nghĩa thứ nhứt và dùng danh từ *"BẰNG"* với nghĩa thứ hai của nó là bạn hữu.

Tác giả Nhựt, ông Hachisuka, nhứt quyết *Phụng hoàng điểu* quả là giống faisan Ocellé (Rheinardia Ocellata), còn *Loan điểu* lại là con faisan Argus xứ Mã Lai (Argusianus Argus). Hachisuka phân tách hai loại chim như vầy:

Sách tả "Phụng hoàng" và "Loan":

- Đầu gà, cổ rắn, cằm én, lưng rùa, đuôi cá. Lông ngũ sắc, bề cao độ sáu thước mộc. (Cet oiseau a une tête de coq, un cou de serpent, un menton d'hirondelle, un dos de tortue et une queue de poisson. Il a cinq couleurs et sa hauteur est d'environ six pieds).

Bây giờ ta hãy lần lượt phân tách từng chi tiết trong con chim faisan Ocellé:

1) Đầu gà (tête de coq). Sự thật đầu chim trĩ khá giống đầu gà cồ.

2) Cổ rắn (cou de serpent). Cổ chim trĩ dài, khi đứng thường cất cao như cổ rắn, thêm ít lông (peau presque dénudée du faisan Argus).

3) Cằm én (menton d'hirondelle). Tác giả viết, tôi không hiểu nên lược bỏ.

4) Lưng rùa (dos de tortue). Lưng chim trĩ faisan Ocellé d' Annam, lông xếp lô nhô, chót cánh thêm tỉa ra đều đều và có chấm lăn tăn hình vẽ lục giác gần như da qui. Những đốm những lằn trổ như vậy khiến ta tưởng tượng giống da rùa, da qui cũng được. Có sách xưa tả lưng trĩ da hổ.

5) Đuôi cá (queue de poisson). Hình chim trĩ khô, đuôi trĩ dẹp dẹp gần như bánh lái thuyền, tạm gọi giống đuôi cá cũng được đi.

6) Lông trĩ năm màu (cinq couleurs). Người Trung Hoa ưa nói "ngũ" *(năm)*, nói "thất" *(bảy)*, nói *thiên*, nói *vạn*, tựu trung đó là số nhiều.

7) Trĩ cao sáu thước mộc (six pieds de haut). Vấn đề thước tấc Trung Hoa, không có chi là nhứt định. Tùy thời đại, tùy địa phương, cây thước mộc dài ngắn khác nhau. Thêm nữa nào ai rõ được khi người xưa tả hình dáng chim trĩ, đo bề cao đo từ

chót mỏ dài đến chót đuôi, hoặc từ trên đầu đo xuống cẳng, đo chim nằm hay đo chim đứng? Trong câu văn của Tàu: *Con gà con chín màu trốn trong cụm rừng rộng ngàn dặm:* (un poussin de neuf couleurs dans une forêt de mille li). Nay tả chim trĩ lông đủ năm sắc (un phoenix a cinq couleurs) đố ai biết được ý tác giả muốn nói gì!

Đến như giọng hót của loài trĩ, tác giả Nhựt Hachisuka ghi chim trống có tiếng kêu nghe như *How How*[1], tiếng này lặp đi nhái lại mươi, mười hai lần mới chịu thôi. Khi chim trĩ gáy trong một khu rừng nào thì chung quanh nếu có trĩ nào thì con chim ấy tức thì đáp lại, gáy trả lời như gà trống trên sân nhà, dầu cho có tiếng súng nổ bên tai, chim trĩ cũng vẫn hót như thường.

Trĩ mái kêu tiếng nghe như *"How-Omoo, How-Owoo)*[2])" và tiếng chót lại ngân dài, kêu cũng lối mươi, mười hai tiếng, đến tiếng chót thì dồn dập giòn đều nghe như một dọc "Owoo". Tiếng chim trống và chim mái kêu nghe xa mấy dặm trường.

Tác giả Nhựt kết luận tiếng *Phụng* dùng để gọi chim trống và *Hoàng* để gọi chim mái, vẫn là tiếng nhái, nghĩ thanh từ của loại chim này (onomatopée).

Một điểu cầm gia nghiên cứu về loại trĩ xứ Mã Lai, quí danh là Beebe ghi rằng người Mã Lai gọi chim trĩ trống (Argus mâle) là *KUAN* hoặc *KUANG*. Người sơn cước Sakai lại gọi *KWAK*. Người Thái Lan gọi *"KYEK"*, thổ dân Sumatra thì gọi *KOEWEAU, KUAOW*, cũng là nghĩ thanh từ tất cả.

Nay quả quyết *phụng hoàng điểu* của Trung Hoa (phoenix chinois) và chim trĩ Việt Nam (faisan Ocellé) vốn hai mà một,

---

(1) Hãy so sánh với tiếng Việt, ta gọi "con công tố hộ" (gáy).

(2) Con công tố hộ.- Con công nó gáy làm sao?- Nó thụt đầu vào, nó xòe cánh ra, nó kêu "tố hộ", (câu hát xưa).

biết được như vậy rồi, nay trở qua tìm hiểu chim phụng về những chuyện hoang đường và linh thính chung quanh nó.

Tác giả Nhựt đinh ninh không thể bắn chim Argus bằng súng đi săn. Chim faisan Ocellé càng khó bắn hơn nữa, và thời đó, khắp hoàn cầu chỉ có bốn bảo tàng viện hãnh diện có trưng bày vài bộ xác loài chim trĩ.

Ông Beebe viết trong *"Monographie des faisans"* (tập ký sự đặc chủng về trĩ) rằng ông từng sống nhiều ngày giữa vùng có trĩ ở, từng nghe tiếng chim kêu, từng gặp lại dấu vết những sân trước đó không bao lâu có chim trĩ đến múa giỡn gáy sùy, nhưng Beebe nói không bao giờ thấy hình dạng trĩ sống lần nào. Đêm đêm ông nghe trĩ kêu, tiếng khi gần khi xa, biết chắc đó là giọng kêu chim trĩ, nhưng sáng lại theo dấu tìm thì không bao giờ gặp được trĩ sống giữa cảnh thiên nhiên, thật là huyền viễn lắm vậy (Truyện Tàu, sách Tàu, vẫn tả chim phụng kỳ kỳ xuất xuất, mầu nhiệm vô cùng).

Sử Tàu từng ghi có trĩ trắng, có phụng bạch, nhưng đời nay chưa gặp giống chim albinos (chim bạch tạng). (Hiện nay, tại thảo cầm viên Sài Gòn, vừa nhận được hai chim công (paon) trắng, mỏ trắng, lông trắng, chân trắng, từ ngoại quốc mang về, nhưng đó là ngoại đề, tôi không nói).

Tác giả Nhựt định nếu có chim bạch tạng trong các loại chim săn được, thì có thể trong các loại faisans Ocellés và Argus cũng phải có giống bạch tạng chớ chẳng không.

Sử Tàu ghi lại điềm chim trĩ trắng là điềm lành, triệu chứng đời thái bình thạnh trị, hoặc báo tin một vĩ nhân xuất thế, hay là sẽ có một sự thay đổi quan trọng. Nhật Bản vẫn tin như thế và chép rằng đời TEN CHI (vua Thiên Trí), TEMMU (Thiên Vũ), SOTOKU (Xưng Đức), vẫn có chim bạch trĩ ra đời.

Tác giả Nhựt ghi thêm rằng đã từng mắt thấy sáu con trĩ

bạch bày tại chợ nước Anh là Cambridge, thế là tại Anh quốc, trĩ bạch bày ra giữa chợ lại nhiều hơn khắp nước Trung Hoa.

Trên một bức tranh cổ Tàu, người họa sĩ vẽ hình chim phụng mà đến nay nhiều người ngờ đó là hình công là phải hơn.

Trong báo *Adversaria Sinica*, xuất bản năm 1905, giáo sư Giles, đồng ý với điểu cầm gia Newton mà đề quyết rằng "chim phụng và chim loan tả trong bộ sách Tàu *TU SHU CHI CH'ENG* vốn là: *1) chim phụng (feng)* vẽ theo chim công, loại *Paon cristatus* của xứ Ấn Độ, còn 2) *chim loan (luan)* vốn vẽ theo con *Argus* của xứ Bornéo và Malacca (Mã Lai).

Tác giả Nhựt viết đến đây ghi chú rằng ông đồng ý với Newton về điển tích *chim loan*, nhưng không đồng ý với Newton về điển ông nói *phụng* do hình chim công vẽ và tô điểm đôi chỗ.

Hachisuka giải nghĩa: "chữ *KHỔNG* (K'UNG) (Công) nghĩa là "lỗ", lấy tích đuôi công mới xem tựa như có lỗ y như lỗ con mắt. Trái lại từ xưa chữ phụng đã có từ lâu và không có tượng trưng bằng lỗ mắt.

1) Có một loại vịt gọi là *canard à tête de phoenix* (phụng đầu áp tử), cũng gọi là *canard à crête*, loại vịt này trên đầu có cái mồng *(crête)* lòng thòng ra sau như mồng con *Rheinardie*, còn mồng chim công thì khác xa và dựng đứng;

2) Lại có một loại cây kè gọi *palmier à queue de phoenix*, danh từ chuyên môn gọi cycas revoluta (phụng quật tiêu) lá như đuôi phụng;

3) Cũng có một loại cá kim ngư đuôi phụng, gọi *phụng quật kim ngư* (dorade à queue de phoenix).

Trong ba loại kể trên, không có loại nào áp dụng điển khổng tước (công), vì loại công thì mồng và đuôi không giống ba loại kể trên đây.

Giáo sư Giles vẫn thạo tích bà Tây Vương Mẫu đi đến đâu vẫn có chim phụng theo chầu. Giles so sánh Tây Vương Mẫu với nữ thần La Mã Juno, vì Junon cũng có chim công theo hộ giá. Nhưng giáo sư Nhựt Hachisuka cãi lại và dẫn chứng dựa theo sách Nhựt thì chim công hộ giá Junon là thuộc loại *Paon Cristatus*, tức công xứ Ấn Độ và không phải công xứ Trung Hoa. Trong điển Phạn (sanscrit) thì nữ thần kỵ công danh gọi *MAYURA* (paon). Nếu muốn đem Junon so sánh với nữ thần kỵ công thì có thể so với nữ thần Ấn Độ hơn là sánh cũng Tây Vương Mẫu Trung Hoa kỵ phụng.

Giáo sư Rapson rất sành về Phạn tự thêm quả quyết trong thần thoại Ấn Độ có nhiều vị nữ thần được họa hình có công theo hộ giá nhưng ông cẩn thật không dám chắc thần nào sánh được hay đối chiếu được với Junon của thần thoại La Mã.

Giáo sư Nhựt kết luận dẫn sao trĩ faisan Ocellé (Rheinardia Ocellata) của Việt Nam là chim làm kiểu mẫu để do đó vẽ hình chim phụng của Trung Hoa.

Giáo sư Nhựt đính chính rằng không hiểu sao từ trước các sách vẫn dùng danh từ "Phoenix" để gọi chim phụng. Theo ông không có điển tích nào nói *Phụng* đã tự mình biến hóa tái sanh trong đống tro tàn do xác mình bị hỏa thiêu, như trong truyện thần thoại con *Phoenix égyptien*. *Phụng và phoenix* khác nhau rất xa và tưởng không nên lấy danh từ "phụng" mà dịch danh từ "phoenix" vậy.

*

* *

Đến đây Jabouille trở lại thuyết của riêng mình. Ông nhắc

vùng Việt Nam có chim trĩ ở vốn xưa kia từng bị người Trung Hoa chiếm cứ lâu đời hoặc đã có dấu chơn người Nhựt Bản đến đó cư ngụ từ thế kỷ thứ 3 trước Da Tô đến thế kỷ 16, 17. Vùng Bình Định, Qui Nhơn, địa hạt Nha Trang là vùng chót Miền Nam còn lưu dấu vết chim faisan Ocellé.

Nhưng ta phải nhớ chỉ có vùng núi non này và vùng sơn lâm gần Thừa Thiên, Quảng Trị, mới có chim trĩ faisan Ocellé ở. Tại vùng này, những nghệ sĩ, kép hát bội và vũ nữ bản xứ đã từng biết dùng lông đuôi trĩ làm vật trang sức gắn trên mão trong khi biểu diễn.

Tỉnh Quảng Trị (cách tỉnh lỵ ba mươi cây số ngàn đã có gặp trĩ rồi), là nơi trú ẩn đặc biệt của loại trĩ faisan Ocellé.

Trĩ faisan Ocellé còn ở đến chót Bắc vùng Nghệ An.

Người Tàu và người Nhựt phổ biến chim trĩ trong các thần thoại của họ, người Tàu gọi đó là FUNG (Phụng), người Nhựt gọi HÔ-O, cũng đồng một con chim trĩ Việt Nam. Chuyện thật mà trở nên chuyện hoang đường một cách dễ dàng, cũng vì khi xưa có một sự huyền ảo khó giải là loài trĩ từ thuở nào khó gặp tại nơi sinh sản, khó bắt sống, khó bắn chết theo phương pháp thời đó. Nhơn đó và để thêm vẻ linh thính, những lúc họa chim hay tạc hình vào đá, người thợ đã thi vị hóa, thêm nhuần thêm nhụy, vẽ giặm thêm vài chi tiết, vài nét tuy không đúng sự thật nhưng tăng phần huyền ảo rất nhiều.

Đời xưa chưa có phương pháp khoa học thâu hình như hiện nay (tỷ dụ máy chụp ảnh), nên cũng khó mà tránh sự lầm lộn khi mô tả những loại gần giống nhau, tỷ dụ *phụng, loan, trĩ, công*... Nhứt là tranh cổ thường có sự lẫn lộn về chim phụng. Có nhiều bức tranh, vẽ chim phụng, phần chót đuôi lại điểm chấm như điểm chấm đuôi chim công, quên rằng đối với mắt nhà chuyên môn: đuôi trĩ có hình như dấu lỗ con mắt "Ocelle",

vả lại nhọn nơi đầu, còn đuôi chim công thì rất khác.

Cổ nhân, khi vẽ chim phụng, tô điểm đủ màu, nào xanh da trời, xanh chói lọi màu lá cây, chỗ khác đỏ hồng tươi rói, không khác vẽ hình chim công; như thế là lầm to, vì chim faisan Ocellé, lông màu đỏ sậm như màu già nâu lợt (brun), lại thêm có chấm chấm vàng không thể lẫn lộn. Sự vẽ lầm, họa hình lầm ấy cũng dễ hiểu khi ta biết được thường chỗ nào có chim trĩ ở thì lại cũng có chim công ở lẫn lộn theo. Sự lầm lộn và vẽ lầm lại dễ xảy ra vì lỗi ở thợ săn, đa số khi săn được chỉ lấy lông đuôi trĩ đem về, không đem nguyên xác chim trĩ, bởi đó họa sĩ nào thiếu kinh nghiệm, chưa thấy kim trĩ thiệt, ắt làm ngay.

Sài Gòn, ngày 31 tháng Giêng 1961.

PHẦN THỨ BA

THÚ CHỌI GÀ

Con gà tốt mã vì lông,
Răng đen vì thuốc, rượu nồng vì men.
(Ca dao xưa)

Đã đăng tập san "MAI" 1961

Gởi cho ai đây?

- Năm 1921, hụt vợ cũng vì ham đá cá, đá gà. Mỗi mỗi, mẹ nàng đều khen, duy *bộ vó chơi bời* ngán quá!

- Năm 1941, hay tin nàng thất bại tình duyên. Ít lâu sau, nàng gởi hai câu này, trước khi nhắm mắt:

Xổ gà, cáp cá thia thia,

Bài chim, Thính cẩu, Tùa Hia ngon lành!

Không gọi *thằng chơi bời*, tặng hai chữ *ĐẠI HUYNH* (Tùa Hia) thì đã không còn. Nàng ôi...

- Năm 1961, chép lại *NHỮNG THÚ PHONG LƯU CŨ MỚI* tặng nàng:

Vô ích !!!

Cá, gà, bài bạc nay đều là "đồ quốc cấm". Còn chăng là chút dư vị năm xưa:

Nhứt là chúa nhựt xổ gà,

Nhì là hớt cá, thứ ba gầy sòng.

Nàng hãy đợi tôi!

Ngày 19 tháng 6 năm 1961

V.H.S

Thay lời tựa

Theo tôi:

Không thú chơi nào sung sướng và *thể thao* bằng *tự mình săn sóc con gà nòi:* ôm nó trum trủm vào lòng, khi cho ăn, khi tắm, khi làm cựa, khi bồng nước,...

- Người trong cuộc gọi *đó là thú phong lưu;*

- Khách ngoài vòng sẽ cười: *"Nhà người bị con gà hành tội".*

*

*   *

Mấy ai từng say mê vì gà, bỏ nhà bỏ cửa, lội bộ năm sáu ngày đường, tìm chuộc giống hay...

Ấy là thầy tôi, tôi xin thọ giáo.

Juin 1961

Tưởng niệm ân thâm:

Năm 1960 vừa qua, tôi có phần nào an ủi vì được về thăm quê tại Sóc Trăng ba lượt:

- Hai lần đầu, ngày mồng Năm tháng Tư Canh Tý (5-4-1960) và ngày mồng Chín tháng Mười (9-10-1960): lúc ấy, BA tôi còn mạnh, thấy tôi về mừng, chuyện trò hỏi han...

- Kỳ sau, ngày BA mươi mốt tháng Chạp Dương lịch (31-12-1960) cũng là lần chót: BA tôi vừa qua cơn cảm. Lên xuống thang lầu tuy không cần dìu đỡ (BA tôi cho đến mất, không dùng gậy bao giờ), nhưng yếu đi nhiều. Tôi muốn rước thầy. Ba tôi cười: *Đèn hết dầu thì để cho nó tắt! Đừng làm rộn mất công người ta!*

Dè đâu đó là lời trối. Ngày 18 tháng Giêng D.l. 1961, tôi được dây thép về nhà chỉ kịp vuốt mặt...

V.H.S

Hai lần về quê năm 1961, tôi lưu tâm đến một thứ phong lưu, nay gọi lỗi thời, nhưng lúc tôi nhỏ, buổi Tây còn, rất thạnh hành trong đồng bái:

THÚ NUÔI VÀ ĐÁ GÀ NÒI

Bạn Nguyễn Hoài Trang, thông phán về hưu ở chợ Sóc Trăng và người em bạn dì, chú Trầm Tư ở Tài Sum, hai người thuật chuyện chơi gà cho tôi nghe, cách nuôi làm sao, cách đá làm sao, ăn gian bí quyết nhà nghề thế nào, mãn giờ này qua giờ nọ, tôi chưa đã con ráy...

Mấy lời ký chú đinh ninh, nay chép lại, sau nhiều tháng bỏ bê vì hiếu sự, tưởng những tay mê gà, vẫn còn nhiều, sẽ tha thứ khi đọc những hàng này. Có chỗ nào sai sót, bây giờ mình đừng giấu nghề nữa, xin chỉ bảo thật tình. Tôi xin bái lĩnh lời vàng và luôn luôn nhớ câu: *Học sư bất như học hữu.*

Ngày nay đá gà đã cấm.

Nhưng đây là thuật lại chuyện cũ, thói cũ để đánh dấu một thời xưa, tưởng cũng nên.

Cấm đá gà chớ đâu cấm nói và nhắc chuyện đá gà và đá cá thia thia...

Dẫn

Tự thuở nào, thích thú nhứt của tôi là được rảnh rang, ngồi thư thả tra cứu bộ sách Thầy: *Đại Nam Quốc Âm, Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Của. Hôm nọ, nhơn lật quyển II, bản in năm 1896, tr.155, về chữ “NÒI” tôi đọc:

NÒI: n. dòng, giống.

NÒI NẴNG: như trên.

CON NÒI: con chính dòng thông minh.

GÀ NÒI: gà người ta nuôi mà đá độ, chính là giống gà tốt.

NÒI NÀO SANH GIỐNG ẤY: nòi tốt sinh giống tốt.

RẶT NÒI: thật giống, thật nòi; không lộn lạo, chính là máu một thịt, không phải là chạ.

MUA NÒI: mua giống tốt, cho được nối sinh (nói về nuôi tằm).

ĐỂ NÒI: để nối sinh (thường nói về gà).

NỐI NÒI: n.t

MẤT NÒI: không dư giống ra được (nói về gà).

TUYỆT NÒI TUYỆT GIỐNG: tuyệt giống, không còn nối sinh được.

THẬT NÒI: chính là dòng giống tốt.

RÒNG NÒI: n.t.

ĐẠO NÒI: đạo giữ đã từ nhiều đời (đạo đây là religion).

NÒI ĂN CƯỚP: quân ăn cướp, con cháu kẻ trộm cướp.

NẠ DÒNG: đàn bà đã đẻ nhiều con nhiều lứa (T.d. Nạ dòng trang điểm hãy còn xuân xanh. Tự điển Khai Trí).

*

*   *

Xem tự điển Huỳnh Tịnh Của chưa đã thèm thì tôi xem qua những tự điển, tự vị khác:

Quyển GÉNIBREL, bản in 1898, viết:

CHÓ NÒI:

GÀ NHIỀU NÒI:

Lai-, lộn-, lại-, pha-, rặt-, ròng-, chính-, thật-, hệt-, để-, để làm nòi, hết-, tuyệt-, mất-, Bút nghiên nghề, đồ-, bị ăn trộm lấy hết đồ nòi.

*

*   *

Day qua tự điển GUSTAVE HUE, bản 1937, thấy:

LẤY NÒI: gây giống, cho nhảy đực.

GIỮ PHƯỜNG NÒI: giữ giống dòng.

THẰNG ẤY NÒI LẮM: nghĩa là tinh ranh lắm.

CÂY NÒI: một loại cây tạp, thớ màu vàng.

*

*   *

Bộ Khai Trí Tiến Đức bản 1954:

BẢY NÒI: nghĩa rộng: thạo, sành một việc, một nghề gì,

Tỷ dụ: đánh bạc nòi.

Khen rằng ấy thực đại gia con nòi (Nhị độ mai).

Cảnh hoa việc biết, bút nghiên nghề nòi (N.đ.m.)

*

*   *

Tự điển Đào Văn Tập, bản 1951, vỏn vẹn:

NÒI: dòng, giống. Tỷ dụ: nòi quyền quí, con nhà nòi.

*

*   *

GÀ NÒI - Tóm lại:

Trong Nam gọi: GÀ NÒI

Trung gọi: GÀ ĐÁ

Bắc gọi: GÀ CHỌI

NÒI, ĐÁ, CHỌI, ba nơi gọi ba cách, nhưng khắp nước, ai ai cũng biết đó là một giống gà rất khác hẳn các gà thường thấy.

NÒI, ĐÁ, CHỌI, tánh tình dữ tợn, hung hăng "chánh thị *anh hùng*", ưa đánh đá, nhưng không bao giờ hiếp kẻ yếu và mỗi khi đá lộn, tỏ ra vô cùng gan dạ, "thà nằm chết trận tiền, chớ không chạy bậy".

Hình thù

Gà nòi không ô dề như gà nuôi để làm thịt, cũng không lượt bượt mặt tái mét như con gà trống thiến.

Gà nòi gọn gàng, hùng dũng, lanh lẹn, toàn thân gân xương: hai giò cao nghệu, cứng rắn; cần cổ liền lạc, khi thì biết dài ra như tay võ sĩ với đánh thế độc, khi thì biết co quắp rút ngắn để giữ thế thủ; bộ mặt lúc nào cũng vừa lanh vừa sắc, lầm lầm lỳ lỳ; cặp mắt chớp có sao; mỏ sắt, cựa thép, cắn đâm đâu dính đó; tiếng gáy hoặc dài hơi để tỏ sự bền sức, chịu đựng giỏi, khi vắn tắt để tỏ sự muốn dứt nhau, chém ngã cấp kỳ; và luôn luôn *gà nòi* có giọng hạp thời: giọng *túc con* để con biết mình là tay anh cả có đủ tài bao bọc che chở, giọng *túc mái* để gọi ai kia đến đây làm bạn với ta nào.

Tự ngàn xưa, *gà nòi* bị lợi dụng nhiều hơn ai: chủ cho ăn không đầy một nắm lúa, bắt làm công việc tày đình, bắt chọi, bắt đá, bắt làm món đồ chơi giải trí... Dã man không thua đấu bò ở Tây Ban Nha, cuộc chọi gà càng đổ nhiều máu mủ, con người càng hừng chí say sưa quăng, bắt, cá, cuộc.

Nền đá chạm thơ mộng Đế Thiên, vách đá cổ xứ Phật hiền lành Ấn Độ, đá chạm thực thể Mã Lai, Phi Luật Tân, Thái Lan, chí những gỗ chạm đượm màu Lão Trang đình Đình Bảng (Bắc Việt), đâu đâu cũng ghi những buổi đấu kê làm kỷ niệm, sánh đồng hàng với nghề đánh vật, con gà con kê mà hiển hách không kém anh hùng danh tướng cổ kim.

Chẳng nên lầm lộn con gà nòi, thuộc dòng võ sĩ, cùng với *gà chạ*, hoặc giả như:

- *Gà ác:* lông trắng xù, xương đen, thịt đen, bàn chơn năm ngón, chỉ biết đá trong nồi canh thuốc Bắc;

- *Gà cỏ:* tức là gà rừng nhỏ con; khi gọi *gà ri, gà che*, lâu ngày biến thành *gà tre* tưởng nó ở bụi tre, kỳ thật *gà che* do chữ Miên *Mon che* (gà rừng xứ Thổ);

- *Gà đồng:* chánh danh là con ếch;

- *Gà gô:* chánh thị đa đa;

- *Gà hoa:* gà tơ không thiến;

- *Gà hồ:* giống đặc biệt của tổng Đông Hồ (Bắc Ninh);

- *Gà kiến:* gà nhỏ con, lông đỏ như màu cánh kiến;

- Gà *kim tiền:* cũng gọi *cẩm kê*, là gà lông như lòng công, mà chân thấp;

- *Gà lôi:* ai ai cũng biết đó là con dindon xứ Hoa Kỳ;

- *Gà mờ*: người biết mập mờ, không rõ ắt (phải do "gà mù" chăng?)

- *Gà mở cửa mả*: người đần độn, không khác con gà dùng trong lễ mở cửa mả người chết, lễ rồi thả gà, nó đứng lừng khừng, không biết hướng mà chạy kiếm ăn;

- *Gà pha*: là gà nòi đã lai giống, giống đã pha rồi;

- *Gà ri*: đã nói rồi nơi gà cỏ; đây chỉ nhắc để gọi người đẹt con. (Đồ gà ri mà dám lấy Mẽo cồ).

- *Gà rừng*: giống gà sanh sống trong rừng, con trống thích gáy buổi sáng sớm, làm tàn; con mái, hy sinh vì con, nuôi ấp đã giỏi, thêm trốn kẻ thù tài tình;

- *Gà sao*: là con gà Nhựt Bổn, lông có đốm như sau: pintade;

- *Gà tồ*: cũng gọi *gà cồ*, gà to con, ngộc nghệch, ít lông.

Tùy địa phương, tùy sắc tố, *gà nòi* được tặng (trong nhiều tiếng lóng từ Bắc chí Nam, do người đồng nghệ chế biến đặt ra), nào là:

Gà *bướm*: sắc lông lốm đốm, đẹp như con bướm;

- *bông*: sắc trắng lẫn đen, lộn trổ như bông, hoa;

- *bông dâu*: một loại gà bông;

- *bông lau*: lông pha đốm như hoa lau;

- *bông trích*: gà bông, mồng như mồng chim trích;

- *bông nhạn*: trắng nhiều;

- *chuối*: sắc pha như đọt chuối;

- *chocolat*: đỏ màu chocolat. Năm xưa ở Sóc Trăng, có gà như vậy, nhưng chủ nó không khứng dùng danh từ Pháp, nên gọi gà *Ngột Truật*, nhắc nhở tên tướng Phiên tóc râu đỏ hoe từng đối địch đương đầu cùng danh tướng Nhạc Phi đời Tống;

Gà điều: lông đỏ sậm;

- *điều lau*: gà điều có bộ lông mã pha đốm trắng như bông cỏ lau;

- *hoe*: gà vàng có điểm đỏ hay trắng;

- *nhạn*: gà sắc trắng phau, cẳng vảy trắng xen kẽ đỏ, mỏ trắng, con mắt bạc. (Ai gọi tiếng ta nghèo? Tỷ như cũng thì *lông trắng*, nhưng phân ra: gà nhạn, ngựa kim, chó cò, trâu cò, bạc tóc, bạc râu...)

- *lau*: cũng như gà bông lau.

- *mái lại*: gà trống lông mã to sợi như lông gà mái.

- *ó*: lông như lông chim ó. Cũng gọi *gà đỏ mái lại*.

- *ô*: lông tuyền đen.

- *ô mái lại*: lông đen, mã như mã gà mái ô.

- *xám*: lông màu xám, như tro.

- *xám ô:* vừa xám vừa ô.

- *xanh:* gà chân xanh - *xanh lau* - *vàng, điều* ô vân vân có cặp chân xanh	Giống gà chân xanh, thường cặp mắt như mắt ếch; gà này có tiếng là lỳ lợm gan dạ nhứt. Có câu ví: *chân xanh mắt ếch, đá chết không chạy*. Do giống gà ở Long Khánh (Tân Châu) có trước.

- Gà khác với *chân xanh* là gà *chân trắng, chân vàng* và gà *chân có lông* (gà xứ lạnh). Gà chân lông có lẽ lai gà gốc gà Tàu. Khi con gà chân lông đá hay thì hay độc địa. Nhưng phần nhiều đều dở, dở như Ba Tàu: nhát đòn, ưa chạy bậy; đâm gà kia đổ máu, rồi thấy máu chạy khan, vì sợ mắc nhơn mạng!

- *Gà cúp:* rất khác với gà có lông đuôi, là con gà cúp, chẳng có phao câu, cũng không có một sợi lông đuôi nào. (Gặp gà hay thì hay tuyệt, nhưng cũng ít người thích nuôi, vì mỗi khi cáp độ, đều chịu thua sút con gà kia; thậm chí vào trận nhứt là ngộ nước suy sút thì té lụi đụi, khó đứng vững, vì chưng thiếu mất một binh khí lợi hại (bộ lông đuôi) để chống đỡ lúc ngặt nghèo. Lúc ngặt nghèo có cây chổi cùn trong tay cũng chống cự được, huống chi là thiếu bộ lông đuôi trong thân con chiến kê. Gà cúp ngày nay ít thấy, vì ít người chịu nuôi, bợm nhậu là thù nhứt vì thiếu mất một món trong *nhị khoái*. *(Nhứt phao câu, nhì đầu cánh)*.

- *Gà hóc:* nói về gà khi đá độ, mau mệt, thở không kịp.

- *Gà rù:* gà rút cổ kêu tiếng buồn buồn.

- *Gà nổ:* không phải gà sắc lông đốm đốm như bông nổ. Nổ đây là bật vỡ ra, vì *gà nổ là gà thua độ*, bao nhiêu vảy và lông tai đều hở hang ra, xem thấy là biết liền đó là con gà thu độ.

- *Gà niền*: con gà thua độ, đem về nuôi lại cho sung để gạt bán cho tay mơ hay gạt người nóng tính bắt gà ấy đá nữa thì mình cứ theo bên gà kia là ăn chắc. Gọi *gà niền* phải chăng là ý muốn nói vật ấy, gà ấy đã hư nứt, nay phải đánh đai niền mới tạm dùng được.

- *Gà rót:* Cũng là gà thua, đã chạy một phen rồi, nhưng chạy đây là chạy tại sân nhà, thua con gà lớn vóc cao niên chớ chưa ra trận tiền thử sức lần nào. Có khi cũng chưa từng chạy, nhưng vì trong mình không khỏe nên không hiếu chiến, không khác người đau, không ham gây gổ, thuốc điếu, đàn bà, cũng đều chê! Cũng gọi *gà chạy mặt;* và có ý xem, *gà rót và gà chạy mặt* tướng hình như nhau: bộ tịch khúm núm, cánh treo tóp, mỗi lần gặp gà khác thì quạt quạt hai cánh muốn bắt bồ và nhắc *bao giờ tôi cũng nhớ trận đòn năm xưa!* tiếng kêu *cót cót* bi ai!

- *Gà ăn vớt, gà thua vớt:* Gà đá chưa xong độ, ăn thua chưa kết thúc, nhưng hai chủ vì tiếc gà hay nên bắt lên không cho đá nữa. Gà này nuôi lại, đá lại độ khác còn được.

- *Gà ức độ:* Trái với gà rót là gà ức độ, hai cánh xệ xệ, phùng xòe, miệng túc con túc mái phở lở, nhưng vô ích, vì chủ dốc lòng không cho gần mái kia mà.

- *Gà cóng độ:* Cũng như gà ức độ, *cóng độ* là gà nuôi quá lâu mà chưa đụng độ, sức có thừa mà chưa có dịp dùng, thành thử sức ấy dồn lại trong mình làm cho khó chịu. Cũng khúm núm, đi không muốn nổi, nhưng khúm núm đây là chưa có dịp trổ tài chớ chưa phải thua ai. Ta vẫn còn nói: *Lão này ứ hơi, như con gà cóng độ*, tuy cùng điển nhưng nghĩa có khác.

NAM NÓI	*BẮC GỌI*
Gà đem ra trường, sắp cáp độ	Gà sắp ra sới (theo Ô. Lê Huy Oanh, Ánh Đèn Dầu, 1961)
Ống chân gà, cẳng gà	Đôi khoản gà (n.t) (Theo tôi, nên viết "quản" như "quản bút" tưởng như vậy đúng hơn chăng? VHS)
Gà sưng chưn	Gà bị lậu đề (n.t.)
Gà đá ra trường, còn đứng nơi mức thép, nơi mức ăn thua	Con chiến kê, hay con gà chiến, ra trận, còn đứng ngoài sới (n.t.)
Gà đá chưn trơn	Gà chọi đòn (n.t.)
Đá đòn	Đòn đấm. (n.t.) Tỷ dụ: đòn đấm là bấu mạnh vào khúc dưới cần hoặc vào lưng kẻ thù rồi đá thốc khoản vào ngực (như trên)
Sỏ, mé	Đòn mé là đứng bên tống khoản vào mặt
Đá tạt	Đòn dọc là đứng trước địch thủ, đá vào cần hay vào mặt.
Khai vựa lúa, khai bồ lúa	Đòn hầu (mổ vào hầu, đá vào hầu) (n.t)
Xạ (đá hai chưn, mỏ không cắn gà địch) Tỷ dụ : gà mới xáp độ, sức lực đôi bên còn dư, nên ham xạ như hai tên tướng thép trên sân khấu thử tài cao hạ	Đòn buông

Điều cần biết là con gà, khi đá, không bao giờ biết đá một chân như bò (theo nghề võ, ngón ấy, ta gọi *đòn độc cước*), và luôn luôn tung hết cả hai chân, vừa cựa vừa móng, phóng tới, y như ngựa đá ra sau (võ gọi *đòn song phi*).

Gốc gác con gà chọi

Theo tôi tưởng, con gà chọi đã có từ đời Thượng Cổ. Á Châu, Ấn Độ, Đông Nam Á Châu, Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt, nơi nào, vùng nào miền nhiệt đới, đều có dấu chơn gà chọi. Gà chọi sanh ra, có lẽ do sự đúc nắn liên tiếp nhiều năm nhiều đời của giống gà thường: nơi nào thích *gà cựa* thì luyện cho con thú mọc cựa thêm dài để chém dữ đâm sâu, nơi khác ưa *gà đá đòn*, thì đúc gà lớn con, bay nhảy mặc dù chậm chạp, nhưng đá thật đau, đòn đồn như búa bổ. Đặc tính *truyền tử lưu tôn* của gà chọi là: ham chiến đấu, hình thù vạm vỡ, tài kiêm văn võ v.v....

Gà đòn, gà cựa.- Gà vùng Mã Lai, Cạo Miên, Thái Lan, lớn con nhưng đá chậm chạp; tuy vậy đòn nào chắc nịch đòn ấy: một đòn đá tỷ dụ vào cổ con gà của ta, thì đủ cho *con nòi Việt giãn cần chạy chết*. May sao, "gà Miền Dưới" có cái sở đoản là chậm lụt quá, nếu thừa cơ gà Việt biết dùng cựa mau lẹ hơn thì cuộc thắng bại chưa biết về đàng nào.

Tùy địa phương, con gà nòi đã thay đổi hình thù. Tỷ dụ ở Trung Việt, đá gà là món tiêu khiển của người lam lụ, khi hết mùa lúa thóc, rảnh việc đồng áng, khi ấy mới bắt tay chơi gà. Vả chăng tiền bạc ở ngoài ấy, không phải dễ kiếm, phải trầy vi tróc vảy mới kiếm ra, bởi rứa cho nên miền Trung thích chơi gà đòn, một độ dầu ăn dầu thua, cũng kéo dài trót mấy giờ đồng hồ, có khi từ sáng sớm cho đến tối mò, cũng chưa xong một độ gà, và làm sao đôi bên cũng coi thật sướng con mắt. Vì miền Trung chuyên đá *gà không cựa*, danh gọi *gà đòn*, nên có ý xem, gà nòi Trung Việt cựa mọc chậm và mọc ngắn: nó *nín cựa* vậy.

Rủi thời con nào cựa mọc quá mau quá dài, thì cựa ấy cũng có khi bị cưa bớt, không cưa cũng bị cà đầu cho cựa chai đi, không lú được nhiều hoặc giả khi cựa vừa bằng hột bắp, thì chủ gà đã dùng móng tay mỗi ngày mỗi bấm, bấm thét cựa ấy tà đầu, vô phương lú được. Như đã nói, gà đòn đá lâu lơ lâu lắc mới xong một độ, nhứt là khi hai con đều thấm mệt, thì thỉnh thoảng "trự" này mới nắm đầu "choa" kia đá đấm vài cái rồi lết bết cà khịa lại nữa. Như đã nói, đá gà là thú phong lưu của hạng người biết quí trọng đồng tiền đồng bạc, dầu cho nay có đem ra phung phí vào cuộc đổ bác thì cũng muốn dây dưa kéo dài cho thêm khoái nhãn.

Trong Nam, từ Tiền Giang xuống Hậu Giang đến miệt Cà Mau, mấy năm về trước, tiền rừng bạc biển, người dân có xu nhiều, cũng thay đổi cuộc giỡn tiền. Người Nam thích *đá gà cựa*, nên gà nào nấy cựa sắc lẻm như cặp "siêu đao". Gà miền Nam, lông cách lông đuôi thật nhiều, nhờ đó, giỏi nghề bay nhảy, thêm sẵn cựa dài chuốt nhọn hoắt, nên chi may rủi nội trong một ngọn cựa, thì đủ con kia nằm một đống, có khi vừa nháy mắt, đã đá xong một độ gà, và mỗi ngày cáp đá ba hay bốn độ là thường.

Từ Ấn Độ, Thái Lan, Mã Lai, đã có người lén đem giống gà hay giỏi qua đây cho nhảy với gà mái rừng, tuyển cái tài chịu đòn pha lại với cái nghề đá bay "bản xứ", nên lâu đời ở Việt Nam có nhiều giống gà nòi rất khác nhau: gà Bình Định, Bà Rịa, Bà Điểm, Cao Lãnh, Kế Sách v.v... chung quy tuy là nhiều giống, nhưng ta có thể gộp lại làm hai thứ chánh thức là:

- Gà đòn.

- Gà cựa.

a) *Gà đòn* - Gà đòn vốn là gà chưn trơn, không cựa, hoặc cựa mọc không dài, cựa vừa lú vậy thôi. Gà này lớn con, không

khác võ sĩ hạng nặng, có người đặt tên là *gà cù lự*. (Và cũng vì đó, ta có danh từ *thằng cù lự* để gọi những người vạm vỡ to xương). Gà cù lự có những đặc điểm sau đây:

- Lông thưa, tuy chưa hớt mà đầu trơ cổ trụi; lông cứng, giòn, dễ gãy; đá xổ vài lần, cù lự đã còi cọc, xem không *tốt mã* chút nào;

- Con mắt sâu hoắm, sâu lõm; da mí thật dày, tỏ ra tánh tình gan dạ nếu không nói là lỳ lợm;

- Cổ dài nhòng, không khác cánh tay nhà nghề của võ sĩ, để thò nắm đầu kẻ thù và để vói đánh những quả thôi sơn;

- Chân to cẳng bự: mỗi khi chạy rượt mái, trên sân đất, tiếng giẫm đụi đụi tưởng chừng thằng sơn đá nã tróc đàn bà. Chơn to ấy để đá đòn thật rát và thật xót xa. Vì không cựa, phải có chơn cẳng lớn, nhưng cũng vì quá lớn, thành ra chậm chạp, đá không kịp cựa đâm. Đá gà cựa, ngồi xem tưởng nhớ đến tích người Lôi Đại Bàng trong *Kiền Long hạ Giang Nam*, thí võ cùng ngươi Hồ Huệ Càn. Đại Bàng vóc to nhưng không đánh trúng tên tú tài học võ Thiếu Lâm Huệ Càn, thiện nghệ môn đá lên thêm mũi giày có giấu sẵn con dao nhọn làm ám khí. Trong truyện nói Đại Bàng về sau bị hạ, nhưng ngoài đời, khi gà đòn đá với gà cựa, gà cựa đâm chém nó nhừ tử, chừng cơn bão táp lướt qua, gà đòn nắm được gà cựa, đánh một đòn cũng đủ mềm xương gẫn lìa cuống họng. Kể về gà đòn, có tiếng nhất là gà Bình Định, không kém đàn bà xứ ấy, dầu chi cũng có một miếng võ thủ thân. Miền Bắc gà nòi ở đâu danh tiếng, tôi xin chịu dốt và cũng không muốn lòe đời bằng một sự nghiên cứu phớt qua. Trong Nam thì tôi biết có giống gà Bà Rịa rồi đến gà Bà Điểm, gà Hốc Môn, gà Cần Đước, gà Trảng Bàng, nhưng nếu hỏi khó tôi gà nào thật hay, tôi không trả lời vội và xin mời đến trường gà sẽ biết.

b) *Gà cựa*- Gà này chân nhỏ, có *bộ võ học trò*, nhưng đây là học trò có võ nghệ; thân hình liền lạc, toàn gân xương, không chút mỡ dư, thịt không bủng beo;

- Cựa dài, nhọn hoắt, sắc bén vô cùng. Gà cựa không khác kiếm khách, hiệp sĩ, võ sĩ, đi đâu cũng đá, tùy cặp phi kiếm, song đao. (Có khi con nòi già đạp mái, vừa trên mình mái bước xuống, là "mụ đầm" giãy chết dưới chân, vì lúc hai đứa tơ lơ mơ, cặp cựa đã ghim thấu phổi mụ hồi nào không hay biết);

- Mặt thật lanh, xinh tươi khả ái;

- Bụng dạ rất tốt, không ăn tham, được một hột lúa cũng túc mái túc con, tỏ ra mình là người anh cả trong sân, đủ sức đùm bọc.

(Tuy tôi không đá độ nào thật lớn tiền, nhưng thích gà từ thuở nhỏ. Tôi có một con, lén mua đến bảy đồng bạc (tiền năm 1915 lối đó), và thích ôm nó như ngày nay tôi giỡn ngọc thường ngày trên tay. Đến bây giờ nhớ con gà ấy tôi còn cảm tưởng êm đềm sung sướng như nhớ những anh hùng xuất sắc trong truyện Tàu).

- *Gà nòi cựa* miền Nam, lông lá phủ phê, luôn luôn tươi mướt:

- Lông cổ (lông bờm) thật nhiều;

- Lông mã (lông trên lưng) phủ giáp hai bên hông dài lòng thòng như áo giáp kép hát bội, xem rất xôm;

- Lông đuôi dài chấm đất, tỏ ra sự mạnh dạn dư sức, có khi phải hớt bớt cho khỏi lượt bượt. Gà nào lông đẹp, đuôi tốt, gọi "gà ấy có phụng vĩ".

Gà cựa miền Nam, lông nhiều và chầy ngày bị lông phủ kín, nên "trắng da trắng thịt", không như gà đòn, thịt da đỏ sẵn bởi lông ít lại thưa. Gà cựa phải hớt sạch lông, năng vô nghệ,

có chịu sương chịu nắng, lâu ngày mới săn đỏ và chắc da thịt.

Giống Cao Lãnh - Gà danh tiếng nhứt, lối mấy chục năm về trước, là giống gà Cao Lãnh, khi đó còn thuộc hạt Sa Đéc. Đây là giống gà các cụ đời xưa đời Thủ Khoa Huân, Cử Trị còn roi dấu lại. Hại thay, gà Cao Lãnh chỉ hay giỏi vào đời trước, rồi ngày càng lụn bại, nguyên do, theo tôi có lẽ vì:

a) Ta không biết tuyển giống theo khoa học, mảng cho gà nhà đạp lẫn nhau nên lâu đời huyết thống kém suy, gà trở nên đồi trụy. Cái luật kiêng cữ cưới vợ lấy chồng đồng máu huyết *(đồng huyết tộc)* là không nên, xem vậy mà quan hệ vô cùng.

b) Hai nữa là vì tài nghệ bí quyết, đòn độc, vỉa tối, vỉa sáng, khi xưa chỉ gà Cao Lãnh là thiện nghệ, thì nay các giống gà khác cũng học được, có lẽ còn hay giỏi hơn nữa mà chớ, bao nhiêu lối đá độc đều bị đòn kỵ phá hư thành thử gà Cao Lãnh nay ít thắng độ như trước...

Thiết tưởng, nếu những người chơi gà miệt Cao Lãnh không sớm đổi phương pháp, đem máu mới thay vào lần lần và gia tăng ngón độc thủ cho giống nhà thì sớm muộn gì gà này sẽ hư nòi đi mất, uổng lắm vậy.

Ngày nay miền Nam có nhiều giống mới nhập cảng, và mỗi địa phương gà có tài nghệ khác hẳn nhau:

Gà Bà Rịa, gốc từ Ấn Độ, Mã Lai: mái Bà Rịa có túp râu dưới cằm. Giống gà này thịt u, xương lớn, tuy chậm chạp, nhưng kể về gan dạ thì đứng số một:

- Đá chưn trơn, hay vô cùng;

- Sức chịu đựng không chỗ chê: nằm chết tại trận tiền chớ không biết chạy bao giờ;

- Đá tối ngày không thôi, khỏe thì đánh vài đòn, mệt thì đứng đó ai đánh đá bao nhiêu cũng hứng chịu không sợ gì cả.

Quả thật là "giống gà núi", xứng danh *Thầy Rùa, Tướng Nui* chẳng sai.

Dữ làm sao đến mái Bà Rịa cũng không hiền. Đàn bà xứ ấy dùng đòn gánh bằng gỗ trắc có móc thau chắc chắn hai đầu, đi rừng gặp cọp không hề sợ. Mái nòi cũng vậy. Mặc dù giống yếu, gặp trống chạ muốn trèo là kháng cự ngay. Chừng nào đá không lại, khi ấy mới chịu nằm xuống, ai leo trèo gì mặc!

Gà Bà Điểm: thiện nghệ đá chưn trơn, không biết dùng cựa, có cũng như không, nhưng đòn thật hay và thật độc. Cặp chưn đá mạnh đến đỗi giãn cần cổ và mềm mình mẩy con gà đối thủ như chơi. (Dường như không bền gan bằng giống Bà Rịa).

Tóm lại, các giống gà Bà Rịa, Bà Điểm, Bình Định hay Hốc Môn, Gò Vấp, có đặc điểm là gà ít lông, to xương, cổ dài, chân đá chậm nhưng chắc đòn, tiếng là gà *Cù lự.*

(Đá gà theo kiểu miền Đông, cũng lạ mắt: tôi từng gặp các chủ gà không dùng lồng ép cũng không dùng bội để nhốt con gà chiến. Mỗi người trong túi có sẵn vài nọc tre, đi đến đâu muốn "cầm gà" thì cắm nọc xuống đất rồi lấy dây nhợ cột chân gà vào đó thì xong. Chừng nào cáp độ sẽ tháo gà ra, gọn thì gọn thật, nhưng như vậy có vẻ tạm bợ, không cưng gà, chủ kê kém phong lưu, gà cũng không xứng danh chiến kê chút nào. Đối với hạng gà chưng trơn, còn được, bằng với gà cựa cũng đối đãi cách này thì ắt có ngày cựa gãy không còn cái nào.

Khi đá, khi bồng nước, miền Đông cũng khác. Ở đó, trước khi thả gà, đôi bên dùng chanh trái thoa khắp mình gà và thêm phun rượu trắng, để tỏ cho bên địch biết gà không có tẩm thuốc độc hay xạ chồn, v.v...)

Gà Cao Lãnh - Đã nói rồi nơi đoạn trước. Tóm tắt lại thì gà này vừa hay, cựa nhạy, chém liên tu, nhưng bở gan, chém đâm

không xuể thì cuốn đuôi chạy tét. Xưa kia có giống của ông Cả Hiển, nhạc gia cố hữu Diệp Văn Kỳ là hay nhứt nội vùng.

Gà Kế Sách (Sóc Trăng).- Pha hai giống dữ: lấy sức bền dai và giỏi chịu đòn (Bà Điểm, Bà Rịa) chung đúc với cái lanh lẹn, cựa nhạy của Cao Lãnh. (Vài chục năm trước, có giống gà ông Hàm Cang (Trần Như Cang), con là cậu Ba Oai là nhứt).

Ngày nay giống gà này đã mất nòi vì hai vị kể trên đã qua đời, nhưng miệt Kế Sách, Sóc Trăng còn thiếu gì giống gà dữ hơn nữa.

Gà Rạch Giá - Gần như gà Kế Sách về dòng máu. Xưa có gà ông Hội đồng Lộc và chiến nhứt. (Giống này cũng không còn).

Gà Trà Vinh - Có giống gà họ Lâm Quang.

Gà Rạch Gầm (Mỹ Tho) - Có giống gà ông Chủ Trước.

Gà Bến Tre - Gà ông Hội đồng Hoài.

Gà Giá Ray (Bạc Liêu) - Gà ông Hội đồng Ngô Phong Điều.

Gà Phong Điền (Cần Thơ) - Gà ông Lê Thọ Tường.

Gà Gò Công - Gà của ông Phủ Khiêm và của ông Huyện Đậu.

Gà mái Gò Công đúc với trống Đất Đỏ danh tiếng một thời gian.

Gà Bà Điểm pha giống gà Cao Lãnh, trở nên một giống gà vừa mạnh, vừa lẹ, vừa cựa, vừa đòn.

Gà Mã Lai pha nòi Việt Nam, được một giống gà cựa hay, đòn dữ, danh tiếng nhứt thời...

*

*   *

Nòi là gà rặc giống, rặc nòi, quyết chiến, gan lỳ... Gà không *rặc nòi*, tỷ như lai gà Tàu, tốt mã tốt bộ, lẫm lẫm oai phong, nhưng khi xáp trận, đá thắng gà kia thì còn ở, nhược bằng gà nọ đá đau, chém đổ máu, thì la choát choát, chạy cụp đuôi, không khác người tay ngang đánh lộn, thấy máu là tối tăm mặt mày, không như võ sĩ chánh danh, dù đánh không lại cũng không bỏ cuộc vô cớ.

Gà gân, gà lông - Đã nói về gà đòn, gà cựa, tưởng nên nói luôn về gà gân, gà lông.

a) *Gà gân* (gà Kế Sách, Rạch Giá,...) khác gà Cù lự và gà Cao Lãnh, vì vóc mình ở giữa, không lớn quá cũng không bé quá, tuy không mau lẹ bằng gà lông, nhưng toàn thân gân guốc, dẻo dai, đòn thật chắc, đá tiếng gió nghe "Rẹt, Rẹt" y như tiếng bao tay võ sĩ đánh miếng nhà nghề.

b) *Gà lông* (Cao Lãnh, Rạch Gầm, v.v...) là gà lông nhiều, thịt ít, nhỏ xương, nhưng cựa thật bén, cựa chuốt rồi thấy đủ lạnh mình.

Gà lông lẹ làng, giỏi bay giỏi xạ, nhưng kém nước bền.

Gà lông có pha chút ít máu gà rừng, có tài đá "song phi", hai cựa phóng tới tuyệt diệu như cặp phi đao của kiếm khách... Uổng thay, nước chịu đựng không có, đâm gà kia nếu không hạ nó nằm chết, thì kinh tâm tán đởm, đến lượt gà kia thích lại vài mũi cựa thì đứng bết bát, hình thù như "bọn hút ăn đòn", xấu hình xấu dạng. Gặp con hay thì xuất sắc, gặp con dở thì dở không chỗ nói.

CON HAY NHỜ MẸ GIỎI - Nói về gà, thì đây là câu nhựt tụng. Có câu ví: *Chó giống cha, gà giống mẹ*, và câu khác: *Gà bền tại mái.*

Vì lẽ ấy, mái nòi, ít ai chịu bán ra. Mỗi lần gà sanh con

trong bầy, lựa gà trống nuôi đã đành. Đến như gà mái, lúc còn tơ, cũng lựa rất kỹ: con nào tốt bộ thì *để giống*; còn lại bao nhiêu mái dư, thà nhắm mắt cho ai ăn nhậu làm gì thì làm, riêng chủ gà, không bán ra cũng không cho chác.

Lựa mái hay là một chuyện, nhưng cũng phải *kén trống tài* khác dòng máu, thì lứa sau dám chắc là không thua cha mẹ: theo nguyên tắc thì: *trống hay cộng với mái hữu hạng, sanh con đó là gà dòng, gà giống.*

Gà trống để giống, phần nhiều là gà ăn độ, nay vì cao niên, không ra trận mạc nữa, để giữ đòn hay, tài đá giỏi, nên cho *cản mái*, hay *đổ mái, đúc mái, đạp mái*, lấy giống lại. Cũng có khi dùng trống còn tơ vào việc ấy là vì muốn có gấp giống gà để đá kịp mùa, trống tơ ấy cũng là gà dòng, đã biết tài sức rồi. Nhưng thường lệ người nuôi gà có phương pháp ít nóng tính, vẫn chờ trống được hai ba tuổi và kén mái sung sức đúng năm mới đổ, như vậy sanh con mới chắc được "nòi" y hệt tánh nết cha mẹ.

Như đã nói, phép đúc gà quan hệ lắm. Nếu trống và mái *đồng huyết tộc* thì con đẻ ra sau này lần hồi lụn bại kém sút cha mẹ thì có, chớ không hơn. Người biết chơi gà, phần nhiều không có học nhà trường, nhưng học giỏi ngoài đời, lấy kinh nghiệm làm căn bản, cứ xét ở chỗ đối với loài người, chí những dòng giống vua chúa Á Âu, nếu cưới gả quanh đi lộn lại cũng trong dòng họ, con cậu lấy con cô con dì, lần hồi sẽ sanh ra cháu con kém thông minh, không đần độn cũng tật nguyền, bịnh hoạn... Bởi lẽ ấy, các tay nuôi gà chọi hay giấu nhẹm gốc gác giống gà của mình dày công tuyển lựa, không mấy khi nói cho ai biết trống mái của mình nguyên ở đâu mà có.

Người chơi gà chuyên môn luôn luôn lấy kinh nghiệm làm gốc làm thầy, và bền chí không ai có. Tỷ như họ đã từng thua độ vì gà địch giỏi vỉa tối và cựa đâm nhấp nháy, thì khi đúc gà để báo thù, họ sẽ tuyển giống có tài bay cao chém dữ, trị lại đòn

vỉa tối của địch thủ, biết đá bay, mỗi lần bay mỗi lần chém, biết dùng cựa lúc xạ, nạp, lanh lẹ cao tài hơn giống gà ăn độ năm xưa, thì ắt trả thù được chắc chắn rồi, tóm lại họ nhớ kỹ cho đến đỗi nhớ con gà ăn độ nẩm giỏi miếng vỉa tối thì nay họ lựa giống gà biết móc biết khều đầu gà địch không cho chun vào nách và biết đá liền liền khiến con gà kia không kịp đỡ thì lấy gì trổ ngón.

Thầy Rùa độn thổ vào cánh kẻ thù?- Nhưng nghề đá gà thiên hình vạn trạng, mình ẩn nhẫn *tầm sư học đạo*, thì bên kia cũng đề phòng tìm hiểu con gà tương lai của mình, họ *chạy mặt nhịn thua hơi* hoài thì mình cũng khó trả thù, kịp đến ngày họ nhận lời chịu đá thì biết đâu chừng họ sẽ có phép cao hơn, và mình lại phải thua nữa mới tức cho.

ĐÁ GÀ DAO - Rồi cũng bởi đá gà cao trí hơn nhau ở chỗ bền chí dày công luyện đúc con gà nòi lâu lơ lâu lắc, nên dân Sài Gòn quen tánh ăn xổi ở thì, không chờ đợi được, bèn bắt chước phong tục Mã Lai *chơi gà dao*. Đá gà dao thì giống gà không cần thiết lắm, có khi gà ngoài chợ lựa con nào tốt bộ, may thời nó ghim một dao nhằm chỗ nhược thì hốt bạc như chơi, gà chạ ăn gà nòi là vậy. Có câu *May rủi một mũi cựa, hơn thua một cựa* là thế ấy. Đá gà dao là đá theo sự cầu may, một cuộc đánh bạc nhiều hơn một cuộc đấu trí, thi sức bền, sức giỏi chịu đựng, con nào chém trước được phần hơn, chủ nó chắc có tiền, con nào không biết chém, có sẵn dao không dùng kịp thời, sa cơ, chậm một đòn thì đã nằm một đống bỏ thây trận tiền. Đá gà dao coi chưa mãn nhãn, có khi vừa giụi mắt thì gà mình đã thua. Chỉ tội nghiệp cho gà, không cần dòng giống, người đá gà thua mãi họ điên đầu mua gà chợ cáp độ đá liền liền, gặp "ông bà độ mạng", gà tuy gà Tàu nhưng Tàu võ nghệ, vô trường đi nước tiên, hạ địch một dao, chủ thì lượm tiền, gà ngẫu nhiên lại lên chưn "gà chiến"!

ĐỔ GIỐNG - Đổ giống thường lựa hai giống khác hẳn tánh tật, trống gà gân, mái Bà Điểm, trống Cao Lãnh, mái Mã Lai, vân vân, cốt dung hòa hai thứ: đức tánh của mẹ cha thọ lãnh đủ thì gà sanh ra là gà có nghề, tức gà nòi vậy.

Đố ai, dầu thân cách mấy, hỏi mượn mái hoặc nài mái lấy giống được bao giờ. Thà giết con gà *làm bồi ăn nhậu* mà vui lòng với bạn, chớ chẳng bao giờ chủ gà đành lòng cho *dời mái khỏi gốc*. (Tập Vở Thú Y số 7 năm 1950).

Một trứng nòi mất đi cũng đủ gây thành đám giặc nhỏ nữa là. Cũng trong Tập Vở Thú Y kể trên, có nhắc lại một giai thoại lý thú: "Có lần ông Bảy bị ăn cắp mất một trứng trong ổ gà đang ấp. Bình sanh ông Bảy rất điềm tĩnh, thế mà phen ấy ông đã lên cơn thịnh nộ, một hai đòi đuổi tên mài nghệ tin cậy của ông, vì nó sanh dạ bất hương dám lén cắp một trứng bán đổi năm đồng bạc (thuở đó một chục mười trứng giá ngoài chợ là tám xu, là cùng). Sau đó, người chủ mưu ăn trộm trứng, liệu không êm, phải mang trứng đến trả cho ông Bảy và còn năn nỉ thiếu điều *thụt lưỡi*, công chuyện ăp cấp trứng dàn xếp mới xong".

Vì sợ mái bị cắp trộm nên thường chủ gà chỉ lựa đủ số cần dùng, con nào tốt nhất trong bầy sẽ dành lại, kỳ dư phải hy sinh để tránh sự ăn cắp.

Người nuôi gà chính tông không ăn thịt gà nòi, một là dị đoan sợ xúi quẩy, hai là không nỡ và không đang tâm chút nào vì dầu sao gà nòi là khí cụ, đồ nghề sanh sống.

*

* *

LỰA TUYỂN GÀ

Từ lúc trong trứng nở ra đến khi trộng cảy, gà nòi con cũng

không có sự săn sóc gì đặc biệt khác hơn cách nuôi gà nhà để thịt. Nhưng gà tơ được mười bốn, mười lăm tháng là mở mùa được nuôi thúc để sau này đá độ. Sơ khởi, chủ bắt gà *xổ thử*, tức cho hai con *thảo vài đường* trước cặp mắt lão luyện nhà nghề để xem võ nghệ dường bao. Hai con đây, một lão tướng, một tráng sĩ, một già một trẻ, gà tơ đá cùng gà có độ, để xem cách thức tay mơ chống trả, cự địch cùng gà có kinh nghiệm ra thế nào. Nhưng đây là cuộc xổ chơi thử sức, nên phải bịt cựa đôi bên để tránh sự rủi ro: biết đâu chừng, trong lúc tranh phuông, lỡ một mũi thôi, cũng đủ hư một trong hai con gà quí giá. Và tuy gà tơ đá với gà già là tài sức dị đồng, một già một trẻ, nhưng trên trường chinh chiến tài không đợi tuổi, già kém trẻ cũng là thế gian thường sự.

Bịt cựa gà thì dùng lá chuối khô lót bên trong, ngoài dùng giẻ ràng rịt hay da mềm quấn nhiều lớp rồi lấy dây nhợ mịn buộc rút thật chắc. Trong khi xổ, lâu lâu cũng phải xem chừng lại sợ cựa ló không thấy, chém bậy vào mắt vào mang tai gà thì khổ.

Tuy cùng bầy cùng mẹ cùng cha nhưng có con hay con kém, giỏi dở không đều. Khi tuyển chọn "cử tử" làm vậy, con nào tệ quá thì cho thêm sả ớt, bột cà ri đưa tiễn nó vào nồi cho rảnh chuyện; không ăn thịt thì thủ tiêu cách khác, lơ đễnh chủ lạ bắt về nuôi tìm hiểu ngón đá, nghiên cứu chỗ hay chỗ dở của giống gà thì cơ đồ bại lộ rồi.

Con nào xài được sẽ nhốt riêng, còn kiểm soát vài lần nữa rồi sẽ quyết định. Trong khi luyện tập và chờ đợi, chủ gà có một thú vui không có trong nghề khác là xúm nhau coi chưn coi vảy từng con gà, tiên đoán hậu vận mỗi con sau này hay dở ra thế nào:

Chưn càng nhỏ chột càng quý.

Cựa phải đóng sát thới mới hay.

(Thới là ngón chưn phía sau). Cựa, thích cựa suôn sẻ, mũi phải quớt lên chút ít, thép thật nhiều và thật dẻo. Như vậy mới là cựa độc, cựa dữ. (*Thép* đây là lớp vỏ cựa, chất men xương, không phải lớp vôi đóng ngoài lớp vỏ này). Cựa độc hơn nữa là cựa sáp (cựa lớp ngoài, dẻo như sáp). Còn cựa tầm thường là *cựa vôi*, có lớp vôi khô đóng ngoài, chuốt hoài cựa vẫn bời rời, cựa này ít đâm. Trong cựa còn một khúc xương, (cũng như răng của ta có xương bên trong, men, ngà lớp ngoài), khi nào gà sút cựa, hoặc vì chuốt mỏng quá, hoặc vì duyên cớ khác, thì con gà ấy hết xài, không dùng đá độ được nữa (gọi là "ê cựa").

*

*   *

GÀ NÒI CÓ TÊN CHĂNG?

Trong tạp san *Ảnh Đèn Dầu* số 1 năm 1961, ông Lê Huy Oanh viết về *Thú chơi gà chọi*, tôi xin phép tác giả cho tôi trích ra đây những tài liệu này:

1) *Con Tía Vỉa*: Gà này bộ mã màu đỏ tía, sở trường đòn vỉa. ***Đòn vỉa*** là "chuyên luồn vào nách gà địch, lòn đầu lên nắm cổ nắm vai, nắm lông trên lưng rồi đá thốc lên, đòn này có thể làm gãy cánh gà kia. Và công dụng đòn vỉa là làm tiêu thịt ngực và cạnh sườn, làm sả cánh gà địch. Bị vỉa thét, gà địch sẽ yếu sức hết gân hết cốt, đá không mạnh đòn nữa". (Lê Huy Oanh).

Và tôi xin thêm: Có hai cách vỉa:

a) *vỉa sáng*, như ông Oanh đã nói:

b) *vỉa tối*, là chun vào mình gà kia, núp luôn dưới cánh, lựa da đùi, da nách non, kẹt cánh, mấy chỗ nhược đó, nắm chắc vừa đá vừa đâm, khi thấu phổi, khi lủng hông, khi xệ cánh, mỗi đòn như vậy là y như hốt tiền thồn vào túi chủ. V.H.S.

2) *Con Xám Bốn Kỳ* (có lẽ thắng bốn độ rồi);

3) *Con Cáp Tô Văn* (xem truyện Đường Chinh đông);

4) Con *Tiết Nhơn Quí*, tức là *Tía Vỉ* (Đường Chinh đông);

5) *Con Điện Quang*, ở Nghệ An, đem lên đá ở Hà Nội, sở trường mé nhanh như chớp và có thể đánh thông luôn hàng chục đòn một lúc;

6) *Con Ô Năm Kỳ* (thắng năm kỳ);

7) *Con Xám Nhựt Nguyệt* (cựa một đen một trắng);

8) *Con Mơ Bốc Cát* (đi chưn như bốc cát vãi tới);

9) *Con Tía Lì* (lầm lì).

Ông Lê Huy Oanh cho biết thêm, ngoài Bắc, có sới Cụ Bá Chắm ở Ô Chợ Dừa là danh tiếng nhứt (Tài liệu trong *Ánh Đèn Dầu* số 1 năm 1961).

Trong Nam, gà hay không ít, cũng có tên riêng như gà ngoài Bắc, tên cũng tương tợ làm vậy và phần nhiều mượn tên các danh tướng trong truyện Tàu mà đặt, nên không kể làm gì. Duy vài tên có vẻ bản xứ ngộ ngộ như *Xám Chủ On* (tên chủ gà), *Ô Xoài Cả Nả* (ai đến làng đó cũng đem về cả nả xách xoài), *Nhạn Durban* (gà nhạn của lục sự Durban), *Điều Phụng* (đẹp như phụng) v.v...

Ngoài ra, có một mớ tên rặc mùi Thổ: thắng độ, người Việt nài mua rồi để tên y mà gọi; rất thơ mộng:

- à *Snghiec chong khnai* (cựa đóng ngay vảy giáp);

- à *Khmau chac chru* (ô đâm sâu);

- à *Điều Chrung Kra bây* (Điều chuồng trâu)...

(à đây là trợ từ, đồng nghĩa với "thằng")

***

CẲNG GÀ

Ban nãy đã nói về cẳng, nay xin tiếp. Cẳng chia ra có:

- cẳng vuông;

- - tròn;

- - nhỏ. Chân càng nhỏ lại thích hơn chân to (cũng như roi, nhỏ sợi đánh rát đòn hơn to sợi).

Cẳng nhỏ và eo khúc giữa: quí lắm và gà này hay lắm;

Cẳng vảy khô như gà chết: đừng tưởng như vậy là xấu, trái lại, cẳng khô khan như vậy, và vảy đóng thật sát, rờ nhám xàm (như gà chết) quí lắm. Gà này đá đòn vừa đau vừa rát.

Cẳng gà: ngoài Bắc, theo ông Lê Huynh Oanh trong *Ánh Đèn Dầu*, thì gọi là *khoản*. (Theo tôi tưởng nên viết "quản" như *quản bút*, trúng hơn).

Trong Nam, cặp cẳng gà thì gọi là cặp cán (cán là cái chuôi để cầm: *cán gáo*.)

CỰA GÀ

Nhiều thứ:

- *song đao* (quớt mũi như đại đao);

- *song đao nghiêng*, cũng gọi cựa *cất chéo* (cựa độc), mũi quớt và nghiêng ra phía sau chút ít;

- *siêu đao* (quớt ít hơn song đao, cựa này cũng độc lắm);

- *giao chỉ*, ngay chò và ngó nhau; khi nào vừa ngay vừa bỏ mũi ra trước thì là *cựa hứng gió*, ít chém, gần như vô dụng; cũng gọi *cựa ngó bàng quan*;

- *chỉ địa*, ngay và ngó xuống đất;

- *nhựt nguyệt*, một mũi đen, một mũi trắng, hoặc là cựa

phân nửa đen, phân nửa trắng (cựa dữ);

- *hom lọp*: cựa ngoéo ra sau hơi nhiều và cong như cặp sừng trâu; khi cựa ngó ra sau, hễ ít thì "cất chéo" (tốt), cong nhiều thì "hom lọp" (xấu);

- *cựa êm:* cựa đóng theo thới (sát ngón sau) và thuận một chiều, như vậy là êm. (Nghịch với *cựa êm* là *cựa hứng gió*, ngó bàng quan);

*

*   *

VẢY GÀ

Vảy đóng hai hàng trơn.- vảy đều, như vậy là tốt.

Vảy *án thiên phủ địa* - Chia ra hai thứ:

án thiên : có vảy lớn nằm sát dưới gối, trên những vảy kia;

phủ địa : vảy lớn nằm trện ba ngón dưới các vảy kia;

Vảy khai hậu - Vảy này ở sau chân, khi vảy ấy nứt thì gà vô dụng (không xài được);

Vảy khai tiền - Vảy này ở trước, nếu nó nứt về bên trong thì gà còn xài được; nếu vảy nứt bên ngoài, thì gà hết xài;

Vảy yến ngay ngón giữa - Vảy này đóng ngay ngón giữa, lót nhỏ ở trong, quí lắm: ấy là *linh kê*;

Vảy vấn - Vảy liền một miếng, không có đường chính giữa;

Đâu đầu nhịn miệng - Từ đầu gối xuống, vảy nhỏ đâu giáp lại thành một, ấy là "đâu đầu nhịn miệng" (gà này không xài được);

Vảy dậm chậu - Vảy nhỏ ở sát ngón chưn trước (trước khi

đụng ngón) (gà này ít ăn độ lắm). Cũng gọi *Liên giáp ngoại*.

Vảy rọc chậu - Vảy cắt đứt ngay, sát chưn (có chỗ gọi *lọt chậu* nhưng gọi *rọc chậu* trúng hơn). Gà này thường gặp rủi ro, nhiều khi bị đâm đui mắt v.v...

Ngậm thẻ - Vảy đóng đều nhưng có một vảy nhỏ chẻ hai là ngậm thẻ (gà này không tốt mấy);

Nát gối - Vảy nát bấy từ trên đầu gối nát xuống xằng xịt không đều hàng. Nếu gà ngang thì vô dụng, còn về gà đòn vẫn xài được, và có nhiều con hay vô cùng (Trầm Tư, 9-10-1960).

*

* *

Đến đây, nói cũng đã rất nhiều, mà không nhằm vào đâu, có người sẽ hỏi tôi như vậy. Và đây là bảng tóm tắt, so sánh tốt, xấu, trong hai cột sau này, trích trong *Tập Vở Thú Y* Xuân Nhâm Thìn (Déc. 1951) tr.670, 671, 672:

LỰA TỪNG BỘ PHẬN CỦA GÀ

TỐT	*XẤU*
1) Đầu	
Đầu nhỏ, theo xuôi với cần cổ;	Đầu to, ngược lại cần cổ nhỏ hơn đầu;
Mỏ nhỏ, ngắn và chắc;	Mỏ thô, dài, yếu;
Khóe miệng sâu, rộng;	Khóe miệng cạn, hẹp;
Mồng nhỏ (héo) hay vừa, mọc cao và ngay, hoặc bỏ ra phía trước, hoặc nghiêng sang một bên (bên trái thuận hơn);	Mồng lớn quá, "trập" xuống nhiều, che lấp mắt như loại mồng dâu, mồng trích phía sau có lỗ lớn;
Mí mắt mỏng;	Mí mắt dày;
Mắt sâu vừa, mắt thau, mắt bạc, mắt ếch, mắt sao, nhưng con ngươi phải nhỏ, và dễ cảm kích (mở ra đóng lại dễ dàng);	Mắt sâu quá (chậm) hay lộ ra quá (nhát, thêm dễ bị đui); Mắt "ốc cao" (mắt đỏ), mắt hột lựu, mắt lớn quá và tròng cũng quá lớn; Mắt đen thui;
Gò má cao, da mỏng, đỏ tươi;	Má hóp, da dày, không láng bóng.
2) Cổ hay cần cổ	
Cổ dài và thon, tròn, khớp xương kín, cứng, liền lạc, ngay ngắn, xuôi từ đầu đến gốc cần chắc vững.	Cổ ngắn quá, hay dài mà dẹp, chia ra từng khúc (cổ cò), xương thưa, cổ mềm yếu (lắc qua lắc lại dễ dàng).
3) Thân mình	
Mình dài đòn, sâu dạo, phao câu lớn, xương ghim khít, xương lườn dài ra sau, cứng và ngay thẳng. Cánh lớn và dài, bắp thịt ở cánh *(trái chanh)* lớn, nở nang, rõ ràng	Mình tròn "hột mít", trẹt lườn (lườn tam bản), phao câu nhỏ, mềm, lung lay, xương ghim hở nhiều, xương sườn cụt hay "vạy" (gà thiếu xương khi còn nhỏ).

TỐT	XẤU
Lông cánh dài và khít rậm.	Cánh cụt, nhỏ xương, ít thịt bắp "trái chanh" lép.
Cánh chấp sát, tròn và dài tận phao câu *(cánh vỏ trai).*	Lông cánh thưa ngắn. Cánh không chấp sát, cánh "áo tơi".
Lông đuôi, lông bờm, lông mã nhiều, dài, cứng mà dẻo, nhỏ bản: lông thép, lông gân.	Lông đuôi, lông bờm cổ, lông mã thưa, cụt, hay dài mà mềm, lớn bản như lông gà Tàu, gà pha. Lông bời rời và bở, dễ nhổ, dễ rụng.
4) Đùi, cẳng, chân, cựa Đùi lớn, dài, bắp thịt nở, cứng, đùi *phân ba* là đùi dài hơn cẳng hai phần ba (cẳng ngắn có một phần ba). Cẳng giò, cán hay "quản", từ gối đến *chậu chân* hay bàn chân là bộ phận cần thiết nhất của con gà chọi, không khác bốn chân của ngựa đua.	Đùi nhỏ, cụt, thịt teo, mềm, đùi với cẳng (hay cán) gần bằng nhau (đùi phân đôi). Đùi ếch (ngay xuống với cẳng như cây cột).
"Cán" tròn như tháp bút hay có ba góc rõ (cạnh thước), cặp cán xương thất trên nở dưới ngắn hơn đùi, ngón chân dài nhưng khớp xương ngón lớn và rõ rệt, móng cũng dài, nhọn, bén.	"Cán" thô, to, cán thịt, trên to, dưới nhỏ, hay suôn đuột (cán bánh cúng), bàn chân nhỏ, mấy ngón đều cụt, móng vắn. Chân "sình" nhiều thịt, ít xương và gân.
Ngoài xương cẳng là lớp da mỏng có vảy, hình thức khác nhau: - Vảy mỏng đều, hai hàng trơn hay ba hàng càng tốt. Vảy tốt nên biết (nhưng chẳng nên tin như vảy chém mắt, vảy ăn độ):	Vảy to sầm và dày, không rõ ràng, không sáng sủa, vảy loạn hay có "giáp ngoại" và các hình vảy khác mà mấy nhà chơi gà đều chê là xấu, nhưng không cắt nghĩa được tại sao xấu, tại sao xui:

TỐT	XẤU
a) Vảy *Ẩn thiên*: một vảy lớn nằm ngay dưới gối, trên những vảy kia. b) Vảy *Phủ địa* : một vảy lớn nằm trên ba ngón chân, dưới các vảy kia.	1) *Gối nát*: vảy loạn ở trước và sau gối.
c) *Liên giáp nội*: một vảy lớn nếu đóng ngay ngang hàng cựa, hình hơi giống hàm rồng (?) thì gọi *hàm long* nếu giống miệng cọp (?) thì gọi *hổ khẩu*, nếu hình tròn như mặt trời thì gọi *nhật thần*...	2) *Rọc châu*: ở kẽ ngón sấp lên, có hai hàng vảy hai bên, thành ở giữa có một đường nhỏ.
d) *Huyền châm*: vảy nhỏ xíu chen chính giữa các vảy khác đóng ngang cựa. e) *Gạc thập* hay *huyền cung*, hình như chữ "thập" hay chữ "thập" cong vô cựa. f) *Khai vương* hay vảy dính nhau hình chữ "vương". *Cựa*	3) Các vảy lớn hay dính với nhau mà ở hàng ngoài cựa đều gọi *liên giáp ngoại*.
Cựa nhiều *thép*, chột nhỏ, tròn.	Cựa không thép hay ít thép, nhiều phao.
Cựa đóng sát *thới* (ngón sau). Cần nhất là *vọng* cựa, chiều cựa theo ngón sau xếp xuống, phía ngọn hơi cong lên, nghiêng từ gốc đến ngọn cựa, lối 10 hay 12 độ (degré) và dài lối 3 tới 4 phân là cựa "đáng sợ" hơn hết.	Cựa *củ cải* to chột, đóng treo cao. Cựa chuồi xuống (chỉ địa), xốc lên gối *(chỉ thiên)*, *hứng gió* hay *gài cửa* (xoay ngang), cựa *quẹt* ra phía sau và chúi đầu xuống, (Tài liệu trong *Tập Vở Thú Y* Xuân Nhâm Thìn, 1951).

TẬP LUYỆN GÀ ĐỂ ĐEM RA TRẬN MẠC

Gà gần ngày ra độ, càng được luyện thúc tới. Mười lăm hôm trước ngày ra trường, lão sư kê đã lo *nhồi gà*. Cách *nhồi gà* là ôm con gà để trước mặt, lấy tay hữu bợ hai ngón dưới ức con gà, nâng nó lên, cẳng gà hỏng mặt đất độ hai tấc, nhồi con gà nhẹ nhẹ, tập cho nó biết ý thủ thế trước, bổng lẹ làng vừa nhồi mạnh vừa rút tay ra: tự nhiên con gà mất thăng bằng và rơi xuống, sẽ chổng cẳng và phải dùng hai gối chống chỏi thế nào để khỏi té. Đó là thể cách *nhồi gà*, tập cho gà mau cứng: cứng gối, cứng chân cẳng.

Cũng từ nửa tháng trước khi ra độ, gà được nuôi thúc. Ngoài số lúa thường nhựt, gà được ăn thịt bò tươi xắt vụn cỡ đầu ngón tay út (mỗi lần bốn năm cục) hoặc hột gà sống. Trứng tươi khẻ một đầu bằng mút đũa, kê sát vào mỏ thì sẽ thấy con nòi cắm đầu nút ngon lành cho đến khi sạch ráo mới thôi. Ô hay! Người lớn nút sữa bò hộp, võ sĩ nhăm nhi hột gà để tẩm bổ. Con gà chiến cũng đi một đường chứ gì?

Hai ba hôm nữa đến ngày xuất chinh, chủ nuôi trông nom cho gà từng ly từng tý, lo còn hơn mẹ lo cho gái về nhà chồng. Đang đêm đánh thót dậy, ra xem chừng gà: ăn lúa có bỏ dư lại không và lông lỗ tai còn đủ hay rụng khá nhiều? Trời khuya lạnh cách mấy cũng phải thức giấc đúng giờ, xách đèn rọi ra tuần con gà ngủ hay thức. Dầu gớm ghê cũng ráng, phải xem phẩn gà: khô, đặc sệt hay lỏng...

Kinh nghiệm dạy rằng: cứt gà còn lẫn lộn lúa hột là triệu chứng "me-xừ gà" ăn không tiêu. Gà rụng lông tai, bỏ ăn, đêm không ngủ, ỉa cứt còn lúa hột là gà không mạnh khỏe, cãi Thầy, ôm gà ra đá thì có môn "thua bỏ xừ": mười độ mất tiền đủ mười! (Xin hỏi nhỏ: nuôi và săn sóc gà được như kế trên, còn cha mẹ mình đã dưỡng nuôi tới mức đó chưa?)

*

* *

SẮP ĐẶT CHO GÀ RA TRƯỜNG CHIẾN ĐẤU

Bữa ra trường, sáng sớm tinh sương là lão sư kê đến trại gà, bổn thân ôm từ con trống ra khỏi chuồng, vuốt ve mơn trớn, "nựng" đã đời rồi mới cho vào lồng ép. Phép nhốt gà vào lồng ép cũng có kỷ luật và rất mỹ thuật: phải bưng con gà đút ngược, để cho đuôi gà vào trước chớ nhà có điệu nghệ không bao giờ đút đầu gà vô trước vì có ý hiểu đưa đầu gà chun vô là mất thể thống con gà; và đút đuôi gà vô lồng trước thì khi vào lồng, con gà ngó mặt ra cửa xem oai nghi hơn, khi đến trường, đưa gà cho vào bội thì y như rước "cô dâu" mở cửa "thỉnh" ra, chớ không bắt đi ngược mất thể thống và mất vẻ long trọng đi.

Sự kê quan sát kỹ lưỡng một lần chót trước khi đưa gà ra tranh đấu: tay vuốt mã gà, miệng tróc tróc kêu tên từng con một, hỏi han ân cần như vị tướng khuyến khích binh sĩ trước khi khai chiến:

- *Con Điều Phụng*, mày ráng cho Ba phen này một độ xuất sắc lừng danh xem sao?

- Còn con *Xanh Mã Lai*, khỏi dặn, mày nhớ làm cho tao một chiến công "xiết điện", nội trong nước nhứt coi nào?

- Còn mày! *Hồi Mã Thương Nhạn La Thành!* Tao khỏi dặn nhiều. Hãy nhớ kỹ cái đòn độc nhứt, một ngày bất năm vua năm xửa xưa kìa chớ?

Trên mỗi lồng ép đều có choàng một chiếc khăn vuông vải đỏ, khăn này luôn luôn phải che theo chiều nắng, không khéo con gà say ánh sáng hay ngộ cảm vì ngọn nắng chói ngay đầu ngay mắt mà nguy to!

Sư kê cũng có phận sự kiểm điểm lương thực của mấy trống. Phải nhớ mang nước ở nhà theo cho gà uống, e chừng không quen nước lạ, ngộ thời bị chanh nước, chói nước, thì còn gì công phu luyện tập?

Cơm ở nhà nấu để nguội, vắt sẵn hờ khi đụng độ sẽ có cho gà *ăn cầm hơi*. Trước khi gặp độ không gà nào được ăn lúa sáng bữa ra trường và chỉ được uống nước cầm chừng trừ bữa ăn: kinh nghiệm cho biết gà có hột lúa trong bọc diều, nếu chưa tiêu kịp, không khác võ sĩ ăn no, xáp trận, chúng đánh *coup d'estomac*, ói cơm mà báo! (bọc diều cũng gọi là bầu diều hay bầu lúa, và danh từ "Khui bồ lúa, bầu lúa" là ám chỉ xúi con gà nhà đâm ngay bọc chứa đồ ăn của con gà địch. Ngón này độc thủ vô cùng, vì gà bị thương chỗ nào còn trông mong may vá, duy bầu diều bị khui rồi thì chủ gà chỉ chờ giờ phút xỉa tiền thua độ).

Đồ nghề lợi hại, dụng cụ tối cần của sư kê là chiếc khăn điều để bồng nước, khách chơi gà xem trọng như lá cờ lịnh của một đạo binh, đố ai dám rớ, trừ phi lão sư kê, đi đâu cũng vắt lên vai, hãnh diện còn hơn kép hát bội với mấy lá cờ xanh đỏ cắm sau lưng, và mỗi khi chiếc khăn rơi giữa trường hay trong vịm nước là biểu hiệu chủ gà, sư kê, và chiến kê *đầu hàng vô điều kiện*! Không khác trên võ đài bọn làm nước quăng khăn nước lên đài để cứu chàng võ sĩ bị người đánh hơn đánh người!

Ngoài chiếc khăn lịnh, sư kê đới tùy một hộp thiếc nhỏ đựng đủ thập vật, từ cây kim, sợi chỉ may, dao con thiệt bén, kéo nhọn, vải sạch, miểng sành miểng chén (dành khi làm cựa) và còn bao nhiêu tế nhuyễn khác, đều là dụng cụ bí mật hờ khi gấp rút thì có sẵn: chuốt cạo mũi cựa cho thêm dữ, vá vết thương, may chỗ bị đâm, v.v...

Chiều nào gà nhà ăn độ, thì chủ tớ hả hê, miệng cười toảng

hoạc: sư kê được thưởng, chí thằng mài củ nghệ, mót nước tiểu cũng có tiền "xúp" phủ phê!

Chẳng may gà nhà thua độ thì trại gà lặng trang như có người đau kẻ chết. Thỉnh thoảng nghe tiếng đồng hồ rền rĩ và tiếng thì thầm của chủ gà bàn bạc với lão sư kê: nếu không đổ thừa đổ lỗi thì là trù liệu rút kinh nghiệm chờ khi trả hận.

*

*   *

LỰA TUYỂN GÀ NHƯ THẾ NÀO?

Tôi có một tật lớn khó chừa, là viết văn như kể chuyện, bị rầy hoài mà cũng vậy, là không bao giờ trút bầu tâm sự ra hết một lần. Làm như thế theo tôi, nó chán ngấy như gặp một tô phở "bảy chục đồng" xộn xện, nuốt khó trôi. Với phở thì tôi "xả hơi một tý". Với câu chuyện tôi cũng ngắt nó ra, vừa bùi tai thì tốp đợi dịp khác, tôi thừa thế nối lại, theo tôi làm như vậy, độc giả hay khách bàng quan, tuy không bằng lòng nhưng cũng phải ép dạ nghe nốt, khi nào liệu khách quá buồn ngủ vì lời nói quá nguôi nguôi, khi ấy tôi sẽ *chế xăng*, tôi chọc cho tức cười, khách tỉnh giấc cũng thứ tha đôi mớ. Gặp người khó tánh, bởi ăn lâu tiêu nên chậm nghe, tôi còn một câu thần chú xin "Tổ đãi", mẹ cho lúc nhỏ:

Thẹo này là thẹo có duyên,
Ai lấy chồng thẹo, làm tiên ba đời!

Tôi đọc lên, tuy chưa ai thành tiên, nhưng sau khi "nói chữ", họ cũng bỏ qua luôn, thế là rồi chuyện...

Nay bí quyết nhà nghề đã khai thiệt, tôi xin trở lại:

CÁCH LỰA GÀ KỲ NHỨT

Gà trống vừa lứa, chủ bắt vô trại, rửa chân, coi vảy. Khám

xét từng con. Con nào liền da liền xương, không bịnh tật thì nuôi; con nào tệ thì thịt thì chén. Ít khi bán ra, sợ kẻ thù chơi nghịch lén sai mua với ác tâm *học đường thương đường kiếm* rồi tìm đòn trị lại thì chết ch.!!!

Con gà nòi, thịt rất ngọt ngon, nhưng bấy lâu tiếng đồn *trứng gà lộn ăn cùi, thịt gà nòi ăn nổi đơn* là ý muốn chừa món ngon cho bợm nhậu và muốn dung dưỡng một loại điểu thú sanh sản ít. Nòi thịt nhiều, gà tơ thịt ngon theo thịt gà tơ, gà già thua độ, nghệ tẩm lâu ngày, da săn cón, thịt cứng giòn, trai trai còn răng đủ, nhai ngon lành, mát miệng, khi nấu cà ri, da giày giòn rụm, khi giả thịt rừng thịt thú xào lăn, ngon riết ngọt điên, ngày nay ngồi viết lại đây còn thèm nhểu nước dãi. Có người không chút lương tâm, thua độ gà buổi trưa hụt tiền, ôm con gà về, hiền thê giận lẫy không nấu cơm, phần gà bị cựa đâm bấy bá đầy mình, nếu làm thịt nhổ lông sạch, thấy vết bầm vết máu tím đen, ắt không tài nào nuốt vô khỏi cổ, lòng ác cảm đã lên cực độ, thêm tấm gương đàn gà treo mỏ không dọn cơm, bèn ra sau bếp, để nguyên con gà sống nhăn vào cối giã gạo, (bộ đồ lòng lấy lên trước làm món nhậu lai rai), rồi lấy chày quết con gà vừa lông lá, xương thịt, máu ra đỏ cối, quết nhừ rồi để y vậy cho vào trã lớn, bỏ ba hột gạo sót đít khạp, làm nên món ăn bất hủ: *gà nấu cháo cối!*, Ăn gà nấu cháo cối, không cần thịt, chỉ húp nước ngọt... Bụng sẵn đói là một điều kiện, tiền còn lại vừa đủ mua một xị đế đưa qua là ráo, *không đủ cay môi* là hai, mấy lời chua chát ban chiều văng vẳng bên tai là ba, húp cháo nóng đổ mồ hôi, nằm xuống ván gõ, ca đủ nghe bài *Văn Thiên Tường*, tích *Bá Lý Hề : Từ chàng đi... thiếp chẻ cánh cửa hấp gà*... bụng sục sục sôi, định làm một mẻ, nhưng con buồn ngủ đến hồi nào không hay, chỉ nhớ mạy mạy câu chót bài ca:... *Quăng ly, bước thẳng, nắm tay khóc với người tình chung* còn bao nhiêu: thua độ, vợ phụ, đều theo cháo cối... quên đi mất hết. Tuy vậy, ba đời chủ gà dã man đến thế, vẫn

cất đầu lên không nổi. Ai đời con vật trung thành, khi nó thắng độ làm giàu cho mình, sao không nhớ ơn? Chẳng may sa cơ thất thế nó gặp con khác cao tài hơn nó, tại mình cáp độ dở kém, một phần lỗi lớn sao không tự trách mình, lại trút tội hết vào con gà? Thua độ này ráng chịu, đi quết nó sao đành? Tôi xưa chỉ *ăn ké*, húp ba miếng cháo để nghe sự tích này mà nay cũng bị lận đận lây.

Trở lại lựa gà, gà tơ lựa thật kỹ, xem toàn thể cho cân xứng, gọi *con gà đồng thân đồng thủ*, và hình dáng cho xinh (gà đẹp, ra trường, lẫm lẫm oai phuông, đủ làm gà địch khiếp vía), đầu mặt lựa cho thật dữ[1], cần cổ liền lạc, xương không gãy lúc nhỏ, phao câu nở nang (gà mạnh mạnh mẽ và giỏi chịu đựng), lông cánh rậm ri tỏ ra tài bay đá dễ dàng, lông đuôi dài và nhiều (phụng vĩ đẹp), để khi đá nếu té sẽ nhờ đó đỡ lên, chân cẳng thật liền, từ khớp xương, ngón, móng không chút tật nguyền: con gà làm vậy, dẫu thua cũng mát bụng.

Gà lựa xong, day qua đoạn *hớt tích hớt tai.* Tích là hai miếng da lòng thòng hai bên tai khi đỏ khi trắng dợt, với hai tai gà bốn miếng da phải sớm thí bỏ, không thì sau này chỉ để cho gà địch nắm cắn nơi đó, đánh thêm đau. Muốn hớt nó cũng dung dị lắm. Thường chỉ lấy kịp tre kẹp sát da cho tích tai lòi ra ngoài, kẹp rồi dùng dao cạo bén rọc sát thân kẹp, cắt đứt da rồi thì lấy dầu dừa có trộn lọ nghệ chảo mà thoa cho kỹ, thoa như vậy giây lát thì máu thôi chảy, mỗi ngày mỗi thoa, vài ngày khô mặt, ít bữa lành trơn, con gà hết đau cuống họng, gáy như cũ. Khi nào gặp gà lai nhiều đời có cái mồng lớn bản xòe ra như chiếc quạt, ấy là mồng gà Tàu, thì cũng xén bớt mấy cái chia đó

1) Có khi gà mặt hiền lành lại dễ ăn độ vì chủ gà khác khinh thường. Ấy là gà ẩn tướng. Thường tài ba lộ ra ngoài mặt có hại chớ không lợi mấy, vì người ta đã để phòng trước.

đi, o bế sửa lại thành mồng dài và gọn, đặt tên là *mồng lưỡi búa*. Con khác mồng như hoa sung, có con mồng trẹt như mồng chim trích, mà vì dốt nên gọi *gà mồng tích* cho đến nay còn dùng. Sau khi cắt hớt, gà được thả ra sân cho mau sung sức rồi chủ lại bắt nhốt riêng mỗi con mỗi chuồng, cho ăn cho uống phủ phê, lúa thì đãi sảo sạch trấu, nước lựa nước mưa lóng thật trong. Khi nào gà lành mạnh, da trơn tru, thắm đỏ, không còn tỳ tích, khi ấy sẽ lựa một ngày ráo trời bắt ra xổ thử, cốt để xem xét từ nét đá, nét chịu đòn, con gà khi đá có miếng nghề gì và đá càng về khuya có cử chỉ làm sao, nghiên cứu từng ly từng tý để ngày sau ra trường, nghiệm theo sức nó mà lựa gà chịu độ; một khi biết trước sở trường sở đoản của gà mình và của gà địch, *biết mình biết ta* làm vậy thì mười phần kể ăn hết tám chín, như tiền sẵn trong túi, trừ phi gặp chủ gà kia là tay tổ, cao tài cao tay ấn hơn thì ấy là bà cậu không độ mạng rồi!

Gà nào thật vừa ý sẽ nuôi thúc và chia ra làm ba chạn: *chạn nhứt* là gà cồ thật lớn con, thường sắm để đá với gà người Thổ; *chạn nhì* là gà bực trung, dễ cáp độ lắm vì ai cũng thích nuôi, còn *chạn ba* là *gà bay, gà chim*, vì mến tài mà nuôi chớ ít khi gặp độ vì gà nhỏ con, không nhiều người đồng ý ham nuôi như mình.

Kỳ này con nào kém quá sẽ bị loại ra luôn.

Nếu chơi gà đòn, thì cứ thả vô chuồng nuôi thúc, rồi xổ dượt (duyệt) làm vài ba kỳ, một đôi tháng là có thể đem ra trường đá xổ độ đầu với hạng gà mơ (chưa ăn độ) như nó.

Nếu chơi gà cựa, thì lựa lần đầu như vậy chưa đủ, vì lúc đó gà chưa đúng sức lắm, cựa chưa dài, chưa biết "vọng" "ngọn" ra sao. Chờ khi gà đúng tuổi, độ mười lăm, mười sáu tháng trở lên, cựa khá dài và đã nhọn, cựa đâm chém có "máu mủ", khi ấy mới dám chắc gà cựa tốt hay xấu, gà thuộc "thú dữ" hay hạng

vừa vừa dễ xài.

*

*   *

LỰA LẦN THỨ NHÌ

Kỳ thứ hai này lựa kỹ hơn và sẽ chia làm hai cấp:

a) Lựa cấp nhứt

Lựa về toàn thể con gà:

Thầy gà bồng gà trên tay, tìm hiểu nặng nhẹ ra sao. Nặng vì to xương chắc thịt thì tốt. *Nặng* vì mập béo, thịt bệu da bủng, thì ắt không khá rồi. *Nhẹ* cũng có đôi ba đường nhẹ: *nhẹ lông*, gân cốt liền lạc không chút thịt dư, ấy là nhẹ tốt, gà đó tương lai nhiều; nhẹ vì gà thịt nhão, xương cốt chưa đúng sức nở nang, con gà bồng lên tay, ọp ẹp dường chiếc máy thợ ráp siết ốc chưa chặt, chưa khít, gà ấy còn rời rạc và thưa lông: nhẹ như thế là gà nên loại luôn, đừng tiếc vì nuôi nó đem ra trường, thua uổng tiền và đừng trách tôi không nói trước!

Lúc bồng gà trên tay (danh từ chuyên môn gọi "vô tay") sẽ biết con gà *sâu dạo* (tiếng lóng gọi *"gà lườn tàu"*) hay không *sâu dạo.* Gà nào lườn sâu như *lườn tàu*, ấy là gà quý tướng, tốt. Gà nào lườn cạn , (tục chê gà lườn như *lườn* tam bản) ấy là gà xấu, vô dụng.

Đồng một lúc cũng nghiệm xem cho biết cái *xương lườn* (tiếng lóng gọi *mỏ ác*) ngay hay cong và xem luôn *xương ghim* (ở dưới đít) khít khao hay hở hang. Theo sách tướng gà mà các sư kê truyền khẩu cho nhau hoặc giấu nhau như giấu nhựa thầu thì : *gà vạy lườn* (lườn cong, vạy) và *gà hở ghim* là hai hạng gà đồ bỏ, không xài được.

Coi lườn, khám xương ghim xong rồi, day qua xét về lông

và cánh. Sư kê ôm gà vào lòng, cho đầu gà trở vô kẹt nách, rồi lấy tay sè cánh nó, bóp nắn mằn rờ kỹ càng.

Gà lúc nhỏ đã bị gãy xương cánh xương vai, nay tuy lành mạnh, nhưng gà ấy không nên dùng, e ra trường, bị đánh đá xương gãy trở lại. Gà nào mạnh mẽ và có hạng thì cặp cánh, lông thật dày, không một sợi dập gãy, bộ xương vai liền lạc. Con gà ấy ít khi chịu ai sè cánh nó xem chơi, nếu ta cố sè cho được thì nó nhảy nhót và tự kéo cánh lên cao để xếp lông lại, không khác một võ sĩ hữu danh không khứng cho ai kéo cánh tay xem bắp thịt. Khi chớp cánh, võ sĩ ưa cho kẻ thù đo ván; con gà khi bay lên là thích cựa vào con gà đối địch không sai. Những nào lông thưa thớt, dập gãy, là gà thiếu nuôi hoặc nuôi không kỹ lưỡng, hậu quả là nay dùng ép thì có ngày thua độ vậy.

Thăm khắp chỗ rồi, thầy gà thăm dò *phao câu* và cái *bình dầu* tức hai cục hạch nằm trên phao câu, (có khi cũng gọi *quả hoi*). Lão sư kê mằn mò không sót chỗ nào. Có ý xem gà nào sung sức, mướt lông mướt cánh, là nhờ nó lấy mỏ khều quả hoi hình dầu cho chảy chất nước nhờn ra, rồi lấy đầu chà mạnh cho dính nhiều chất ấy, đoạn lấy dầu đó thoa xức lông cổ, lông cánh, lông mã, thoa rồi thêm lấy mỏ nhằn kỹ từng sợi lông kéo từ gốc dài ra ngọn cho chết hết mấy con mạt, vừa vuốt mấy sợi lông đuôi, không khác các cụ già vuốt chòm râu, hãnh diện hơn nữa, không khác các cô gái vườn sáng sớm lấy lược gỡ đầu, chải tỉ mỉ từ lọn tóc phết gót, không quên bôi chút ít dầu dừa mới thắng để tóc mây thêm mượt.

Bao giờ mưa thuận gió hòa

Trơn lông mượt cánh lại ra phụng hoàng.

(Ca dao)

Phao câu và bình dầu càng to lớn chừng nào càng tốt: đó là

những triệu chứng hay. Con gà *nở hậu tốt đuôi*, là gà có thừa sức khỏe. Lông đuôi mọc rậm và dài, sẽ giúp con gà có một thè thủ chắc chắn: khi đá, nhứt là lúc xạ, nạp, gà quất đuôi xuống đất lấy trớn, còn vào lúc suy sút, nhờ chùm đuôi làm cây chối kín đỡ khỏi té, và nếu té dễ bề chỗi dậy.

Nói đến đây lại nhớ con *gà cúp*, tức là gà không phao câu cũng không có lông đuôi. Trời sanh *hữu tật hữu tài*. Con gà cúp có miếng nghề riêng, khi đá luôn luôn thủ thế trước và không bao giờ để cho té. Trời ôi, nếu gà cúp té thì là té rủi ro, chớ anh đó, cẩn thận và đi đòn kỹ còn hơn mấy anh cụt tay đánh vợ nữa kìa. Ở đời đừng khi "cụt" mà lầm: cụt nắm được đầu, không buông tha và còn cái "khu lẳng" trơn, có nện chơi chơi mà đau điếng!

b) Lựu cấp nhì

Gà lựa thật kỹ, đâu đó vừa bụng hết rồi, thì thả ra sân, chờ xem tướng, cách đi cách đứng.

Cứ để tự nhiên lấy nó, thì gà mỗi con có một bộ đi bộ đứng phân biệt:

- Không kể lúc nhỏ, chưa sung sức, gà trống nòi khi gần trổ mã, thường có bộ tịch kềnh càng như trai tơ vừa dậy mẩy: cà khêu, cà tong. Đến khi nhổ giò ra tướng: trai ra trai Đông sàng *thàng nhơn chi mỹ*, thì gà cũng *gà ra mã* phụng vĩ xuê xang; rặc giống "Bắc Ninh, Cao Lãnh"!

Luận về gà, khi ra mã, gà nòi phải có:

- Khi đứng, cần cổ cất cao và thẳng như chỉ thợ hồ;

- Bộ mặt sát khí, xem dữ tợn, có oai;

- Thân mình thì đứng làm hai cách;

a) *Đứng đòn cân*: mình gà ngang như cán cân lúc thăng

bằng;

b) *Đứng giọt mưa*: vai cất cao, ngực ưỡn, đuôi xuôi xuống, có thể giọt mưa trơn trợt, chảy không ướt lông.

Nội cách đứng và bộ đi đủ cho thấy gà giàu kinh nghiệm, tiên đoán con gà sẽ hay giỏi về miếng nghề nào, hoặc đó chỉ là con gà vô nghệ thuật, hoặc cũng có nghề nhưng chỉ "lục lục thường tài".

Những gà có nghề là:

a) *Gà đi đường trên*, gọi tắt *gà đi trên*, biết đánh đòn ngọc, tức gà ấy khi đá đòn, chỉ nhắm vào bộ trên con gà địch mà đá; đòn hay cựa ngay mỏ, đầu, cổ, ngực, lưng, v.v...

b) Rất khác với gà đi trên là *gà chạy dưới*. Gà chạy dưới chuyên *đánh đòn trong* (đánh trong) và chỉ thích chun lòn phía dạ dưới gà địch, đội ngược cho té rồi xạ mạnh, hoặc thừa thế nắm đùi, ngực, bụng, đít gà kia mà đâm đá...

Gà nào *đứng và đi đòn cân* là gà chạy dưới, như tướng Dư Hồng, Dư Triệu, kép *Thầy Rùa* trong tuồng hát bội, thích luồn lọt dưới dạ dưới đi, bộ tướng lum khum, chỉ dùng *ám khí* cắn nách non, nắm đùi non, khi vỉa khi rút, đòn nòi hay chạy dưới, đòn nào đòn nấy đau thấu mây xanh, và ưa đâm ròng chỗ nhược: nách non, kẹt đùi, phổi, ngực lên tới bầu diều. Một khi *gà đánh phép lòn phía dưới* đụng độ với gà *thiện nghệ đi trên,* thì hai con đều trổ tài nghề, người không phải trong điệu xem cũng sướng mắt. Nhưng khi hai gà đối địch đều dùng một phép, quen thói chạy dưới, thì nhứt là vào nước khuya, hai con thấm mệt, đua nhau con nào cũng giành chun dưới bụng con nọ, không ai nhượng bộ và ai cũng cùng đi nước lòn, nếu hai *Thầy Rùa* gặp nhau như thế, thì độ gà sẽ biến ra một trò bi hài kịch, khi té đùn cục, khi chùm nhum níu kéo, con nào con nấy mặt đỏ gay, miệng thở mang phùng phùng, không khác hai "thù tây" giành

xôi thịt, hay hai mụ gánh nước cướp đoạt phông-tên!

Nếu gà *đứng đòn cân* là gà chạy dưới thì gà *đứng giọt mưa* là gà đánh đường trên: gà này đầu rất cao, mặt sáng súa, thiện nghệ lựa đầu, cần cổ mà đánh đá; và phần nhiều gà đi đường trên đều là *gà hay*.

Đến đây xin mở một dấu ngoặc: Đoạn trước, tôi đã nói về *vỉa tối, vỉa sáng*, tưởng nên nói luôn các đòn lợi hại khác của gà nòi:

- *Gà đá lông* là con gà sở trường dùng mỏ nắm chặt một chỗ nào của gà địch rồi ghì chặt chỗ ấy làm thế vững, đoạn ra hết sức bình sanh: cánh bay, chân đá, cựa đâm, vừa bay vừa đá vừa đâm như vậy, miếng ấy gọi *đá lông*;

- *Quăng* hay là *xạ rơi*: không cắn gà nọ, chỉ cánh bay lên, chân *xạ* tới, vừa chân vừa cựa *phóng* hết, *xạ* hết vào mình gà địch, không khác trận "vũ bão" của võ sĩ thiện nghệ "ban cho" kẻ đối phương.

- *Hồi mã thương*: Hồi mã thương là miếng võ sở trường của dòng họ La (trong truyện Thuyết Đường, có tiếng nhứt là La Nghệ, La Thành, La Thông,...) ra trận không ai địch nổi. Đây dùng để tả miếng đòn độc của con gà nòi có nghề. Hai gà xạ nạp, chèo kéo nhau đã đời rồi đến lượt một con rút đầu ra giả thua, bỏ chạy một vòng, gạt cho con gà kia rượt theo, rồi thừa cơ con kia vô ý, bèn ngừng chơn quay đầu lại, *vừa day vừa lấy thế đá tạt thật mạnh* vào bản cổ, vào đầu, mắt, gà kia nếu chịu không nổi thì thua ngay, bằng ráng gượng, thì con gà thế lại giở miếng cũ làm nữa, cũng chạy nữa, dụ địch nữa, cốt ý con gà *đi miếng, đi thế* như vậy là dùng dịp vừa nghỉ mệt, vừa ra miếng độc hạ thủ con kia, có khi nó đá nhồi đến ba lần, gọi *hồi mã tam thương*, con gà địch dầu chịu nổi cũng giảm sức hoặc nao núng mà thua ngược lại.

- *Đá sỏ, đá mé,* hoặc *sỏ mé* là nắm, cắn *mé* (mép, môi) hay sỏ (mồng) mà đá. Đòn này đau rát vô cùng; phần nhiều gà đi đường trên đều biết dùng thế này để làm suy giảm sức lực địch thủ.

- *Đá vai* là gà nắm, cắn vai gà địch mà đá. (Ngày nay trong tiếng Việt đã biết dùng động từ, nên thường nghe trong trường gà những câu gọn bằng *Vai nó đi con, ừ, vai nó nữa đi con* thay vì cắn vai và đá v.v...)

- *Đá lông yếm* là chun vào dạ dưới gà kia, bợ lông ngực mà đá tốc lên (tiếng lóng gọi đòn này là *đá bưng tơ*, lợi hại như ta tốc mùng tốc chiếu thì bao nhiêu vật trong mùng chiếu đều theo tay mà ngã đổ; hoặc hơn nữa như ta bưng tô có đựng vật gì (nước, đậu, bắp...) mà trút xuống thì giống gì cũng đổ không còn).

*

* *

CÁCH ĐI CỦA GÀ

Trở lại cách đi, gà bước tới trước mỗi con có cách khác nhau: con bước dài, con bước ngắn, con chân sát mặt đất, con thì co chân thật cao rồi túm ngón bỏ tới và trước khi chấm đất mới xòe ngón ra: đó là con gà quí tướng, đúng như câu *bốc muối quăng ra* hay *chấm muối bỏ ra.*

Có con đi tới mà đầu cứng đơ không cục cựa, còn có con lại trái hẳn: khi đi thì đầu mặc lắc lắc, tựa hồ muốn rảy cho rớt rơi giống gì dính trên mặt trên đầu mà mình ngó hoài nhưng không thấy. Con khác, khi nhốt nó trong lồng, rõ ràng chiếc lồng rộng rãi cao hơn nó nhiều nhưng gà vẫn né tránh y như sợ có vật gì sắp đụng vào thân thể mà gà không muốn. Những gà ấy đều có "ẩn tướng", đó là thần kê, gà quí lắm.

Câu thành ngữ sau đây, rất được lưu truyền trong giới điệu nghệ, ai ai cũng thuộc nằm lòng, nhưng vì là truyền khẩu, nên mỗi nơi mỗi khác đôi chút:

Trong "Ánh đèn dầu" thấy viết:

Thứ nhứt bốc cát ném ra,

Thứ nhì lắc mặt, thứ ba né mình.

(Lê Duy Oanh, Ánh đèn dầu, năm 1961)

Ở trong Nam chúng tôi, câu ấy lại viết:

Thứ nhứt bốc muối bỏ ra,

Thứ nhì lắc mặt, thứ ba né lồng.

(Câu trong Nam tả sát đề lắm, kinh nghiệm từng thấy trẻ con bốc muối, chấm muối cách nào. *Né lồng* thêm nhiều nghĩa và rõ rệt hơn *né mình*). Nhưng câu này lại càng mạnh thêm lên bội phần nhờ câu dưới đây bổ trợ:

Nhứt thời chấm muối quăng ra,

Nhì thời lắc mặt, thứ ba né lồng.

(Tác giả câu này kinh nghiệm thấy *chấm muối quăng ra* là khi bước chân tới, con gà giụm chúm mấy ngón y như ta nắm trong tay vật gì (trái ổi hay nắm xôi vò) mà chấm nó vào dĩa muối, dĩa vừng. Còn *quăng* ra là phóng chân tới trước một cách mạnh dạn, hùng dũng).

Câu "né lồng", có chỗ cắt nghĩa y như tôi đã nó, là gà sợ đụng lông đụng cánh vào lồng tre nên né tránh...; Chỗ *khác*, người *khác* lại nói cách *khác* như vầy:

- "Né lồng" là gà nhốt trong giỏ bội, trong lồng ép, khi thấy con lạ đứng ngoài, bất luận mái hay trống, thì nó rùn hai chân, xòe hai cánh, (làm như Thầy Rùa đang múa trên sân khấu), rồi

nó kè kè lông cánh bằng chân, tiếng nghe rẹt rẹt, hoặc sang bộ, đổi lại đi vòng tròn trong lồng, như né tránh vật gì, miệng thì không ngớt hoặc *gù mải*, hoặc *kêu túc túc* như khiêu chiến địch thủ, oai phong lẫm lẫm. Nhưng nói gì thì nói, theo ý tôi, tôi hiểu:

- *Né lồng* là như đã nói đoạn trên.

- Còn nếu nói như đoạn dưới thì không phải "né lồng" nữa, đó là con gà trống "sùy" hay "xùy" như chim rồi!

Cũng trong *Ánh đèn dầu*, ông Lê Huy Oanh nhắc câu:

Đầu công, mình cốc, mắt hạt trai,

Đùi dài, khoản ngắn, chẳng sợ ai.

Câu này cũng mỗi chỗ mỗi khác. Tôi thì nghe làm vầy:

"Cổ công, mình cốc, cánh vỏ trai, cựa thài lài, chân ba hàng vẩy: đánh bảy ngày, chết chẳng chịu thua".

Nhưng nếu hỏi tác giả là ai? Tôi xin thưa:

- *Không biết*, duy biết ngoài Bắc gọi *công cốc* thì trong Nam lại gọi là *con cồng cộc*!

Đó là những câu nhựt tụng, những hạng mê gà, mới học chơi, (tuy mới chớ cũng từng thua đến vợ bỏ cơm không cho ăn), những hạng ấy theo hỏi và năn nỉ ráo nước miếng, bọn sư kê mới truyền nghề cho nghe một ít. Phải là hạng nặng, hư hỏng từ nhỏ, đàng điếm phong lưu nếm đủ, về già, gần chết, mới kể ra được một vài. Ôi! Không có nghề nào là xấu, là chẳng nên tìm biết. Tại sao nước người, sách tham khảo dẫy đầy hiệu buôn, sợ e không tiền mua sắm? Còn tại sao nước mình, muốn học thì không sách chỉ dẫn, đợi phải giang hồ lạc phách, mới nghe lóm, học lóm đôi chút? Nguy cho nền học hỏi trong xứ vậy thay!!!

Về gà quí tướng, người ta còn truyền tụng những con có tướng đặc biệt như sau này nữa:

- *Gà lưỡi rùa*: gà này lưỡi thụt xa trong đóc họng, nên có người đặt tên *như lưỡi con rùa*. Đó là *thần kê*, quí lắm, gà với gà coi vảy, khi biết được, tự nhiên chạy khan không dám đá lộn với gà *ẩn tướng*, không hiểu tại sao?

- *Gà cá sấu*: gà này tựa như không có lưỡi, vì lưỡi còn cụt ngắn hơn gà lưỡi rùa nữa, mới xem họng gà tưởng đó là một loại với họng cá sấu là giống không lưỡi. Gà cá sấu, miệng hôi thúi lắm, nhưng chính vì ẩn tướng như thế, nên *may độ* lắm, thắng nhiều trận một cách bất ngờ, nên tay chơi gà, khi biết thì ít dám chịu độ với gà cá sấu vậy.

- *Gà đá nước ròng*: gà này không có tướng gì quí, nhưng có tài lạ, là càng trở nên hay giỏi khi gặp giờ nước ròng. Người không tin dị đoan sẽ bĩu môi chê tôi nói dóc, nhưng cho tôi hỏi người ấy có cắt nghĩa được tại sao các người có bịnh suyễn, kéo đờm càng nhiều trong tuần trăng tròn, các trẻ con mắc bịnh *đẹn trăng*, lưỡi khuyết thêm tùy con trăng tròn khuyết, và hoa trái trong vườn, gặp nhựt thực, nguyệt thực đều chịu ảnh hưởng ít nhiều? Chủ gà này phải biết ý gà mình, phải cân con nước lựa giờ cho đá, nếu lựa được đá giây lát là đúng giờ nước ròng thì chắc ăn ngay, dẫu gặp gà nào tài ba hơn nó cách mấy, nếu gà ấy không *hạ* nó trước giờ nước ròng, thì lạ thay, khi nước dưới sông bắt đầu giựt, thì gà này lại bắt đầu ra miếng trổ tài, thắng thế lại như chơi. Trong Nam, năm trước miệt Sóc Trăng có người có một con gà như vậy. Những người chưa biết mặt nó đều khinh khi nó là con gà "biệt hạng", xúm nhau giành đá chống lại nó, đến khi chịu độ, thả gà ra trường, nó nạp vài đòn, trổ tài ra mới hay Tổ trác, để cho mình mắc mớp Thần kê!

- *Gà tử mị* (mị là ngủ): gà này khi ngủ, nằm xòe cánh, sải

chun ra như hình gà chết. Nó thật là *linh kê*, ăn may độ luôn luôn; nhiều độ tưởng nó đã đi đời, chủ héo ruột chờ chung tiền, nào ngờ rốt cuộc nó làm cho gà kia suy lại, hai bên hòa thú hay nó thắng độ mới lạ kỳ cho!! Gọi linh kê là phải. Chính là "tử mị", có người gọi "gà tứ ngụy", theo tôi không đúng vậy.

- *Gà voi*: gà này có hai sợi lông phao câu, cứng, tròn như lông voi, bình thường ít ai thấy, và như vậy mới đúng là "có ẩn tướng": thường may độ lắm.

- *Gà song sanh*: hai con trong một trứng chun ra, nếu đó là trống, thì là quí kê, chủ trọng dụng vô cùng.

- *Gà ma*: năm xưa, trên Cao Lãnh, có một con gà ô dị kỳ tướng, chủ đặt tên là *con gà Ô Ma*, vừa có nghĩa là gà sắc ô, vừa chơi chữ, mượn tiếng Tây *Aux Mares* là đồn lính tập Lang sa mà đặt tên cho gà. Gà này đem vào trường cáp độ, khi để gần con nào nó biết sức nó đá không lại con ấy thì nó la *rót rót* liền miệng, co đầu rút cổ và nhảy dựng trên tay chủ, muốn bay ra khỏi trường. Ấy là nó báo tin trước: *Tôi đá không lại con đó, xin chủ đừng chịu độ!!!*. Chủ nó biết làm vậy thì cũng không ép nó làm gì! Nhược bằng khi cáp độ, nó đứng yên cho chủ so chân so cựa, thì y như nó nhắn thầm: *Chịu độ đi! Để lát nữa tôi chém con gà này ngã nội trong nước nhứt cho chủ nó biết tài tôi!!!* Mà thiệt! Chủ cứ yên tâm, mặc dầu gà kia sức lớn vóc to hơn nó, miễn nó chịu đá là chắc ăn trong tay. Ra trường, nó vỗ cánh, túc con hùng hùng củ củ, uy phong lẫm liệt khác hơn ban nãy một mười một một, gà kia khiếp vía ngay, và khi nhập độ trong vài ba miếng xạ đầu, nó đã *thôi miên*, gà nọ không ra tài cùng nó được chút nào, và chỉ đứng đó chờ giờ nó dứt một mũi cựa là xong, gà kia gặp nó như gặp diều hâu, rắn hổ chứ không vừa. Về sau *Ô Ma* ế độ, nội vùng không ai dám đem gà đến cáp với nó, chủ mang xuống Long Xuyên, Cần Thơ cũng không gặp độ nào. Lối đầu năm 1931, lúc tôi còn làm phát ngân viên tại tòa

bố Sa Đéc, có việc lên Cao Lãnh phát tiền cho thợ thầy trên ấy, thì gặp ông Chủ quận T.V.M đang xử vụ kiện trộm con gà Ô Ma này. Chủ mất gà bắt được tại trận gà mình trong chuồng một tay chơi gà khét tiếng đã gần sạt nghiệp vì thua Ô Ma mãi nên sai trộm về cho bõ ghét. Nào ngờ chuyện nhỏ xé ra to. Chủ mất gà khép kẻ trộm vào án quốc sự, người bị tố cáo ban đầu cương lý, sau xuống nước chịu đền một con gà MỘT TRĂM ĐỒNG BẠC LỚN (bạc 1931 mỗi đồng đáng 100đ. ngày nay) là quá sức tưởng tượng, người mất gà không khứng bãi nại, hai đàng giằng co nhau mãi, chủ quận không biết xử làm sao, dạy giam con Ô Ma chờ hậu cứu, ngờ đâu lính quận không tiền trà nước, đành để con linh kê chết trong trại giam, bỏ xác bách chiến trong lao tù. Uổng vậy thay!

- *Gà ngọc:* gà này khi gáy, nhứt là vào đêm, dường như thấy ánh sáng trong cuống họng, nên tục gọi gà có ngậm ngọc nên mới được vậy.

- *Gà túc*: khi ai rờ đến mình nó thì gà này kêu tiếng "túc túc" nghe rất giòn. Đó là gà quí tướng vậy.

- *Gà Nhựt Nguyệt:* hai cựa một đen một trắng, hay là cựa trắng có vết đen. Tuy hay, nhưng tướng quá lộ ra ngoài, khó thắng độ, vì khi có người chịu đá là họ có "phép" trị rồi, dẫu thắng cũng nhọc nhằn nhiều lắm.

Trong một độ, khi nửa chừng, tới nước bắt gà vô sửa, nếu gà mình *túc con* thì làm gì khi vô đá lại, nó cũng hạ dứt con gà kia dễ dàng (nó báo tin trước, không khác cậu sĩ tử trúng tủ, huýt sáo mừng lòng), nhược bằng tiếng nó kêu bi thảm, là nó cũng báo tin sắp thất bại, biết trước làm vậy, nếu chủ khôn vong thì thà chịu *thua vớt* còn đỡ hơn, cãi nó, cứ để đá thêm thì càng thua đậm, ích gì? Con gà kêu, khi thì tỏ ra hùng lực còn thừa, khi thì báo tin khí suy lực tận, nghe tiếng gà, sư kê biết lẽ thắng bại là thế, chớ cũng không thần thông quảng đại gì!

Tuy gà có nhiều tướng, khi lộ ra cho thấy như mặt lanh, cựa Nhựt Nguyệt, khi lại ẩn tàng, như lông voi, hai phao câu, v.v... rồi đồn lên mừng mình có linh kê, thần kê, đủ thứ, nhưng hãy khoan mừng vội. Trên đời, không có luật nào là bất di bất dịch, luật rồi cũng có ngoại lệ: nhiều gà không lắc mặt, không né lồng, nhưng nhờ chủ tinh khôn cáp khéo, "lấn hơn", "gác hơn" đàng nọ hoặc vài phân lông, hoặc hơn chút cựa, khi vào độ, dẫu gà kia quí tướng thế nào rốt cuộc cũng chạy te với nó vì sức mạnh không bằng nó, đó là lẽ thường chớ nên quên. Cũng như chuyện xưa kể lại nghe chơi, trận đấu võ Carpentier đương đầu với Demsey thì tài nghệ Carpentier có thừa, nhưng sau rốt phải chịu thua Demsey vì người này to lớn và chịu đựng giỏi. Song lấy phần nhiều mà kể, thì con nào đúng một khoản trong các khoản kể trên thì đều là *hạng gà xài được*. Nếu có thua, sẽ đổ thừa mạng mình kém mạng lão kia, lão kia có thần tài giữ của, hoặc giả tuy gà mình đại tài nhưng đã hết thời, thua vì *vảy ky* (hay vì đàn bà). Nghề đá gà chầu xưa là một nghệ thuật, nghệ thuật đấu trí *nhẫn nại*, đấu trí *nghe thấy*. Ngày nay, nghệ thuật tinh vi dường thế đã suy bại rất nhiều, vì người nay đem nghệ thuật ấy dồn trong phạm vi *cờ gian, bạc lận*, đành bán rẻ và chôn sống con gà nòi trong *trường đổ bác* chớ không phải *đấu kê* nữa. Miệng mồm bọn đá gà đã lớn thêm rất độc địa, *khi thua bàn thờ cũng đổ* huống gì đổ thừa *mắc phong long* là sự thường!

VÀI DANH TỪ CHUYÊN MÔN VỀ GÀ

- *Gà niền*: gà đá thua độ rồi, nay đem về nuôi lại, để sau đem trở ra trường phỉnh người lạ mặt, nếu bắt bên "gà niền" đá chấp thì sẽ thua trước mắt. Gọi làm vậy vì gà thua thì vảy hở, lông tai rụng, trống rỗng, nên ví nó như "thùng bộng nứt niền". Đoạn này tôi nói như trên e khó hiểu, nên xin giải thích thêm: Sở dĩ "gà niền" có người còn lầm, còn theo đá bên phe nó vì tuy

thua, nhưng gà phụng vĩ còn tốt ngoài việc vảy hở, lông tai rụng (phải tay sành điệu, chuyên môn mới nhìn ra) [1], kỳ dư bọn tay mơ vào trường gà, thấy gà *lấn cựa lấn lông*, thì a dua theo phe gà lớn ấy liền; thêm nữa khi cáp độ, có bọn *đá hàng xáo "làm hộp"*, khen dồi với nhau, người ngoài nghe tiếng mất tiếng còn, nôn chí mà đá theo cơ mưu chúng sắp đặt là sự thường; đến khi thua độ mới hay mình mắc kế quân gian, thì sự đã rồi. Tuy vậy, một hai khi, gặp Tổ trác quân ấy, khiến con gà niền tức khí đá hay quá và con gà nọ chạy ngược lại cũng được lắm. Khi ấy người tay mơ thắng cười hả hả đắc chí bao nhiêu, thì bọn đá ngược "gà niền" méo mặt chửi thề bấy nhiêu, *chửi như chửi thua độ gà niền*! Có như vậy trường gà mới không thiếu người đến bỏ tiền mua may rủi vận mạng và cô hồn trường gà vẫn bịt mắt nào biết ai là ai?) [2]

- *Gà chạy chậu:* gà có vảy hở, hở nơi vảy "chậu".

- *Gà chạy mặt:* con gà nòi coi vậy mà nhớ dai lắm. Khi còn nhỏ nếu nó đã thua con gà nào đó, ngày nay hai con đồng lớn, đem nuôi chỗ khác, tuy cách mặt hèn lâu, nhưng nếu cho đá lại, nội chừng vài nét đòn nạp xạ, thì nó nhớ mặt con kia lại được ngay, (có lẽ nó biết nhờ xem vảy xem chân gà nọ) và khi nhìn ra con gà thắng nó độ nọ rồi, thì tức khắc nó xếp giáp qui hàng, không khứng đá nữa, chẳng khác trong truyện Tàu, tướng thua gặp lại tướng thắng, thì già đời chịu thua, thấy mặt là chạy ngay, không dám đương cự, dẫu đỡ một đường thương, roi, cũng nhứt định không là không. Tuy vậy, người đời cũng có cách xí gạt cho tướng thua, gà thua đá lại. Đây là căn nguyên sự dùng mặt nạ thuở xưa, sự vẽ mặt của các tướng đời thượng cổ. Đối

---

(1) Bợm gian có cách lấy nghệ thoa bít tai, vảy, khó thấy hở hay không.

(2) Gà niền, có nơi cũng gọi "gà nổ". Đừng lầm gà nổ là gà lông... lốm đốm như bông nổ, con "gà nổ" nói đây là gà hư, đã nổ bể rồi hở hang vảy, tai v.v... nên gọi "gà niền" ít lẫn lộn hơn.

với gà, nếu vẽ mặt bất tiện, thì người đời có cách đơn sơ giản tiện hơn nữa là dùng lọ nghẹ chảo bôi mặt tèm lem, khi ấy hai con không nhìn ra nhau nữa, sẽ so tài như mới gặp, thắng bại bất phân. Bởi thế mới có câu "Gà nhà bôi mặt đá nhau" là vì vậy.

- *Gà rót:* gà rót là gà có bịnh trong mình. Nếu trên đời có *người rót* là người "thuốc điếu cũng chê, rượu không thèm uống", đờn bà ngon "dâng cơm tới miệng cũng không thèm nuốt" thì gà rót đứng đâu xanh tái mặt lại và kêu tiếng bi thương "rót rót". Khi có bịnh, gà biết sức yếu nên không chịu đá bất cứ với gà nào. Gặp *mụ đầm Pỹ phàn khị xực* (Dâng cơm nị ăn) cũng khước từ luôn. Và tượng trưng cho phái gà rót là con gà trống thiến!

Đôi khi gà rót vốn gà giống hữu danh, có khi người chủ tiếc tài, không nhịn được cũng nuôi thúc, tẩm bổ và đem ra trường. Khi cáp độ không quên vái van Bà Cậu:

- *Ưng ai! Phù hộ! May rủi cho tôi xin một cựa ngay chỗ nhược không dám xin nhiều...* Bởi chưng gà rót là gà có hạng, nay trong bình *bất an* nên *rót*; xin đừng chọc giận, vì ngộ thời, *gà rót* nổi giận, nắm con kia giũ một giũ như ta giũ áo, con kia nằm một đống, rồi hết *rót* luôn như Võ Tòng qua truông, tay không đánh cọp chết, trong cơn say rượu và trong cữ rét. Được như vậy nên Bà Cậu vẫn linh. Bằng chẳng được cũng nên tha thứ vì gà kia đã xưng danh *Ta đây gà rót!* Thua là tại mình cố cãi, chớ trách gà.

Có một cách tránh cho gà khỏi thua, không hở vảy, không trở nên gà vô dụng, gà niền, ấy là cách chịu thua trước khi tàn độ, *vớt lên, bồng gà lên* và *chịu thua vớt* [1] trước khi gà chạy.

---

(1) Thua vớt còn được gọi là thua non, thu phân (từ 1 đến 9 phân)

Đá chưa ăn thua, chưa có kết quả mà ngưng độ bắt gà lên, thì con gà xem đó là một trận xổ thử, tuy bị đòn nhừ tử nhưng chưa bại trận, nhuệ khí chưa mất. Hai con bắt về nuôi lại đều còn dùng được. Ngộ ra sau này bắt cáp cho đá nhau nữa thì cũng không ắt bên nào sẽ thắng vì hai con tài sức tương đồng. Đó là mánh lới nhà nghề của các tay sành sỏi, tiếc từ con gà hay. Tuy vậy họ đã ngán lẫn nhau, ít khi cáp độ lại. Kinh nghiệm chỉ cho ta thấy các tay gà lão luyện tính hơn thiệt từ miếng đòn, từ chưn đá, từ ly từ phân kỹ càng lắm, không như tay mơ, đá độ nào tàn độ nấy mới chịu nghe cho.

NHỮNG CHỖ NHƯỢC TRONG THÂN THỂ CON GÀ

- *Giao long*: khớp xương đầu che bộ óc, sát mí với mồng gà. Chỗ nhược bực nhứt như ta có khớp xương mỏ ác. Một mũi cựa nhẹ cũng đủ làm cho con gà bị đâm giãy chết tức khắc.

- *Mắt cần*: mắt cần cổ gà, như mắt tre, mắt cá. Gà bị đâm mắt cần thì ẹo xương cổ, không đá được, đứng quây mồng mồng, xem thê thảm.

- *Bầu diều*: gà bị đâm bầu diều, gặp tay cho nước tài có thể vá víu kịp, gà khỏe lại, đá được, có thể ăn độ được nữa, nhưng về nhà thì chết vì bầu diều là túi gân chứa lúa, vết thương không lành.

- *Chữ tử*: chỗ ngay yết hầu gà, chỗ nhược.

- *Hang cua*: chỗ hõm cạnh cần cổ sát thân (như ta có hang cua sát cổ gần xương quai xanh "clavicule"). Cựa bị đâm vào hang cua, nếu cạn thì chưa sao, nếu sâu thì gà bị đâm giãy chết và máu trào ra họng miệng, vì trúng đầu lá phổi gà.

- *Mã ky*: chỗ người cỡi ngựa ngồi trên lưng ngựa. Đây là lưng gà. Cựa đâm sâu sẽ thấu phổi, y như đâm hang cua. Cựa đâm cạn còn sửa gà được, chưa phân thắng bại.

- *Mỏ rớt*: rớt mỏ. Bị gà địch đá đòn mạnh quá thêm trúng ngay mỏ đến rớt hoặc dính lòng thòng, không khác võ sĩ bị đánh rách môi văng răng. Đòn này đau lắm. Gà dở thì phần thua trước mắt. Gặp gà hay, đến nước bắt vô o bế, hoặc chắp vá may sửa, hoặc để y "gà mất mỏ", trở vô đá, gà mất mỏ đổi chiến lược, không nắm cắn được, thì xạ trơn, hay dùng thế "đá tạt", gà kia cũng chưa chắc thắng nó nổi.

- *Gãy cựa, khắc cựa*: đương khi đá, tự con gà làm cho hai cựa khắc nhau, đến gãy, gãy một cựa hay hai, đều là điềm bất thường, chịu thua vớt là xong!

Nơi đoạn này cũng nên nhắc hai danh từ thường dùng. Ấy là:

- *Nước nạp*: là nước đầu, vừa vô đá, hai gà thích nạp, khắc chưn nhau, như hai tướng đấu võ trên sân khấu khắc binh khí, đè thương, đè roi thử sức nhau.

Gà được nước nạp: gà chỉ hay giỏi mấy đòn đầu.

Người này chỉ có nước nạp : người ấy chỉ hay buổi ban sơ, khi bắt tay vào việc, về lâu thì dở khẹt.

Nạp là nộp vậy (như *nạp thái*).

- *Nước đứng*: đây không phải là con nước lình bình, không lớn không ròng. Nước đứng của gà là nước chịu đựng sức bền, sức đứng của gà.

NGHỆ THUẬT NUÔI GÀ NÒI

Muốn biết và hưởng tận *thú nuôi gà* phải chịu nhọc công với nó. Phải từng ôm nó vào lòng, tắm cho nó, cho ăn lúa đãi, cho uống nước mưa; quen tay rồi sau thấy vui vui, gà quen chủ, chủ quen gà; búng tay *tróc tróc* thì gà trả lời *cồ! cồ!*; hai đàng thích thú mau như cặp bài trùng, như "dương" tìm "âm", như hai

giống khác nhau hít nhau lại, như kẻ chơi cổ ngoạn, có viên ngọc quí trên tay, hằng ngày nhồi giỡn giờ này qua giờ nọ, không biết chán.

Từ tháng tám, tháng chín, trễ lắm là đầu tháng mười ta, việc đồng áng đã hườn, người ruộng vườn mới bắt đầu nghĩ tới việc bắt gà nòi nhốt riêng vào chuồng, xong rồi nhơn rảnh rang, bắt ra hớt lông: lông nách, lông đầu thì hớt sạch bóc, còn lông cổ thì chừa một túp sát cần: chỗ ấy là chỗ nhược, da non, phải có lông che kín, lại nữa chòm lông cổ khi gà xúc nộ thì phùng lên trợ oai, không có xem khó coi như ta không quen thấy anh Chà Chóp thiếu bộ râu rìa quai nón! Cũng cần cắt xén lông dạ dưới, chỉ chừa năm ba sợi cho đít; nơi đùi thì lấy gọn, chừa đủ mấy sợi cho gà đỡ lạnh, kỳ dư vế non, ba sườn *làm cỏ* sạch cho nghệ mau thấm, khi đá độ, cựa đâm vào là thấy ngay. Con gà nòi miệt Cao Lãnh, phụng vĩ lắm, lông đuôi quét đất, thì phải hớt bớt, tỉa thật khéo không cho biết đuôi bị cắt sửa. Chòm đuôi con gà là một binh khí lợi hại, phải dọn làm sao cho khi đá, con gà suy không đạp đuôi của nó, và khi thấm mệt đứng gật gưỡng thì nhờ đó mà không té, tựa hồ gà có ba chân! Bộ lông mã, mọc từ lưng thòng xuống che hai bên hông, lông dài thêm vẻ đẹp, nhưng lượt bượt quá thì mất gọn, cũng nên sửa bớt cho gói ghém con gà. Cắt hớt rồi, thoa rượu thuốc, rồi *vần*, rồi *chạy lồng*, rồi *đi hơi*, rồi *om bóp*, rồi và rồi...

- "Vần" là danh từ Bắc, như "xổ gà" trong Nam, sẽ nói nơi đoạn sau.

- "Chạy lồng" là nhốt con gà nòi trong hai chiếc bu (lồng), chiếc lồng lớn chụp bên ngoài, trong còn một bu khác nhỏ hơn, cốt làm sao cho hai gà, con trong con ngoài, *tương kiến bất tương đả*, vì hai lồng tre cách xa phân chia hai gà không cắn mổ nhau được. Con gà nuôi, để bên trong, bên ngoài thả con khác (cho hai con *đá bóng* nhau như ta cho cá thia thia đá

bóng), hai trống thấy nhau, phùng, trợn, gườm, liếc, kiếm chỗ hở túi bụi nhưng không làm gì nhau được, tức giận cành hông, đành lấy chân quào đất, trừng trợn, phùng xòe, nghinh nhau như hai tướng giặc ngoài sân khấu hay như hai kẻ thù muốn ăn tươi nuốt sống nhau hiềm vì chưa được dịp. Phép *chạy lồng* phải xem chừng cho lắm, lơ đễnh nội một chút, hai gà mổ xói nhau, nan tre sẽ làm xể mặt, hư mỏ, rạch khóe, những vết này, dẫu sơ sịa cũng rất khó lành và gà sẽ trở nên vô dụng.

- *Đi hơi* là khi xổ gà, lấy vải dày hoặc da mỏng bao mặt bịt mỏ gà chỉ chừa hai mắt, hai con mắt thấy nhau nhưng không mổ cắn gì được, chỉ xạ nạp chân không (cựa cũng bịt rồi), tập dượt gà như thế lâu ngày gà thêm kín hơi, sau ra giao phuông, sẽ bền sức, lâu mệt và không hốc.

- *Om gà* là lấy nồi đất đựng chút nước tiểu, pha thêm chút rượu thuốc, nấu sôi ninh rồi lấy vải bọc dồn đầy ngải cứu và nghệ củ giầm nát, khi nghệ và ngải lên hơi nóng, sẽ lấy túi vải ấy, bóp sơ sơ cho nước tiểu nước rượu ra bớt, rồi dùng túi ấy để ép trên thương tích trên mình gà. Làm cách này chẳng những vết tích mau lành, thêm da xương thêm săn mau cứng chắc. Tục ví: *Chó liền da, gà liền xương* là có ý nói gà chó thương tích mau lành lắm.

- *Vần gà, xổ gà:* Gà hớt lông, vô nghệ rồi, vài ngày sau, lựa bữa nào ráo trời, bắt gà xổ thử. Xổ đây không phải là bắt gà đè họng cho uống muối diêm hay dầu đu đủ tía, mà là tập cho hai gà đá nhau, dượt nhau thử. Ngoài Bắc, gọi *vần gà* cũng thế. Lựa hai con đồng chạn đồng sức, lấy lá chuối khô, vải và da mềm, bịt cựa lại, rồi thả hai con cho đá nhau trên một bãi đất mềm, bãi cỏ chỉ cụt lúp xúp là tốt nhứt. Như đã nói, phải bịt cựa gà, đừng cho hai con đâm chém nhau, vì đây là cuộc đá thử chớ không phải đá thiệt.

Tùy *gà cựa* hay *gà đòn*, tùy mỗi tay nuôi, mỗi người có cách thức gia truyền riêng, họ để cho hai con đá nhau một nước hay hai ba nước, mỗi nước độ mười phút, như võ sĩ đếm hiệp (round). Sau mỗi nước, cho gà nghỉ chừng ba phút. Liệu gà thấm mệt, chân bết bát đá không lên nổi, thì cho nghỉ luôn đợi phen khác xổ nữa. Xổ lâu quá hư gà mà chớ. Cần nhứt là xổ có chừng độ, định kỳ mười ngày hay nửa tháng thì xổ một lần, xem chừng vừa thì thôi, chớ xổ quá nhiều lần, một là nuôi thúc không kịp, hư gà, hai là xổ thét gà quen tánh ra trường đá đến nước nào đó thì lôi thôi không muốn đá nữa là thua chết ch.!

Vỗ hen: Xổ gà rồi phải nhớ *vỗ hen* cho nó. (Nếu không vỗ hen, trong họng gà nếu có trầy trụa chút ít, về sau những mụt trong cổ vẫn lành như thường nhưng đóng thành cục lơm chơm vướng nhớt đàm, con gà sẽ khò khè mãn đời). Cách vỗ hen là ôm con gà kẹp chặt bên hông, chân gà hổng đất, đoạn lấy tay nắm đầu gà, một ngón trỏ bét mỏ gà ra lớn, tay kia nắm một khăn sạch có thấm nước, bóp cho nước ấy chảy vào họng gà rồi ghì đầu gà trút xuống, bỏ khăn, lấy tay ấy vỗ vào họng gà bì bạch. Bao nhiêu nhớt, đàm, dãi, lông, cát trong họng đều nhểu ra lòng thòng. Liệu hết nhểu là họng gà sạch sẽ thôi vỗ. Vỗ hen rồi, chụp khăn ướt khi nãy, bóp vào cổ gà một mớ nước sạch cho trơn cổ và cho nó thấm giọng trót thể. Trong Nam, vỗ hen rồi còn có tục lệ lấy một lá trầu tươi, không trầu thì thế lá ổi, vò nhầu nát, gói một cục muối ăn, cuốn lại cho vừa bằng ngón trỏ rồi nhét hết vào họng gà cho nó nuốt vào bọc diều, làm vậy định chừng cho sạch miệng sạch cổ, thêm lấy đó làm món thuốc ngừa độc đón gió. Xong rồi, tắm sạch cho gà, đem phơi nắng se dịu cho khô lông rồi thả vào chuồng cho nghỉ mệt.

Vô nghệ: Sau khi xổ, tắm gà rồi, là *vô nghệ*, hay *bóp nghệ* cho gà. Gà tắm khô lông, thì chủ ôm vô trại, nơi đây đã có người chuyên môn coi về vô nghệ, om bóp gà bằng nghệ mài

sẵn. Nhắc đến *mài nghệ*, ai ai có từng chơi gà cũng ngán. Nếu ôm gà chơi là thích, thì phải từng mài nghệ, phải luôn luôn có bàn tay và ngón vàng nghệ mãn mùa mới hãnh diện là tay chơi gà chiến! Công việc mài nghệ không cần lao lực nhiều, nhưng ngán ở chỗ nó hà rầm, liên miên, hoài hoài, nhọc cực vô số kể. Lấy nắp lu, nắp khạp, lật ngửa, lựa nắp mới thì bén hơn, mài mau ra hơn, rồi đổ vào đó một mớ nước có thêm trong đó một chất thuốc gia truyền, mỗi chủ kê có toa riêng, đem theo kè kè bên mình, và giấu nhau còn hơn sĩ tử giấu đồ nghề bí mật với nhau, nhưng bình thường cũng lẩn quẩn mấy vị này: nửa phần nước lã, nửa phần rượu đế, thêm một chút muối bọt, một chút phèn chua (phèn phi tán ra bột), có chỗ để thêm mớ nhấm *acide borique*, chỗ khác không sợ dơ và vẫn theo phương pháp cổ truyền lại dùng cả nước tiểu con trai, và một đống củ nghệ, nghệ này vì để lâu năm nên khô cứng như đá, rồi cứ vùi đầu cắm cổ mài nghệ ấy, mài đến khi nào nước nghệ và thập vật đặc sệt sệt như bột hồ khuấy mới chịu thôi. Thế nên bất kỳ giờ nào, bước vào trại nuôi gà nòi là luôn luôn thấy một đứa tớ hay một trẻ con ngồi mài nghệ, ngủ gà ngủ vịt, vì mệt mỏi thấm đòn lâu ngày, làm cái nghề bạc bẽo ấy, đồng lương lại rất bủn xỉn, nhưng vì quá ham gà thương gà, nên bất chấp đồng tiền không xứng đáng với công nhọc nhằn, miễn được ôm ấp con gà, ẵm bồng con gà danh tiếng là đủ hả hê sướng khoái. Các món trộn đều, nước nghệ mài đã được vừa ý thầy gà, thì anh vô nghệ ôm gà từ con thoa nghệ vào. Có anh lấy tay thoa, thì êm cho gà và được kỹ hơn. Anh khác thì dùng bàn chải hay cọ mịn, hay lông gà phết, hoặc miếng xơ dừa gọt mỏng, cọ nhẹ nhẹ vào da gà, cho nghệ bám dính vào, chà phết thật kỹ, những chỗ nào lông cắt sát thì thoa đi thoa lại: mồng, mặt, cổ, cánh, ba sườn, hông, đít, đùi non luôn về cặp chưn vừa móng vừa cựa, thoa không chừa da non mẹ đẻ, thoa rồi ôm gà ra sân mát lấy bội đậy ngoài nắng dịu (nắng buổi sáng sớm hay nắng buổi mặt

trời sắp sửa đi ngủ). Anh nào dùng tay thoa là *nghệ không ăn tay*, đỡ cho anh ấy, anh nào dùng bàn chải hay cọ là bị nghệ ăn tay rồi, chớ không bao giờ các anh gớm con gà, chê dơ chê bẩn. Chừng nào nghệ rút khô da, khi ấy sẽ đem gà vào bóng mát, vào trại, chuồng. Gà thoa nghệ, da ban đầu trắng dợt rồi vàng sậm, rồi đỏ au như nghệ thúi, săn cứng như da thịt võ sĩ có sành tả (thần đả) ngải gồng.

Cũng có người nuôi gà nòi theo khoa học, phương pháp mới ít dùng nghệ, bày dùng thuốc Tây: om bóp gà bằng rượu chổi, dầu nóng *baume Bengué*, con gà nuôi kiểu này xem tươi rói như nàng ca vũ làm đẹp *"maquillage"* hóa trang ở mỹ viện đắt tiền, nhưng tuy có đẹp thật nhưng đẹp giả tạo, gà nuôi thuốc vô đá ít chập, bị vài đòn vài cựa, thì bao nhiêu cái gì *giỏi che giỏi đậy* đều lộ ra xem thật khó coi, không bằng con gà vô nghệ, tuy vậy mà bền và chịu đựng hay hơn. Có ý xem giữa phương pháp cựu và tân đâu đâu cũng có chỗ hay chỗ dở: bình nhựt, chợ đẹp hơn quê, trong mọi sự; nhưng chợ búa không điện thì buồn tanh, sao bằng một đêm trăng giữa làng? Ngoài ra, khi phấn sáp trôi đi, mông, ngực, răng đều giả, nhứt là sáng sớm khi chưa điểm trang, ai đổi ai?

Tẩm nghệ cho gà rồi hai mươi bốn giờ sau phải nhớ tắm gà và xả nghệ cho nó. Phong tục trong Nam xả nghệ vào buổi sáng, chín, mười giờ để rồi chiều lối bốn giờ vô nghệ trở lại. Có người lại thích lựa giờ trưa nắng ráo để tắm gà với xác trà Huế hoặc nước lá ổi. Dùng xác trà, xác lá cọ chà khắp châu thân gà cho sạch nghệ, thả gà cho xả hơi, bay giỡn, rồi chiều vô nghệ như trước.

Tùy cách nuôi và tùy chỗ, cứ mỗi tuần khi bảy ngày, khi mười bữa hoặc nửa tháng thì xổ gà một kỳ, nếu xổ ít thì nuôi thúc nội bảy ngày, mười hôm, xổ khá bộn thì nuôi thêm đến

mươi ngày, nửa tháng; khi nào liệu gà sung sức sẽ ôm ra trường. Gà đòn phải nuôi mươi lăm hôm mới lại nghỉn.

Sau mỗi bận xổ gà, chớ nên quên vô nghệ trở lại. Quan niệm người xưa lấy nghệ làm thuốc săn da cứng gân cốt. Người Cam-bốt, người Việt đều dùng nghệ làm gốc: tẩm gà đá độ. Phong tục miền Nam còn dùng nghệ thoa cho đàn bà sau khi sanh sản, y như phương pháp nằm bếp lửa. Mặc dù nay đã văn minh nhiều nhưng tôi còn thấy thỉnh thoảng trở lại cổ tục này nơi chốn nhà quê trong những gia đình chất phác.

Cũng bắt đầu từ khi nuôi thúc, cứ mỗi sáng sớm độ bốn năm giờ khuya, phải thức dậy cho gà uống nước. Uống nước đây không phải dung dị là múc nước đầy long, đầy gáo, để đó cho gà muốn uống bao nhiêu thì uống. Phải chặt ống trúc có chừng độ làm đồ lường. Thường thì mỗi lần lường ba ống cho gà uống là vừa. Mỗi cữ giữ y một số nước, thì về sau gà vào trường không khát cũng không mau thấm mệt. Xứ tôi, miệt Sóc Trăng, Bạc Liêu, lại có người quá lập dị, cho gà uống bằng *ống lấy nanh cọp bọng làm ra*. Nói đến đây, ắt có người cười tôi già lẩn thẩn khéo tin chuyện dị đoan. Tôi xin thưa: *muốn nói sao thì nói, tôi đâu dám cấm cản. Nhưng đường càng đi xa càng thêm thấm mệt. Khi ấy sẽ hiểu vì sao tôi muốn có "đức tin" cho thật nhiều, muốn được "sợ ma" y như hồi còn nhỏ*. Dầu chi, đây là bài nghiên cứu, tôi có quyền nói hết không chừa, tin cùng không là chuyện khác. Tôi đã dày công theo dõi năm chầy tháng lụn mới khám phá ra manh mối sự *bí mật nhà nghề* này. Phong tục ấy nguyên của người sơn cước lây qua xứ Chùa Tháp, sau này người mình mới nhiễm theo. Những người ấy dầu sao còn gần thiên nhiên hơn mình. Họ còn giữ được tín ngưỡng, chất phát. Họ *vững* hơn ta về *tâm*, về *hồn*. Do đó họ hưởng nhiều hạnh phúc hơn ta. Khi ta lành mạnh, *bất chấp thánh thần*. Đến khi đau ốm hoạn nạn, mới biết ta là *con thuyền không bánh lái*,

muốn vái van thì *tín ngưỡng* không có mới tội cho! Chi bằng để mấy người này tin nơi *bắp trầm ngà, gạc nai ung, tức sừng hươu nai không trổ được tự nhiên và còi cọc, ung thúi lại,* hoặc *nanh sấu đặc, nanh heo rừng đặc* và nhứt là *nanh cọp bọng.* Những con thú ấy phải là bực *chúa tể*:

- *Voi là voi cầm bầy* mới có *bắp trầm* trong ngà. *Bắp trầm* đây là một cây ngà nhỏ khác trổ trong ngà lớn bao phía ngoài, phải chăng là *ngà mục ngà thúi* (như răng ta hư) nên tách ra thành khối riêng, ở giữa ngà nọ, rồi tạo hóa tô điểm thêm, vẽ vời thêm lớp áo ngoài những hình kỳ dị, người nào từng thấy cũng chịu là không bàn tay khéo nào *nhơn tạo* lại được như thế: nào hình *sơn thủy*, nào hình nhánh cây *chùm gởi*, v.v... rất là dị mục. Con voi cầm bầy, *làm chúa đoàn* vẫn già lắm, đi đâu đều có hai con voi hộ vệ, khi đứng lại thì hai hộ vệ này chun lòn dưới cặp ngà đỡ lên cho cho khỏi nặng đầu voi lớn. Một đôi khi, voi già cỡ ấy mới có bắp trầm ngà. Những voi kia phục tùng như quân sĩ vâng lịnh tướng soái. Bắp trầm ngà, tìm được, đối với người sơn cước và người Cam-bốt, còn trọng hơn kim cương bảo ngọc. Đem theo trong mình, tà my khó ám hại bản thân; để giữ nhà thì trong êm ngoài ấm.

- *Heo rừng* cũng vậy. Phải là "heo lăn chai", cao niên và hết biết sợ súng đạn, vì thân mình dính chai không biết bao nhiêu lớp dày, quen ăn rễ cây, nanh mọc chơm chởm, cọp thấy cũng kiêng nể, heo lăn chai ấy con nào nanh xấu thì tự nó mỗi lần ăn, nó mài nanh khuyết lần, và nanh ấy chẳng ra gì; con nào nanh tốt họa may sẽ có *nanh đặc*. Xưa có người thợ rừng gặp giữa sơn lâm một khuỷnh đất cháy thành than, trong có xác một con heo lớn nám đen, và nơi miệng còn đủ một cặp nanh rất dài, bèn cạy hàm lấy về để trong nhà làm vật lạ. Sau đó, trong xóm bị hỏa tai, bao nhiêu nhà đều ra tro, duy nhà anh thợ rừng an toàn vô sự, chẳng chút hư hao. Người láng giềng bàn tán không thôi, sau định chắc vì nhờ trong nhà có cặp *nanh heo*

đặc che chở, từ ấy, đua nhau kiếm để trong nhà!

- Loại sấu dưới nước cũng vậy, phần nhiều nanh đặc; những con quá già, xứng danh *Lão Ngạc*, đôi khi có cặp *nanh bọng*, sấu ấy ban đêm lội dưới sông, y như có cặp đèn rọi chỉ đường, vì người xưa tin rằng hồn ma uổng tử theo chờ đền mạng. Năm trước, tại Sóc Trăng có một ông già Thổ chuyên nghề bán vải và chăn Nam Vang, quanh năm ông lội bộ từ Sóc lên Châu Đốc mua tơ lụa, cánh kiến, đi đi về về không khi nào bị trộm cướp, mất mát, ốm đau. Hỏi ông, ông nhe hai hàm răng sún, trật hông cho xem một *dao giắt lưng*, cán vàng lườm, ông cắt nghĩa nhờ *bửu bối* ấy, nguyên *nanh sấu bọng*, (ông gọi *Cầm-bệt Sniết*) mà bình an vô vạn. (Tiếng Cam-bốt, *cầm bệt* là dao; *sniết* là giắt).

- Cũng như đối với loại hươu nai, mỗi năm mỗi thay cặp gạc. Gạc tơ măng là *lộc nhung*. Gạc già là *lộc giác*. Khi nào con thú, lúc thay nhung, gặp tranh đấu hay chuyện gì, nhung ra không tốt và cằn cộc, đùn cục lại, ung lại, nổi u nần thêm, con nai trở nên hung dữ, tranh làm *nai chúa cầm bầy*, về sau người nào gặp được *gạc nai ung* của nó thì hiệu nghiệm cũng y như *nanh heo đặc*, hoặc các ngà hay sừng biến thể dị thường.

- Nhưng quí nhứt đối với các tay chơi gà có tánh *lập dị* là họ tìm cho ra thứ *nanh cọp bọng* của con *thần hổ*. Nanh loài hổ báo luôn luôn là *nanh đặc*, mọc chơm chởm hai khóe hàm hạ, con ác thú dùng nanh này mà phanh xương xé thịt con mồi, y như ta có đới tùy cặp kiếm thật sắc bén. Thỉnh thoảng nơi con hổ già cô độc, có con, *nanh trở nên bọng*, nanh ấy, thầy pháp, thầy bùa gặp được thì dùng làm kèn, thổi lên sẽ trị được tà ma quỷ mỵ, tróc quái trừ tinh. Nhưng sung sướng nhứt là anh chơi gà lập dị, nuôi thơ mộng đặt và hết hy vọng vào sự cho gà nòi của anh uống nước trong nanh cọp bọng. Anh lấy *nanh cọp*

bọng làm lường đong nước, trong lòng tin chắc 3 bó 1 giạ rằng như thế thì con gà của anh, nhờ uy phong con hổ chuyển sang, sẽ dũng mãnh nơi trường đấu kê không thua chi cọp khái. Ngây thơ thay tâm hồn anh chàng chơi gà lập dị! Tôi hết sức tin với anh, tin hết mình! Nhưng khi nói ra đây, tôi chắc chỉ mua tiếng cười hỉnh mũi của các bạn trẻ trung ngạo nghễ. Cười đi, hãy cười cho đã với tuổi hăng hái, và sẽ thôi cười như tôi khi đến tuổi này, và khi ấy sẽ như tôi muốn được nuôi thơ mộng như anh chàng chơi gà lập dị!!!

Nay trở lại *thú chơi gà*, khi cho nó uống nước rồi, thì đem nó ra *quần sương*. Quần sương và thả lỏng con gà giữa sân, muốn đi đâu mặc ý, để nó hưởng cái mát mẻ của một buổi bửng tưng sương sa gió lạnh. Nhưng kỵ nhứt là không cho gà gặp mái, và sợ nhứt là e gà nhảy vướng vào vướng gai hư cựa hư chưn. Ép buộc con nòi ăn toàn đồ bổ mà không cho gần mái, lâu ngày có con đứng trân, rặn như đàn bà chuyển bụng, và đàng sau trôn lòi ra một trứng nhỏ bằng trứng gà ác, ngoài cũng có vỏ bọc đàng hoàng, trong chứa một chất trắng nhớt nhớt, hay là tinh khí tựu thành?

Con gà ấy, giới chuyên môn gọi *gà nóng độ*, và vì nuôi thúc mãi mà không gặp độ, nên nó không khác võ sĩ giữ đúng phương pháp, kiêng cữ đàn bà đến *bị ứ hơi*, lâu ngày trở nên bứt rứt, quạu quọ mất tự nhiên. Đối với gà, muốn cho nó bớt *nóng* thì phải xả bớt nghệ, hoặc chỉ cho thoa nước nghệ củ mài trong nước lã là được.

Phương pháp *thả gà* hay *quần gà* là cốt để tập luyện chân cẳng cho nó. Luôn luôn phải đặt người trông nom, sợ mái sề lợi dụng thủ vai tuồng *đào Hồ ly dụ Tiết Giao* trong truyện Phản Đường, đến khi gặp độ, gà đứng hai chưn run như chưn ông già tắm nước lạnh buổi sáng thì hỡi ôi đã trễ!

Trước khi thả gà ra sân, nên ngậm chút rượu trắng phun sương sương vào thân mình, đầu, cẳng, cho máu chạy mau điều hòa.

Ban chiều, mặt trời gần đi ngủ, nắng dịu, cũng phơi gà ra nắng chiều ấy cho quen nắng (năm giờ thả, sáu giờ bắt vô chuồng). Mỗi sáng và chiều, sau khi quần sương quần nắng, xong rồi thì cho gà ăn. Ăn có cữ đúng:

- Sáng từ tám đến mười giờ;

- Chiều lúc mặt trời vừa lặn.

Con gà teo là gà nuôi thúc, cho ăn cách mấy, nhưng vẫn ốm, và không sung sức: phải truy ra căn bịnh, nuôi cho đến khi nào thấy gà sung mới đem đá độ được.

Sau khi cho ăn tối, lại còn bắt gà *dầm cẳng*. Để con gà nhúng chơn vào một cái chậu đựng nước thuốc, mực nước cho lên đến đầu gối. Làm như vậy cho chân cẳng gà thêm mạnh. Nước ấy có pha thuốc gồm nước tiểu, rượu trắng, muối ăn, phèn chua, thuốc rê và một món thuốc mua nơi tiệm Tàu nhưng sư kê vẫn giấu nghề không cho biết.

Lúa nước cho gà

1) Như tôi đã nói rồi, lúa cho gà ăn phải đãi gút cho thật sạch, lựa lúa bồ đem ra để trong nước, sảo đi sảo lại đôi ba phen gạn lấy lúa không còn một vỏ trấu hay hột lép. Phần ăn của gà rất điều độ, như đã nói, đong bằng ống trúc cho biết chừng mực. Lúc nhỏ tôi mê gà đến bỏ ăn bỏ học, theo sát bên đít một ông sư kê gốc người Miên. Ông dạy tôi những nét thơ mộng trong *thú chơi gà* và *truyền nhiễm* cho tôi thói khinh tiền, chỉ ham những gì mình không khám phá nổi như nanh bọng, nanh đặc, vân vân, tuy vẫn biết đó là dị đoan nhưng là

một thứ dị đoan cần thiết cho linh hồn đã từng đau khổ...

2) Nuôi theo phương pháp tân thời, khoa học, thì chủ gà không tin chuyện mê tín dị đoan như vậy nữa. Người chơi gà có học thức cho gà ăn thêm thuốc tiêu sau bữa ăn và thuốc ấy nhà thuốc Tây nào cũng có bán. Con gà ăn no nê, chủ bắt nhét thêm vào họng một viên thuốc cho gà khỏi no hơi, không sình bụng và không ỉa chảy. (Chưa chắc ông ta nuôi thân mình chu đáo bằng gà và ông lo lắng cho cha mẹ mỗi ngày có liều thuốc nhuận trường được như gà).

Thóc lúa cho gà ăn, thường đựng trong gáo dừa hay mẻ tiện trong cây mềm, như vậy gà không hư mỏ. Chừng nào thấy gà ăn vừa no (đầy diều) thì rút mẻ ra, chớ không cho ăn hà rầm. Đúng giờ lấy cho ăn lại nữa.

Nước uống thì đựng trong vịm lớn, tránh không dùng tô chén vì chê nhỏ, lóc chóc, rủi gà đạp, gãy cựa đi. Nước uống dơ hay có chút cát bụi là được thay liền. Ngoài số nước uống có đong lường thì luôn luôn để sẵn nước cho gà muốn uống có đong lường thì luôn luôn để sẵn nước cho gà muốn uống khi nào cũng có, như vậy gà sẽ không hốc cũng không đứng mệt hả hơi lúc đá độ. Ngoài lúa và nước, người ta còn phụ cho gà ăn thêm salade, rau, cỏ, những thức ăn tẩm bổ, nhưng ăn chút ít thôi (thịt bò xắt nhỏ, cá tươi, tôm tép, bù cào, châu chấu,...) Tối trước khi đi ngủ, người ta ép gà uống nước thêm một lần nữa cho đồ ăn trong bọc dễ tiêu hóa, và làm như vậy, các tay chơi gà ý định làm cho gà được *nở cần*, khi gặp độ không hốc nước. Mấy năm về trước, nhơn sâm rẻ tiền, có người quá cưng gà, dám mua về tẩm bổ con kê bằng thứ thuốc quí ấy, nay họ vẫn dùng nước cam thảo thay thế cũng hiệu nghiệm lắm. Ngoài Bắc, nghe nói gà ăn toàn thóc mẩy, kèm tròng đỏ trứng gà, thịt lươn, thịt bò, rau tươi. Cũng có người tẩm bổ gà bằng cao hổ cốt, cao ban long;

không có thuốc bổ nào chủ gà từ Nam chí Bắc không đem ra dùng đối với con vật sở thích.

Tập gà ăn có cữ có độ lượng là khi còn ở nhà ở trại. Khi ôm ra trường lại phải đem hờ theo một trẻ nhỏ tín cậy, giao canh chừng kỹ càng kẻo gà ăn hột lúa hột thóc hay bất cứ vật gì rơi rớt lượm đặng tại sân trường, không khéo thừa dịp ấy kẻ ác tâm sẽ lén đầu độc đánh thuốc gà phe mình mà khốn. Thuốc gà, nghe nói họ dùng hột lúa, hột gạo hay hột cơm mới xem y hệt những thức ăn mình thường thấy hằng ngày, nào dè đâu lúa, gạo hay cơm ấy họ đã ngâm tẩm chất độc, gà nào ăn phải, chỉ vài hột thôi, giây lát sẽ sình hơi, bầu diều no cứng, chủ không để ý, ôm ra cáp độ, con gà bịnh sẽ thua không kịp xỉa tiền.

Có người chỉ nghe đồn huyễn chưa chi đã quá sợ phao rằng đứa thuốc gà vò viên nhỏ lén chôn dưới đất, nhưng thuốc này có ma lực hay mùi mê hoặc đến đến đỗi chôn sâu cách mấy, con gà như có gì quyến rũ, cũng moi móc lên được, ăn đặng báo cô báo đời. Lại nghe nói thuốc ấy, nguyên là móng chim ó mài ra rồi trộn chung với nước đem tẩm hột lúa. Kẻ khác bắt con nhện hùm, nặn lấy nước độc của nó mà ướp hột lúa. Kẻ khác dùng xạ lấy trong dái chồn. (Ôi! Cờ gian, bạc lận! Nhưng gian lận hơn cả, có lẽ là bợm đá gà).

1) Nuôi gà có dùng ám khí trợ lực

Đồng tiền quả thật không có mùi! Vì nó mà bất luận ác đức đến đâu cũng có người dám làm. Con gà gian trước khi đưa ra trường, chủ lén lấy mỡ chồn đèn thoa vào hai bên hông, trong cánh, hoặc thoa "xạ dái chồn". Khi xáp trận, gà đối phương mê đá, nào biết ất giáp gì, vừa định dùng phép "Dư Hồng" toan độn vào nách non vỉa tối, nhưng chưa chun sát nách gà nọ đã đánh mùi chồn, ngửi được hơi đó rồi, ba hồn chín vía cũng bay lên

trời, gà đối phương lật đật rút đầu ra, miệng la "choác choác", cánh bay, chơn chạy, cẳng không bén đất.

Gặp những cảnh ngộ làm vậy, chủ gà địch phải cho tỉnh táo, ôm gà mình lên, phân chứng cùng bàng quan, xin cho đôi bên dùng rượu tẩy độc, phun sương rượu để cả hai con rồi thả cho đá lại. Tức nhiên, mùi rượu nồng bán vị chồn, con linh kê ban nãy giựt mình chạy khan, nay tỉnh hồn, biết mình bị gạt lớp, càng thêm đổ quạu, phen này không chạy nữa, bèn nắm đầu gà địch, động cho mấy *cú búa bổ: cho mầy giỏi tài cậy hơi dái chồn!*

2) Cựa gà tẩm độc rắn hổ, hay độc dược khác

Ngón này độc ác không chỗ nói, vì dùng đến có thể làm chết người bồng nước bên gà bị đâm. Thuốc độc, nọc rắn sẽ do vết đâm thấm vào máu, con gà giãy chết, không thì cũng quay mòng mòng vì say thuốc, và như vậy là thấy thua trước mắt. Nếu khi ấy, người bồng nước nóng ruột ôm gà lên rồi lấy miệng nút máu, rủi trong miệng có mụt lở hay chỉ một lỗ sâu răng chưa trám, bao nhiêu ấy cũng đủ bị lây độc, chết không kịp trối.

Những mánh khóa này, nay tôi nhắc lại làm giai thoại nghe chơi rồi bỏ qua, chớ hiện nay không dám đem ra dùng nữa, dùng thì ngồi tù có ngày, không nói nội lương tâm cắn rứt cũng đà khó chịu. Nhưng cũng nên có để khuyên những ai ham đá gà gian mau chừa tánh xấu. Mặc dù trong trường đấu kê là chỗ không nhắc đến những gì là nhơn nghĩa đạo đức, và nơi đây đã từng thấy những ngón "ám nội, sát nhơn" cũng chỉ vị đồng tiền. Có nhiều bí mật nhà nghề, đến đỗi cha con ruột cũng chưa chắc khứng dạy nhau.

Còn một phương pháp khác, ác độc không thua dùng nọc rắn tẩm cựa, thêm được kín đáo vô cùng, nhưng tôi cũng chỉ

nghe nói chớ không mắt thấy, đồn rằng xưa kia ở miệt Sóc Trăng, trong sóc thổ, có một nhà nọ chuyên nuôi gà dữ. Khi mái ấp, y bắt vài con rắn hổ nhốt dưới lu khạp rồi trên mới đặt ổ gà. Thường ngày, rắn đói bò trong lu khạp tìm đường thoát thân và khè hơi phun nọc độc lên. Mái nào dở hơi đã bỏ ổ chạy trốn chớ không dám ấp. Nhưng gặp mái nòi chánh tông và giống dữ, thì vẫn ấp như không. Mà cũng ngộ là trời không khi nào để cho giống dữ sanh nhiều nên khiến cho hoặc trứng bị rắn phà hơi độc đều ung thúi hết, hoặc không nở sai, nhưng khi nở được trống nào thì trống ấy là linh kê không gà nào địch lại, cựa của nó đâm chết mười con như một.

Đã nói gà đá bị cựa đâm, lúc bồng nước nếu không nút ra hết máu độc, về sau chỗ bị đâm sẽ lở toét làm mủ, gọi *gà bị ké*. Chầu xưa, gà bị ké thì phải mổ, dùng bén rọc miệng, nạo sạch mủ, máu đen và nhét bông gòn có tẩm thuốc sát trùng, ít ngày sẽ lành. Ngày nay thêm có thuốc chích ngừa đón nên gà ít bị ké. Các tay sành đều biết dùng từ dagénan đến pénicilline và nhiều loại thuốc mới khử độc đều được đem ra dùng cho gà.

GÀ ĐÁ RỒI PHẢI SĂN SÓC CÁCH NÀO

Trong Nam, lệ thường gà đá thua đều bỏ.

Trừ phi con nào từng ăn độ, nay tuy vẫn đá hay nhưng rủi ro bị đâm đui mắt hoặc bị đâm chỗ nhược không đứng vững được thì người chủ gà bồng ra gọi xin thua vớt, để đem về nuôi lại.

Dầu ăn độ hay thua vớt, gà phải được săn sóc ngay khi vừa đá độ xong.

1) Vỗ hen, như đã nói rồi nơi đoạn "xổ gà";

2) Vạch cánh, vạch lông tìm các vết thương, xức thuốc, may

vá lại kỹ (xức teinture d'iode, dầu xăng, dầu dón gió "Nhị Thiên Đường", bột dagénan hay bột Riou, gần đây biết xài pénicilline). Chích luôn hai, ba ngày 100.000 U để phòng gà có thương tích nhiều, khỏi bị ké. Lâm thời, mổ ké, xức alcool iodé vài ngày, vết mổ khô mặt, sẽ xức pommade à la pénicilline;

3) Gà đá độ về, bị thương tích, ngoài việc xức thuốc và chích thuốc như đã nói, phải được nhốt riêng một nơi nào kín đáo, ít ồn ào, vừa cao ráo và phải *cất nước*, trong vài ba hôm đầu chỉ cho ăn cơm nóng, ướt hột, hay ăn tấm cám trộn đặc (nước thật ít), chừng nào thấy gà lại nghỉn, không bị ké, khi ấy sẽ cho uống nước dần dần cho đến khi bình phục hẳn.

Sau khi ấy, nuôi thúc lại, tẩm bổ thêm, khi nào gà sung sức, các vết thương thật lành, sẽ đem ra xổ thử. Nếu gà còn đòn hay cựa dữ, còn hy vọng nhiều, sẽ được nuôi kỹ chờ đá độ cuối mùa hay dưỡng qua mùa sau. Luôn luôn gà ăn độ thì cưng lắm, ai mua bao nhiêu cũng không bán, không đành rời. Không tiền thì chịu hay sẽ vay hỏi bạc ngày bạc tháng mà đá độ chứ không bán thì không(*).

CÁCH CÁP GÀ VÀ ĐÁ ĐỘ

Trong *Tập Vở Thú Y*, số Tết năm 1951, ông Nguyễn Văn Để, thú y sĩ, có viết một bài rất lý thú và rành rẽ về gà chọi. Trong bài, ông ghi *trường gà*, Trung và Nam vẫn dùng một danh từ chung. Theo ông, trường gà, ngoài Bắc lại gọi là "xói".

Còn trong bài khảo cứu về gà chọi đăng trong tạp *Ánh đèn dầu, năm 1961*, ông Lê Huy Oanh lại gọi trường gà là *sới*. Cả hai danh từ, tôi tra tự điển, khôn gặp và không biết danh từ nào đúng.

Về gà đem ra trường để đá, việc lựa gà cho đá với nhau, trong Nam gọi là *"cáp gà"*. Cáp gà tức là xem xét, so sánh, cân

(*) Không bán thì không : đúng ra phải là bán thì không (Bt)

nhắc so đo từng lông, thịt, cựa, xương, đủ cả, lựa cho hai gà, *vừa chạn*, phải bù qua chế lại làm sao, và hai chủ gà thỏa thuận cùng nhau được là một vấn đề rất là phiền phức, lâu lắc lâu lơ: bên nây bằng lòng thì bên kia chạy, trở lại ưng đá bên nây lại thôi, vần quay xay lúa như vậy mãi để chọc tức nhau, để hơn nhau gác nhau chút lông, chút cựa, ấy đó là *nghệ thuật cáp gà*.

Chạy mặt lại còn phân biệt có thứ gọi *chạy hơi*, tức là đã gác người ta rồi, đã bằng lòng trong thâm tâm rồi, nhưng còn nhử địch, giả bộ chạy không dám đá để chọc cho bên kia nóng lòng nhận lời gấp sau này không thối thác được.

Khi nào đôi bên không điều gì bắt buộc nữa, khi ấy sẽ qua việc *làm sổ* để biết độ gà ấy đá mấy trăm mấy ngàn tiền độ.

Nguyên tắc thuở giờ là hai gà *đồng chạn* thì đá được rồi. Nhưng xét ra ít khi gà đúng nhau vừa chạn vừa cựa.

Phần nhiều, cáp gà là thói hủ lậu của bợm gian từ xưa để lại, gọi *cáp gà cao, thấp* hay chăng là ở chỗ khéo nhịn được hay quá nóng tính làm càn đá càn.

Thử xem một chủ gà thua từ sáng đến giờ nào đó đã hai hay ba độ, nay nóng lòng muốn mau gỡ gạc, khi cáp độ kế, làm gì cũng muốn mau chóng để kịp giờ đá trước khi trời sập tối biết ăn biết thua, kẻo gà quáng manh bất tiện.

Trái lại, đàng nọ có ăn rồi, có tiền bỏ túi rồi, thì nay lại giả bộ chần chờ, muốn thôi không đá nữa, cho nên *chín hấu mại hơi* [1] cố ý lấn đàng kia làm sao cho gà mình lấn lông lấn cựa chắc ăn mới nghe cho.

Những khi trắc trở làm vậy, quan tòa là chủ trường sẽ xin

(1) Xưa có một thứ bài của người Triều Châu ưa chơi, gọi *Bài cảo hấu* (cửu hảo hay là "cảo hấu"). Phép đánh các tay con, khi bài chia rồi thấy bài không liền, thì hô lên

đôi bên châm chế, để hai đàng bù qua sớt lại cho vừa phải, để đi đến độ gà chót, không thì phải hẹn qua ngày sau, đàng nào cũng thiệt chủ thua không gỡ gạc mà chủ gà cũng mất tiền xâu tiền hồ.

Châm chế là con gà cao, gác chút vai, phải cáp nhịn kém hơi cựa, hoặc thiếu chút mạnh đối với con gà thấp, nếu thấp thì cho dư chút cựa, lấn chút thịt. Đại phàm nhỏ con thì gác cựa, to lớn thì chịu sút vai sút cựa, như vậy hai đàng *bất phân thắng bại* mới nhận lời. Xưa tôi có người anh cô cậu, dùng phương thế khác, rõ ra rất là thâm sâu. Bình nhựt anh ở tại giường hút, nằm nghe đờn nghe ca, để cho thân tín cáp gà thế, trong khi ấy, anh có đôi ba "bộ hạ" sai chạy vô chạy ra thăm chừng và mách tin cho anh biết cáp gà đã đi đến đâu. Cáp xong, anh sẽ ra xem lại, khi nào liệu gác hơn người anh mới ưng cho đá, không thì anh chạy hơi mãi để chọc tức đàng nọ... Nhưng rốt lại, anh vẫn sạt nghiệp vì gà, vì nha phiến, vì mặc dầu gà anh lớn con nhưng kém tài biết sao??? Và nếu gian hùng như thế mà làm giàu thì thiên đạo bất công còn gì?

Đôi bên không còn gì nói, thỏa thuận hay không, một phần lớn còn do nơi bọn đá *hàng xáo* làm mủ làm nhọt, đốc lói bàn tán và khi đã thuận hết ba bề bốn bên thì khi ấy mới *làm sổ*.

Tỷ như chủ kê, chắc gà mình sẽ thắng, xin đá Năm ngàn.

Bọn hàng xáo ké vô... Năm ngàn.

Thế là độ gà ấy, tiền độ là... Mười ngàn.

Khi bên A cho biết gà mình đá mười ngàn đồng, nếu chủ gà

Mại (Không), nếu có thêm hai người đồng hô như mình thì xoa bài chia lớp khác. Trong khi ấy, người cầm bài tốt không chịu sẽ "xin đánh" và nếu thua sẽ chung tiền gấp hai. Nên tuy bài tốt sẵn mà còn "mại hơi" để dụ địch. Danh từ này nay đã ít nghe dùng. Ba bốn mươi năm trước, rất là thông dụng. Tỷ như cô gái, cha mẹ kêu cho hay sẽ gả cho trai nào đó mà cô còn vùng vằng chưa ưng, thì sẽ nghe bả mẹ nhiếc: "chịu thì chịu phức, lại còn *"chín hấu mại hơi"*!

bên B chắc ăn, sẽ *bao số* tức là một mình ôm hết, thì bọn hàng xáo bên B sẽ *bơ mỏ*. Nhưng nếu chủ gà B yếu sức, xin đá riêng ba ngàn, thì còn lại bảy ngàn, do bọn hàng xáo kêu làm sổ riêng, chờ đủ tiền sẽ đá.

Nói về người đá gà hàng xáo, nãy giờ quên giới thiệu: *hàng xáo*, nguyên là tiếng nói riêng về chỗ làm nghề xay lúa giã gạo để bán. *Giếng hàng xáo* là giếng của các người xay, giã ấy làm ra. Sau này, tiếng *hàng xáo* có nghĩa là ghé qua, tạm vậy, như nói *đá gà hàng xáo* nghĩa là chịu ít nhiều mà chơi ghé ngoài. (Tự điển Huỳnh Tịnh Của).

Ngày nay, người đá gà hàng xáo ít ham đá trong sổ, vì xét ra đá có sổ thì phải chịu tiền xâu tiền hồ. Ngày nay bọn họ quá quỉ quyệt, ưng *đá ngoài*, đá riêng với nhau, để trốn tiền xâu mà chớ, thêm còn dễ *lội qua lội lại*. Và lội qua lội lại ai khéo thì làm gì cũng có lời. Tỷ như trong một độ gà, họ đá bên A mười đồng. Đá được giây lát, họ bắt bên B *mười đồng ăn bảy* (thua thì thua bảy đồng, ăn thì ăn đủ mười đồng), và một lát sau họ bắt qua bắt lại, tùy lúc gà thắng gà suy, họ khéo lội làm vậy thì rốt cuộc, trong sổ, hai chủ kê ăn thua ngay thẳng, còn ngoài vòng, bọn hàng xáo, ai giỏi lội, bên gà nào thắng họ cũng có tiền. Và cách đá như thế, họ gọi là *đá chạy gạo* (để kiếm tiền chút ít mua gạo ăn). Bọn hàng xáo này tỏ ra người nào cũng cao trí, biết tính toán mau lẹ, tiếc thay người mình chỉ biết đem tài *đá hàng xáo* và không nghĩ đến việc lớn hơn như kinh doanh nghề nghiệp, thương mãi v.v... [1]

Bọn làm xáo làm nghề không vốn, ít thua, trừ khi bị *tố*

---

(1) Đá hàng xáo cũng gọi *đá ké* vì phép đánh bài, người chơi chánh thức đặt tụ tiền là bao, nay mình đứng ngoài vòng, phải lòng xin đánh theo, thì đặt số tiền của mình *ghe theo đó* gọi *ăn ke*. Thường nghe: "Cho tôi ăn kẻ năm đồng, nghĩa cho tôi đá theo bên anh năm đồng" (tiền này khỏi xâu) V.H.S.

trác. Người chơi gà biết dư, nhưng không có bọn hàng xáo thì trường gà sẽ bớt náo nhiệt và sẽ kém vui đi. Bởi vậy vẫn vui để cho họ làm nghề *ngồi không chia của* này. Người hàng xáo cười người nuôi gà, tốn công tốn của. Người chơi gà cười người hàng xáo, không có cái khoái bồng ẵm con gà trên tay. Không biết ai dại hơn ai, duy biết đứa nhỏ chơi diều, tuy vốn tiền mua dây mua nhợ, nhưng vẫn thích hơn đứng ngoài ngó chúng chạy rong theo con diều giấy. Và anh hàng xáo khi *tổ đãi*, được nhiều tiền, làm gì cũng *sắm một con nòi với người ta*. Tôi nói đến đây đủ biết ai dại hơn ai rồi.

Tiền độ, tiền cá, đôi bên phải sòng phẳng, danh dự các tay chơi gà ở chỗ đó. Nhứt là tiền độ phải góp đủ trước khi thả gà, giao trọn cho chủ trường thâu nhận, gọi *chấp ngành thầu* (ngân đầu) và chịu đủ trách nhiệm về mất mát. Sau này, bên nào thắng, sẽ đến tay chủ trường lãnh tiền độ. Trong số đó, sẽ truất ra một phần gọi chịu *tiền xâu, tiền hồ* [1]

Lệ thường, hoặc tùy mỗi trường gà địa phương có thay đổi chút ít thì:

---

(1) Viết đến đây, tôi xin chép một câu xưa học được tại "Đại Thế Giới" kẻo lâu ngày quên mất. Ấy là danh từ "Hồ giấy mộng mị" và "đánh xám phẩn". Cuối năm 1946, tôi vừa ở Sóc Trăng chạy lên đây, chưa làm việc và hằng ngày mãi đến lâu sau, vẫn còn vô ra nơi Đại Thế Giới để tiêu sầu. Cho đến ngày chỗ này đóng cửa, tôi và hai anh bạn nữa mỗi ngày hùn mỗi người một trăm bạc, ba người ba trăm đồng, giao cho anh Th. chực me đi thuận chén, đánh hết ba trăm ba cửa, chừa một cửa cho chủ cái. Nếu me ra chén cửa chủ, thì ba trăm bị vùa hết, đành về bộ nhịn đói. Nhưng thường thường vẫn trúng, họ vùa hai cửa, mất hai trăm, họ chung cửa trúng và vốn và lời (100+300: 400) thế là ba anh em lời mỗi người ba mươi đồng. Và tùy chung tiền nhiều ít mà mỗi ngày mỗi chạy gạo làm vậy làm kế sanh nhai, tha hồ nhậu nhẹt, ở không và thả rong tán dóc. Kế này, giới "cá kèo" gọi "đánh xám phẩn" hoặc nói theo tiếng lóng nhà nghề, thì gọi "đánh điệu hồ giấy mộng mị" (tôi cũng không hiểu vì sao họ lại đặt danh từ này). Có điều tôi biết là nếu đặt ít thì dễ trúng, đặt nhiều lại không trúng nữa, hay là "Cờ bạc có Tổ coi chừng"? Vả lại, kế này chỉ dùng cầm thực, và chạy gạo, không nên ỷ lại vào đó mà sạt nghiệp và chết có ngày. V.H.S..

- Xâu 10%, trong ấy lại chia ra:

a) Chủ trường gà... 2,5%.

b) Thơ ký biên chép, làm sổ 2,5%.

(Vì thế, nên chủ trường hay kiêm nhiệm vai làm sổ để một mình lãnh trọn 5%).

c) Chủ con gà ăn độ ... 2,5%

d) Người cho nước gà ... 2,5%

Trong mỗi độ, nếu mình thua thì thua đủ một trăm đồng, nếu thắng thì chịu xâu 10%, còn lại chín chục. Giới hàng xáo, danh từ *phóng ăn năm* [1] nghĩa là nếu thắng thì ăn *5 phần 10*, bằng thua thì chung đủ 10. Đánh cá lên xuống từ ăn tám đến ăn hai, ăn một. Đá hàng xáo lanh lợi, không khi nào theo hẳn một bên gà, và luôn luôn họ lội qua lội lại, làm gì cũng chắc có tiền *chạy gạo*. Dầu có thua, thì *lội giỏi* cũng thua ít ít, không thua nặng.

Và khi nào họ *dằn* là họ đã làm toán trúng, trong hai gà, con nào thắng họ cũng có tiền...

Dằn bảo kê là ăn chắc trong tay, như có bảo đảm, bảo kê vậy.

---

(1) Thường thì người đá hàng xáo không có nuôi gà. Họ quen đánh cá với nhau, riêng biệt ngoài sổ gà, danh từ *phóng ăn năm* cũng nói *chấp ăn năm, quăng ăn năm*, người kia ưng thì nói *Tôi bắt năm chục của anh* nghĩa là *anh phóng ăn* 50% tôi nhận bắt 50$ (ăn thì ăn đủ 50$ thua thì thua 25$, v.v...) *Quăng hai chục ăn hai, nghĩa là thua thì mất* đủ 20$, nếu thắng thì *đàng kia chung lại* 4$ (0,20 của 20$).

VÀI ĐIỀU LỆ TRONG TRƯỜNG GÀ

Điều lệ này không nhứt định, và vẫn có đổi thay chút ít tùy từng địa phương. Chủ trường nào kỹ, vẫn cho biên chép và đăng bảng rõ ràng, để tránh sự đôi chối. Đồng một lúc với sự làm sổ, thì sư kê đôi bên lo việc "cho nước gà" tức đóng vai tuồng "soigneur" của hai con gà đá độ. Hai đàng sửa soạn chu đáo cho gà nhà trước khi đọ sức thử tài: chuốt cựa cho thật nhọn, thật bén; cho gà uống nước, cho gà ăn sơ sơ ba hột cơm *dằn bụng*, phun nước cho mát da, phun rượu cho săn thịt, không quên cắt xén chút lông đuôi *làm phép* cho *tổ trợ oai*, các việc quen tay từ đời nào và vẫn làm mau mau lẹ lẹ để kịp thả quần gà trước khi tới giờ lên nhang. Gà thả ra trường, mặc tình cho giới đá hàng xáo *quăng bắt* náo nhiệt. Thể lệ là:

1) Khi nhang lên rồi, hai đàng thả gà, nắm đuôi chờ nghe hô "thả!" thì buông ra, hai con gườm nhau, ngó trân trân xem từ hàng vảy, như hai tướng ra trận nhắm xem diện mạo lẫn nhau. Khi nào hai con nhảy đá, "xạ" nhau một xạ, là bắt đầu kể ăn thua. Tục gọi *buông đuôi ăn trót*. (Mặc dầu xạ nạp có một đòn, nếu có gà nào không đá bỏ chạy là kể thua, chung tiền, không đổ thừa được).

2) Lời giao đá đến có con chạy hay bị thương (đâm cựa hay đòn trơn) nằm chết tại chỗ, không đứng được, thì kể là con gà chạy hay nằm chết là gà thua: *kỳ tẩu kỳ tử*.

3) Tuy không chạy cũng chưa chết, nhưng nằm lỳ chịu đòn không đánh trả lại mà cũng không cắn được gà địch, tức là kể thua. Muốn tránh sự cãi vã nên phàm lệ gà nằm lỳ thì được phép bắt ra ba phen cho sửa gà lại ba lần, nếu mỗi lần thả vô gà đứng không nổi và nằm lại nữa và cũng không cắn không mổ, thì xử gà *nằm ấy thua*.

NƯỚC, NHANG

Đánh võ Anh, mỗi hiệp đánh là một *round*, từ hai phút (hạng mơ) đến ba phút (hạng nhà nghề).

Đá gà thì có cách đo thời khắc bằng *nước* hay *nhang* tùy chỗ.

1) *Đo giờ bằng nhang*. Lấy cây *nhang* chưn đỏ, tiệm thường bán, đo bề dài độ ba lóng tay, rồi lấy giấy hay vật gì bịt nó lại để khi cháy tới chỗ bịt thì nhang tắt. Khúc nhang ấy đốt lên là ra lệnh đôi bên thả gà. Khi nào nhang thôi cháy, thường thường chỗ bịt có treo một đồng xu làm hiệu, cháy tới đó thì đồng xu rớt vào chậu nước để phía dưới. Xu rớt là hiệu lịnh chấm dứt *nhang thứ nhứt*. Đôi bên bắt gà ra o bế, nếu gà bị thương thì may vá chỗ thương tích, gà mệt thì thì ôm thổi, sang hơi bằng miệng mồi qua họng gà, gà bị cựa đâm thì nút cựa lấy máu độc ra, đại phàm làm gì được thì làm, đôi bên đều thỏa thuận cùng nhau như vậy. Trong khi nghỉ xả hơi cho nước, cũng đốt một cây nhang khác gọi *nhang nghỉ* dài độ hai phân, cháy độ bốn phút là tắt. *Nhang nghỉ* tắt là bắt đầu đốt *nhang nước nhì* cho gà đá lại. Một độ gà đá mấy nhang thì nói gà đá ăn *nhang thứ hai, thứ ba* hay *ăn nhang nhứt,* v.v... Trước khi thả gà, đôi bên đã o bế cựa và thường hay lấy tay kỳ mài xuống đất rồi lấy đất ấy thoa vào mũi cựa có ý làm cho nó nhám lại để đâm không trơn trợt.

2) *Đo giờ bằng nước*. Khi nào không dùng nhang làm mực thước thì dùng nước thay nhang, gọi gà đá nước nhứt, nước nhì hay nước ba, v.v... Nước ấy đựng trong *lon* và từ lon chảy ra chậu, vịm. Ngoài Bắc, không dùng lon đựng nước, và có cách đo giờ bằng *hồ*. Hồ tức là hiệp vậy, và tục này xưa hơn tục dùng lon. Mỗi hồ độ mươi đến mươi lăm phút, và cũng đếm: *hồ đầu, hồ nhứt* v.v.. (Tỷ dụ: qua hồ thứ tám, Tía Vìa được uống chút

mật gấu và được chữa cẩn thận nên Tía Vía tỉnh táo hơn". Lê Huy Oanh, *Ánh đèn dầu*, năm 1961).

Trong Nam, có chỗ thì dùng lon sữa bò đục một lỗ nhỏ dưới đáy rồi thả cái lon ấy vào chậu nước, tự nhiên nước chun vào lon, khi lon đầy nước và chìm xuống đáy chậu, thì kể *lon ấy là lon nước nhứt*, ngoài Bắc gọi "Hộ thứ nhứt" thì cũng thế. Chỗ khác gọi "nhang nhứt" lại cũng thế.

Riêng tại miệt Sóc Trăng có khác một chút. Trường gà xứ tôi lại kỹ thêm chút nữa, và thích xài vừa nhang đốt vừa lon nước dùng một lúc, một lượt. Như vậy mức trung bình thời gian thêm có chứng cớ và tránh được sự cãi cọ lôi thôi. Nhưng lon đây lại múc đầy nước rồi treo lên cao cho chảy xuống, dưới có sẵn một chậu hay vịm để hứng, rủi dây đứt thì có nhang làm chứng, bằng nhang "tắt bất tử" thì kể lon nước làm bằng cớ để canh độ gà. (Trừ phi giữa độ nếu có cò lính lại thì bỏ mẹ đời cái lon nước, mạnh ai nấy chạy, không nói nữa). Và cũng quên nói lon nước đây dùng lon nào cũng được, lon bơ, lon sữa bò không, đều tốt cả, rõ là xứ tôi người chất phác giản dị không đâu bằng. Thêm nữa, tục xài *hồ cát, hồ nước* để canh giờ đã không biết từ lâu, nên tạm dùng lon cũng tiện vậy, thêm được tiếng là rất "bình dân".

TRƯỜNG HỢP BẤT THƯỜNG

Phép đá gà, con nào chết tại chỗ thì kể con ấy thua. Con nào đang đá bỏ chạy, bắt vô không đá thì cũng kể thua. Nhưng lâu lâu gặp nhiều trường hợp, chủ trường và chủ kê đều nhăn mặt không biết xử làm sao và những lúc ấy giận mình sẵn tiền mà không biết trạng sư nào, luật gia nào có đủ tài để giải quyết giùm những *ca* rắc rối làm vậy, dầu phải tốn bao nhiêu cũng ráng hùn lại mà dưng cho các ông *ăn* không tiếc.

- Trường hợp hai con đều bị cựa, đều nằm dưới đất. Cho bắt ra sửa, lời giao đem vô con nào còn mổ cắn được là thắng. Nhưng hai "trự" đều không mổ không cắn, mà xin huề thì chủ kê không chịu huề. Làm sao bây giờ?

- Con gà con vậy mà tinh khôn không vừa. Con A bị đòn đau quá, toan chạy, đâm bậy một cựa, thoạt dứt nước, bắt vô sửa... Nước sau, thả gà, con A thấy con B suy sút thì không chạy nữa, lại hăng đá đến B phải thua ngược lại, nghĩ coi có tức chăng?

1) *Gặp cảnh ngộ gà rót*: Gà rót là gà vì sợ hay sao đó nên không chịu đá. Nếu nhử mãi không được, gà không đá lại, thì có lệ *được xin nhang rót,* hay "nướt rót" cũng thế. Trong lúc nhang rót còn cháy, con gà rót bỏ chạy thì con gà kia không được ăn tiền độ. Và độ gà xử hòa, hay cũng gọi *đôi bên huề thủ hay hòa thủ*. Trừ phi trong nhang rót gà chịu đá, sau lại qua nhang khác, thì bỏ chạy: như vậy không phải rót và kể thua.

2) *Trường hợp độ gà đá về chiều gần tối:* Nếu thấy trời sắp tối, thì phải liệu giao kết trước, hẹn dứt trước *giờ quáng gà*. Tỷ như giao đá tới đúng mấy giờ, tỷ dụ như đá đến bảy giờ tối chẳng hạn, đúng bảy giờ nếu hai gà chưa phân thắng bại, thì đôi bên bồng gà ra, huề thủ. (Tôi đã từng thấy một lần nọ, đá đến tối mò mà chưa phân thắng thua, vì hai chủ đều có thua trước hay nóng gỡ gạc, nên đồng hè ráng đá thêm cho đến kết quả. Chủ trường chiều chuộng mua lòng, nên sai thắp hai cây đèn manchon bưng ra, trong trường sáng trưng, các tay đá hàng xáo bu đông nghẹt, thế mà hai chiến kê đứng ngủ ngon lành, không hăng hái như chủ muốn chút nào, và rốt cuộc đành bồng gà ra, ưng huề thủ!).

Gần đây, vì ham ăn thua nhiều độ, nên có nơi bày đá đèn, như ta đá cầu hay đánh vợt ban đêm. Nhưng với người thì dễ: khi ham thì mấy giờ khuya cũng thể thao được. Còn đối với con

thú, đến giờ ấy là giờ vô chuồng, nó quen tánh từ tạo thiên lập địa, nên nay, dẫu có đèn thắp mấy ngọn, sáng đến bực nào, nó vẫn buồn ngủ và không quyết chiến như lúc ban ngày, cố đá thì khách cũng buồn ngủ theo gà, nên không bao lâu thì dẹp cái *mốt đá gà về đêm*.

CHO NƯỚC GÀ

Không có nghề gì mà "dơ bẩn" hơn và "ghê gớm" hơn là nghề *cho nước, bồng nước, làm nước* gà nòi. Vì ham mê mà quên dơ sạch, vì nóng ruột thương tiền và thương con vật mà làm những việc về sau nhớ lại tự mình nhờm gớm lấy mình! Khi gà bị cựa, máu ra toe toét, lật đật ôm gà lên, kê môi ép miệng sát vào da gà, chỗ bị cựa, mà nút máu. Có khi phun máu ấy ra để rảnh miệng nút lại nữa. Có khi vì quá lo hay vì gì đó, lại nuốt luôn máu ấy mà không hay biết! Dầu sao trong khi mê trận, muốn cứu con gà, nên nào kể gì dơ sạch, mấy lời thầy dạy trong lớp về khoa vệ sinh cũng bất chấp nốt, (mà chắc gì các tay cho nước gà được ăn học chu đáo như ai?) nên nút làm nhiều lần, sao khỏi nuốt máu ấy vào bao tử! Tiền thù lao thì chỉ có 2,5% có thấm tháp vào đâu, thế mà khi khác gà mệt, muốn gà mau khỏe, lại phùng má ngậm hết vừa đầu vừa mỏ con gà rồi thổi hơi thở mình vào phổi nó. Thổi vô thì chớ, lại đến lượt nút hơi gà ra cho nó mau khỏe, tiếp hơi làm vậy khác nào ***đi xin vi trùng của gà để nhập vào phổi vào họng của mình?***.

Ngoài vấn đề dơ sạch ấy ra, người làm nước gà không phải vô nghệ thuật. Giỏi lắm chớ, nhưng mai một nào ai biết tài cho? Những khi gà rụng lông cánh nhiều thì phải *tiếp lông cánh,* may kèm lông cánh khác cho nó, nếu may dở thì làm sao chịu nổi lời chỉ trích của bọn đá hàng xáo luôn và chủ kê? Nhưng may khéo cũng bị lời nguyền rủa của bên địch, phải chăng là nghề làm nước gà bạc bẽo không nghề nào bì kịp? Lại

như khi mỏ rụng, phải biết buộc mỏ giả: buộc không được khéo thì chủ rầy, mà buộc khéo cũng không ai thưởng công, một khi gà thua độ! Tài người cho nước gà, tuy vẫn tay ngang, nhưng về may vá thịt da, có nhường chi ông bác sĩ chuyên môn khoa giải phẫu trong dưỡng đường, cũng khâu bầu diều, cấp kỳ chầm mí mắt, cột cựa, buộc mỏ, tháp lông cánh, may lườn, v.v... toàn là những việc khó khăn phải làm cho xong kịp trong một thời kỳ ngắn ngủi.

- Ngoài Bắc, theo nhiều người nói lại, có ông Tạ Duy Hiển, chủ gánh xiệc năm xưa, là người cho nước gà không ai giỏi bằng:

- Trong Nam, ở đâu tôi không rành, chớ ở miệt Sóc Trăng yêu quý của tôi, lối hai mươi ngoài năm trước, có ông Năm, không biết tên họ thiệt, nơi trại gà ông Chủ On, là nghề riêng ăn đứt, đến đỗi người đồng thời tặng ông chơi là *Biển Thước tái sanh* trong môn sửa gà, từ chết tại trường bắt ra cho nước trở vô gượng lại, trả thù chém chết gà kia rồi mới chết theo!.

Thử nhắc lại một cuộc cho nước gà đặc biệt.- Dân *Xoài cả nả*[1] có tiếng là cho nước gà thiện nghệ (họ nói rẻ rề là "làm

(1) "Xoài cả nả" là tên xưa của làng *Đại Tâm*, tỉnh *Ba Xuyên*, khi trước rất được trọng dụng, ngày nay ít dùng và ít ai biết. Nguyên gốc mượn trong tiếng Miên *Xoai Chrum*, ta Việt hóa trở nên *Tài Sum*, người Tàu lai Việt lại dịch nên "Xoài cả nả" lấy ý rằng làng ấy buổi xưa là một rừng xoài, người nào đến đó, khi trở về nhà, đều mang về một giỏ xách (nả) xoài cho con cháu thưởng thức. Phong tục cổ thời, người đi đường đều mang theo cái nả đương bằng tre, để đựng thập vật, từ áo quần, trầu thuốc, đến thức ăn, v.v... Từ danh từ *Xoai Chrum* sau dịch âm thành "Tài Sum". Gần đây, làng *Tài Sum* sáp nhập với làng *Trà Tâm* kế cận, biến nên làng *Đại Tâm*, vì chữ *Tài* sau đổi thành chữ *Đại*, và *Trà Tâm* sót lại chữ *Tâm*. Ngày nay, trong làng còn nhiều con cháu người Minh Hương, cha Tàu mẹ Miên (tiếng lóng chê và khinh rẻ, gọi *Đầu gà đít vịt*, nhưng tiếng thông thường gọi *con cháu khách*) và nhờ vậy, còn người hiểu gốc tích hai chữ *Đại Tâm*. Một ngày gần đây, bao nhiêu người lai đều Việt hóa tất cả, thì làng "Đại Tâm" sẽ trở nên làng Việt chính cống, và tha hồ các học giả cắt nghĩa nọ kia. Làng Trà Tâm do Miên tự *Xà Tim* (trước dịch *Trà Tim*) mà có. Người trong làng Đại Tâm nay đều đặt tên theo Việt. *Ngọc Kim* thay vì tên xưa "Yụ Cấm", v.v..

nước giỏi").

Có một độ gà năm trước, nay còn được nhắc nhở:

Hai chủ gà, một người tên Xừ, một người tên *Ba Khâm.*

Nửa độ, gà Xừ đâm gà Ba Khâm đui mất cả hai con.

Nhưng gà Ba Khâm vẫn còn sức mạnh và đâm lại gà Xừ rớt mỏ và lủng lườn rất nặng. Lấy theo con mắt nhà nghề mà xét đoán thì hai con gà đều bị thương rất nặng:

1) Gà Ba Khâm không còn thấy đường, nhưng sức mạnh có dư; nhưng không thấy đường rồi biết làm sao đá độ?

2) Gà Xừ bị đâm toét hàm hạ, mỏ rơi lòng thòng, dáng bộ đau đớn lắm, nhưng vì can đảm nên gà như không đau, duy vì mũi cựa đâm nơi lườn diều nước chảy ướt lông, rơi có giọt, hai vết thương đều nguy hiểm, và trăm người như một đều chấm gà Ba Khâm sẽ thắng và lo sợ giùm cho gà Xừ. Nhưng theo phép đá gà thuở nay, hễ *sa lông hở mỏ* thì có lời giao khi bắt gà ra cho nước rồi đem trở vô cho đá lại, thì được phép *ráp hai gà, ngực kề ngực, đầu kê đầu* cho nó biết mà tái chiến. Nhược bằng có con nào không đá nữa thì cũng cứ để vậy chờ gà kia dứt độ được thì đàng này chịu thua. Kể ra lời giao ước này đều lợi cho đôi bên, vì gà Ba Khâm đui mất, cần đụng gà địch mới biết mổ cắn được và đá được; còn gà Xừ, rớt mỏ, cũng phải xáp đụng gà kia mới đá được... Ngoài giới hàng xáo, bọn theo Xừ, kể chắc thua trong tay... bọn đá theo gà Ba Khâm, hy vọng còn nhiều, vì gà còn sức... May cho Xừ là lon nước đá độ vừa hết, đồng xu nháng rớt xuống chậu, hai đàng được phép bắt gà ra o bế lại:

- Gà Ba Khâm, sửa rồi, cũng như chưa sửa, vì hai mắt lủng tròng, tài nào thay tròng khác được? Mạnh trong lông, trong cánh, trong đùi, trong cựa, trong lúc này trở nên vô dụng.

- Trong lúc ấy, nhờ khéo tay cho nước, biết may vá *tài tình* nên diều thôi chảy nước, gà khỏe nhiều, và nhờ chằm khíu phải cách nên mỏ dính lại, gà Xừ tỉnh lại coi khác hơn khi chưa sửa. Lúc thả quần, gà Xừ biết kêu con *Túc! Túc!,* mọi người đều rộ lên phóng bắt, trường gà náo nhiệt bội phần.

Độ gà tiếp tục: hai con vừa kê sát nhau, gà Xừ thân biết mỏ đau không dùng được, nên trổ miếng tài, nhảy đá chỉ một đòn xạ, hai cựa đâm lút cần cổ con gà không thấy đường của Ba Khâm, khiến gà đui nằm cho một đống. Gà Xừ cứu chủ: độ này Xử ăn hai ngàn đồng bạc (2.000$) là *Bà Cậu độ mạng*, ăn may vậy!!!

Chung tiền rồi, quét dọn trường bày đá độ khác.

Về nhà, không ngớt bàn tán. Các sư kê xúm nhau nghị luận không thôi: rõ ràng gà Ba Khâm *chưn xanh, mắt ếch* nên đá chết không chạy... [1] và gà Xừ thì có vảy may ủng hộ, nên bất ngờ tự giải nguy lúc giờ chót! Độ gà này làm cho người dị đoan càng dị đoan thêm và không ai nhắc thử tài cho nước của em tôi là Trầm Tư (gọi là *Xừ*) đã cho tôi những tài liệu cũ kỹ này.

THỬ KỂ LẠI VÀI TAY KỲ CỰU CHƠI GÀ XỨ SÓC TRĂNG VÀ MIỆT BA THẮT (BASSAC)

Kể các tay kỳ cựu trong giới đá gà nòi thì, trước năm 1930, tại vùng Sóc Trăng, có những ông:

- Trần On, tục danh Chủ On (hương chủ làng Nhâm Lăng xưa) là người cố cựu tỉnh Sóc Trăng, công tử, con quan Đàng

(1) Đúng với câu "Chưn xanh mắt ếch, đá chết không chạy" rất được truyền tụng trong giới đá gà.

Cựu, bao nhiêu đất cát châu thành Khánh Hưng ngày nay phần lớn do sản nghiệp tổ phụ để lại, nhưng lần hồi ông đã mãi ra cung cấp cho thú phong lưu ông thích: *Nuôi gà nòi*. Thật vậy, ông chơi gà khét tiếng, ai đến gần nhà ông đã tưởng vào một trại gà khổng lồ, tiếng gà gáy điếc tai, chen với tiếng mái cục tác. Quanh năm, trong vườn của ông, kể luôn gà mái đẻ, gà con, gà tơ, gà ấp, không dưới trăm đầu, và bao giờ, canh nào, giờ nào cũng nghe tiếng gà không túc con cũng kêu mái, hoặc gáy hoặc thách đố khiêu chiến *cà tóc! cà tóc!* vang rân. Đến mùa gà, nhà ông, trống đúng sức không dưới đôi ba chục trống, con nằm dưới bội, con nhốt trong lồng, con thả ngoài sân, con đang vào nghệ... Ông người rất hào phóng, thường lối xóm rất kính nể, nên cũng không có ai nuôi gà chạ gà che, vì sợ lai giống hư gà ông chủ.

- Tiếp tay và bạn tri kỷ của ông Chủ là ông Năm tôi vừa nhắc nơi đoạn trước, đến nay tôi vẫn không biết tên họ cho đúng mà ghi để đời. Nay ông đã tận tụy cùng chủ và theo bạn nối gót xuống *âm ty* để chọi gà không sợ bắt bớ, thì tưởng không nên nói nhiều, duy biết sanh tiền, ông là người Đàng Ngoài, vào Nam từ nhỏ, sanh nhai bằng nghề nguôi gà, cho nước gà, lấy trại gà làm nhà ở, không vợ không con, am hiểu chữ Nho, nói chuyện duyên dáng, phong lưu rất mực, và nói đến nghệ thuật nuôi gà thì thuở ấy nội vùng Sóc Trăng, Bạc Liêu: ***nghề riêng ăn đứt.***

- Một ông kỳ cựu nữa, nay cũng đã qui tiên, sanh thời nhà không dư dả gì, nhưng được cái là phong lưu, hơn xa các chú phú hộ *Rít Chúa Ngô Công Kẹo* khác, ấy là ông giáo Tòng, thâm nho. Ông ở dãy phố trệt sau nhà tôi, trong *tông đường* vỏn vẹn kê giữa căn một bàn thờ Tổ Tiên, ngay bàn thờ lót bộ ván ba thô sơ nhưng bóng chói vì chủ lau chùi mãi mãi, trên ván luôn luôn có bày mâm đèn ống hút: mâm trắc láng ô, đèn

pha lê sạch bót, thêm ống hút trúc Hạ Châu đen huyền, kế bên có khay trà cẩn xa cừ và hai bộ chén "Hạ ấm" kiểu Bắc, có đủ chén tống, chén quân, thêm một bình tích bé tý hon da đỏ, nay tôi nhớ lại đó là bình "Mạnh Thần". Ông dạy cho tôi biết và thường ngâm nho nhỏ đủ hai bác cháu nghe rằng:

- Nầy! *Nguyệt bạch thủy trung thanh*

(Ký hiệu *Dật Tâm*)

là câu chữ đề trên bình tích. Vả chăng bác xem tướng cháu sau này hậu vận khá hơn bác nhiều. Vậy cháu hãy ráng mà luôn luôn giữ cho được *thủy trung thanh* cháu nhé! Lại nữa, hai chữ *Dật Tâm* (Lòng người đi ẩn) bác tạm dịch làm vậy cho cháu hiểu và nghe cũng được được, cháu hãy nhớ để làm châm ngôn cho đời thêm trong sạch nghe cháu nhé!! Riêng phần bác đây, một đời lưu lạc, lang bạt kỳ hồ, bác không ân hận, vì trong bộ chén trà của ông thân của bác để lại, há chẳng có câu "tiền định":

"Minh nguyệt *tòng* giang ảnh,

"Thanh tuyền thạch thượng lưu"

sau này cháu sẽ hiểu nghĩa của nó". Tôi vâng vâng dạ dạ lúc đó, kỳ thật nào biết gì, duy trong lòng thích ông nuôi gà nuôi cá hạp ý tôi, nên ngày chúa nhật nào, làm bài vở xong là cũng phải lại chầu hầu bác giáo Tòng. Tôi mê nhứt là hai bên vách ván, bác sắp hàng ngay thẳng làm bốn từng dài, những chai trắng "cắt họng" sẵn để nuôi cá thia thia, dưới ván và trước nhà, nhà bếp cũng như hàng ba thì la liệt những bội gà để chừa đủ đường đi và chừa đủ rộng cho mấy con nòi không sỏ mé gì được, nay nhớ lại mại mại cũng trên mươi trống không ít.

Những tay chơi gà xưa phần nhiều nay đã qui tiên, tôi còn

nhớ được tên là:

- *ông Bếp Chọt*, ở đường đi xuống rạp hát Trần Săn, nhà ông rất nghèo, cá nuôi trong lu, mái, khi đá mới hớt ra; gà thì nuôi chỉ một con, nhưng đó là con gà chiến, ai mua nài bao nhiêu cũng không bán, khi nào con gà ấy có thế nào, ông sẽ sắm con khác thế và cũng chỉ nuôi lấy một trống mà thôi.

- *ông Bếp Bổn*, sở trường lúc lắc bông vụ, đá gà, đá cá, gác cu, gài bẫy chim. Cũng nuôi một trống, mà con trống này cụt đuôi, lông đỏ nên gọi *Điều Cúp*. Tôi lúc nhỏ, thích quá theo nài *Mười đồng*, ông không khứng để, duy cho phép mỗi lần đến nhà ông, được ôm gà "nựng" cái chót vĩ không phao câu!

- ông *Bếp Sanh*, bồng nước giỏi, mất từ lâu.

- ông *Chủ Tòng*, trùng tên với ông trước gốc ở Bãi Xàu, hiện còn mạnh giỏi, ở đâu trên Sài Gòn, tôi không gặp, sở trường nhất là cây tranh, ông đờn tuyệt diệu, nghề gà cá cũng không nhường ai bước nào.

- *Đội Hương*, tục danh *Đội Cá*, chạy lên Sài Gòn từ năm 1947.

- *Tư Long*, ưa trà ưa rượu, nấu bếp tài tình, nhưng không ăn thịt gà. Ông nói: *thịt con cháu, nó nuôi mình mình đâu nỡ ăn.*

- Ở làng Tài Sum nay là Đại Tâm, chục năm trước có anh Hứa Siêu, nghề sửa gà nay còn nhắc đời; qua nghề hớt cá thia thia thì anh là thầy của tôi lúc đó, và vốn là anh con nhà cậu của tôi. (Tội gì nay không nhắc lại?)

- Cũng ở Đại Tâm, còn Trâm Tư, tục danh "Xừ", vẫn theo dõi nghề gà không bỏ. Đá gà khắp lục tỉnh, đến trường Sài Gòn cũng nghe danh. Cha xưa là võ sĩ phái Thiếu Lâm, truyền nghề

lại, có nhiều toa thuốc gia truyền dạy luyện gân cốt và sửa chữa té, lọi, gãy xương... "Xừ" áp dụng qua nghề *"cho nước gà"* và thỉnh thoảng cũng hành nghề cứu dân độ thế. Làng Đại Tâm xưa có ông *Tám Thao*, lại là thầy của Xừ, cáp gà, ai cũng chạy mặt.

- Quận Kế Sách, có cậu Ba Oai (nay đã mất), nuôi gà dữ không ai có.

- Thân phụ Ba Oai, là ông hàm Trần Như Cang, đã từ trần, thuộc hạng đá gà làm độ bạc ngàn sắp lên mới cho làm cựa.

- Làng Hòa Tú (Sóc Trăng) có anh hương chủ Trần Đắc Lợi, tục danh *Chủ Lỹ*, tôi từng nhắc nhiều lần trên sách báo, vừa thất lộc, có tánh kỳ khôi cáp gà trên mâm hút, gác đủ mọi điều mới khứng cho làm sổ! (Nhưng rốt cuộc vẫn thua *tróc đít*, vì quên rằng người nào chịu độ với anh là đã có con gà hơn gà của anh mới chịu sút trước vài phân!!!)

- Hòa Tú còn Út Hậu và anh Diệp Quang Ph. (hai người còn mạnh giỏi). Hai người nuôi *gà nghề*, phải độ mới đá chớ không hấp tấp.

- Quận Phú Lộc, xưa có ông chủ quận phong lưu tài tử, họ Đỗ, giỏi nghề gà, tuyệt diệu nghề *đánh trống chầu*, đi ô tô tự lái xe để khi gặp *cờ tây* thì cán chết rồi thường tiền đem về đánh chén. Ông vừa mất tuổi gần chín mươi. Ông họ Đỗ, không tiện xưng danh.

- Quận Phú Lộc, còn một ông, *trạng sư họ Trần*, cũng rất ham chơi gà, những khi rảnh việc; nhưng chơi theo hạng tài tử phong lưu, cốt nghiên cứu trau dồi sự hiểu biết, thích xem gà đá sau ly rượu Martell-Soda có nước đá, giữa quê vợ, nhiều hơn là thích giỡn tiền.

- Ở Bạc Liêu, trước kia có ông Hội đồng *Khâm* và ông Hội đồng *Ngô Phong Điều*, nay còn rơi giống gà nòi danh tiếng.

- Ở Xẻo Gừa, tỉnh Sóc Trăng, có bà *Chín Minh*, tuổi trên tám mươi, luôn luôn có mặt tại trường gà, bữa nào như bữa nấy. Nuôi và đá, ăn thua lớn, chớ không đá xạo.

- Gần đây, học trò bà Chín Minh, còn sót lại ông *Chín Gia*, trên chín chục tuổi đầu, vẫn còn chống gậy theo gà. Nhà ông ở Xóm Tà Lay đường Bố Thảo đi vô trong nữa, khi đi qua khỏi chùa Bưng Cốc hỏi danh ông, trẻ nhỏ chăn trâu đều biết.

- Về các tay chơi gà hữu danh, nếu đếm nữa cũng chẳng làm sao đủ và không khỏi sự thiếu sót. Châu thành Sóc Trăng, nơi khách điếm "Bungalow" xưa là chỗ của thực dân đến tá túc tạm; vào năm 1959, tôi có việc về xứ, đi ngang chốn này nghe tiếng gà gáy, hỏi ra người lãnh thầu coi sóc nhà này năm ấy vốn là địch thủ độ gà *ăn phản độ* giữa Xừ và ông, đã nói đoạn trước, đích thị ông Ba Khâm.

CHỖ NUÔI GÀ

Tôi viết bài *Thú chọi gà* này đã khá dài, mà thú thật tôi không biết xếp đặt (mà cũng không muốn xếp đặt) cho có thứ tự. Sau này có người đọc sẽ dạy khôn tôi (như ai đó phê bình quyển *Sài Gòn năm xưa* trong báo Văn Đàn), rằng tôi có tánh xô bồ viết lách không thứ lớp. Tôi không cãi, và xin thưa tôi viết làm vầy đã quen rồi, nay muốn chừa cũng không sao chừa được (mà cũng không muốn chừa làm chi). Sở dĩ tôi viết là để chép ra đây những cái dại, cái sai lầm của tôi, họa may các bạn trẻ biết mà tránh trước là đủ tôi mừng lòng. Tôi vốn không *tranh lèo giựt dải* gì mà hòng gò bó trong một sự *câu thúc văn chương*. Thiết tưởng một cây mía, róc sạch vỏ rồi, có người bảo tôi ăn, thì tùy thích tôi muốn lựa ăn phần nào trước phần nào

sau thì *trối kệ* tôi chớ? Bằng không cho tôi ăn, nhưng bảo tôi dọn mía ra mời khách, thì cũng mặc tôi dọn, *gốc, ngọn, giữa*, gì hồ lốn cũng không quan hệ chi, miễn sao những lóng mía ấy phải sạch, phải vui mắt là đủ phận sự của tôi, còn mía ấy ngọt cùng chăng là tùy cái đóc giọng của khách chớ? Tôi viết văn cũng vậy. Tôi nhớ đâu viết đó, hứng lúc nào thì viết lúc ấy, cũng không phải viết *bài nghiên cứu* để xin thăng quan tấn tước hòng theo dõi một sự gò bó cho mệt óc. Đã là thú phong lưu, đã là thường đàm, đã là viết chơi, đã muốn tỏ cho người thấy *cái gàn* của mình tội gì mà phải tuân theo một phương pháp ? (Như vậy thì hết phong lưu rồi còn gì?) Lại nữa, cái gàn *mà viết ra cho có trật tự* thì đâu còn vẻ gàn? Theo tôi miễn sao *gàn* ấy chỉ *hư một thân* này và không lây về sau đến nhơn quần xã hội, thì được rồi. Người nào muốn đọc bài nghiên cứu có phương pháp, tôi xin mời xếp sách, thà đừng đọc bài tôi viết còn hơn. Tôi nói hả hơi rồi, nay trở lại vấn đề *chỗ nuôi gà*, tôi xin viết tiếp:

Trong Nam có hai cách nuôi: nuôi bằng chuồng và nuôi bằng bội.

Chuồng gà nòi làm rất giản dị: trên một khu đất bằng phẳng và khô ráo (gà ướt cẳng mau sanh bịnh mà chết), người ta làm cỏ sạch mặt đất, bồi lại những chỗ trũng, lượm ra những gạch sỏi lụn vụn, tránh cho gà đừng đạp hư chưn hư móng, rồi dựng nhà lên, cột tre vách lá, cốt lấy khoảng khoát mát mẻ, không cốt ở sự lâu bền. Nhà ấy trong chia ra làm nhiều chuồng dựng sát vách tả hữu và đâu mặt nhau, mỗi chuồng ngang 1 th 50, bề sâu lối 2 th, mặt ngó vào khoảng giữa làm lối đi, lối 2 th, bề ngang, dài theo lòng căn nhà, vách ngăn giữa các chuồng phải che thật kỹ thật kín, không thì gà hai bên vách vì ghét tiếng gáy, sẽ xoi vách hư mỏ hư đầu hết xài. Về hai vách ngó ra ngõ đi ở giữa và trên nắp chuồng thì làm bằng *phên đương mắt*

cáo, tre, trúc đều được, chỉ cần khoảng khoát. Cũng có khi người ta cất nhà chòi dài một nóc (nuôi gà một dãy), chòi ấy rẻ tiền hơn, thêm sáng sủa, và cũng chia ô, độ 1,50 x 2m. Trong mỗi chuồng, để cho gà khỏi nằm dưới đất, người ta làm sẵn một cây tre cỡ cườm tay dài độ sáu tấc, gắn trên hai đầu cột tre cắm xuống đất cách mặt đất hai tấc bề cao hình chữ "U" dộng ngược, để tối gà có chỗ ngủ cao ráo. Muốn nuôi bao nhiêu trống thì chọn bao nhiêu chuồng. Tôi từng thấy miệt Cần Thơ và ở Bạc Liêu, có người nuôi đến trên trăm, cả đôi trăm trống trong một trại lớn rộng và lựa toàn gà cựa gà chiến có ăn độ rồi. Trại ấy cũng vừa là nơi tá túc của thầy gà ở đậu, người cho nước gà và các trẻ lon con mài nghệ.

Nếu nuôi năm ba trống *làm kiểng* (cảnh) cho vui mắt, cho ra vẻ "tay biết chơi gà", thì khỏi cần làm chuồng chi cho tốn kém, duy nuôi chung trong nhà, khi dưới ván ngựa, hoặc nơi sau nhà bếp, nhà cầu, khi ngoài hàng ba chái tư, nuôi bằng cách nhốt gà trong bội, vừa gọn, ít choán chỗ, thêm rất tiện; muốn dời chỗ nào cũng dễ.

Cái giỏi lớn bằng tre trúc đan khéo để nhốt gà nòi ấy, trong Nam chúng tôi gọi là cái *lồng úp* hay *bội tre*.

Tôi thấy trong sách báo thì ngoài Bắc lại gọi đó là *cái lồ*. Tôi có tra tự điển Đào Văn Tập lại thấy cắt nghĩa "lồ" là đồ đan hình vại để đựng hàng hóa. Tỷ dụ *một lồ cau*.

Nơi miền Trung, lại thấy ghi trên Tập Vở Thú Y rằng giỏ ấy, người Trung gọi *cái oai*. Nhưng danh từ này, tôi cố tra nhiều tự điển mà không gặp.

Trở lại phong tục đi đá gà trong Nam, các tay gà thuở trước thường ngồi xe kiếng, trong xe, vài người ngồi ôm trum trủm hay bồng trên tay một con gà, con lồng bội thì thế nào cũng

kiếm cách để úp trên mui xe hay làm sao thì làm, nếu anh đánh xe không biết đem lật ngửa treo sau thùng xe thì họ giận và la lối còn hơn ai cắt cổ họ, vì với tánh dị đoan sẵn có, ấy là điềm bất tường : *thua lật gọng, thua chổng bồ lật bội*. Sau này có ô tô mui kiếng, họ càng thích vì đi được xa đường, thêm rộng rãi có chỗ xếp bội, (để trên mui xe), thêm khỏe con gà. Nhưng gọn nhứt như đã nói rồi là cách các tay chơi gà vùng Sài Gòn cầm chưn con kê miệt Hốc Môn, Bà Điểm: chỉ tốn mỗi con một khúc dây nhợ và đoạn tre làm nọc, gà của họ, toàn là *cù lự*, không mảnh mai và kén phố như các *cấy chảy, lão mạo* Cao Lãnh hoặc Sóc Trăng!

ĐÁ GÀ VÀ TRƯỜNG GÀ

Đặt hai con gà nơi giữa trường, đặng so sánh cao thấp, nặng nhẹ, cựa đồng, chạn xứng hay không, các việc ấy, trong Nam chúng tôi gọi *cáp gà, cáp độ gà*.

Cũng công việc ấy, ngoài Bắc gọi là *ghép gà*.

Trong Nam, tính số tiền đậu lại để đặt cuộc thì gọi *làm sổ, kêu sổ*.

Còn trường gà trong này có hai thứ khác nhau chút ít:

a) Tùy địa phương, có xứ thì thích *đá trong bồ*. Bồ là một vòng tròn kết bằng lá buông, có cốt tre cho chắc, bề kính tâm có chỗ hai thước tây, chỗ khác rộng hơn đến ba thước là cùng, cao độ bốn tấc, năm tấc (0,40 đến 0 m 50), chung quanh có để ghế đẩu hay xây bệ cây ví tròn làm chỗ ngồi. Giữa bồ, dưới đất nện láng trơn, có gạch sâu ba đường ráp thành chữ công "I" để làm mức lằn cho đôi bên đặt gà của mình trước khi thả ra đá độ.

Làm cựa, làm sổ rồi, hai người cho nước gà ôm gà vào bồ,

ngồi chồm hổm đâu mặt nhau, ngay chiều chữ *công.* Khi lên nhang đàng hoàng, đong lon nước treo lên tử tế, ông chủ trường, là tướng quân giám trận, nghiêm nghị hô: *THẢ*. Được lịnh ấy, hai người cho nước gà, một tay nắm chòm lông cổ, một tay nắm đuôi gà, hai người có cử chỉ như *người máy* y hệt nhau, đồng nhử nhử cho hai gà đâu mỏ ngó nhau, thấy nhau rồi đồng một lượt *thả gà* đúng như luật cổ truyền dạy là *buông tay ăn thua*. Tuy tục lệ là vậy, nhưng lúc trước, còn nhiều tay gian hùng quen theo thói cũ, mỗi lần thả gà, lại giả đò làm như muốn cho gà thật thấy nhau rõ ràng, nên tiếp tay xô con gà mình tới trước cho đụng con gà đối thủ, rồi thừa dịp dùng ngón tay trỏ có móng chuốt nhọn hoắt (ám trợ) đâm lén bầu diều con gà kia; không ai thấy thì thôi, bằng có thấy và cằn nhằn, sẽ khúm núm lột khăn xin lỗi như là lỡ tay chớ không cố ý cố tình! Thật là *cờ gian bạc lận*, nhứt là *đấu kê thì gian trá, gian hùng không chỗ nói!!*, lời tục ví không sai.

b) Tùy chỗ khác lại không đá bồ, mặc cho hai con kê sau này say trận xê xích chút ít cũng châm chế, duy làm gì cũng có gạch lằn mức chữ *công* "I" để làm chuẩn thằng khi ráp đá. Trường gà đây là một cuộc đất dọn thật kỹ, nện dẽ khắt, bằng phẳng còn hơn mặt ván gõ, chung quanh có chỗ cũng sắp ghế ngồi, có chỗ *xính xái* (1) không có ghế cũng không sao, (duy phải có một cái nóc che mưa che nắng các cha mới chịu). Đến khi xáp đá, thì cũng y thể lệ như trường gà có ví bồ. Có chỗ vẽ chữ công hơi *hượt* ra, lằn giữa dài thêm một chút "I", làm như vậy

(1) Danh từ "xính xái" người miền Nam mượn của giới Trung Hoa. Tôi có ý hỏi nhưng không ai biết viết chữ Hán hai chữ ấy ra sao.
Có lẽ là mượn trong bạch thoại chăng? Thú thật tôi vì dốt chữ Nho, nên không dám lên mặt tài khôn thầy đời, duy biết nghĩa của hai chữ ấy là "tha thứ", "xí xóa", "bỏ qua cho" v.v... Tỷ dụ: đi tắc xi, kim đồng hồ chỉ 11 đ 50, trả 11 đ miệng nói "xính xái nhé" rồi đi luôn hay vào tiệm khách mua món gì, trả bớt năm hào bảy cắc rồi nói "xính xái mà!" thì cũng êm chuyện!

có ý tránh và ngừa ngón gian hùng xô gà và đâm gà địch bằng móng tay chuốt nhọn.

SO SÁNH THÚ CHỌI GÀ VỚI CÁC THÚ GIẢI TRÍ KHÁC VÀ THUẬT LẠI MẤY ĐỘ GÀ XUẤT SẮC TÔI ĐÃ TỪNG MẮT THẤY

Trước hết tôi xin nói vài lời về *thú chơi gà chọi*, hay nôm na dễ dãi như tôi quen nói theo giọng miền Nam của ông bà chúng tôi, là *thú đá gà*. Tục ví không lầm: *Trăm hay không bằng may độ*. Bởi càng ngày càng tách xa chính nghĩa câu tục diêu ấy, nên người đời nay đá gà không cần *tài hay cá nhân* cũng không quan tâm đến *tài chiến đấu của con thần điểu*, và chỉ chú trọng nhiều về vận đỏ, nhứt là ỷ y nhiều vào mãnh lực kim tiền. *Đa kim ngân* thì phần gác phần thắng nắm chắc trong tay: đá thua độ nào, qua độ kế cứ tung vãi quăng ra nữa, quăng bắt *phóng bắt tưới hột sen*, sau rốt dầu không toàn thắng, thì cũng vớt vát được mớ nhắm, và không hề hấn gì cả! Lâu ngày sanh chứng tật ỷ y coi rẻ một thú phong lưu cổ thời đáng được nâng cao vì thuần túy Việt Nam, như Tây Ban Nha có *đấu bò*, Anh quốc có *đua ngựa*, thêm đá gà không gì *thể thao* bằng. Dầu ăn dầu thua, đá rồi một độ gà hay chơi trọn ngày, về nhà có kém gì môn bơi lội tại hồ, đánh vợt tại sân, tôi không kể một *thú* khác mệt không vừa thêm không dám rỉ hơi cùng má bù trẻ là thú ăn trái ấm ngoài Nước Ngọt! Nào như buổi trước, tiền bạc kiếm không dễ gì, đồng bạc giá trị còn cao, đá một độ gà *coi trước coi sau* hao tâm hao lực không nhỏ? Tôi đã nói: chầu xưa đá gà là một nghệ thuật, một nghệ thuật tinh vi như đánh cờ phân biệt có cao thấp, và tôi mạn phép ví với hai thứ bài cao siêu kén nghệ thuật nhứt đời là bài *bài thín cẩu* và *bài chim*, gọi "má tước" hay *mà chược* cũng thì hẳn!

Chánh quyền nay không cho chơi bài *thín cẩu* vì có người

dùng cây bài này đánh theo hai lối riêng gọi *bài cẩu* và *ngầu hầm*, trong hai thứ ấy, người chơi *thử thời vận* nhiều hơn *đấu tài, đấu trí*. Bài chim cũng vậy: sau này có lịnh không cho chơi, vì phép bài đổi ra thêm thắt quá nhiều "hoa" (bông), may rủi nhiều hơn cao thấp. Trước chỉ có bốn hoa:

Fá: hoa, được nó thì thêm điểm;

Yùnn: nguyên, ráp bộ vận với một hạng bài để tăng điểm;

Hỷ: vui, như trên;

Hạp: hợp, nt

Lúc bài chim chơi với bốn hoa làm vậy, thì mới thấy tài cao hạ, rõ là một cuộc đấu trí, giải trí thanh cao. Lần lần, người chơi bày thêm bông hoa mãi, đến chót đến mười sáu cây hoa, bày nhiều thứ kỳ dị quá tối tân, như: bốn cây *tài wong* (đại vương) từ đệ nhứt đến đệ tứ vương; chưa đủ, còn thêm hai cây "hoa" tai hại nhứt là:

hoa Tổng Trưởng: quyền khuynh thiên hạ!

hoa Nguyên Tử: quyền tàn phá thế giới!

Không cần bài tốt xấu, đang chờ hay chưa, miễn hái hoa gặp cây Tổng Trưởng hay Nguyên Tử thì hạ bài hô *mùnh* (ăn bá vạn), có chỗ cho phép người có một trong hai cây đó vét sạch túi những bốn người ngồi trong sòng, hỏi như thế mà không bị bắt bớ và không có lịnh cấm chơi sao được? Nhắc lại khi mới bày, nghe dường trong thời kỳ giặc Hồng Tú Toàn bên Trung Hoa, thì bài chim thật là một môn giải trí lành mạnh. Người chơi hiệp làm tay tư ngồi vây chung quanh một bàn vuông, tập lấy tay xoa bài rồi xếp thành hai lớp dài và vuông vắn, gọi *xây thành*, đoạn bắt cái và gấp bài về mình, mỗi người mười ba cây

(trừ phi chủ cái mười bốn, đặng lát nữa xuất bài ra), mỗi người dựng bài lên trước mặt *đã là một cái khoái*, vì cây bài rất khéo, làm nửa tre nửa xương trắng xinh, chạm bông vẽ chữ ngộ ngộ, cầm đã mát tay thêm nhìn không mãn nhãn. Đó rồi, tùy nơi tài của mình một phần, phần khác tùy nơi *vận* hên xui chút ít, từ mười ba con bài rời rạc, toàn là *rác*, mình khéo đánh, khéo độ làm sao mà chuyển bài bời rời ấy thành bài liền lạc, thế là mình được phép nuôi hy vọng: chờ *tới*, chờ *ăn tiền*. Mấy ai trong đời hoàn toàn hạnh phúc? Bài chim là bài làm cho người sầu khổ có chỗ an ủi chút nào; bài chim là bài làm cho người đắc chí bớt đi một gì là kiêu hãnh, (như lúc thua...); trời hỡi trời, không cho chơi bài chim, tôi thấy dường như mất đi một thứ gì không tốn tiền mấy mà có thể làm cho tôi bớt khổ... Chứ hiện nay, tôi không được chơi bài chim, mà đường lên thánh lên thần còn xa như cũ, ích gì???

Bài chim giải trí vô song. Nhưng cũng đánh mạnh không kém, cũng làm ồn không thua, cũng tiêu biểu cho *trí "trẻ con"* của người lớn, ham cái gì cho thật kêu, thật nổ lớn (pháo, tiếng vỗ tay...), thật giòn (kẹo, gân sụn, tiếng cười của mỹ nhân...), ấy là *bài thín cẩu* !!!. Thật vậy: không ai từng biết chơi "nó" nay nhắc "nó" mà không mê không tiếc! Trừ phi ông Cò hay lính tráng bắt gặp "bất tử", hay có lịnh chánh quyền quá hăm he nên không dám, chớ ai ai đã biết "nó" vẫn còn ước ao gặp lại "nó" một ngày nào!!! Nếu ngày nay, cho phép *chơi cờ tướng*, và cờ tướng còn thêm được cho đánh công khai có nước cam ngọt giải lao, có treo giải thưởng và được đăng báo nhắc đời, thì tại sao không cho chơi luôn những nào *thín cẩu thuần túy, bài chim chính cống*, và *đá gà theo lề lối cổ truyền* ??? Tiếc thay: bàn cờ và con cờ, nay còn là vì chúng nó tốt số, có quới nhân ủng hộ! Thảo nào cờ tướng không sống đời? Đồng thời, mỗi tuần nhựt, hội và trường đua đua ngựa *chơi thả cửa* thêm được

giúp xe "ô tô buýt" để các tay tuyệt phích đi cho kịp thời đừng đánh sót độ nào! Ô hô! Còn *ông tổ Thín Cẩu* và *ông tổ Bài Chim* ở đâu? Sao nỡ không minh oan cho những thú phong lưu lành mạnh như chúng nó??? Hai *ông tổ* ơi! Đời đã khổ! Cho chúng tôi một chút gì vui vui cho đỡ khổ với nào!

Bài thín cẩu, theo tôi, là một thứ bài *lạ đời nhứt trên thế gian* này. Ai đi đánh nó rồi một vận, một *chến*, ngày sau, tháng sau, năm sau, khi gặp nhau còn nhớ đủ mà nhắc đi nhắc lại, cãi vã với nhau mãi, không khác nước đi, nước chiếu trong bàn cờ tướng giữa các kỳ tử vua cờ. Tôi có thể nói không lầm là *mỗi bàn thín cẩu đúng là một bài toán khoa học. Và một đời người, nếu đánh thín cẩu, thì sẽ không bao giờ gặp lại hai lần, những toán ấy,* đủ hiểu thín cẩu cao siêu và triết lý đến bực nào! Ấy! Nó hay là vì vậy! Và nhiều người còn hoài vọng nó, mặc dầu tuổi già, mặc dầu đau lưng, cũng là vì vậy! Ở đây, xin lỗi, tôi không dư công dư giờ làm quảng cáo ngu dại cho những thứ đổ bác có hại cho đồng bào. Nhưng để tìm hiểu những thú phong lưu cựu thời, tôi xin cắt nghĩa cái hay của thín cẩu cho những người chưa vọc nó: ai đã từng chơi *cắt tê trâu* thì mau biết chơi thín cẩu lắm. (Cắt tê trâu là một thứ bài, ắt do tiếng *écarté, jeu d'écarté* của Pháp mà ta *thêm mắm thêm muối* cho nó trở nên một thứ giải trí hoàn toàn Việt Nam). Còn *thín cẩu* là hai tiếng của người dân Quảng Đông dùng để gọi một thứ bài chơi "quốc túy" của họ trong ấy hai cây bài lớn nút và quan trọng hơn cả là: cây *"Thín"*: thiên: trời, và cây *"Cẩu"*: cửu: chín (9 nút).

Chơi cắt tê trâu đã là một thú mê, đến các tay túc cầu ôm vận mạng nước nhà ra xứ ngoài biểu diễn mà còn lén chơi, không giữ sức khỏe, can ngăn thế mấy cũng bớt đi chớ không chừa tiệt. Người chơi cắt tê trâu, sau này bước qua chơi thín cẩu, sẽ mê nó bằng mười và sẽ không thích chơi cắt tê nữa! Mà đã là chơi bài Quảng, không hiểu tại sao, khi chơi lại ít ai dùng

giọng Nam mà gọi tên cây bài, và phải gọi nó ngay theo giọng Quảng mới thú vị cho, không khác khi ta ăn *mì khô* của Trung Quốc, thì phải nêm bằng giấm đỏ (hồng chu) của Tàu chớ không dùng chanh chua hoặc giấm ta bao giờ.

Mỗi khi chơi cắt tê trâu, ta lấy một bộ bài cào năm mươi hailá đem ra chia:

- Nếu *chơi bốn tay (tay tư)* thì mỗi tay có sáu lá, vị chi còn lại dưới trường: 52 - (6 x 4) = 28 lá bài trường;

- Nếu *chơi sáu tay (tay sáu)*, thì cũng còn lại:

52 - (6 x 6) = 16 lá bài dưới trường. Và như vậy, (điều này quan trọng lắm), bài lên tay không đủ, tất nhiên về sau, bài toán chưa khoa học lắm, và còn một phần nào tùy sự may rủi vận mạng. Không như bài thín cẩu: trọn bộ bài có cả thảy ba mươi hai lá, khi chia thì chia hết trọi ba mươi hai cây bài ấy cho bốn người chơi, mỗi người thủ tám câu, tức là trọn bộ đều lên tay hết, sau này cao thấp là tùy ở chỗ *đoán bài* đã ra thứ nào, còn sót lại thứ nào chưa ra, v.v... Đến khi gần rốt một ván, bài toán *thắng hay bại* gom lại ở chỗ *ba tay con* chia nhau *đón bắt* cho được nước bài giấu của *lão chon* (tay cái) (ai bắt được thì người đó thắng, ăn cuộc, còn để cho cái nó thắng, nó *ca chon*, nó có quyền ăn đúp, ăn tríp (bội nhị, bội tam) thì còn nước *chết cha cửa tứ!* Bên cắt tê, phải bắt *mò chừng* khi trúng ít, khi trật nhiều, vì *cây bài giấu* chen trong bốn nước: hai đỏ (cơ, rô), hai đen (chuồn, phích); vì vậy tôi nói cắt tê không mấy khoa học, và chỉ chia nội hai nước *văn = mành* và *vũ, võ = mụ* (1). Lại

---

(1) Nói thì nghe dễ ợt, nhưng vào sòng mới biết dở hay! Lấy một tỷ dụ cụ thể là như tôi nãy giờ cắt nghĩa nghe *"được đến"*, ai cũng tưởng tôi hay lắm, té ra thuở nay, thú thật, từ biết chơi thín cẩu đến giờ, *thua nhiều hơn thắng*, nhưng nếu cho phép chơi lại, mặc dầu sao, cũng chơi, cũng thua và cũng vui chịu!!! V.H.S.

thêm mỗi cây bài thín cẩu, suy ra đều có ý nghĩa của nó, và cuộc chơi gẫm lại thì rất là cao siêu: mỗi ván là một bài toán *thiên văn* trong ấy, người chơi có thể nói là: *thế thiên hành đạo* (thay trời làm đạo) chớ không vừa.

Như đã nói, ba mươi hai cây bài thín cẩu, chia ra có:

Số Bài văn = mành phài — Số Bài võ = mụ phài

2 Thín = thiên ráp nhau với 2 Cẩu = cửu, trở nên "xây thín cẩu"

2 Tỳ (địa)... 2 Bạt (Bát), trở nên "xây tỳ bạt"

2 Dành (nhơn.... 2 Xách (Thất = bảy) trở nên "xây dành xách"

2 Ngò (nga, con ngỗng) - - 2 Ựng (Ngũ = năm) "xây ngò ựng"

2 Mùi phài (mùi là mai) (đủ cặp gọi "song mùi")

2 Xường xám (song tam) (đủ cặp gọi là "túi xường xám" (túi là đôi)

2 Pản tăng (cây bài vẽ bốn nút) "túi pản tăng"

2 Pặc thầu (vẽ chín nút trắng) "túi pặc thầu" (đôi bạch đầu)

2 Hồng thầu (bốn đỏ, sáu trắng) "túi hồng thầu" (đôi hồng đầu)

2 Yêu lục (1 nút đỏ, 6 trắng) "túi yêu lục"

2 Yêu ựng (1 nút đỏ, 5 trắng) "túi yêu ựng"

1 Lục cúng "Lục công" (ông Sáu), cây bài này thuộc phe "văn" cũng như những cây mùi, xường xám, pản tăng...

1 cây "sám cấy" (phe võ) sám = ba; cấy = con gà con (kê tử).

Suy ra người chế ra bài thín cầu rất cao thâm. Trong ý vừa lấy đó làm cuộc giải trí, vừa dạy đạo lý, thiên văn; tỷ như:

- Thín = thiên là trời, thì "trời có chín từng" (thín cẩu) và tùy văn nhiều thì gọi *xám mành thín cẩu* (2 thiên, 1 cửu), khi khác *vũ đa số* (1 thiên, 2 cửu) thì gọi *xám mụ thín cẩu*.

- Tỳ = địa, là đất, thì đất có tám cõi, tám lớp; và cũng tùy số bài, khi gọi *xám mành tỳ bạt* hay *xám mụ tỳ bạt*.

- Dành = nhơn, là người, thì người có bảy tình v.v...

- Ngò = nga, con ngỗng trời, thì loài chim có năm đức, vân vân. Đâu đâu đều ăn khớp và có ý nghĩa rõ ràng. Trào phúng nhứt là ngụ ý ngạo đời trong bài toán cây *sám cấy* và cây *lục cúng*. Trong bộ thín cẩu, bài nào cũng có cặp, duy *lục cúng* đại diện phe đàn ông (Ông Sáu) và *sám cấy* đại diện phe đàn bà (Cô Ba) là lẻ loi. Khi nào trên tay mình gặp đủ hai ông và khi mình *xuất* hai cây ấy ra được, thì ba tay nọ chung tiền cho mình sốt dẻo, hình như đậu tiền mừng *hai ông bà sum họp và xuất hiện* phải thời, phải lúc. Bằng như đến lượt *chưng, bắt*, người chưng cây *sám cấy*, mà *tới* thì ăn tiền sấp hai, bằng như bị người khác *bắt* thì bị đền tội chung gồm cho các tay kia, y như ngụ ý:

- Chưng *sám cấy* không bị bắt, các tay kia bị phạt tội *bất lực* để cho con *gà con: cấy chảy* hoành hành!

- Chưng *sám cấy* mà bị *lục cúng* bắt được, thì người cầm cây *sám cấy* bị phạt, vì tội để cho *cô Ba* phải lọt tay dê xồm *Già Sáu!*

- Nhưng ông Tổ thín cẩu có tiếng là tánh tình rất dễ dãi, là vì cuộc chưng bắt, nếu có nhân chứng là những cây bài khác *xía vào*, thì khỏi chuyện phạt vạ, vì đã có nhân chứng đó thì cuộc

sinh dị tâm kia tuyệt nhiên không có phạt vạ ai cho được? (Tỷ dụ như *lục cúng* bắt được *sám cấy* rõ ràng, nhưng một người khác bắt *cây bài ựng*, thì ựng đây làm nhân chứng, nên miễn phạt. Hoặc giả như *lục cúng* bắt được *sám cấy*, nhưng có người bắt cây *Thất* hay cây *Bát* thì cũng không có sự phạt vạ vì *lục cúng* thua hai cây bài kia và hai cây kia đã là nhân chứng đó!

Trong giới bài bạc, môn nào cũng có sự gian hùng: bòng vụ, lúc lắc thì tráo hột (khi địch thủ đổ thì dùng hột thiệt, đến lượt mình thì dùng hột có thêm chì, muốn mặt nào, hột ra mặt nấy; có bài cào, bài phé thì cây bài làm dấu sẵn trước, vân vân. Đánh bài chim, khi trước, tại chợ Sóc Trăng, có một người Quảng Đông tên Hòa, sau này chúng bạn biết *tài* nên đặt tên là *Phí Chẩu Hòa* (Phi Tẩu Hòa), ngụ ý người Hòa trong sòng bài chim, có mãnh lực phi thường, *giỏi bay giỏi chạy* trước hơn ai hết. Một bữa kia, hứng chí Hòa trổ tài bí mật cho riêng tôi xem. Tay của Hòa *nhám* cho đến đỗi cây bài chim lớn và dày đến bực ấy, nhưng Hòa có phép *ổ, giấu* nó dễ dàng trong lòng bàn tay, không ai thấy được. Ví bằng ai biết, nắm tay Hòa lật lên xem, thì tức khắc Hòa chuyển gân *làm phép* thế nào mà cây bài ấy biết *chạy trốn* qua bên kia, y như có treo dây rút, thật là tài tình. Khi tôi bảo Hòa làm *ciné au ralenti* diễn tấn tuồng chậm chậm thử coi, thì rõ ràng cây bài trên tay Hòa, biết thu hình và xoe tròn theo ý muốn của Hòa và dính liền trên tay không khác có thoa keo vậy. Lại nữa, khi Hòa đánh ra một cây bài, thì Hòa làm thế nào mà cùng một lúc ấy, Hòa đã *thu hồi* về cho mình một cây lựa sẵn trên trường theo mắt Hòa đã chấm trước. Biết bay biết chạy giỏi như Hòa, ai ai cũng định trong trí rằng Hòa đánh đâu thắng đó. Thế mà trời bất dung gian, cái tật của Hòa vì giỏi đoán trước, biết bài của kẻ khác cầm trên tay, vừa thấy người đó *chờ* thì Hòa lật đật *phỏng trước* nên chỉ ăn thua nho

nhỏ, chỉ lượm *lòng tong cá chốt*, đến khi người khác, đánh thật tình, một khi *tới* được thì *tới lớn, đại toàn thắng* và ăn Hòa sạch túi, ăn tróc đít! Vậy mới là Thiên đạo chí công cho chớ! Nghĩ cho trời đất sắp đặt như vậy cũng vừa, và có như vậy cho nên tay mơ vẫn dám ngồi sòng cùng tay tổ và có *tổ đãi*, cũng dám làm sạch túi các choa nhà nghề, báo hại lắm khi các choa lội bộ đã đời, cũng như ai! Vui miệng nói thét lạc đề, nay xin trở lại *thú đá gà*.

Lúc tôi còn học trường tỉnh, không ai mê gà nòi bằng. Mê làm sao đến gần tột bực, thậm chí các tay chơi nghề đều biết mặt thằng nhỏ *ở đường Đại Ngãi* và thảy đều lắc đầu thương hại cho tôi! Họ không thấy tôi đá độ nào, nhưng mỗi tuần họ vẫn kiếm tôi để mượn phê bình những độ cũ, vì tôi nói có kinh có truyện làm chứng. Sở dĩ tôi lậm vì gà nòi, cũng vì tôi bị truyện Tàu hành xác. Tính coi, sống đời này mà óc trí tôi gởi hết vào buổi Mạt Tùy sang Khai Đường. Bởi tôi sống chung không được với các hảo hán Ngõa Cang Trại, nên tôi dành dụm từ đồng từ cắc, đủ bảy đồng, mười đồng thì tôi sắm nào con ô *Uất Trì* mặt sắt, nào con *Nhạn La Thành* thiện nghệ đòn *hồi mã thương*. Nhưng có lẽ đây cũng là tiền định, con gà tôi thích nhứt, đến khi đi học Sài Gòn mới chịu xa nhau là con *Xám tro Tơn Hùng Tín*! Con gà này dở khẹt, hay nói chí phải, từ nuôi đến chia tay, nó chưa đá độ nào, nhưng trong trí tôi lúc ấy lại đinh ninh nó là hồn Hùng Tín đầu thai, bởi tánh ưa che chở trong sân, thêm mặt mét mét không phải Hùng Tín thiệt thì ít nữa đó là Vương Hồng thị giả. Nhưng cũng may đời cho tôi, là còn biết: khi nào bài làm rồi hay học thuộc nằm lòng rồi, thì tôi mới ôm gà giỡn hớt. Dầu vậy thân phụ tôi không ưa ra mặt, ngặt vì thấy con học chẳng kém ai nên không nỡ rầy nhiều. Bẵng đi một dạo, tôi lên học Sài Gòn và làm *chúc ngôn* giao hết gà nòi cho Cậu tôi trong làng Tài Sum. Kế tôi thi ra trường,

đi làm việc *ăn cơm Lục Tỉnh*, và mấy năm đổi về Sa Đéc tôi *hư* lại như cũ! Chúa nhựt nào tôi đều có mặt tại trường gà Đình Tân Qui. Cái làng này cũng ngộ: tự cổ chí kim, huê lợi cung cấp cho ông Thần làng là do tiền xâu của cái trường gà đặt dưới mái nhà sau của vị thần sở tại. Mấy năm tôi ở Sa Đéc, nóc đình hư nhiều (hư thiệt hay hư giả đây?) hương chức làm đơn xin tiền tu bổ, không biết *cha* nào bày cho ông Tham biện dạy làng tạm lập đỡ trường gà cho đến khi nào có đủ tiền sửa chữa đình thần sẽ đẹp. Ông Tây tưởng vậy là khôn, không dè đã trúng kế những thằng dân đen ngu ngốc! Và từ ấy, chúng tôi đá gà *thả cửa* trước mui lão Cò già quạu quọ. Không ai dại mà làm sổ *ăn thua lớn* để bị quở, dẹp trường gà. Phúc bẩm mỗi tuần lên quan, là chúng tôi chơi nho nhỏ, *không hại gì cho phong hóa*, nóc đình vẫn dột, tiền xâu thì chưa đủ... Chơi đi! Sướng quá!

Nay tôi xin kể lại những độ gà và những nơi đá gà tôi đã thấy tận mắt:

Tôi thanh minh một lần nữa rằng tôi không hề khoe mình thông thạo nghề chơi gà hơn ai. Nhưng cái *vảy may* của tôi đã được dự kiến, tuy ít độ, nhưng độ nào cũng điển hình, *nẩy lửa*. Nhờ khéo giữ những sổ nhựt ký từ thuở nhỏ, nên nay xin thuật lại, không với ý tuyên dương một thói xấu lỗi thời, nhưng đối với khoa nhân chủng học, tôi nguyện ghi dấu một giai đoạn *mắt thấy* về mục *đấu kê đặc chủng truyện ký* từ năm 1924 đến năm 1938 gần đây.

1924: Năm ấy, vì *học ăn chơi* mà, với hai mươi tuổi đầu, da mặt tôi xanh lè xanh lét... Dượng tôi đã tắc lưỡi than: "Thằng S. mình đặt tên cho nó, lót chữ *Hồng*, chớ chi biết vầy, cho nó chữ *Tái* có khi trúng hơn chăng?"

Lễ Phục sinh, nghỉ được hai ngày rưỡi, chiều thứ bảy, anh

em Trường Máy (nay là trường Cao Thắng) và dinh Thượng Thơ rủ nhau thuê xe ông Phán Qu. xuống Rạch Gầm coi đá gà. Xe ông Phán cho mướn giá rất biết điều, cứ tính mỗi cây số ngàn là một cắc bạc, ai muốn chạy đâu thì chạy, miễn xăng nhớt mình chịu, ông theo chơi cũng thú, và mỗi lít xăng lúc đó chỉ độ hai cắc tư, hai cắc rưỡi là cùng. Tháng nào anh em cũng sạch túi, nhứt là tôi, hết đi săn nai rừng Biên Hòa, thì đi ăn nem với *mùi* trên Thủ Đức, không tắm suối Xuân Trường thì *đi Mỹ* [1] *ăn mì;* quên nói, lúc đó trong xứ yên tịnh, lấy đêm làm ngày, muốn đi đâu cũng chờ ban đêm cho thêm mát mẻ. Chiều ấy chúng tôi đã có mặt tại Sầm Giang (Rạch Gầm), nhưng đầu hôm, mấy anh biết đờn ngứa nghề, còn bày trở lại Mỹ Tho tìm ca nhi. Rạch Gầm là xứ người tài tử. Biết đàn kìm, ai cũng hiểu *dây Tố Lan* tự đây bày trước. *Khê, Trạch* sanh đẻ nơi này, và nơi này cũng là chỗ nhau rún và nơi phát tích quan Tả Quân Lê Văn Duyệt. Năm 1924, tiếng đồn ở đây có cô *Sáu Ngọc* ca độc chiếc không ai bì, nhưng chúng tôi không gặp mặt. Đêm sau, tối chúa nhật, chúng tôi hân hạnh được nghe giọng *cô Tư Bốn* hát chặp điệu pha phách, nghệ thuật già dặn xứng danh là hạng thầy giới hát bội, cùng với cô *Năm Chung*, đều từ trần, đến nay chưa có người nào đứng tới mắt cá hai cô. Riêng giới đấu kê, ở đây cũng hơn miền lục tỉnh. Ông chủ trường gà, danh gọi ông chủ Trước có bày lệ sẵn. Che gà ở xa mới đến, phải sai người báo danh và số chiến kê; sẽ tùy theo số gà mà đối đãi:

- *Ghe ít gà*, thì chủ ghe tùy tiện, lên nhà xin nước ngọt và chút ít vật cần dùng tha hồ;

- *Ghe mười trống* được chủ nhà sai cân thịt, cá đem tận ghe tự mình nấu nướng lấy;

---

(1) Mỹ: Mỹ Tho

- *Ghe trên hai mươi trồng*, thì đặc biệt có cá thịt dã đành, thêm chủ thuyền được rước lên nhà, ăn cơm chủ, mỗi ngày nấu bát trân, uống khai vị Martell-Perrier, nằm giường Hồng Kông, và nếu là bạn của Phù Dung, thì mặc tình đi mây về khói! Từ ngày khai trường đến hôm đóng cửa, mỗi bữa luân phiên ngả bò tơ và quay heo sữa, tiệc yến linh đình còn hơn đám hội. Ban đầu tôi tưởng do hảo tâm, sau mới biết ông Mạnh Thường Quân này thật là tay đáo để. Ông biết dư đêm hôm tịch mịch giữa một cô thôn, sao tránh được nỗi buồn của người tứ chiếng. Ông bày nhiều trò giải muộn: khi thì đờn ca (lúc ấy cải lương vừa ra đời), khi lại nói thơ *có ra bộ* (nguồn gốc hát cải lương), khi nói tuồng (hát bội chập). Những khi trong nhà có các ông bá hộ túc Nho, ông bày kể Tam Quốc. Đêm thứ bảy, bãi đờn ca sớm, các ông thượng khách nằm vây bàn đèn nghe một ông Cai quê ở Trà Vinh (dường như đây là cố tiên sinh Thái Hữu V. nhưng tôi không quả quyết lắm). Tôi nằm ghé ván nhì, nín thở nghe ông nhắc lại đoạn *Gia Cát Lượng thiệt chiến quần nho*, ông ngồi xếp bằng, tay vuốt râu bạc, chậm rãi ông nói có lớp lang thứ tự duyên dáng vô cùng. Mỗi nhân vật: Trương Chiêu, Lục Tích, ông thuộc nằm lòng từ câu nói; trước ông kể câu ấy bằng Hán văn, đọc lên có hằn chấn êm tai, sau ông ngọt ngào dịch nôm, kế nữa ông thay lời Khổng Minh trả lời xuôi rót, thật là ngọt lịm và linh động không tả được, khách bàng quan gồm nhiều tay văn vật, nằm im thin thít, ai ai cũng phục tài, còn khỏi nói, riêng tối, tôi chỉ ước ao được xách giày, miễn ông truyền nghề, thì ắt mai sau khỏi lo nhịn đói!... Nhưng đàn dầu hay, hát dầu giỏi, kể truyện dẫu tài cách mấy, diễn mãi, cũng nhàm chán. Mạnh Thường Quân của ta thâm ý ở chỗ đó, và đợi khách tỏ vẻ hết muốn nghe, ông bèn mời mọc xê qua ván kế nhà trong, đã sẵn một sòng me lớn hay một chiếu bài mặc tình sát phạt. Ô hay! Gặp đời thái bình, dư tiền dư của, ban ngày họ đá gà chém nhau bằng cựa còn chưa đủ, phải đợi đến tối qua trận giỡn tiền,

họ đem hết binh thơ chiến lược ra làm cho đổ máu đổ mủ nhau thêm họ mới vừa lòng! Và ai đấy? Xin thưa đó là các người có máu mặt thời 1924 vậy! Vả lại các tay ngồi sòng đều bực *hố kha*, dẫu sạt nghiệp, cũng không một tiếng than, tiền xâu tiền hồ, kình nhau ném vung xem ai vãi sướng! Mạnh Thường Quân của ta nghĩ có dại đâu, và mì cháo, thịt heo tươi phân phát nào có nghĩa gì? Hôm ấy, chính ông mặc áo nút ngọc thạch, râu trắng, kính gọng vàng, để móng tay dài, chẳng là ông nhà giàu số một xứ Gò Công, ông Hàm Khiêm, còn vị mặc tussor nói cười giòn giã là cậu Lâm Quang Vĩnh đi Tây mới về, ông đeo kính gọng nickel, bộ tịch "thầy thuốc Bắc" là bác Nguyễn T.Th. chủ bút Nam Trung nhựt báo, v.v... Và có khi để tranh thủ với thời gian, họ đem gà ra cáp giữa ban đêm, làm sổ sách sẵn, sáng ngày cứ theo thứ tự đem gà ra đá, cho nên mỗi ngày đếm trên sáu bảy độ là thường. Bữa chúa nhật 20-4-1924 đá sáu độ. Tôi "ké" cả thảy bốn độ, ăn một thua ba:

- Độ đầu thua sáu đồng bạc (6$00).
- Độ nhì, ăn 11 đ
- Độ ba thua 5 đ
- Độ tư thua 8 đ

Tính bổ đồng, rốt cuộc tôi thâm vốn 8 đồng, nhưng vui nhộn...

Một tháng sau, có tin trường gà Rạch Gầm dẹp, chủ trường bị kêu án tù, mặc dầu chạy chọt, tốn tiền trạng sư không kể, đáng kể là viên lục sự Tây có máu cờ bạc, ông Durban, vận động đến bên Pháp nhưng không được gì. (Ông D. này, nuôi ngựa đua, ham đá gà. Trại gà của ông lợp thiếc Cao Bằng đẹp nhứt, nhưng gà ông đều thua ráo, vì rõ lại(*) nóc thiếc quá nóng,

(*) lại : đúng ra phải là tại (Bt)

nên gà bở hơi, sau ông dẹp, thay nóc lá. Ông tuyển gà bằng cách mua lên những con ăn độ ông thấy trước mắt. Về sau, ông đổi lên Sài gòn, làm lớn, công danh như diều gặp gió, ngờ đâu ông thâm thủng bạc công, đến đem xử đại hình, và sạt nghiệp!).

1932. Năm này tôi làm việc tại tòa bố Sa Đéc, trong nha thơ thới, vì năm rồi tôi lãnh được một phần gia tài của một ân nhân, bà Phủ An, để lại. Tội dạn ăn chơi hơi và hết sợ dị nghị. Trong năm, tôi viếng hai trường gà, cái nào cũng có vẻ đặc sắc riêng, tôi dám nói là "có một không hai":

TRƯỜNG GÀ XÀ NO- Chúa nhựt, 21 tháng hai dl. 1932, tôi và anh em toà bố tháp tùng xe anh ký Khôn về Cần Thơ, luôn dịp lên Xà No đá gà nơi trường của ông Lê Thọ T... Về qui mô và trật tự, trường gà này còn đồ sộ hơn trường năm 1924 tại Rạch Gầm nữa. Chủ trường là một tay thạo đời, giao thiệp rất rộng, cò bót biết tiếng ông xưa làm thông ngôn Pháp đình, nên kể như "bồ". Bình sanh ông rất hào hiệp, xem tiền bạc như nước, ăn ở rất ngọt, nên càng được sự ủng hộ kín đáo của đám em út. Ghe thuyền đậu có nơi, mỗi tỉnh đem gà đến đều chiếm mỗi khu riêng biệt, và mỗi nơi đều có sân cỏ tươi xanh để thả quần nhiều gà một lượt, không sợ đụng chạm. Còn xung quanh trường thì la liệt quán xá bán mì cháo, rượu và đồ dằn bụng xem còn náo nhiệt hơn một buổi chợ phiên các tỉnh nhỏ; và từ sáng đến tối, chỉ nghe tiếng ồn ào bọn đá hàng xáo xen với tiếng máy hát (lúc ấy chưa có radio). Chánh quyền dường như nhắm mắt, gần cho phép chơi công khai.

Trọn ngày 21, tôi chứng kiến đủ năm độ:

- Độ gà xám khai trương, tôi thua 10 đồng;

- Độ gà chưn xanh, tôi lại thua 20đ. nữa;

- Độ gà anh Tám Kỷ, đem từ Sa Đéc qua, tôi ké theo thua

8 đ;

- Độ gà xám của anh Tám Kỷ, tôi thua 70đ.;

- Độ gà điều của Mười Biếu, tôi đã hết tiền nên không dự.

Trong năm độ, có hai độ chót là lạ lùng nhứt, tôi xin thuật kỹ để nghe chơi:

ĐỘ GÀ XÁM TÁM KỶ: Từ sớm đến giờ đó, tính ra tôi theo ba độ, thua đủ ba, nhót túi hết 10 + 20 + 8 = 38 đ, nên tính gỡ. Sở dĩ tôi theo anh em đi đá gà hôm nay, một lẽ vì ham *thoát gia đình*, nếm mùi Cần Thơ một chuyến, lẽ khác là nắm chắc trong tay, cuộc viễn du này không tốn tiền, vì ỷ y tài con xám của anh Tám, anh cho hay đã cầm cố vuông nhà lấy một ngàn bạc để nhứt quyết *xe láng* (đá trút túi) vào con này, nên tội gì mình không *xe láng* theo ảnh? Nhưng sờ túi, *anh Hai đã vắng* (hết tiền). Nhớ lại, đêm rồi, lớp mướn phòng, lớp cơm Tây, lớp em Hai, lớp *tặng* em để lên mặt *công tử phong lưu*, lớp thua ba *chến thín cẩu*, lớp vừa thua ba độ gà, đếm đi đếm lại chỉ còn hai chục *tỳ*, đành hỏi mượn anh Hai Khôn, ảnh đưa năm chục, gộp hết xin biên sổ *S. đá bảy chục đồng* - (70 $). Bụng muốn *chêm* thêm nữa để dư dả đem về *chưng sơ* với vợ nhà, nhưng rồi lại thôi, vì hỏi mượn bạn lạ còn gì sĩ diện. Gà xám Tám Kỷ làm cựa chưa xong, nên chưa đem vô trường. Trong khi ấy, con gà *Nhạn Long Xuyên* cựa làm rồi nên được thả vào trước, quần chưn quần cẳng. Mẹ ôi! Nhạn, mày đẹp quá! Ban nãy, mình không để ý, thêm chủ nó cố tình che đậy, nên mình không thấy rõ cặp *quản* gà này. Nay lau sạch lớp nghệ dày, con Nhạn đứng túc con, bày hai chưn vảy trắng phau thêm viền da đỏ tươi như son Tàu xem thật quí tướng. Chừng tôi liếc thấy cặp cựa lại càng hết hồn thêm nữa, vì rõ là cặp siêu đao nhà nghề của tay thiện chiến. Đang trầm trồ cái *phụng vĩ* con Nhạn Long Xuyên, thì con Xám Sa Đéc được bồng vô; vừa đến trường, thả xuống.

Xám ta thấy gà địch, ngóc đầu lên cao, liếc cặp mắt sao, miệng kêu *Cà tót! Cà tót!* Ô hay, rõ là *kỳ phùng địch thủ, tướng ngộ lương tài*. Không bên nào kém bên nào, mình cũng vững lòng thêm một mớ. Trong trường nín lặng, nhang nước được tuần dò lại một lần chót, rồi nhang lên, nước múc, chủ trường tằng hắng lấy giọng, kế hô to "Thả gà!" Trời ôi! Tôi lếu quá? Mảng giàn trò nói kéo dài cho đầy đủ chớ độ gà không đến một phút, sáu chục giây không hơn không kém! Hai gà so vảy, đứng thủ thế, hai chưn rùn xuống lấy bộ, hai đầu sát mặt đất, hai cặp mắt thôi miên nhau, như hai tướng dữ ngoài trận tiền. Xám Sa Đéc mãi tìm chỗ hở, chưa chi Nhạn Long Xuyên xạ trước. Xám hứng đòn, hai con chưn rớt xuống đất, lại xạ nữa. Xám Sa Đéc cả thảy là bốn đòn, chưa làm được gì... mà thân đã bị ghim hai cựa, mà cựa nào cũng là *cựa tử*. Nhạn Long Xuyên hay quá! Trong *xạ nhì*: Nhạn đâm Xám vào nách non một cựa thấu phổi. Xám vừa soi vảy địch, vừa bị máu trào lên họng nghẹt thở, nên *khẹt khẹt* hai tiếng nhỏ, mỗi lần rảy một chút máu tươi điểm sân đất vừa dạng đốm. Đòn xạ thứ ba, Xám đỡ nổi, qua đòn thứ tư, cựa Nhạn đâm trúng gần chỗ *Giao long* (tức khớp xương trên đầu), tuy chưa thấu óc và tuy Xám không chết liền tại chỗ, nhưng mũi thương này đủ làm tê liệt đầu cổ, Xám đau đớn quá chịu không thấu, vụt bỏ chạy khan. Hai bên vào ôm gà coi lại rồi một độ,- chưa tàn điếu thuốc, con Nhạn tươi rói như lúc chưa ra trận, còn tội nghiệp con Xám, máu miệng nhểu, đầu cổ thâm đen thấy thảm thương. Thôi rồi còn gì bảy chục bạc của tôi, mà nào có nghĩa gì đối với bạc ngàn anh em chung đậu từ Sa Đéc và mối hy vọng nuôi nấng tràn trề mấy tuần nay tại tỉnh nhà? Rồi phải vậy mà hết chuyện hay sao? Anh em xem giờ quá ngọ, tiền thì hết, gà thua tức tối, thêm trống bụng reo vang, bèn kéo ra quán bên hè bảo dọn cơm ăn sơ ba hột. Cơm chưa dọn, kế nghe tiếng ồn ào, chạy ra thăm tin tức thì trời đất ôi! Con Xám ban nãy bị thích hai cựa chí tử, nay tỉnh hồn đang cầm gan cho

mấy năm *ế độ* tan ra gió trường Xà No, bỗng có con gà nhà ai dám léo hánh gần bên bội chọc tức, Xám giận tốc bội nhảy ra nắm đầu gà nọ *tốc* một cái, gà kia giãy đành đạch chờ chết! Sướng chưa? Sao hồi nãy mày không làm một cái như vậy giùm tao với con Nhạn Long Xuyên? Sướng chưa? Rồi tiền đâu chủ mày đền mạng cho người ta bây giờ? Năn nỉ ỷ ôi cách mấy cũng không được. Một hai chủ gà chết oan đòi bắt con Xám thế mạng. Còn đàng này nhứt quyết anh Tám Kỷ đòi đem Xám về đổ trống... Mải giằng quay xay lúa, tôi đứng nhai bánh mì không, đủ no, may sao chủ trường biết điều, chen ra giải hòa, xử cho anh Tám ôm gà về, còn đàng kia, muốn bao nhiêu, ông sẵn lòng gánh chịu. Nói vậy thì con Xám lát nữa sẽ theo anh em chúng tôi về Sa Đéc, làm nghề mới: *đạp mái* cho chủ lấy giống! Mà biết gà có qua khỏi vết thương thấu phổi kia chăng? Nghĩ mà thương anh Tám, chủ gà như vầy mới thật chu đáo, biết xét công gà hơn ai: tiền cầm cố nhà cửa, vì Xám thua sạch mà không giận Xám! Về đây, vợ réo con la, mà không lo, để lo sắm hầu non vợ béo cho con Xám an hưởng ngày tàn sau cơn chiến bại! Người mê gà đâu có lạ đời như anh!

Xét độ gà Xám, thua là tại phe Sa Đéc quá cậy tài gà nhà, quên rằng gà ấy đem lên đem xuống trường Xà No đã mấy bận thì cái danh *Ế độ* của nó ai lại không biết, nay có người dám đưa gà ra nghinh chiến hay nhận thách, thì ít nữa gà của họ phải bực nào họ mới dám chớ? Ô hay! Lẽ thường khinh địch là là thua chắc vậy. Cái câu *Biết mình biết ta* của Tôn Võ Tử chớ nên khinh thường!

Cơm nước no nê, bụng nặng nặng mà túi nhẹ re, tôi đành trở vô trường gà chờ xe anh Hai Khôn đến đưa về nhà. Để giết thì giờ, không gì hơn là ngồi xem một độ gà xế trưa giải muộn. Tưởng xem chơi qua buổi, ngờ đâu lại mục kiến một độ gà hy hữu, bao nhiêu ấy đủ đền bù số bạc tung ra trong hai bữa rày.

Theo tôi, đây là một độ gà điển hình mà tôi từng quan sát kỹ từ đầu chí cuối: Làm sổ hai ngàn đồng.

Gà điều đá Gà Ô. Hai con đều hay, trổ tài xem sướng mắt. Gần dứt nước nhì, Ô bỏ chạy, miệng tuy chưa la, nhưng quýnh quýu, dợm nhảy bồ Ô phóng mình lên, ngặt nỗi lớp đầu người của nhóm hàng xáo đen nghẹt không chỗ trống, gà bay không đủ sức cao, đành rơi xuống... Lúc rơi, khiến sao một chưn Ô lại mắc kẹt vào vách bồ, ác nghiệt nhứt là chiếc cựa thêm đâm sâu vào kẽ nẹp tre dính cứng không sao rút ra. Con điều rượt con Ô đến đó thấy Ô vướng trên cao, không phương vói đánh, bèn đứng dưới chực sẵn. Ngờ đâu ông Tổ gà bữa ấy chơi trác bên gà thắng, con điều. Lúc Ô vùng vẫy thì với chiếc cựa còn lại không vướng bồ, Ô múa loạn đả lung tung, không ý gì khác hơn làm như vậy họa may chưn kia sút, dễ tìm đường thoát thân. Đâu dè điều đến giờ tận số: điều xáp lại gần bồ, ngóc đầu lên nhìn trân trân con Ô, mải ngó chăm chỉ quên phứt mũi cựa chuốt bén của Ô đang hý hoáy, điều nhè ngay đó mà đưa yết hầu mình vào. Ô loay hoay thế nào, một ngọn cựa vô tình thọc ngay bản họng con điều và rọc một cái thật mạnh, khiến con điều, thắng chưa kịp mừng, bỗng nằm giãy giụa dưới chơn gà thua, con Ô, cái mới tức tối cho chớ! Lạ lùng chưa? Hai bên chủ gà mặc sức la lối om sòm, nhưng mạnh ai nấy la, nào ai nghe được giống gì. Kế nước dứt... Hai bên lật đật bồng gà ra sửa, trường gà náo nhiệt đến tột bực. Bên Ô nhảy nhót cám ơn Bà Cậu lăng xăng. Bên điều ai ai cũng méo mặt không bằng ngón tay tréo: con điều mềm xèo trên tay, còn sửa nỗi gì cho được? Hết nước sửa, chủ trường lên nhang mới và múc lon nước Ba. Ôm gà vô thả. Con Ô linh tánh thấy con điều nằm, biết rằng đã chết, bỗng nhiên hết sợ, dẹp chuyện thua chạy, và cứ đầu con điều cắn, đá. Điều không cục cựa. Thế là phản độ: điều thua, Ô thắng. Bồng gà ra,

chồng tiền độ: bên Ô mừng như có người trong thân *chết đi sống lại*. Bên điều, chủ gà đứng giữa trường với xác con điều trên tay, nghẹn ngào nói không ra tiếng, lờ khóc, lờ cười, tức giận tràn hông: gà thua, tiền kể như bỏ túi không đè túi lủng, xui đâu xui đến bực này!

Tàn độ gà kỳ cục, cũng đến giờ thôi đá, anh em ùn ùn kéo qua sân banh xem trận túc cầu giữa Sa Đéc cà Cần Thơ. Nhưng hồn ở đó mà trívẫn đâu đâu, anh em nhao nhao bàn tán không ngớt. Kẻ nói: *chủ gà Ô có cô hồn độ mạng*. Người khác nói: *Nó có ông Thần Tài giữ của*. Kẻ khác bàn: "Hay là chủ gà Điều ác đức, nên ông Tổ có mắt không tha".

Bàn bàn luận luận không thôi, kết cuộc ai nấy đều lấy làm lạ cho một độ gà *chuyển bại thành thắng*, vì sự bất ngờ. Có kẻ đổ thừa chê trường gà này làm bồ làm vi bằng lá, nên mới xảy ra sự *kỳ cục* như trên: *thua lảng nhách*! Biết vậy, họ chêm thêm, *thà đá mức thép chữ Công mà không có cái nạn gà thua bị kẹt cựa, đâm gà thắng chết ngay cán cuốc!!!*

Coi đá banh rồi lên xe về Sa Đéc, tám giờ tối xe đưa về tới nhà; tôi ních một tô cơm nguội ngon lành, kế chun vô mùng, quên cả mì cháo.

TRƯỜNG GÀ HY HỮU TRONG DINH TOÀN QUYỀN PHÁP: Cũng năm 1932, vừa nghỉ được ít lâu, đến *chúa nhật lễ lá* (dimanche des rameaux) (20 Mars 1932) tôi bậc rậc dối quan trên, xin phép lên Sài Gòn có việc, mà kỳ thật là lén đi đá gà! Mà không đi sao được, vì biết đời nào được đá gà công khai nơi chỗ này, tôi muốn nói *dinh Toàn Quyền*, tức là *Phủ Tổng Thống* ngày nay! Để thỏa mãn tánh hiếu kỳ của khách chơi kén chọn, năm ấy, ông Huyện Của, hội trưởng các hội phước thiện danh gọi chung là AMAS, có sáng kiến xin *mượn* sân có dinh Toàn

Quyền mà bày chợ phiên, viện cớ làm như vậy đỡ tốn sở phí rào giậu, may ra dư nhiều thì các hội có thêm tiền làm việc phước. Trong chương trình có nghĩ đến mọi cuộc vui, dạ yến, khiêu vũ, tài xỉu, nhứt là gà đá tự do, và đánh võ đài. Các tay gà tứ xứ đọc báo, náo nức từ tháng nay và đã tề tựu gần đủ mặt không khác buổi Giang Đô khảo võ đời Đường. Tảng sáng chúa nhựt, tôi thả mấy vòng chợ Bến Thành đã mỏi tê cặp giò, đợi mười một giờ, mua giấy vào dinh Toàn Quyền, hưởng cái thú lập dị ăn cơm trong vòng rào vị chúa tể thời đó, *tiểu tiện* và đá gà trong chỗ kín cổng cao tường mà thuở nay mình đi ngang không dám ngó vào! Trời đá quá ngọ, mà sao người mộ điệu lẻ tẻ, mình cũng lấy làm lạ sao không thấy một tay chiếng nào. Nhưng thôi đã đến đây thì cứ biết ăn chơi, đừng tìm hiểu *tha cầu biệt sạ*! Độ nhứt, ghi sổ mình đá hai chục đồng. Kiếm ghế vừa ngồi chưa nóng đít, bỗng thấy một thằng biện Tây lù lù đi lại, trên tay cầm một gân bò dịu oặt. Rồi thằng thứ hai, da đen. Kế thằng thứ ba, bụng tròn như thùng nước lèo! Kế thằng thứ tư, rồi thứ năm. Mẹ ôi! Chúng nó muốn gì đây cà? Vụt chốc, một thằng, có lẽ là đoàn trưởng, la lên: *"Ce n' est pas autorisé! Arrêtez les!"* (Không cho phép chơi! Hãy bắt chúng nó.) Tôi không đợi nghe hết câu, vừa dứt tiếng *"autorisé"*, thì tôi đã nhảy thót một cái *rột* khỏi vòng, tôi đi luôn một hơi ra cửa, nói *chạy* có lẽ đúng hơn, thoát khỏi dinh Toàn Quyền rồi mới yên tâm, định trong bụng trời còn sớm mà về nhà mình ở đậu thì chi cho khỏi chúng bạn cười, bèn chun tót vào sân đá banh, ngồi xem một trận túc cầu vô vị. Tôi *nói chữ trong bụng* đủ nghe, vừa tức giận, vừa ngao ngán: *Đ.m., mất hai chục, không tức! Tức sao nói cho chơi mà còn đánh roi gân bò*. Trận cầu mới nửa chừng, bỗng thấy có người đứng dưới giàn, vừa ngoắt vừa ra dấu bảo xuống nói chuyện. Nhìn kỹ đó là anh Lương Cư Cường, cố giao, khi nay làm biện biên sổ gà, chức nghiệp trợ

bút từ Đuốc Nhà Nam của Dượng Ba Dương Văn Giáo! Cường trả hai chục bạc, cắt nghĩa "trường gà có sự trục trặc, vì sao giờ chót có hội bảo trợ súc vật (société de protection des animaux) can thiệp với chính quyền xin cấm đá gà, cho rằng dã man. Nay ông Huyện đã điều đình xong với nhà chức trách, êm rồi, mời mai lại chơi." Tôi mừng quá, thộp hai chục bạc bỏ túi, hẹn cầm hừng, rồi giấu nhẹm ngót ba chục năm, nín luôn cho đến nay mới khui ra.

1938. Qua năm này, ngày chúa nhựt 27 tháng hai dl., tôi còn đáo lại Sa Đéc dự kermesse, đá gà ăn một độ mười đồng, đủ tiền xe khứ hồi Sóc Trăng-Sa Đéc.

Tôi nêu ra đây những chuyện vặt vãnh, không sợ người trách mình ba hoa, vì thâm ý muốn cho thấy mấy chục năm về trước, đời sống dễ dãi, vạn vật rẻ rề và tiền bạc không nhiều, không rời rộng như đời bây giờ. Tóm lại, thuở ấy, Sa Đéc, Long Xuyên, Chợ Mới, Rạch Giá, Sóc Trăng, Kế Sách, đâu đâu cũng có lập trường gà, nhưng không chỗ nào bì được trường gà Rạch Gầm, lối 1923-1924 và trường gà Xà No nơi sau này vẫn tiếp tục đá lẹt xẹt cho đến năm đảo chánh 1945 mới dẹp.

Mấy độ gà tôi vừa kể cũng chưa hết sự lạ sự hay. Nhưng hơi đâu mà nói! Đại khái còn nào là:

1) Gà thắng, ế độ, về sau đem về phải trá hình xấu xí, nhìn không ra, để gạt lớp tay mơ;

2) Gà ăn độ, gởi chỗ khác nuôi cho lạc dấu;

3) Gà thua, gà niền, gởi nuôi, o bế lại, chừng tốt mã, sẽ ôm con gà thắng độ giả hình tèm lem đến cáp.

Người nào ham bắt bên gà tốt, sẽ thua ngay (tốt mã rã đám).

4) Cũng có khi nhờ nuôi kỹ, gà thua sung sức, đá ăn gà thắng nó khi xưa, cũng không chừng. (phản độ)

5) Gà thắng độ, nhuộm lông, từ điều thành ô, từ nhạn thành đốm, bông lau, không nhìn được;

6) Gà thua, gởi chủ trường nuôi, nếu lão chủ trường a ý với bợm chủ gà, thì chết choa mấy thằng hốp tốp!

KẾT LUẬN: Tôi viết quá dài dòng, quí vị xem ắt mệt, mà đâu cạn đề. *Thú chơi gà chọi*, không biết bàn đến bao lâu cho thấu đáo. Cũng khó tránh sự sơ sót, nhứt là có nhiều chỗ lặp đi lặp lại, thà chịu tiếng hàm hồ lẩn thẩn, còn hơn vấn tất đến không ai hiểu mình. Mà bí quyết nhà nghề của hạng chơi gà, khi người ấy là Việt Nam, thì dễ gì khám phá?

Sách chép đời Trần, nghề đá gà đã đi đến mức cao, bọn điếm đàng gian lận, không phải là không có. Trong bài hịch Hưng Đạo Vương răn tướng sĩ, đã có những câu điển hình:

"....

"....

"Hết cờ bạc, vui chơi gà chọi,

"Thôi rượu chè, lại mãi hát hay.

Xa thêm một đỗi:

"Cựa gà sắc khôn đâm giáp giặc,

"Mẹ bạc gian khó đạt mưu quân.

(bản dịch Phan Kế Bính)

Cứ theo tác giả Nguyễn Triệu Luật, trong tập ngoại sử thuộc về Chúa Trịnh Khải (Xuất bản Bốn Phương, 1954), thì: vì phụ vương là Trịnh Sâm không ưa và luôn luôn nghi kỵ, nên

Khải đã mượn sân chọi gà làm nơi hội hiệp với mưu sĩ, bộ hạ, mà bàn luận mưu đồ đại sự. Trong tác phẩm này, có ghi tên các con gà nòi của chúa Khải rất kêu:

- Con Ô Mã Nhi

- Độc Long (hay là gà này đui một mắt?)

- Độc Cước (gãy mất một cựa)

- Hoa Mơ

- Chiến Tam Anh (nhớ đến chàng Lữ Bố)

- Nhất Dạ Thắng

và nghe ngộ ngộ lạ tai, là con gà của Vĩnh Võ. (Tưởng Vĩnh Võ là gì, té ra đó là tiếng lái "Bõ" (chồng của người vú nuôi) biến thành "Võ".

Bĩnh là biệt hiệu "xấu háy" của Khải, vì Khải, lúc ấu thơ, hay *làm xấu trong quần*. Bĩnh biến thành *Vĩnh*.

Võ Vĩnh, nói lái, nọi lộn ngược, là *Vĩnh Võ*, ngộ chưa?

Cũng do quyển ấy, thầy dạy học của Khải là Hân quận công Nguyễn Phương Đĩnh, chức đến A Bảo, sống lối năm 1780 (niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41), cũng thích chọi gà.

Vào đời Hậu Lê, trong Nam loạn lạc. Thiếu thời, Tả quân Lê Văn Duyệt ở Rạch Gầm, có tiếng là cáp gà mười độ không thua độ nào.

Mấy năm còn Pháp, mặc dù cấm ngặt, nhưng chỉ cấm trong giấy tờ. Đồng quê, dân lén lút chơi, ở trên nhắm mắt.

Thầy thông, thầy ký, một ông Phủ quá cố thanh bạch, lúc làm việc tại Sóc Trăng, cụ Đỗ Kiết Triệu, ông quản xếp, thầy

đội, chú cai, thầy đều biết chơi gà nòi. Không thì chúa nhựt ngày lễ, cũng thả lại đó: mê gà thật cũng có, mê gà biết nói, mê gái cũng có, mê ống vố kéo không tốn tiền cũng có, chủ trường nào lại chẳng thầm xin các vị ấy đặt chơn đến viếng, không chi cũng có sự che chở cảm thông. Quên nói, trường Xà No tại tỉnh Cần Thơ, chầu xưa có hai lão thanh tra trường tỉnh, lão Tây Vaux và lão Perrnot, không phải phận sự thanh tra trường gà, nhưng vẫn chà lết nơi này để kiếm chác: lave, Mạc-tên! Có lần Perrenot nghe một người đá hàng xáo *"phóng một trăm đồng ăn năm!"* lão hỏi thăm đàng hoàng, rồi thịnh nộ: *"Bộ mặt nói mấy ông chơi gà ở đây "muốn ăn gian" mày hả? Tao không thèm cho mày chấp! Tao bắt một trăm đồng mầy phóng, nhưng ăn thua đủ với mày!"* Cả trường cười rộ, vì ông Tây có nét say ngộ nghĩnh, dốt đá gà mà làm mặt lanh. Dè đâu tiền của Tây nuốt không vô, nên anh hàng xáo rốt cuộc thua một trăm đồng, nghẹn ngào, vì gà phản độ, *ăn thua đủ với* Tây, mà đá không lại nó!

Gia Định ngày 24 tháng Bảy dl. 1961.

*

* *

Sau đây, xin phụ lục vài bài thơ xưa về gà nòi:

Bài thơ *Đá gà* của ông Cai tổng LÊ QUANG CHIỂU ở Cần Thơ, làm hai câu trước, còn sáu câu sau của ông ĐỖ NHƯ TÂM tiếp.

So đo rày đã khỏi ngoài lồng,

Gặp cuộc, ai mà chẳng ngóng trông!

Một trận dốc đền ơn tấm mẳn,

Hai ngươi đừng nệ nhắm xương lông.

Rủi may sẵn có người hương khói,

Khuya sớm cho cam kẻ ẵm bồng.

Lừng lẫy lấy danh trong mấy nước.

Làm sao năm đức giữ cho ròng.

(*Quốc Âm thi hiệp tuyển* của Lê Quang Chiểu, 1903, tr.80)

Bài thơ *Đá gà* của Cai tổng CHIỂU làm:

Cũng là đồng loại khéo kình gan.

Đá gọi làm chi chẳng ngỡ ngàng.

Ô cậy thế cao đâm lả vít,

Tía toan lòn thấp chém cho tan.

Vĩa vai nghĩ cũng vài thau nước,

Mé sỏ chăng vì ít tấc nhang.

Trong thép hãy còn khua lỗ miệng,

Ngoài vòng bạc xỉa giữa bàng quan.

(*Quốc âm thi hiệp tuyển*, tr.80)
Sách in nhà Claude et Cie.

Hai bài đều nhiều ký thác, xin đọc và tìm hiểu lấy.

Sau rốt, tôi mạn phép ông bạn quí, Nguyễn Văn Kính, trích trong tập riêng *thân bút* ra đây một bài thi của một nhà từng làm quốc sự, năm 1916, họa thi "Gà nòi" tại Cao Lãnh, mà

bị "đi hầu tòa" vì cả nhóm thi gia bị khép vào tội "kiêu ngoại" con gà tượng trưng quốc hiệu "Coq Gaulois"!

Bài thi ấy như vầy:

Đêm khuya canh vắng tối đen mò,

Cất tiếng kêu người gáy ó o!

Rơi máu trường trung lòng chẳng núng,

Bầm mình chiến hậu tiếng không ô!

Giống nòi dốc giữ danh tròn vẹn,

Cựa sắt chi nài phận quả cô.

Một độ ăn thua trời đất biết,

Ơn nhà miễn đáp cái công phu.

(Làm tại Cao Lãnh, năm 1916)

Tác giả bài thi này là một vị lão thành, ái quốc, từng Đông du theo Đức Cường Để, vào tù ra khám *tiêu đầu lạn ngạch* lúc thiếu thời cũng vì mấy chữ *độc lập quốc gia*, nay tôi không tiện chỉ danh, ai muốn biết xin hỏi ông Đốc Nguyễn tiên sanh trường Trung học Phan Thanh Giản, Cần Thơ thì rõ. Nực cười những kẻ thuở ấy nịnh Tây muốn lập công, mà nói không ra cớ! Bài thi, mỗi hàng mỗi gởi gắm, sao không đọc kỹ và không thấy rõ, thấy làm chi *con gà gô-loa*, nên Tòa xét phi lý, không đủ bằng cớ buộc tội nên *huề*!

THÚ CHƠI CÁ THIA THIA

Thia thia đá bóng trong keo,
Ham vui trước mặt, quên nghèo sau lưng.

Ao sâu cá lội khoe màu,
Đố ai biết mỗ: bã trầu, thia thia?
V.H.S.

Thua thì thua mẹ thua cha,
Cá sinh một lứa, ai mà thua ai!
(Đại Nam Quốc Âm Tự Vị,
Huỳnh Tịnh Của)

Cá Thia Thia [1]

Đại Nam Quốc Âm Tự Vị HUỲNH TỊNH CỦA giải thích:

THIA THIA là thứ cá đất bưng, nhỏ con mà có nhiều sắc, đến khi nó đá nhau thì giương vi sè đuôi, coi xinh lắm.

(Đ.N.Q.A.T.V. quyển II, in năm 1896, trương 391).

Bạn thân tôi, ông LÊ NGỌC TRỤ, có nói với tôi rằng:

Có thứ cá, chữ gọi "Thu thi". Và nhà học giả khiêm tốn họ LÊ phân vân chẳng biết danh từ *thia thia* có phải do hai chữ "Thu thi" đọc trại chăng?

Thú thật, thân thế tôi béo hơn anh NGỌC TRỤ, có lẽ cũng vì tôi ít đắn đo như thế! Chuyện đâu còn đó, nay xin góp chút hiểu biết riêng về vài giống cá *thia thia* miền Nam. Chuyện địa phương, chỗ nhau rún nói ra họa may không ai nói gì, chớ tôi rất sợ các ông làm tàng, giỏi nghề ngồi không moi móc.

Đá cá thia thia vừa là một thú vui của trẻ thơ, mà cũng vừa của người lớn, những ai có máu me cờ bạc:

- Bạn nhỏ đá cá chơi, không ăn tiền, cũng không có tiền mà ăn, cốt tranh nhau giữa nhóm *hỷ mũi chưa sạch*: con cá may dở vì hớt tại đồng *mấy thằng đánh giặc thua*, không như con cá tao hay lắm, vì gốc nó ở trên Hòa Hưng, còn phảng phất vong hồn *tụi đánh giặc chống Tây* đời trước!

- Bọn già thì bất chấp điển tích, họ nghĩ rẻ rề: lấy đó làm nghề sanh nhai, *"chạy gạo"*, kiếm tiền nhậu nhẹt, hút xách.

---

(1) Bài này đã đăng rồi kỳ nhứt trong báo Tự Do, Xuân Canh Tý (1960). Nay có thêm nhiều chỗ. V.H.S.

chơi bời... Đối với họ, mùa hạn. thì chơi gà. Mùa ướt, gà đổ lông, thì day qua đá cá: có thế thôi. Chừng nào cá cũ, thì bắt qua mùa gà. Trái đất cứ xoay, người dân Việt quê, chỉ biết gà gà, cá cá...

Hồi còn mài đũng quần trường tỉnh xứ Sóc Trăng yêu nhớ, một trang một lứa nay còn sống sót ở đất Sài Gòn, đếm số còn thua số răng trên hai hàm lão già bảy chục, (không kể răng do các bác sĩ nha y trồng, nhìn không ra), lúc thiếu thời ấy, chúng tôi không gì bằng ngày lễ nghỉ xả hơi hay ngày chúa nhựt, sau khi bài vở đâu êm vào đó:

Rồ lem (problème) làm rồi, *con bò té sông răng ke* (composition francaise) vừa làm rồi; chia *quẹt bờ* (verbe): rồi mà chưa, để sáng coi lại còn dư chán: *anh đi xúc tép về rang* (indicatif présent) chưa mà rồi , vì dễ ợt, mai sáng chép vô tập còn kịp; bài học thuộc lòng, cũng nhứ làu làu, ngặt nỗi đọc lên như kéc mẹ chớ nhiều câu không hiểu nghĩa, nhưng dám chắc trong lớp cũng bí lù như mình, tóm lại *đâu êm vào đó*, chừng ấy chúng tôi bèn rủ nhau, mỗi đứa cụ bị một rổ con hay một mủng trẹt, kèm thêm một chai nhỏ, thứ chai dầu thơm *Cô Ba* của mẹ hay chị đựng dầu dừa hay giấm chua, sẽ lén lấy, mượn đỡ hay ăn cắp cũng vậy, đem súc sạch và chứa sẵn nửa phần nước trong, đồ nghề đại khái rổ và chai cặp nách sẵn sàng thì hè nhau kéo ra đồng ruộng chia tay hớt cá.

Không phải bất cứ đồng nào cũng có cá hay.

Phải rành đôi chút mới chắc ăn kiểu *ba bó một giạ*.

Chung quanh thành phố Sóc Trăng, năm ấy (lối 1914-1915) tôi biết có:

1) *Đồng Lọ Nghẹ*, ở phía sau trại lính Ma tà. Gần đám ruộng này có nhà thợ rèn ở nhiều, than bụi tro lò đổ xuống

nước ruộng, lâu ngày nước đen ngòm: thia thia đồng này có màu đen đúa chắc da chắc thịt như con cháu tướng Uất Trì đời Đường, vảy da như trui, thoét trong lò nấu đồng thổi sắt, nên đinh ninh cá đồng này *mình đồng gan sắt*, răng cứng như thép khóa chắc trong hàm như trong họng kềm: *cá đồng này không chạy mặt cá đồng nào!* Thảm nỗi, đồng ở gần trại lính Ma tà, mà con cháu Ma tà dữ quá, hễ chúng nó gặp bọn tôi lén bớt cá đồng Lọ Nghẹ thì bọn nó đánh chúng tôi chạy bò lê bò càng, không biết đường về.

2) *Đồng Hàng Tràm*, gọi cá chùa Phật vì nơi đây có chùa thờ đức Di Đà. Nhờ lá tràm tích đọng lâu năm, nhuộm nước đỏ au, lá tràm vả chăng là vị thuốc đón gió ngừa phong, nên cá vùng này mình như tẩm thuốc, bắt được con nào bỏ vô chai, ít giờ sau quen nước quen cái, cá phùng mang sậm màu, vảy xanh ửng hồng, đuôi đỏ chớp sao, chăm bẳm như các tổ sư Bồ Đề, hay nói cách khác, như thầy bùa, thầy ngải giỏi nghề *gồng chém không đứt* hay có học *xầng tả*, xìn tả (thần đả). Năm xưa, nơi đây tôi hớt được một con *cá nái*, lớn bằng ngón tay út, lưu lại nhiều năm quá nên quá cỡ, không cáp độ gặp cá nào bằng nó, tôi để đá bóng chơi và đặt chiến danh là *Ngũ Lang hòa thượng!* để nhớ thành tích ông tướng *thầy chùa* trong tuồng *Mộc Quế Anh dâng cây*. Con cá nái này, khi tôi hớt được, bỏ vào chai không lọt, phải gởi qua chai khác, đủ biết nó lớn con đến bực nào!

3) Một đồng khác là *đồng Lình kía* (Long tử Cang), ở phía chùa Phật, sau nhà máy Quách Xên. Tuy mang danh đẹp là *cá xóm Rồng con*, nhưng thia thia đồng này không anh hùng chút nào, vì ở xóm chệc rẫy, bủng dứ vì quen tiêu thụ những đồ thừa của bọn này gởi trong đám ruộng bên nhà.

4) Một đồng khác nữa, rất xa xăm đối với cặp giò trẻ thơ của chúng tôi buổi đó, là *đồng Bắc Tà Ky* (tên thổ). Đây là ruộng phụ ấm của ông cậu họ Trần, nguyên con quan Đàng Cựu, xưa kia ngồi trấn xứ Ba Thắc (srock Passac, tức Sóc Trăng). Cá vùng này nổi danh một thuở, bền gan không đâu có, nhưng ít ai kiếm được lắm. Chủ ruộng là nhà đá cá lớn, dạy tá điền canh chừng nghiêm mật, không ai hớt lén được. Đặc sắc trong vùng có thứ *cá kỳ son*, tức kỳ trên lưng có chấm một điểm son; đây là giống cá xiêm lai biệt dạng của chủ ruộng đúc nấn lâu đời: cắn quạu, bền gan bực nhứt. Ông Trần, ông cậu của tôi, xưa có một con, ăn trọn mùa, không chạy độ nào, danh còn nhắc: *cá Triệu Tử*.

5) Tệ nhứt là cá *đồng Thầy Tám*, trên đường đi Cần Thơ. Thầy Tám nguyên là pháp sư, chuyên chữa bịnh bằng phù chú. Thầy ma chết chôn sau am, cá sanh vùng này lẹt đẹt không khác những con bịnh đau ma do thầy Tám chữa chạy: chưa đá, chưa cắn ai một miếng nào, đã xếp đuôi xếp giáp, chạy cuốn cờ! Nguyên sở ruộng Thầy Tám là cuộc đất gò, nước cạn. Thảo nào cá thiếu nước không nơi dụng võ, ngắn hơi và nhát gan là lẽ cố nhiên. Tôi nói nước ít nên cá nhát gan, vì kinh nghiệm dạy rằng con cá ở nước sâu quen nín hơi, lâu lâu mới lên đớp bóng một lần, nhờ đó mà chịu đựng hay, bền hơn cá ở nước cạn.

6) *Đồng lác, đồng cỏ năn*, ở phía sau nhà thương tỉnh, dọc theo đường đi xuống Bang Long (tục gọi quận Giếng Nước). Cá vùng này dở hơi, vì sanh trưởng trong lác, trong năn, trong cỏ, nên không có chi đặc sắc (thuở ấy chưa có anh hùng Rừng Sác, nước mặn). Tuy vậy đừng quen chê sớm mà lầm to có ngày, vì may thời *tố đãi*, hớt được cá kinh niên, thứ cá trốn ẩn lâu năm gần nhà xác, hình như còn oan hồn uổng tử vấn vương, hoặc nữa hớt được những cá lẻ loi sống chung lộn nhiều năm trong bộng trong hang rắn dữ, ngày ngày từng hớp nước có nọc con ác

xà phun ra, cá quen hơi rắn nên không hầy hấn, chực khi đụng độ với cá lạ đồng, thì khác nào con xà niên ngậm ngải đối chọi với phàm phu, có thể nói *bách chiến bách thắng*. Tôi đã nói phải là có *tổ đãi* mới bắt được thứ cá dữ này. Khoan vội tin lời tôi, ham thọc tay vào hang rắn, có ngày bỏ mạng!

Về việc này, tôi đã từng ngộ trận, một phen tởn tới già, nay nhắc lại nghe chơi mà còn rởn tóc gáy: Bữa ấy, trời mưa rỉ rả, tại đồng Hàng Tràm, mặt trời vừa xế bóng, tôi đặt rổ xuống nước, vừa lấy chơn dậm dậm xung quanh rổ rồi rút rổ lên, nghe như được một vật gì nặng nặng. Rổ lên vừa khỏi mặt nước. Mẹ cha ôi! Một con rắn hổ lên nước đen mun, nằm khoanh tròn chật rổ. Khỏi nói, tôi vừa thấy rắn, ba hồn bảy vía lên mây, lẹ như chớp, tôi quăng rổ té bật ngửa ra sau, không kể áo quần ướt vấy, mặt cắt không còn chút máu. Ủy hà! Chút xíu nữa, không còn sống mà viết bài này! Quên nói, rắn đánh cái *tõm*, buông mình xuống nước, phăng phăng lủi bụi trốn theo đường, rắn cút mất tự thuở nào!

Các anh em bạn theo tôi bữa đó đều chạy té đùn cục trong ruộng sình, báo hại *thia thia quyền bí* đâu chẳng thấy, duy nhất một phen vỡ mật hú hồn.

Một lần khác cũng tại đồng Hàng Tràm này, tôi lại bị trâu dữ rượt, chạy bò càng, ve thúng quăng mất, may sao còn giữ được hồn. Con trâu này tôi nhớ rõ, sừng của nó, không biết vì sao không dựng quớt lên mà vẫn nằm lòng thòng hai bên đầu, có lẽ nếu nó húc cũng không hại gì lắm, nhưng nói giỏi, sao hồi đó không ở lại mà thử sức với nó! Tởn đi một dạo rồi chứng nào tật nấy, tôi cũng mon men ra đồng xúc cá, vì thuở ấy, thú thật, chúng tôi tiền bạc một đồng một chữ cũng chẳng có dính lưng, cho nên chỉ biết những thú vui không tốn tiền; mà theo tôi còn vui nào bằng ngày chúa nhựt đi hớt cá thia thia để được nhăm

nhi củ kiệu chua nhai nghe giòn rụm, bây giờ nhắc lại còn chảy nước miếng!

Độ xưa, một nhà chơi cá ở chợ Sóc Trăng, có một con cá kỳ quặc, ông ta lượm nó ngoài đồng, ở sẵn trong một bình vôi sành mẻ miệng, bỏ gần bên gò mả loạn. Ông rình luôn như vậy đem về nuôi, để y con cá ấy trong bình vôi của nó quen ở, trừ khi nào xách ra trường cáp độ, khi ấy ông mới vớt nó ra đọi ra thố đường hoàng. Con cá này có thể nói là lạ lắm, vì thắng không biết bao nhiêu độ, về sau không ai dám đem cá đối thủ với bất cứ cá nào của chủ nó, báo hại ông ta vì một con cá linh, thắng độ hoài, mà chủ không tiền hút! Tôi sau này, vì đi học trường lớn, cũng mất tích con cá ở bình vôi gò mả hoang này.

XÚC, BẮT, HỚT CÁ THIA THIA

Muốn có được cá để chơi, phải có chút ít kinh nghiệm. Kinh nghiệm này không có trường nào chuyên môn dạy. Thuở đó, dẫu là con ông Thông đứng bàn ông Chánh, hay con Thầy ký Kho bạc, muốn có cá chơi, phải lén cha lén mẹ, phải lo lót xin thọ giáo với các tay rành nghề, mà không ai khác hơn là bọn bộ hạ dưới tay cha mẹ chúng, bọn trẻ chăn trâu giữ bò, cắt cỏ ngựa, mục đồng, bọn ở đợ. Dạy không lấy tiền công tiền Tổ, cao thượng vậy thay. Duy phải chiều lòn, dẹp bỏ bộ tịch *cậu*, dày công tâng hót thì họ mới truyền nghề. Một trang một lứa với tôi năm đó có con ông Huyện Kim, con Thầy Thông Tây, toàn là tay *công tử*, con các người có máu mặt đương thời. Trối kệ, phải xuống nước nhỏ, dẹp chức *Ấm* vào ngăn kéo, tôn họ làm "Sư", làm *Mồ Tổ*, họ mới đoái hoài. Quên nữa, và phải trốn học, theo họ ra ngoài đồng ruộng, đổi với họ một khúc bánh mì thì họ cho leo lưng bò cỡi thử một chập, hoặc dâng cho họ *đồng xu mẹ cho để dành ăn bánh,* thì họ cho phép lội xuống ruộng sình,

bước lõm bõm theo họ mà hớt cá thia thia hay là bắt ốc! Trốn trường cũng vì muốn biết cỡi bò, bỏ lớp, hoang phế việc học hành, cũng vì ba con cá xanh xanh đỏ đỏ! Thầy dạy chúng tôi hớt cá là anh Tỷ Bò. Anh chăn bò, *giữ bò* từ lên sáu. Cứ mỗi sáng, cho ăn ba miếng cơm nguội no nê, chú đầy tớ già bồng Tỷ đặt trên lưng bò, đèo thêm chai nước mưa, và mo cơm vắt... Ra đồng, trọn ngày hết ngồi đến nằm, Tỷ ở trên lưng thú, nắng mưa phú có cao xanh thương xót, một cái nón rách, một chiếc áo tơi, con nhà nghèo có ông Trời nuôi, Tỷ mạnh lành, da đỏ sậm, có cần gì hứng gió Long Hải, tắm nắng Vũng Tàu? Chiều lùa bò về, chú tớ già ẵm Tỷ xuống cho Tỷ xả hơi, cơm nước, ngủ nghê, ngày ngày y một kiểu như thế cho đến tuổi Tỷ lên xuông bò mình ên được. Mà cái tuổi ấy không xa, mới ngộ chưa, vì cỡi bò được ít lâu, Tỷ đã dạy được con bò cầm bầy tên là *Cành Tết*, biết nằm xuống, mỗi khi Tỷ cần dùng không muốn ở mãi trên lưng nó: bò nằm rồi, Tỷ bắn lùi như tôm, đít đi trước, chân đụng đất bình yên vô sự, nào cần ai bồng ẵm? Khi lên, Tỷ dạy *Cành Tết* nằm nữa, Tỷ trèo, có khó hơn khi xuống một tý, trèo như kiểu *thằn lằn ôm cột đình*, nhưng rồi cũng trèo lên lưng bò được, chớ không sao! Tỷ giấu nhẹm chú tớ già việc này, để hưởng tận cảnh: *cực thì có cực, nhưng khổ thì không khổ*. Ai ở đợ ra sao không biết, chớ Tỷ không bao giờ bị chủ rầy la, một bầu trời nước bao la, mặc sức nghêu ngao hò hát! Sạm da vì nắng, săn thịt vì mưa, không hề sổ mũi gió máy bậy bạ, không bao giờ biết nhức đầu là gì, lên mười tuổi, Tỷ vỗ ngực xưng *Chúa tể Đồng Trường Đua, ngô chánh thị Tỷ Bò thị giả!!!*

Không chuyện gì xảy ra ngoài đồng ruộng mà Tỷ Bò không thạo: gò nào có rùa vàng, rùa nấp ở; hễ thấy dấu cỏ dấu đất ra làm sao là Tỷ biết có con vật ẩn núp dưới bụi đế hay gốc lức, v.v... Vì vậy mà Tỷ Bò mỗi ngày mỗi lục lạo, lục còn hơn học trò lớp nhứt khuấy rầy quyển tự vị lúc dịch *version* Tây! Con rắn

làm hang như thế nào, và con rắn ấy là loại rắn gì, Tỷ Bò biết đủ. Tỷ Bò quả quyết thuốc *không xa*, và thường thường có giống cỏ nào mọc gần miệng hang, thì cỏ ấy là món thuốc thần trừ nọc con độc xà kia vậy. Tỷ Bò cam đoan đêm nào trăng sáng là rắn ra trững mỡ, *giỡn trăng*, chầy ngày lăn lộn trững đùa trên đám cỏ, sao sao cũng chảy dãi, nhểu nước miếng thấm cọng cây cỏ lá, tẩm già chất độc, chất này nhờ gội sương chan nắng nhiều ngày mà dịu lần, biến nên môn *thuốc ngừa* (kiểu này y như kiểu thuốc ngừa do viện Pasteur bào chế!). Tỷ Bò dốt mà sao nghiệm được việc này, lạ thật ! Mai sau người nào nếu bị rắn cắn, cứ nhớ tìm hang nó và bứt một mớ cỏ mọc nơi miệng hang, lớp đem về nấu nước uống, lớp nhai cấp kỳ nuốt nước và lấy xác đắp lên chỗ bị cắn, là có cơ thoát khỏi nạn nghèo! (Tỷ Bò chúc ngôn).

Nghe làm vậy thì hay làm vậy, chớ tôi chưa dám truyền bá, đem phương này bày vẽ cho ai thí nghiệm bao giờ. Nay viết ra đây cũng không bảo kê hiệu quả. Tóm lại, chồn đèn, chuột đồng, kỳ đà, rắn mối, rùa vàng, cá bộng, các con sinh vật ở ruộng, nhứt cử nhứt động là Tỷ Bò hay biết từ đường đi nước bước. Sau này, mặc dầu tôi đỗ bằng trung học, *lên mặt* trở về làng, nhưng đối với môn vạn vật học và môn địa dư tỉnh nhà, tôi vẫn như thuở còn bé thơ, thua anh Tỷ Bò xa lắc! Miền Nam, từ cửa *Vàm Tấn* (Đại Ngãi) cho đến sông Ông Đốc (Cà Mau), không một khúc quanh nào mà Tỷ Bò không biết tên, không một xẻo co nào mà Tỷ Bò chưa từng đặt chơn đến đó. Giờ nào nước lớn, nước ròng, nước đứng, Tỷ Bò thuộc nằm lòng. (Nhờ vậy mà muốn đi đây đi đó, Tỷ Bò không cần chèo chống. Một lá buồm rách, một cơn gió thuận, một chuyến nước xuôi, Tỷ Bò thả ghe vô ruộng. Công việc xong xả, Tỷ Bò chờ con nước, thả ghe về nhà, không tốn công chèo, còn hay hơn đời nay, sắm

máy thế chèo mà có khi máy trục trặc, đã tốn tiền thêm mất công linh chờ đợi). (Không nói đến cái nạn mọi việc đều máy móc thay thế, sau này tầm vóc, bắp thịt đàn bà Việt sẽ kém thua bây giờ vì còn thể thao chèo bơi gì nữa đâu?) Nói quá xa đề, nhắc lại đối với Tỷ Bò, tuy vô học, nhưng con thú nào kêu la làm sao..., chỗ nào đào xuống là bắt được rắn hổ, chỗ nào đốt cỏ già hơi là có rùa mập bò ra, v.v..., tắt lại, địa lý, địa dư vùng đồng Ba Thắc (Sóc Trăng), Tỷ Bò xem rẻ như thò tay vào túi lấy đồ.

Hôm nào chúng tôi được theo sau lưng Tỷ Bò ra đồng, thì hả hê bữa ấy: không cháo rùa cũng rắn xào, lươn um, hoặc cá lóc mập ú bó đất sét nướng trui vào lửa rơm, ăn nội cái *filet* chấm muối hột, *nóng hổi, vừa thổi vừa ăn*, đến nay còn thèm. Chúng tôi hùn tiền sắm gần đủ nồi ơ, chảo, đũa, gởi kỹ miễu *Ông Tà*, đũa rất ít dùng; vì chúng tôi kinh nghiệm ăn *bốc tay* sướng và ngon nhất! Chúng tôi không mê Tỷ Bò không được! Tỷ Bò rất khác tôi. Tôi thì, học toi cơm, học thuộc tên tổng tên làng làu như cháo lỏng, đọc như kéc mẹ, tên thảo mộc, tên chất khoáng hay ngũ kim, tôi kể giòn hơn đặt rau rang bắp, thế mà nếu ai hỏi vặn: làng ấy *ở* đâu, chất ấy biến thể ra gì, tôi sẽ ú ớ như đứa câm ăn ớt: học mà không hành, tôi kém Tỷ Bò hằng mấy dặm! Biết mà thiếu kinh nghiệm, ra trường đời, tôi chỉ là thằng hủ nho Tây đại chi vô dụng!!!

Anh Tỷ Bò dạy tôi phương pháp hớt cá thia thia.

Anh dặn: "Khi để chơn xuống ruộng sâu, thì phải nhớ không còn là con cưng của cha mẹ tại nhà nữa. Muốn nhõng nhẽo thì ở nhà. Đến đây, phải biết hòa mình cùng Trời Đất: tập bước cho khéo chân, cá không giựt mình, mới có mà bắt. Lựa gốc rạ, gốc lức mục, giẫm cẳng lên đó thì khỏi sợ sa lầy, khỏi uống nước bùn. Dẫu đỉa trâu lớn bằng ngón chơn cái nó đeo bắp vế

non, và dẫu đỉa trâu hẹ đỉa mén mỏng như lá lúa bò lúc nhúc, lòng thòng trên bắp chuối, thì trối kệ nó! Dẫu vắt rừng cắn, máu ra ướt đỏ chân, háng, thì cắn răng để vậy! Tập chịu, thét rồi quen! Đó là thường sự! Muốn làm dân ruộng thì phải tập cho quen lần: tập cắn răng nín khóc, đau thế mấy cũng không được la! Rên la không ích gì, và chỉ làm bối rối người lớn, thêm làm cho cá tôm hoảng chui trốn mất, mà lỡ cơ hội tốt. Tập lâu ngày thì hết sợ; rồi thét đi sẽ dạn lần, sẽ thấy vui thú. Cần nhứt là miễn sao đừng để đỉa con, vắt mén chui vào hậu môn, vào lỗ chỗ nhược, thì thầy chợ cũng khoanh tay mà Tỷ Bò cũng vô phương tiếp cứu! Học bao nhiêu đó trước đã, rồi Tỷ sẽ dạy thêm". Tôi nhớ lại hồi nhỏ, nhõng nhẽo với mẹ có tiếng, mẹ vừa lấy cán chổi lông gà phủi sơ sơ ngoài quần, chưa chi đã la còn hơn bị ong bầu đốt đít! Bây giờ phải mê ba con cá thia thia xanh xanh đỏ đỏ, anh Tỷ Bò "phán" ra câu nào là dạ răng rắc, xem còn hơn câu kinh nhật tụng, tuân theo răm rắp, không dám cãi nửa lời! (Nay mẹ đã mất, cha cũng đã mất, con nhớ lại ăn năn không nghe cha mẹ bằng nghe Tỷ Bò).

Tỷ Bò dạy tôi phải cho có gan, thì tôi làm gan! Tỷ Bò dạy tôi bặm môi thì tôi cắn môi đến dập máu! Anh dạy tôi túm, vo ống quần cho sát bẹn sát háng, tôi làm coi cũng gọn bâng; bây giờ tôi viết bài này, nhớ lại việc cách trên năm mươi năm, tôi mới hiểu và thương mẹ tôi, mỗi lần lấy áo quần ra giặt, đăm đăm muốn biết sao *đứa con ăn cá, mẹ lừa xương* y phục lại bèo nhèo đến thế! (Mẹ! Mẹ ôi! Giá thử con cũng nghe huấn từ của cha mẹ bằng như con đã nghe lời anh Tỷ Bò!)

Tâm trí của tôi lúc đi hớt cá, không lo đỉa chun hậu môn, thú thật tuổi ấy tôi cũng chưa biết đó là một tai nạn lớn và sẽ làm khổ cho cha mẹ đến bực nào, tâm trí tôi mảng lo và chăm chú ngó theo bờ mẫu, ngó dài mặt nước bọc theo lức, đế, ô rô, rau dừa. Chỗ nào có bọt nổi trắng trắng hay vàng vàng (trắng

khi nào ruộng toàn nước mưa, vàng khi nào nước có lộn chất phèn chất sắt do dưới đất hòa lên, hay có lá mục...): bọt ấy là bọt cá thia thia, rõ đích thị hắn đây rồi! Con mắt thông thạo của Tỷ Bò, dòm thoáng qua là biết ngay, không do dự một giây một khắc! Đối với tôi thì cóc cần, bọt gì cũng mặc! Khi ấy hãy đưa rổ vào cho lẹ, vừa đẩy rổ tới trước vừa thọc sâu xuống và cũng vừa hứng lần lên, ba việc: đưa đẩy, thọc sâu, hứng lên, phải làm nhanh lẹ vén khéo, cùng khi ấy hai chơn lại phải giậm giậm thật đều, thật kỹ giáp vòng chỗ mình đang đứng, cốt làm sao cho con cá, dẫu muốn thoát thân ra bụi rậm thì cũng vì *địa võng* của mình bố trí quá khít khao, và nhờ sự *tấn công ba mặt* của mình quá chặt chẽ, đành vô phương thoái bộ và đành rút lui về bọt, mặc tình bắt tha! Mỗi lần nâng rổ lên, nếu khéo tay và thông thạo thì gặp bọt chín mười lần, làm sao cũng phải hớt được vài ba con cá.

Cá giãy lách chách trong lòng rổ mà lòng mình cũng rung lên thình thịch, còn sung sướng hơn đánh bài tứ sắc *tới quan!* Nhưng cũng khoan vội mừng sớm và hãy đợi cho cá lọt vào chai đem theo, xem đi xem lại kỹ càng rồi sẽ mừng không vội. Nếu hắn là con cá trống thì mặc sức mừng vui! Bất ngờ hớt trúng con cá thia thia mái, thì nên phóng sanh phức cho rảnh nợ đời, hoặc giả bắt được thứ cá sọc dưa, cá bã trầu thì mừng hụt một phen và cũng nên mở nút chai trút ngược cá xuống ruộng mà làm doan làm phước cho nó nhờ! Để thì giờ xúc con cá khác còn hay hơn!

Cá bã trầu, mình dẹp, vảy xanh lè, coi tốt mã ghê, thoáng qua tưởng mình thộp được con cá Xiêm, mừng quýnh, không dè đó là thứ cá bã trầu, đồ vô dụng, được nhiều kho mẻ tô thì đã tanh thêm xương nhiều thịt ít, ăn không ngon, bằng để nuôi chơi trong chai trong keo, thì chỉ phá đám, tốn công nuôi, cá bã trầu trứng giỡn cũng không biết đừng nói chi đá độ: bã trầu chỉ

giỏi tài nuốt cung quăng (1) ăn bao nhiêu cũng chẳng biết no! Những mánh lới hay như: giỏi phùng xòe, biết múa kỳ tên, khoe kỳ dưới, quạt đuôi, giương vảy, phùng mang đảo nước để khoe tài cùng địch thủ, những biệt tài của thia thia làm vậy, thì bã trầu dốt đặc, không biết lấy một món nhỏ nào, nuôi nó ích gì?

Đi hớt thia thia, nếu hớt được cá thì mừng, dầu cá ấy bé tý teo cũng khoái, bằng không hớt được mà một phen tắm nắng, đùa giỡn ngoài đồng cũng rất là sung sướng hả hê! Tệ lắm cũng học thêm một thú vui sắn dã. Có buổi xách rổ xách chai ra đi, nửa chừng gặp mưa dai, áo quần ướt loi nhoi mà bọt cá cũng bị mưa gió đánh rã tan, vô phương nhìn biết. Những buổi ấy đành gác chuyện hớt cá và đổi qua thú vui khác. Những buổi ấy kéo nhau vô rẫy mua bắp mía nhai gặm cho phỉ tình bụng đói mà ít xu, giàu hơn nữa thì hè nhau kiếm lều quán chui vào, góp mỗi đứa chút ít, đậu tiền lại mua khô mực, tôm khô, củ kiệu chua, răng trẻ tơ mới lớn nên nhai ngon lành giòn rụm, đã không biết ê răng là gì, thêm nhai mãi say máu ngà, không biết chừng nào mới đã thèm. Tong nhóm nếu có vài ba chú bác cầm đầu, mấy chú ngồi đụt mưa đánh chén khề khà, rượu công xi ực nghe trốc trốc, mình khỏi tốn tiền mà cũng được hầu tàn; râu khô mực ăn nhín nhín, cấn củ kiệu chua chua; sau này tiệc yến cơm Tây cơm Tàu, lợm giọng, nhớ tiếc tuổi ấu thơ nuốt sắt cũng ngon!

Cá hớt được rồi, đem về nhà đổ ra thau, chậu, tuyển lựa theo cỡ, cỡ trung trung gọi là *cá lứa*, dễ cáp chạn, cá này sẽ nuôi thúc và cho ăn kỹ lưỡng, ban đêm tập *quần đèn* cho thêm

---

(1) *Quăng*: Larves de moustique. Nay quen gọi con quăng, con lăng quăng, không ai nói con *cung quăng*. Tên này chỉ thấy trong tự vị Huỳnh Tịnh của và Génibrel. Xưa ắt thấy con gì hình như cây cung mà biết quăng mình tới trước, nên đặt tên làm vậy chăng? Xin hỏi các bực cao kiến. V.H.S.

dạn, ban ngày đặt chỗ nhiều ánh sáng cho cá quen mắt, độ chừng một tuần, mươi bữa từ khi hớt, là có thể đem ra trường cáp độ thử tài. Cá để lâu ngày bờ hơi, đá nửa chừng chưa phân ăn thua, vụt bỏ chạy, cá ấy gọi *cá nũng.*

Cá nào nhỏ con quá hoặc tàn tật rách rưới, thì loại ra, tha hồ tặng các cậu bé láng giềng *mỏ ác chưa cứng*, hay con cháu trong nhà muốn đem làm gì thì mặc! Con nào hùng dũng khỏe xinh, quen gọi cá này *phụng vĩ* khá, con kia *ít tốt mã* hơn, y như nói về gà nòi, những cá nhiều hy vọng ấy, sẽ lựa nuôi riêng từng chai một, nếu còn thừa dư dả quá, hết chai đựng, thì sẽ bán hoặc nhường cho bạn tác lấy tiền mua sắm dụng cụ đồ nghề thêm. Nói đến đồ nghề thì nên kể keo, chai cất miệng để nuôi cá và vợt để xúc cá sang sớt ve này qua thố hay ve khác.

Vợt thường thì cán làm bằng tre, trúc. Có người vẽ duyên lấy đũa mun chuốt và bịt bạc khéo léo. Cầu kỳ nhứt là anh chàng sắm vợt cán ngà, lâu năm lên nước đỏ au, giắt trên mái tóc hoa râm kề bên lược đồi mồi có diễm đồng thòa óng ánh. Cán thì làm vậy, nhưng vợt nào cũng may bằng vải, xuyến, lụa thưa để dễ xúc lăng quăng, có khi sắm chiếc vợt dày bằng vải, lụa kín, để sang sớt cá, mỗi khi thay nước hoặc đổi chai đổi chậu. Ngày nay trong Chợ Lớn mới có bày bán khắp nơi những chai keo rộng miệng, nguyên là hũ kẹo ngọt, chai dầu thơm hay chai thuốc Tây bị sa thải. Đó là những đồ đựng cá xứng đáng, vừa đồng một cỡ thêm trắng bóc xinh xinh. Lúc tôi còn nhỏ, chưa có thứ chai keo rẻ tiền ấy, và các nhà nuôi cá có hạng, mỗi người lựa chai đựng cá theo sở thích và theo túi tiền của mình.

Họ sợ nhứt là đồ nội hóa sản xuất trong Chợ Lớn, chai này hình dáng đã thô, thêm vật liệu nấu lọc không kỹ mấy; hành thử chai keo nội hóa đã lắm giòn, mau bể, thêm nhiều liểm sao lốm đốm, nhiều bọt khó coi. Những nhà phong lưu họ

rất chịu khó, kén cho được thứ chai keo Hạ Châu (Singapore) hoặc chai sản xuất nơi Hồng Kông hay bên Âu Châu càng quí, thứ keo này trong như đồ pha lê, gõ kêu bon bon, đã bền thêm đẹp mắt, không chút bọt. Những nhà ít tiền nhưng giàu óc mỹ thuật lại tự chế riêng một bộ môn đặc biệt, hoặc toàn thứ chai dầu "ô liu" trắng hay chai nước suối trong xanh, hoặc chai rượu Peppermint khi cắt bỏ khúc đầu thì eo ngấn như trái bầu hồ lô, nên họ càng thêm thích. Những chai *cắt họng* này, không cắt cuống họng mình, thêm được rẻ tiền, dễ súc rửa, và nhờ rộng miệng, nên dễ thọc vợt cho cá ăn hay xúc cá ra ngoài. Trên miệng chai, thường họ cà cho lụt, bớt bén, không đứt tay và cắt giấy carton làm nắp, vừa nhẹ nhàng vừa thêm vẻ đẹp. Nhưng mấy con thằn lằn tinh ma thường cạy nắp giấy bắt trộm cá, nên nhà nào từng bị nạn thằn lằn, đổi chiến lược, lấy "ngói móc" khẻ tròn tròn như trái tràm làm nắp đậy, tuy làm vậy không mất cá, nhưng lại hay mất nắp, vì trẻ con ranh mãnh, lén ăn cắp miếng gạch khẻ tròn sẵn đem chơi "mức cò" thì còn gì hơn! Thuở ấy, đặc biệt nhứt ở chợ Sóc Trăng là bộ nắp chai rất đều đặn và cho phép tôi lấy những nồi dót mới của cha tôi để dành nấu vàng làm nắp chai cá. Thứ dót này hình như cái chén chung uống trà, miệng rộng đít túm, nên bất kỳ chai nào cỡ nào cũng đậy vừa: một khi đặt lên miệng chai, thì chai và nắp (dót) ăn khớp nhau liền bon, tuy nói "ăn rập" nhưng còn thừa lỗ hở để giữ cho thoáng khí chui vào. Nắp dót, mỗi lần giở, phải lấy tay cạy cho khéo mới lấy ra được, thằn lằn dẫu tài ba cách mấy gặp nắp dót cũng vô phương làm hỗn. Quên nói, đậy kín quá, thì cá ngột hơi *"xí lắc léo"*, còn đậy hở thì thằn lằn chực hồi nào sẽ không bỏ qua cơ hội tốt!

Nói đến cắt chai cũng cả một nghệ thuật: người nào khéo tay thì cắt trăm chai như một, ăn đứt y nhau. Kẻ nào vụng về, cắt không đều tay, chai nứt không ngay đường, khi mẻ sứt, khi

méo mó, trông bớt xinh. Biết mình không đủ tài, thà chịu nói thiệt và mượn bạn quen trong giới thợ bạc, sẵn lò, sẵn có hoa tay, thợ kim hoàn làm gì mà chẳng khéo! Vòng cắt miệng chai thường dùng là một niền sắt hay thép, lớn cỡ ngón tay út, uốn tròn theo ni tấc nhứt định, cái vòng này lại uốn cho dư ra một khúc dài kéo ngay làm cán dễ nắm dễ cầm, mới xem giống hình "dấu hỏi" to tướng. Muốn cắt chai thì đặt vòng này vào lửa đốt cho sắt đỏ, sẽ lấy nùi giẻ bao chỗ cán cầm cho đừng nóng tay, đoạn tròng chiếc nòng vào họng chai, vừa đè mạnh vừa xoay tròn cái chai cho thật đều tay, đừng chinh lịch. Chai sẽ hút sức nóng của chiếc vòng (hay nòng), liệu nóng đúng sức thì rút nòng ra, và rảy nước lạnh ngay lằn muốn cắt: tự nhiên chai đương nóng, gặp lạnh của nước, phản ứng trở mình nghe một tiếng "rắc"; coi lại họng nứt lìa khỏi thân chai ngon lành. Bấy giờ chỉ còn lấy khúc cắt bỏ ra, rồi lấy một miểng chai bể cà sơ vòng miệng chai bể mà *trị* miệng chai, *vật gì trị vật nấy*, chai tuy vậy mà cứng lắm, lấy giũa thép mà mài càng thêm báo đời, đã hư giũa thêm miệng chai, khó coi lắm. Khéo tay và có kinh nghiệm thì cắt mười chai không hư một, mỗi lần cắt thì lằn đứt tiện khéo không thua cắt bằng hột thủy xoàn của thợ cắt kính: không răn, không nứt. Tay mơ chưa thạo nghề, cắt chục chai hao gần phân nửa, đổ thừa đủ thứ, cũng vì họng chai cắt không đều, sượng sần, mó tới là đổ máu đứt tay! Mỗi chai đựng một con cá, hai chai, mấy chai để kề nhau đồng một hàng dài thì làm ngăn giấy chận giữa cho cá đôi bên không thấy nhau. Khi nào muốn quần cá, hoặc muốn cho cá đá bóng xem chơi thì rút ngăn giấy ra: vừa thấy nhau, cá nuôi sung sức sẽ phùng xòe trững giỡn, trương vị quạt đuôi, xanh xanh đỏ đỏ, xem thật là ngoạn mục. Nước trong chai để rộng cá, không nên để nhiều lắm mà cũng không nên để ít lắm. Để nhiều, nước kề họng chai thì bắc cầu cho thằn lằn, thừa dịp câu trộm cá thêm dễ! Để ít

thì con cá cạn nước không bền sức bằng cá nuôi nước sâu. Một điều nên nhớ kỹ là khi nào súc chai, vì dơ bợn, thì thế nào cũng phải dành lại một phần chai nước cũ, có làm vậy, con cá khỏi lạ chai lạ nước. Không biết việc ấy, khi thay nước, nhè thay mới tất cả, tưởng rằng thêm sạch cá càng mạnh thêm, ngờ đâu chỉ làm cá mất sức, nếu sau này đã thua, ấy là lỗi tại nơi mình chưa đi sâu vào nghề! (Không khác một người mẹ, bắt con tắm hoài, như vậy tưởng rằng thêm sạch, không dè đứa nhỏ tắm nhiều lần trúng nước có ngày!)

Nói đến thằn lằn, phải phục cái trí tinh ma của loài vật này. Tôi học khôn được điều này cũng nhờ một kinh nghiệm khá đau lòng khi còn thơ ấu. Thuở đó, tôi có nuôi một con cá thia thia đã từng ăn nhiều độ. Mỗi khi tan học về tới nhà , làm thế nào tôi cũng phải ghé triện lại kệ cá, chào sơ nó - sau khi trình thưa cùng cha mẹ - xong rồi tôi mới lo thu xếp cặp sách và lo việc cơm nước. Nói cho dễ hiểu, con cá này là "nhân vật thứ ba trong nhà", sau cha và mẹ! Đủ biết tôi câng nó đến bậc nào. Cá ấy, tôi nuôi riêng trong một chai keo bự. Một buổi sáng nọ, cá tôi mất dạng, keo còn nước trong khe, mặt phẳng lặng tờ. Nhớ lại, đêm rồi, tôi có xê cái nắp keo qua một bên cho cá có nhiều thoáng khí, rồi sơ ý quên đậy lại trước khi đi ngủ. Sơ sót nội bao nhiêu ấy mà sáng nay ân hận thì đã trễ rồi! Dòm trên dòm dưới, ngó trước trông sau, kẹt thóc vùng ấy bị tôi *thám hiểm* không sót chỗ nào, thậm chí tôi dời xốc hết đống than *cây thông* của Ba tôi dành để làm mẻ thổi vàng, nhưng vô ích, con cá vẫn biệt vô tăm dạng! Thôi rồi! Chắc chứn là cá câng đã bị thằn lằn câu... *Thằn lằn ơi! Nhĩ ngã vô thù! Bây giờ mày ở tệ làm vầy, chớ trách tao nhé!* Từ bữa ấy, tôi oán thằn lằn tận xương tủy, gặp đâu giết đó, không dung tha con nào! Tôi điên rồ cho đến đỗi mấy khi trong trường thầy dạy học ôn những bài ám đọc, thì tôi mượn cớ ấy mà *bố ráp*, bắt thằn lằn nhốt đậy

hộp bánh "Petit beurre", để chi? Để mỗi khi học thuộc một bài cổ văn thì đưa ra một *trụ* cho lên đoạn đầu đài, trảm thủ, vừa trả thù xưa, vừa đánh dấu một bài đã thuộc! Tôi cũng lập tâm tìm xem kẻ thù *câu cá* bằng cách nào... Nhờ công theo dõi, một hôm "kẻ cắp bà già gặp nhau!" Hôm ấy, tôi mục kích một trận bắt sống cá thia thia do thằn lằn tổ chức!

Trưa hôm ấy, tiết trời oi ả. Tôi đánh mình trần, ngồi làm bài học nơi bộ ván gõ nhà sau. Tôi đặt ghế lùn sát đầu ván, chân thọc dưới gầm, ngồi day mặt vô vách. Trên vách gạch trắng là kệ tôi nuôi cá, một hàng chai keo trong trẻo, giăng thẳng bon, xem rất ngoạn mục. Đứng đầu hàng là một chai keo bự, mẹ tôi dùng nuôi con giấm thuở nay, nhưng mùa này, sắp thi tiểu học, mẹ chiều ý con, nên cho tôi mượn để rộng con cá ăn độ này, và để tôi phấn khởi ráng học. Đây là một con xiêm trống đỏ *thứ thiệt*, to bằng ngón cái, vóc cụt đòn, vảy đỏ au như sao điểm, kỳ trên kỳ dưới đỏ, kỳ trên nhọn lểu như ngọn bút son, kỳ dưới thẳng đứng như lá cờ *soái lịnh*, còn cái đuôi thì tròn vo như quạt lửa! (Cá xiêm thiệt thì càng ngắn đòn càng quí, kinh nghiệm cho ta biết cá xiêm đúc với cá mái ta thì mỗi đời mỗi dài đòn ra, đến đời thứ ba thứ tư, thì đã *lai biệt dạng*, ngó gần y con cá ta không khác mấy. Phần nhiều những cá bán ở Chợ Cũ Sài Gòn, luôn trong Chợ Lớn và tại Chợ Bà Chiểu, đều là cá xiêm lai một hai đời, thường họ đúc cha xiêm đỏ, lai mẹ cá xanh, hay ngược lại cha cá xanh, mẹ cá đỏ, để có cá con khi vảy xanh, kỳ và đuôi đỏ, khi thì vảy ửng đỏ, kỳ và đuôi trổ xanh, loại cá lai làm vầy cắn dữ nhưng bở hơi, nhà nuôi cá chuyên môn có thể tùy ý muốn mà đúc cá với nguyên tắc giấu nhẹm và dung hòa giống cá đỏ *bền nhưng răng lụt*, với cá xiêm xanh *răng bén, cắn dữ, nhưng không có nước bền*). Trở lại con cá của tôi: trong keo lớn, tôi thả con cá xiêm bự, định khi nào con cá mái đến lứa trứng già, tôi sẽ đổ chung keo, cho cá trống

ép cá mái đúc lứa mới, hễ thi đậu bằng tiểu học xong thì cha mẹ tôi sẽ để tôi mặc tình nuôi cá cho phỉ tình trước khi lên học trường lớn. Vì cá trống thuộc giống đỏ, nên tôi đã lựa sẵn *vợ nó* là con xiêm mái xanh , (để sau này tôi có giống cá cha đỏ mẹ xanh, vừa bền như cha, thêm hỗn dữ như mẹ). Con xiêm trống này, có một không hai, vì đó là cá do một thủy thủ đi tàu chạy đường Sài Gòn - Bangkok lén giấu trong ống tre giống *cá ngự* trong hoàng thành vua Xiêm chơi, vì kính trọng Ba tôi lắm, nên chuyền tay đem về Sóc Trăng, Ba tôi quí hơn vàng: con cá này nước lội xem đủ oai, thêm miệng quai xách, mắt thụt (không sợ cá khác cắn nhằm), vảy đều đều óng ánh như lửa sáng, kỳ trên thật nhọn như cây bút lông chấm son dựng đứng, kỳ dưới đỏ chói khi xếp như lá cờ lịnh, khi xòe tươi như cờ hiệu nhà Vương!

Thằn lằn quen mửng cũ, tôi giết đã nhiều, thế mà hắn còn đây, hay thật! (Chuyến này chết m. mày rồi!) Thằn lằn quen mửng cũ, thấy nắp keo đậy không kín thì ăn quen, mon men toan đột nhập vào trong, định bề bắt cá tươi *xực* (thực) như kỳ trước! Tôi ngồi chỗ bộ ván, thấy con thằn lằn ngán giùm cho cá, nó vóc to và mập, trắng đỏ như *thằng Lê dương* năm ấy: có lẽ sức mạnh nó không vừa: nếu khỏe như *lính đầu đỏ* và tinh anh có thừa, thì chua cha, ghê quá, không biết con xiêm bự của mình làm lại nó không? Khi ấy, tôi ngưng làm bài học, và định trong trí sẽ can thiệp cứu cá cho kịp thời. Thằn lằn, vốn tánh dè dặt sẵn, (ba mươi đời quân gian thường kỹ cang, nên càng thêm lợi hại), thằn lằn làm như *Lê Huê khán trận*, ngó trước xem sau, (hát ba câu Nam rồi!) thì bò lần đút đầu vào miệng keo, không khác hùm dữ vào chuồng trâu...

Đàng này tôi ngồi mà nôn quýnh, không dám nhúc nhích cục kịch, gần như nín thở, hờm sẵn chờ dịp sẽ tiếp cứu và ám trợ con cá câng.

Thằn lằn bò nhẹ nhẹ như tên du kích lành nghề, mắt lườm lườm ngó riết con cá đang ở dưới đáy keo, thong thả xê xích từ phân từ ly, rình xem nhứt cử nhứt động của con vật sắp làm mồi ngon cho mình. Tôi nín thở, phập phồng lo sợ cho cá. Bỗng thằn lằn quay đầu trở lên, lú chót mũi khỏi miệng keo, bốn chân hít cứng vào cổ keo thủ thế như thầy nghề võ, cặp mắt ngoáy trở xuống liếc theo từng mỗi hành động con thủy vật. Nắm được thế thủ vững chắc rồi, thằn lằn bèn ra miếng độc. Nó thò đuôi rà mặt nước, lay động nhẹ nhẹ giả như chót đuôi là con quăng đang trở mình biến hình con muỗi, hoặc như con ruồi sa cơ vừa té xuống nước, đang giãy tử, chi vậy? Xin thưa: ấy là kế dụ địch của thằn lằn, để nhử thia thia hờ cơ sẽ ra tay. Nếu khi ấy thia thia không khéo đề phòng, trồi lên đớp nước, hoặc ơ hờ hoặc vô tình tưởng chừng chót đuôi kia là quăng, là muỗi, trân mình định táp, khi cá vừa tầm đòn thì thằn lằn, lẹ như chớp, sẽ phóng mình xuống mặt nước và dùng đầu làm củ chùy đập mạnh vào đầu cá. Tự nhiên người có thủ thế vẫn đánh chắc ăn người không đề phòng, và miếng đòn độc đánh đầu (coup de tête) mười phần lợi hại của con vật bốn chân sẽ ăn đứt cái sơ hở của con vật có vảy: cá giãy tê tê, thằn lằn ngoặm cá vào hàm y như cá sấu nuốt người, thằn lằn lội ra khỏi keo, đèo xác cá ra ngoài ăn tươi ngon lành: mọi việc xảy ra lẹ như chớp và diễn mau hơn công việc của tôi đang dài dòng văn tự như lúc này.

Nhưng đó chỉ là ước định mà thôi. Dè đâu phen này, thằn lằn quả tận số, khiến nên gặp con cá xiêm đỏ *Hoàng gia Thái Lan* thủ đoạn phi thường. Cá xiêm lội lên gần đụng mặt nước, nghiên cứu hành động thằn lằn (mà hắn chưa hay), và khi biết rõ ác tâm kẻ thù, cá bèn tiên hạ thủ. Thay vì đứng ngẩn ngơ chờ chết, cá xiêm lội vòng sát ve keo, núp mình dưới bọt không cho thằn lằn thấy bóng. Thằn lằn quờ đuôi sà sà mặt nước, hèn lâu không thấy cá lên đớp mồi, thằn lằn định chừng cá chưa

thấy rõ, nên trụt mình xuống một chút, thọc đuôi xuống nước sâu hơn ban nãy một tý, dè đâu chính lúc thằn lằn đổi bộ, cá xiêm cao tài chụp phóng mình lên lẹ như chớp, nhắm ngay cạnh đuôi non của con vật bốn cẳng ngoặm cả hai hàm răng bén như hai họng kềm thép già! Thằn lằn không kịp đề phòng, hoảng hồn như bị thiên lôi đánh, buông thỏng rơi xuống nước, lội bấn loạn như tên trộm bị rượt nà té sông, mặc tình *Xiêm Hoàng gia* từ đàng xa phóng vào mình thằn lằn, lựa những nách non, bụng bở mà cắn miếng nào đích đáng miếng nấy. Xiêm cắn chưa đầy ba miếng, thằn lằn đã xụi lơ nằm bật ngửa, vì răng xiêm bén như lưỡi đao, thêm xiêm biết lựa những chỗ nhược mà tra những đòn độc thủ và hiểm ác. Thằn lằn *tử cống mạng cùi* xác bật ngửa trôi lều bều trong keo. Cá thia thia xiêm biết con vật kia chỉ còn là cái xác chết, bèn ung dung trầm xuống đáy nằm ngủ nghỉ mệt, oai nghi như một tướng soái vừa lập một chiến công bất hủ, đang đứng thở dốc, tuy mình chưa giải giáp!

Tôi cười đắc thắng, giữa cá và tôi, không biết ai mừng hơn ai! Thù kia đã trả, từ ấy trở nên khoan dung và bạn tốt của thằn lằn, vì dầu sao ơn chàng trị muỗi lằng, xưa thầy dạy chớ khá quên! Tôi lấy vợt vớt xác thằn lằn, làm ma gói ghém trong một vỏ hộp quẹt *Bến Thủy*, chôn chung mồ với đám đồng chủng vô danh, tử nạn vì trả nợ oan thế cho hắn lóng trước. Tôi không quên thay nước cho con cá xiêm *Hoàng gia* vô địch, trong lòng hả hê: thù kia đã trả ít nhiều, dầu cho bài Pháp văn, bởi mãi theo dõi giặc *cá xiêm đánh với thằn lằn*, nên kém luyện, dầu mai này thầy vì đó, bất phạt cũng không sao!

CÓ MẤY THỨ CÁ THIA THIA?

Tôi không dám đi sâu vào đề, vì quá bao la, nói không bao giờ hết. Tôi xin đóng khung nói riêng về những cá tỉnh nhà,

hạt Sóc Trăng, và vài giống cá đặc biệt miền Hậu Giang, có ghe chở bán tại chợ Ba Xuyên mấy chục năm về trước. Theo tôi, mỗi vùng, mỗi đồng nước đều có giống cá địa phương, khác nhau đôi chút. Thường con nhà nông ban đầu hớt về cho con cháu chơi, sau bày ra đá *ăn tiền*, năm ba cắc bạc một độ là nhiều, lâu ngày lan tràn, các tay đổ bác lại dùng làm nghề sanh nhai thay thế cho gà nòi, vào mùa mưa, đổ lông, không đá được. Mỗi xóm, mỗi thôn kình nhau đi kiếm đồng cá lạ mà hớt, về nhà rảnh rang tựu nhau ngày nghỉ, đá chơi kiếm tiền trà bánh. Phải lên đến vùng Sài Gòn, Gia Định, đến Chợ Lớn, Bà Hom, Bến Lức, mới thấy chơi cá xiêm, đá lâu, ăn thua nhiều tiền, vì vùng này *văn minh* sớm, có người đi tàu qua Hạ Châu, Thái Lan, đem giống lạ về. Miền Lục Tỉnh, tỵ hiềm cá xiêm ít, khó kiếm, nên không đủ họ chơi, thêm mỗi độ đá lâu hoắc, có khi cù nhầy trọn cả ngày mà chưa ăn thua, trễ hết công ăn chuyện làm; nên họ thích đá cá *địa phương: lẹt xẹt vừa thả vô, thì đã xong một độ*, đá liền liền nhiều độ, vừa vui, vừa thích hạp tâm tánh người miền quê *cái gì cũng ham sốt dẻo, xắp thời* (nói chí đáng, dẫu cho cò lính có đến, thì cũng đã có chơi sơ vài độ, nay dẹp chạy không tiếc!!!).

Đại để có những giống cá này:

1) Ca ta, cá thia thia ta

Đây là loại cá đồng, cá cỏ mà tôi đã nói rồi nơi đoạn trước. Nghiệm ra, gần dứt mùa mưa, thì cá thia thia "xuống sắc", trở nên bủng beo, không hiếu chiến nữa, và chỉ lo gây giống. Linh tánh bảo vậy. Có ý xem, trừ phi rộng trong keo, chai thì thôi; chớ cá nuôi trong bồn, trong chậu, vào tháng ấy, đêm khuya có mù sương xuống, thì cá "nhảy bồn" tìm đường trốn... Nó trốn hay lắm: mùa hạn, khô khan, nó chui vào kẽ đất, lỗ chưn trâu giậm, (có khi mục đồng gặp cả bầy ốm tong ốm teo trong một lỗ

sâu, trên có cỏ chút ít rậm đủ che khuất, giữa vùng đồng khô cỏ cháy), nó trốn thế nào không biết, nhưng trời vừa sa mưa ít đám, ruộng vừa có nước lấp xấp, khoảng tháng tư, tháng năm ta, thì thia thia ở đâu không biết, ra mặt, đã mập tròn, vừa đúng lứa hớt về đá độ.

2) Cá thia thia ở ao hồ

Thường gọi *cá hồ*, ở những ao tù, bưng sậy, nước ruộng không tràn vào được. Cũng gọi *cá giếng*. Nghiệm ra *cá hồ* bền hơn *cá cỏ, cá đồng*, (có thể ví *cá cỏ* là cá không nuôi, còn *cá hồ* là cá được nuôi riêng biệt), vì ở riêng biệt nên quen nước, giỏi chịu đựng hơn, và người chơi cá chuyên môn đã biết từ lâu, nên chơi cá mãn mùa: đầu mùa đá cá đồng, giữa mùa hớt cá ao, cá hồ, cá giếng, tiếp chơi nữa!

3) Cá rạch, cá nước

Mới nghe, lầm tưởng đó là cá ở rạch, cá ở dưới nước! Suy nghĩ kỹ thì cá nào không ở dưới nước, ở sông rạch? *Nước* đây là *nước độc trong bưng biền Rạch Giá,* và *rạch* đây là *Rạch Giá* nói tắt mà thôi! Chầu xưa, những người đi bán đuông chà là có đem theo mớ cá thia thia, ốm tong teo nhưng bén và bền không chỗ nói. Sau rùng rùng dặn họ mùa sau đem thật nhiều, vì giống cá này dễ lầm với cá ta, và đá hay, không con cá cỏ cá đồng nào thắng nó được. Hỏi hớt ở đâu, những người ấy nói bắt ở rừng sác, nước đen dừa nước, *ở nước, ở Rạch*, vì đó mà cá này mang tên *cá nước, cá rạch* tùy địa phương gọi nó. Lối năm 1915, tại chợ Sóc Trăng, một con thia thia đồng giá từ năm xu đến một cắc bạc là cùng, thì *cá nước* bán mỗi con một đồng bạc, hai đồng bạc như chơi, tùy theo lúc cá hút và tùy xấu tốt. Nói phải có chỗ hằn: cá nước toàn không phải đều hay giỏi cả, vì họ xúc nhiều chỗ nhiều nơi khác nhau, chỗ hay chỗ dở là thường sự, người chơi cá lành nghề, không sợ tốn tiền, phải mua mớ

rồi lựa tuyển lại, mới chắc ăn. Tối hơn nữa là mình phải biết cháo chan người bán và tin cậy nơi lòng ngay thật, biết thủ tín của họ. Mà thường các cha bán *cá nước* học một sách với các mẹ *bán mật ong!* Trong ghe họ đem nhiều thứ cá, ai hỏi thứ nào họ cũng có, duy họ dành thứ thiệt bén, thiệt *gắt* cho những ai biết điều và họ kính mến nhiều mùa rồi!

Những người già kinh nghiệm còn xét biết về *cá nước* tuy hay, nhưng có chỗ yếu của nó, nên họ có khi cũng dám đương đầu, cho cá ta của họ đối địch cùng *cá nước* và có khi cũng nắm phần thắng trong tay, vì họ nghiệm ra *cá nước* đến mùa, đến tháng nào, thì có *nước chạy* của nó. Tức là như tôi đã nói, loại cá rừng, cá không nuôi, linh tánh dạy đến độ nào, là thôi hiếu chiến để lo gây giống. Cho nên ai biết được chỗ yếu ấy, lựa cá đồng giỏi chịu đựng, đứng lâu hơn nó thì ăn tiền chủ nó được rồi! Một độ cá đồng đá với *cá nước* năm xưa tôi thấy trước mắt ở Bãi Xàu: cá nước cắn bén như dao, cắn cá đồng xiểng liểng, ai có mặt tại đó đều chắc cá đồng sẽ thua, nên không dám quăng bắt, té ra đá được nửa giờ, cá nước đang thắng, bỗng nhẹ nhẹ rút lui, và *đi êm* vì đã tới *nước chạy* của nó. Con thì chịu đựng ba mươi phút, con chịu nổi một tiếng đồng hồ, ai giỏi bền hơn là thắng nó vậy! Nhưng nói nghe thì dễ, đến ngộ trận mới biết tài, vì cá nước ở trong rừng nước độc, răng bén, cắn dữ, cắn như *mưa sa bão táp*, cá đồng con nào lôi thôi không dễ gì chịu nổi với nó!

Quên nói, cá Rạch, đem về tỉnh lạ, phải xả nước mưa, tập cho nó quen mới đá được. Thêm nữa, cá này là *chiến sĩ bưng biền*, quen sự cực khổ. Nuôi nửa tháng, hai mươi ngày, thì tài nghề còn đủ. Nếu kéo dài, nuôi tháng này qua tháng kia, thì *cá nước, cá Rạch* sẽ quen mùi chợ búa (như ta quen mùi bơ, sữa) mà bủng beo hại chủ có ngày! Quá hạn, đừng tiếc, phải thí nó

xuống ao hồ mà sắm lớp mới, chắc tay hơn. Cá đồng, đá ăn độ, nuôi lại trong nước có pha đất sét, cá lành mạnh, còn dùng được qua độ khác, cũng như con trâu đồng nhà, quen ăn cỏ xấu, quen uống nước mặn, tuy không mập mạnh, nhưng dẻo dai, giỏi tài chịu đựng; cá nước, đá một độ rồi, thì không dùng được nữa, nếu dùng sẽ *phản độ*, sẽ bỏ chạy khi đến *nước chạy* (cũng như đừng tin con trâu Xiêm, Lèo, lớn con nhưng kén ăn, kén cỏ, kén nước ngọt, ăn cho no, cho bụng bự mà làm việc dở như *Hạch,* vì không quen phong thổ!).

4) Cá thia thia lai, cá lai

Nhà chơi cá, muốn được giống cá hay, phải tự mình lựa cá giống và tự xem lấy mình việc ép cá hay đúc cá ấy. Ban đầu ai ai cũng tưởng hễ lai giống xiêm nhiều là hay là giỏi. Sau này kinh nghiệm dạy cho biết *lai xiêm* cũng nhiều thứ, và rất nhiều *giống lai* tốt mã, nhưng dở khẹt; thua một độ còn chưa tin *cá dở*, thua chồng thêm hai ba độ liên tiếp, chừng biết tài chàng thì túi tiền đã nhẹ, (chàng đây là con cá thia thia lai chớ không phải anh chồng lai thua cá ngựa, tuy cả hai đều có thể làm sạt nghiệp người nuôi!) Tạo hóa thật chí công! Nếu khi đúc, để rặc Xiêm, thì đem cáp với cá ta, ai ai đều chạy mặt, thì hóa ra công lao cực khổ không dùng vào đâu, như câu tục ngữ thường nghe chẳng hóa ra *đổ đầu cù lao,* vô ích! Vì đó nên những tay chơi cá tập đúc cá *mình ên*. Nhưng không hiểu sao: mùa này cá đực giống A, đúc với cá mái là cá ta, giống B, sanh ra một bầy cá lai: cắn dữ, chịu đòn hay, chú nhờ nó kiếm tiền bộn bộn! Qua năm sau, quen mửng cũ, làm bài toán năm rồi: *lấy A cộng với B*, thì chuyến này, gặp *Tổ trác*, cá bầy đều *bớ*, hại thua thấy m. thấy ch.! (Lâu ngày mới biết có người chơi cá *âm hại,* lén đúc cá một sắc, nhưng giống dở, ban đêm đem trút xuống ao nhà, báo hại lầm tưởng giống hay, hớt lên nuôi, đem đá thì luôn luôn đụng độ với lão tinh ma nọ, và lần nào cũng thua sạch túi, ban

sơ tin chắc tại nuôi không nên cá hư, hư con này còn con khác, sau lâu ngày biết được kế độc, thì đã muộn, học khôn đắt tiền).

Như đã biết, cá lai cũng có bầy hay, bầy dở, bầy lai gần, gọi lai một đời hay hai đời, và lai xa, gọi *lai biệt dạng*. Người có biệt tài, khéo ở chỗ đúc mà khi cáp cá, người ta không biết cá mình là cá lai, hoặc thấy *lai phảng phất* chút ít, kể như cá hồ, nên chịu độ, đến khi thả vô keo đá mới thấy lai rõ rệt, mà phép *thả cá vô keo* rồi thì kể chịu độ, phải để đá đến ăn thua, chớ không bắt ra được. Phép đúc cá, phải làm sao cho người ta biết cá mình không phải cá lai xiêm, thì mới dễ kiếm độ; chớ ở trường, khi cáp cá ngoài thố nhỏ, khi thấy cá lai rõ rệt thì ít ai khứng đá với mình, cũng có khi họ thấy lai mà dám đá là khi nào họ từng thấy trong bầy cá lai của người đó đã đá trước một hai con mà không dữ, hình thể cá đã xấu hoặc hư rồi, hoặc *cá lai non* nên họ không sợ. Cũng vì lầm tưởng như vậy, nên đã có người *tương kế tựu kế*, đúc và nuôi đến hai bầy: khác nhau ở chỗ mẹ cha khác giống, nhưng giống nhau ở chỗ cùng màu, cùng sắc, để dễ gạt lớp người thực thà, tuần này họ đem cá dở ra đá, rồi tuần sau họ mang cá hay đến gỡ độ, đá lớn hơn, những ai quá tham không kịp xét nét, sẽ thua họ mà không ngờ đã lầm kế độc *ly miêu hoán chúa*!

Phàm cá cũng như gà, *gan ruột* giống mẹ. Muốn đổ, phải lựa chọn cá mái cho thật dữ, nhưng *cá trống* phần nhiều lựa *trống Rạch* (Rạch Giá). *Trống cỏ, trống hồ* đã từng ăn độ *anh hùng*, và lựa từ nết đá, nét chịu đòn, đến hình thể, v.v.. các tay chơi chưa lão luyện, ai ai lúc đổ cá, cũng ham cá sau này sẽ giỏi chịu đòn, cắn dữ, biết đánh *đòn hồi mã thương*, biết *chơi cú đờ tết*, tức biết quay mình dùng đầu đánh trái lại đầu con cá kia chưa đề phòng, biết đòn *câu nước hàm trên, câu nước hàm dưới*, tức cắn ngay hàm (trên hay dưới) của con cá nọ, ngậm

chắc và trì xác con nọ xuống tận đáy, vừa lấy thế đó mà nghỉ mệt, xả hơi, vừa thi tài *giỏi nín hơi*, con nào không quen, không đủ sức chịu đựng, nín hơi lâu không nổi, sẽ giựt hàm chịu thua và chạy luôn có cờ! Nhưng những nhà lão luyện, kinh nghiệm có thừa, lại thích đúc cá thật bén, cắn dữ bội phần, để con cá kia bị cắn, bị đòn, rát quá thì chạy ngay; chớ những miếng *hồi mã thương, đâu hàm, bỏ chạy dụ địch* đều có chút phần nguy hiểm, vì trong khi *chạy dụ địch* nếu có một bóng lạ, một tiếng động thình lình, cá chạy luôn cũng chưa biết chừng, nguy hiểm là vì vậy, nên họ không thích lắm.

Khỏi nói, về cá mái, cá để giống luôn luôn là cá lựa *gắt củ kiệu*, không chỗ chê, và trứng phải thật già. Trứng chưa già, ép ra thì cá non hao nhiều, mớ nào sống cũng không bền, không khác người ta đẻ thiếu tháng. Trong lúc mái còn non trứng, phải để cặp bên cá trống, mỗi ngày, cho ăn đầy đủ và mỗi bữa cho đá bóng cho cá sung sức, trứng mau già. Khi nào thấy con mái lội, đầu chìm xuống, khúc đuôi chổng vổng lên, bụng no tròn, ở hai bên hông *"sọc dưa"* vàng đen rõ rệt và một trứng lòi ra dưới bụng, ấy là trứng đã già, cá đã đúng lứa ép, không nên để lâu nữa. Trứng già mà không cho trống ép thì con mái cũng chết; đừng tưởng như người, ép xác bắt ở như vậy thủ tiết mà lầm!

Muốn ép cá, trước hết phải cho hai con cá trống cá mái ăn lăng quăng cho thật no, như vậy lát nữa cá không ăn trứng của mái đẻ ra. Mà phải để hai con riêng ra mà cho ăn, vì không biết ý, nhốt chung hai con rồi thả lăng quăng vào, cá trống mảng mừng gặp mụ đầm, nào có lo ăn, luật thiên nhiên chỗ này, người và loài vật, thiên tánh như nhau rồi đó! Phải sắm sẵn một cái thùng cây thật rộng, thứ thùng rượu chát cũ thì hay lắm: xài thùng cây thì sau này cá con không mòn răng và được *bén* vì cá lúc nhỏ, thích rà miệng sát mặt lu mái, thùng, khi

thở, khi kiếm ăn. Bằng không sẵn thùng thì dùng *lu mái đầm* hoặc khạp rộng miệng cũng tốt vậy. Đoạn lấy vợt hớt và thả nhẹ nhẹ trống và mái chung nhau. Nên lựa đầu mùa mưa là mùa cá sanh sản và lựa một ngày vần vũ chuyển mưa lớn là ngày cá có thiên tính biết thời buổi như vậy hạp cho sự gây giống. Tốt hơn là ép cá vào đêm, là đúng với luật thiên nhiên hơn. Cũng đừng ham ép ban ngày, rồi kêu hết con cái nội nhà bu lại mà xem trò gây giống vì làm ồn ào có khi cá *mất hứng,* vả lại tuy rằng loài vật, chớ xem dường không muốn *đóng kịch* ấy cho người xem bao giờ. Chớ quên kiếm vài tai bèo thả trước, để gây cảnh *thiên nhiên* cá thêm dạn dĩ. Đã nói cái bồn để ép cá phải rộng miệng, để sang sớt cá nhỏ và dễ cho ăn; nước phải thật nhiều cho cá thêm thơ thới. Khi nào cá trống ép khá nhiều lần, thì nên nhớ mau hớt cá mẹ ra, nếu không thì cá mẹ sẽ ăn trứng của nó lại, không khác heo mẹ xơi con và gà mái mổ trứng của nó vậy. Luật thiên nhiên, luật *thừa trừ,* luật *tồn tại* của Tạo hóa mà ly. Cá trống thì khác. Tôi kinh nghiệm thấy trong giống cá, con trống có tình *cốt nhục* nhiều hơn con mái, và giàu lòng hy sinh hơn, bằng chứng là từ ngày ép mái, cá trống không khi nào dám ăn con quăng, thà nhịn đói chịu ốm tong teo hơn là *ăn lầm* con mình, tức những cá mén lơ thơ lúc nhúc rất dễ lẫn lộn với con quăng bé tí hon. Đến đây ta có thể triết lý chút chơi rằng *tình là lụy* và *càng đau đớn lắm, càng thương nhau nhiều. Không đau, không khổ, chưa phải là chơn ái tình.* Đến loài vô tri vô giác, nhỏ như thia thia mà cũng không thoát khỏi luật thông thường ấy. Thoạt đầu, lúc tạo thiên lập địa, có lẽ *trước bắt cóc rồi sau mới nên vợ nên chồng* (luật này người da đen miền Sóc Trăng, thỉnh thoảng còn áp dụng. Họ uống rượu say mèm rồi đang đêm luân phiên và chia nhau vô xóm *vác gái* chạy vào bụi rậm giao nàng lại chàng trai *bị đàng gái không khứng gả con* muốn *làm gì thì làm*. Tục này đời

Pháp thuộc, tòa kêu án rất nặng, nhưng đối với họ, họ bất chấp, vì họ hiểu rằng vợ chồng *kiểu* này ăn đời ở kiếp với nhau hơn vợ chồng lấy nhau với sự ưng thuận *mua bằng tiền* hay *ưng vì thế lực.*) Thấp hơn một bực là loài thú bốn chưn: con ngựa khi gần cái, vừa cười nhăn răng, vừa đưa hông cho *cái* thử sức! Giỏi chịu đựng, chịu ăn đòn năm ba đá vào hông mà chịu nổi, vẫn còn cường lực, thì *tôi sẽ trao thân gởi phận, muốn phủ tôi thì phủ* nhược bằng chịu đòn không thấu thì *hửi bao nhiêu đó cũng đủ rồi! đồ bất tài bất lực! Đi đi là vừa!* Trở lại thia thia, trống mái gặp nhau, nhứt là khi mái ấy là *mái cá Xiêm*, thì chưa chắc cá mái chịu trống liền, khi thấy mặt cá trống là cá ta, cá đồng, cá hồ, cá ao! Dẫu trống ấy là *"cá Rạch"* đi nữa thì cũng *dĩ hà nhứt thể!* Phải *thử sức với nhau một phen cái đã!*

Mái phùng mang, giương vị, quạt đuôi, cản lại trống, quyết so tài cao thấp, khác nào thuở nọ, trớc khi nên đôi giai ngẫu, nữ tướng Phàn Lê Huê đã ba lần bảy lượt tử chiến cùng Đại Đường tiểu nguyên súy Tiết Đinh San!

Một đàng, cá trống, khi biết được đối thủ của mình hôm nay là thuộc phái yếu, phái đẹp, thì ôi thôi! còn mừng nào hơn? Trống quên mất những thói vũ phu ngang tàng bình nhựt. Trống, như *mèo thấy mỡ*, mừng ra nét mặt, phùng xòe quýnh quýu, lóng cóng như trai tơ gặp gái, lớp khoe giáp kỳ, lớp khoe y mão, trống giỡn múa trước mái như *công tử trong tuồng Tàu ghẹo đàn bà*! Giỡn đã rồi bỗng nhớ lại thiên chức lớn lao, bèn bỏ đó lên làm bọt cho thêm dày, để sau này bọt ấy sẽ là cái ổ ấm áp của mớ trứng cá khi lọt bụng cá mẹ, và khi được cá cha gắp từ trứng rơi rớt đem gởi đó cho đến lúc hóa sanh cá con. Làm bọt xong rồi, vụt nhớ lại mình thuở nay là võ sĩ, chiến sĩ, *cũng nên thừa dịp trổ ít đường cho con mẹ này biết mặt*! Trống quần thảo vài vòng, như thầm nói: *Xem này! Có phải đây đủ sức lấp bằng*

sông bể? Xem này! nào vết thẹo những chiến công oanh liệt năm xưa!!

Trống mừng, không dè mái cũng không phải cá thường! Thia thia mái vốn là cá Xiêm rặc: bấy lâu biết mình là dựa hoàng cung quen được nịnh bợ, thêm sẵn tánh ít biết phục thiện, *chừng nào sẽ hay*, bây giờ gặp trai nó đón, ít nữa cũng làm làm sao cho trai nó biết tay! Mái không nhịn, mái phùng mang quạt đuôi quyết thi tài cao hạ!

Trống thoạt xem cử chỉ của mái, biết *con mẹ này xem thường oai mỗ! Đây đã văn hoa đường mật mà đó chẳng xiêu lòng! Ạ! Muốn vậy thì cho vậy! Đây còn cách khác.*

Trống thay chiến lược, áp đảo mái thẳng tay, uốn cong mình cho mái biết trống muốn gì, và cắn thật đau vào mình mái cho đến khi cá kia *cam phận mái*, xếp giáp qui hàng, đứng trơ một chỗ, mất lao chao vì đã thuần tính nết!

Phần trứng già ột ệt, phần phận mái mà mấy lăm hơi, xiêm mái *chịu cho ép*, lội lờ đờ một chỗ. Cá trống ta, khi ấy mình uốn tròn lại, bắt từ đầu con mái, vấn tròn như cuốn chiếu, con trống cắn đuôi khoanh mình ép mạnh mình cá mái và lần lần *vuốt* ra sau. Mỗi lần như vậy, trứng cá từ từ trong bụng mái lọt đợt rớt ra và chìm xuống đáy chậu: luôn dịp trứng ấy đã thọ tinh! Hai con thú, mình run lẩy bẩy rơi lần xuống đáy, tê lê mê, chừng đụng đáy mới giật mình, lội lên đáp nước lấy hơi khỏe và tái diễn trò thiên nhiên gây giống kiếp kiếp đời đời. Cá mẹ sạch trứng thì thôi chịu trống, phải vớt ra, không thì cá mẹ sẽ ăn trứng của mình: để giữ đúng luật thừa trừ, hay chỉ vì *nhẹ dạ*, nào ai vô đây mà biết? Cá trống được giữ lại trong bồn; bồn cũng thêm bèo cho mát nước, và để cá con khi nở sẽ theo rễ bèo chui đụt hoặc ăn rong ăn chất bổ bám theo. Cá trống làm phận sự *cha* chua đáo lắm. Trống từ khi mái được vớt ra, bèn lặn

xuống đáy bồn, dùng môi ngậm nhẹ từng trứng một đem lên gắn vào bọt. Trống liệu chừng trứng nhiều mà bọt mỏng, thì lại ra công phun nước miếng làm bọt thêm cho đủ sức chịu đựng mớ trứng đóng thành *về* cho đến đủ ngày đủ tháng, trứng nở ra cá con. Cá con lúc đầu nhỏ rí, chỉ thấy dạng đen đen, rồi lớn lần lần thấy nhúc nhích bé như đầu mũi kim, ít ngày sau mấy đầu mũi kim ấy *trộng cảy* gần bằng lăng quăng mén. Như đã nói, cá trống *mê con*, nhịn ăn và hy sinh như vậy suốt những ngày ở gần bầy con nhỏ bé, dẫu tìm cách nào cho ăn, cá trống vẫn từ, không động lăng quăng vì sợ lầm lẫn đám con thơ! Khi nào muốn dưỡng con trống thì phải đợi bầy cá con được trộng rồi, khi ấy vớt cá cha ra thả vào bồn, chậu khác, có pha đất sét cho nước đục, cá mau lấy sức lại.

Bầy cá con, lúc nở, chưa lội được, và vẫn xẹt ngang trên mặt nước. Vài bữa sau, đã lội được và lần lần biết lội mạnh. Độ nửa tháng, đã thấy chúng nó biết ăn lăng quăng nhỏ hơn nó. Tuy vậy phải nuôi thêm tại bồn đôi ba trăng, cá con thật mạnh mới dám đem ra hầm nhà thả nuôi tự nhiên, đợi mùa sau hớt lên, đá được rồi. Thả sớm, cá con non sức, e làm mồi cho cá lớn khác và nhái, ếch, v.v... Cá lớn vừa lứa cũng phải canh phòng, hết sợ bị con vật khác ăn thịt thì sợ kẻ trộm lén xúc về nuôi và lén thay cá khác đổ vào hồ, mạ tròng đen, báo hại thua tiền thêm tức trí. Những người ở chợ, ở phố, ít bề thế, không sẵn ao hồ, nuôi cá luôn trong lu khạp tại nhà cũng được; nhưng kinh nghiệm dạy rằng nuôi cá thia thia đá độ, thì cá hầm, cá ao răng bén và mau lớn, mạnh mẽ hơn cá nuôi khạp. Thêm nữa, cá nuôi một cha một mẹ, lứa thả ao hồ nhờ ở ngoài thiên nhiên, hòa mình cùng vũ trụ, nên màu sắc gần giống cá ta hơn cá nuôi nhà trong lu khạp. Những cá này còn giữ y sắc cha mẹ, tốt mã thì có, nhưng bở hơi. Vì lẽ ấy, nếu sẵn ao hồ thì họ thả cá ngay, mặc dầu mất trộm và hao hớt nhiều. Trừ phi cá đúc ấy là cá

thia thia Tàu hay cá phướn *Hạ Châu* (cũng đúc y một cách với cá thia thia ta) thì vẫn thích nuôi tại nhà, trong lu mái lớn, vừa khỏi trộm đạo, vừa vui mắt, vừa giữ y màu sắc của cá cha cá mẹ lấy giống. Nên nhớ lu khạp dùng rộng cá ép cá, phải lựa chỗ nào yên tịnh mà để, chêm chưn cho vững, nước đừng lao xao, và không nên dòm ngó thường trong lúc cá nở, vì luật tạo hóa muốn như vậy.

Theo chỗ tôi biết, mấy năm trước, tại Sóc Trăng nghề cờ bạc thịnh hành, quanh năm không tứ sắc thì đá gà, đá cá, đánh vố, bài cào. Đám *lóc cóc ken* đầu mùa hớt cá cỏ, đá ăn thua nho nhỏ, giữa mùa bắt cá hồ, cá lai cho đá, tiền độ trọng hơn, còn *cá Rạch* thì chơi sau rốt, đợi cho bọn đi rừng lấy sáp, đốn đuông chà là, đem về mới có mà chơi. Cá Rạch hay *cá nước* vừa tàn, thì bắt qua gà nòi, đá gà cựa trước rồi tiếp qua gà tơ, gà đòn: quanh năm mãn mùa, các tay đổ bác đều bắt cái này, sang cái nọ, không hở, không rảnh, hỏi ấy là thú phong lưu hay là nợ đời, tôi xin miễn trả lời! Vì tôi là một thằng hư, một con ngựa chứng, không già tay ấn, không giỏi kềm cương thì *đâm rào* là bản tánh thích tự thuở nay!

Tôi già chuyện mà quên nói một điều này: là cách ép cá trong khạp trước rồi thả xuống hầm sau, tốn công săn sóc rất nhiều. Cái hầm để thả cá, phải đáng tin cậy mới chắc ăn; nếu hầm quá lỉnh lảng, ngập nước hay nước vô nước ra đều được, thì không nên thả, mất cá mà chớ, thêm làm sao kiểm soát cá ấy vốn cá của mình đúc hay cá khác họ tráo vào đây? Đã có người chơi sành nghề, có sáng kiến mướn ruộng bỏ hoang, lên bờ mẫu vững chãi, thả thêm bèo tai lớn, nhứt là môn ngứa và dứa gai, đoạn lựa vài chục cá mái Xiêm, thả chung với ít chục cá trống *Rạch* đã biết tài vì từng ăn độ rồi. Nếu ruộng ấy gần nhà, xem chừng kỹ càng thì cá tha hồ bắt cặp, sanh sản, mình khỏi lo khỏi nhọc, tới mùa xách rổ ra xúc, lựa con nào vừa ý thì nuôi,

con nào còn non ngày tháng thì trút lại ruộng hoang, sướng quá!

Sóc Trăng và Bãi Xàu liên lạc nhau bằng đường lộ và đường thủy, cách nhau lối năm cây số ngàn. Cá thia thia không đá được chợ này thì đưa qua chợ kế. Mỗi năm, những nhà chuyên môn chia ra nhiều xóm: xóm Hóc Kiến (Phúc Kiến), xóm Chành Lúa, xóm Trại Hòm, xóm Khánh Hưng, xóm Giáo Tòng, kể không hết, chia nhau lựa đồng đúc cá, nhà bực trung đúc vài ba lứa, nhà có bề thế đúc cả chục hoặc vài chục bầy. Tới mùa xúc lên tuyển tuyển lựa lựa. Bầy nào bằng bụng thì nuôi để dành đá, dư lại cho người chở đi bán: điền Hòa Tú, xóm Tài Sum, hoặc lên trên Kế Sách, Đại Ngãi, hoặc trao đổi lẫn nhau, giữa người tri kỷ. Xem kỹ lại, cá do một chủ, có bầy hay, bầy kém, nhưng dầu kém là kém cá nhứt hảo hạng của nhà, gất *như củ kiệu, củ tỏi Rạch Giá, Hải Nam*, chớ bì với cá đồng, cá khác vẫn hơn một bực. Mặc dầu nuôi *xa cạ*, nuôi lẫn lộn nhiều bầy chung một ao một đám ruộng, nhưng đến chừng bắt lên tuyển lựa cũng dễ phân biệt, vì bầy trước bầy sau, khác cha khác mẹ, thì hình sắc cỡ chạn cũng khác, thêm kỳ vi dài vắn cũng không giống nhau. Không kể cá bệnh và cá có tật lúc nhỏ, thì cá một bầy, tài sức vẫn y nhau: một con hay thì hay hết cả bầy, một con dở thì có môn đổ bỏ cả đám!

Con cá lai, người người đều thích nuôi, vì nó có nhiều đặc sắc mà cá ta, cá đồng không có: cá lai ăn độ rồi chưa hư, răng còn bén, thì nuôi đá hoài, miễn trước khi cáp, phải xét kỹ những vết thương cũ đã lành hẳn chưa. Nếu chỗ thương còn non, cá khác cắn trúng nhằm thì cá chạy vì quá đau chớ đừng trách cá dở. Cá lai đá sớm lắm cũng không nên, vì lối tháng sáu bắt đầu tháng bảy, cá lai mới cứng vảy cứng răng và không chạy bậy. Chớ nên quên: cá hay gà cũng vậy, dầu hay cách mấy, không đúng mùa của nó thì nó mất hay và ưa chạy bậy: cá

thì *ê vảy*, gà thì *thay lông* là hai lúc *đại ky*(*), cần cho nghỉ ngơi, không nên đá độ.

CÁCH LỰA CÁ

1) Thế nào gọi rằng *cá tốt*? Con cá tốt thì phải cho *phụng vỹ*, đuôi, kỳ lành lẽ, mình mẩy không tỳ tích, vảy lớn và đều, không chợp mí, miệng thật rộng, vành môi *quai xách*, cổ lớn đều, không đứt khúc đứt đảnh, nhứt là cặp mắt phải sát da đầu, vì mắt lộ, trong khi đá bị cá địch cắn nhằm, nổ mắt và đui thì khốn. Cá tốt phải lựa khúc hậu cho dày, như vậy thì cá mạnh, lội giỏi, có nước bền; không may bị cắn hậu thì cũng khá hơn những con bắp hậu mỏng quá, chưa chi bị vài miếng cắn, rớt vảy, tróc da, lòi thịt, gần thấu xương, ngó thấu bên kia, ghê quá!

2) Thế nào là cá tệ? Con nào mình mẩy có vết thẹo, tỳ tích, đuôi không lành, kỳ rách, miệng có tật, môi mỏng cắn không mạnh miệng, lớn đầu mà eo cổ, ốm, bắp hậu mảnh mai, thân hình không cân xứng, ấy là cá bỏ đi, đừng tiếc, đá thua uổng tiền!

CÁCH THỨC CÁP CÁ

Cáp cá mỗi nơi mỗi khác. Có nơi *cáp theo bề mặt*. Ấy là cáp theo *kiểu trẻ con thường dùng*: để hai con cá trong hai chai keo, xích lại gần nhau cho hai con thấy và đá bóng, khi ấy nhắm chừng định hai con bằng nhau, hai đàng ưng ý đồng lòng là múc cá thả vô keo của trường là độ cá bắt đầu.

Như vậy thì dễ quá và thô sơ quá, đâu còn gì là phô trương tài lanh mắt, biết coi cá lẹ! Có nhiều giống gọi *cá không áo không quần*, thân toàn thịt xương, cụt đòn như cá Xiêm, gọn ghẽ như các tay võ sĩ lành nghề, *cáp bề mặt* gặp thứ cá đó thì

(*) đại ky : có lẽ phải là đại kỵ (kị) (Bt)

lầm chết đi còn gì?

Bởi vậy, nên nhiều chỗ như miệt Sóc Trăng, thích cáp cá đựng sẵn trong thố nhỏ. Sau này khan hiếm thứ thố này vì nạn chiến tranh Hoa-Nhựt, tàu không qua được, họ đổi lại dùng thứ tách Tây uống cà phê, đựng cá cũng xong việc. Cáp kiểu này, cá không cần đá bóng. Con cá coi bề gáy, có thể nói *cáp cá theo bề đứng* vậy. Hai đàng đem vài con cá đựng trong thố giở nắp xích lại gần và đọ nhau. Ở trên dòm xuống thấy hai đầu gần bằng nhau, cổ bằng cổ, bề dài và bắp hậu gần như nhau, thế là được. Chỉ còn thỏa thuận về số tiền là đá nhau được rồi! Nhưng dễ gì có chạn vừa triến nhau bao giờ? Con này dư đuôi, con nọ lớn đầu, phải bù qua sớt lại, *châm chế*, thông cảm nhau thì độ mới thành: đầu bằng nhau, mà con này thiếu chút cổ nhưng dư chút gáy tức bề dày, thì *chế* phứt đi cho rồi mới là tay hảo hớn chớ! Khi nào gặp tay khó, chạy hơi hoài không chịu đá, thì gọi *độ đá mắc, độ cá không rẻ như mọi lần* vân vân. Nhưng cũng có nhiều khi thấy cá nhỏ dám đá với cá lớn hơn nó, thì cũng có duyên do: cá nhỏ đang độ hay, đúng thời tiết; cá tuy lớn, nhưng *bầy đó* đã được thấy đá rồi, *không đáng sợ*, cá mình nhỏ nhưng vảy già giặn, mặt sáng, miệng dữ hơn thì *cứ làm càn* để thử thời vận, ai há sợ ai? Nhưng cũng đừng lý luận dài dòng: có khi bên cá nhỏ chịu độ vì *cáp xộ* chớ không vì lý do chi khác! Thú đá cá, đá mắc, đá rẻ là ở chỗ đó! Nhưng cũng không nên ỷ lại mà cho cá mình đá với cá lớn hơn, gắt hơn, trừ khi nào thấy cá đối phương đã ló mòi hư, vảy dộp, chủ nó không để ý, cá ốm thiếu sức lực, cá cũ xuống sắc mà chủ chưa hay, v.v... Đá gà, đá cá, hay dở do người cáp có *thần nhãn* cùng chăng, và hay dở ở nội chỗ đó: với tay sành điệu, thiếu chút đỉnh, họ xem thường. Tuy vậy, đã dám xách cá ra trường, cũng phải có chút ít kinh nghiệm. Dòm con cá của người khác, phải biết đó là thứ cá gì cỏ, hồ, lai, Rạch? Lại nữa phải biết cá của địch thủ đang độ sung sức, đang

gặp mùa *hên*, cũ hay mới, hư rồi hay sắp hư, như vậy mới dám chắc không bị thua lận. Mà khoan khoe tài: thế thường cờ gian, bạc lận; qua nghề đá cá thì mánh lới xảo trá không thua nghề đá gà gian. Họ có ác ý thiên hình vạn trạng: ngó chằng chằng từng giây từng phút, nhưng rồi họ cũng qua mặt như chơi! Không biết họ có học khoa *vật lý quang học* hồi nào, nhưng bợm gian thường để cá của họ trong thố sâu chứa nước được nhiều khiến cho cá ở dưới sâu xem ba chớp bốn sáng tưởng rằng cá nhỏ! Họ khéo lựa thố có cái hông phình ra vừa đủ làm cho ánh sáng chiếu vào lưng cá, khiến cho mình ngộ nhận thấy con cá bé đi, chịu miếng đá, đến chừng thả hai con vào keo, cá họ lớn hơn cá mình thì việc đã rồi.

Tục lệ cáp cá chợ Sóc Trăng, hai bên được phép dùng mỗi người một cọng lông gà tước bớt còn chừa nội đầu chót một chút lông, lấy đó làm cây chổi quét nhẹ trên mình cá của đối thủ để xem xét kỹ: đuôi, kỳ, mang, gáy ra thế nào, v.v...; mình tình thật thì dùng lông gà thường. Dè đâu bên họ, họ lập tâm sẵn, nên đã tẩm cọng lông gà của họ vào một chất độc, tỷ như nước lá môn ngứa chẳng hạn, khiến cho con cá của họ, nhờ nuôi trong nước độc (nước lá môn) ấy lâu ngày nên quen đi, đến con cá của mình, chưa từng quen thứ nước đó, nay bị quét sơ ít lông gà tẩm thuốc, đã ngứa ngáy sần mình, chợt thả vào keo đá độ, họ lấy vợt xúc cá của họ, họ xúc luôn mớ nước ngứa pha vào keo thì tức nhiên cá họ quen nước làm gì cũng gác, cũng nắm chắc phần thắng hơn cá mình lạ nước, chưa gặp môn ngứa nào. Đây chỉ là một mánh khóe nhỏ, còn ngón gian trong trường cá không sao tả xiết, người thức thời và biết khôn, duy đừng mó tay vào nghề chơi cá và đá cá mới khỏi bị thua trí thua tiền.

THỂ LỆ ĐÁ CÁ

Theo phép chơi cá, tuy không có trường dạy luật lệ, nhưng

theo thói quen thành tục, lấy đó làm chuẩn thằng, thì chịu đá hay không là khi nào cá của mình còn ngoài thố cáp, chưa thả vào *keo trường.* Cá còn ngoài thố, thì mình là chủ cá, có trọn quyền *chạy, không đá*, hay là *ưng thuận*, cho hai con đá nhau. Một khi cá thả vô *keo trường* thì như ván đóng đinh, phải để cho hai con đá đến ăn thua, chớ không bên nào được bắt cá ra, dẫu bên đối phương cá và cá lai *rặt* hay *lai mấy đời* cũng phải cắn răng mà chịu. Vì vậy khi cáp cá, phải cẩn thận từ ly từ phân, phải luyện cặp mắt biết *cá lai, cá Rạch* từ trong thố, chớ đừng đợi thả cá vô keo, kêu Trời vô ích!

Điều lệ khác cần biết là khi thả cá vô keo, khởi sự ăn thua là khi nào hai con đều cắn nhau *miếng vay miếng trả*, mỗi con cắn một miếng là bắt đầu *thành độ*. Nếu thả vô keo, hai con phùng xòe, con A cắn con B, B chưa cắn miếng nào, thoạt A bỏ chạy, thì độ cá kể *huề*, vì B chưa cắn, chưa thành độ.

Đây là thể lệ chánh, ở đâu cũng vậy, còn những *chi tiết nhỏ nhặt khác thì sẵn chủ trường vừa là* "cố vấn" vừa là quan tòa, sẽ giải quyết tùy sự thông cảm của đôi bên. Một điều nên nói nữa là chủ trường, ở tại trường cá, lịnh và quyền, lớn hơn ông Cò tại bót cảnh sát; và ở trường cá không có luật *chống án!*

MỘT ĐỘ CÁ ĐIỂN HÌNH

Lúc nãy, tôi có nói về những mánh khóe gian lận của bọn đá cá chạy gạo, chuyên gạt lớp, phỉnh phờ, đến em cháu cũng không buông tha. Nói thì nói vậy, chớ thỉnh thoảng ông Tổ nghề đá cá cũng sửa lưng đồ đệ một cách bất ngờ cho chúng nó bớt khinh lờn oai Tổ! Lối năm 1938, tôi còn tùng sự tại tỉnh nhà Sóc Trăng để dề bề *thần tỉnh mộ khan*. Ở xứ đá cá nên tật cũ khó chừa, chúa nhựt nào cũng có mặt tôi tại trường, mà

trường cá vốn không xa lạ, vì chủ nhà anh Nguyễn Trinh T., mặc dầu nay gương vỡ, chớ chức *anh vợ trước* không mất! Một buổi gần trưa chúa nhựt tôi xách nả tre có đựng mươi cái thố sành mỗi thố là một con cá chiến. Từ sáng sớm họ đã đá xong vài ba độ, trường đang nóng tiết, kẻ ăn cười người thua, luồng điện bắt đầu muốn xẹt lửa. Chú Bảy Minh đem cá từ Bãi Xàu qua cáp độ. Khiến cá tôi gặp cá chú. Lúc còn trong thố, rõ ràng cá tôi lấn cá chú, một mười một tám. Đôi bên bằng lòng ưng đá, tiền độ là năm chục bạc, phần tôi *bao* phân nửa, hai mươi lăm đồng, còn lại chia kẻ năm người ba cho vui. Bên chú Bảy, chú bao sổ, chú muốn *ăn một mình trọn gói*, không cho bọn thua từ sớm *ké vào chút ít* gọi là gỡ gạc vớt vát ít nhiều.

Cá thả vô keo, anh T. chủ trường, nhắc lấy lề rằng: *giao hai con cắn qua cắn lại mới bắt đầu ăn thua nhé!* Cá của tôi, dạn sẵn, nên phùng xòe trước, *xem cũng có gió quá chừng!* Tôi đang khoái chí, bỗng nghe cả trường cười ồ lên gần vỡ toang nóc nhà! Cá chú Bảy khởi sự xòe đuôi, giương vị, phùng mang, trợn trừng trợn trạc, thì mẹ ôi! Cá chú Bảy như *cha*, lớn bằng ngón cái, còn con cá của tôi, không khác con của con cá kia, vừa bằng ngón út, mà cũng múa múa phùng phùng xem mắc cỡ và nhục nhã cho tôi chưa?

Bởi họ thiện nghệ nên họ khôn hơn mình! Lúc nãy, cá còn trong thố, họ dùng lông gà nhận chìm con cá họ xuống sát đáy, lại thêm lấy lông gà quét túm vi kỳ con cá, nên mình thấy nhỏ xíu! Bây giờ được thả vào keo rộng, cá nở nang bành trướng đúng sức nên to gấp hai ban nãy! Thôi rồi! Cái thua nắm chắc về phần mình rồi! Tôi ngồi đó mà chỉ trông mau dứt độ để về nhà sớm sớm, tránh những cặp mắt ngạo nghễ của bọn hàng xáo khó chịu. Chú Bảy, không nói gì, chỉ rung rung mấy sợi sợi râu mép *kiểu Charlot*, thầm hân hoan nhưng còn ngại, nếu cười ra mặt e tôi đổ quạu không chung tiền thì uổng lắm! Nhóm

bàng quan nãy giờ thấy cá chú Bảy *kể ăn chắc* nên phóng bắt om xòm. Ban đầu còn kiêng dè, họ phóng mười đồng ăn bảy. Về sau bất kể, họ quăng ăn năm, ăn tư, nghe là thêm tức giận. Riêng tôi, tôi ói gan, nhưng đã bước vào nghề, phải học chữ *nhẫn*, nên cắn răng mà chịu. Duy, nói chí đáng, mấy người đá theo phe tôi, một là nóng ruột sắp mất tiền oan uổng, hai là thấy tôi mắc mớp nên bênh vực, bọn đồng sổ chửi thề liền miệng, nào *đá không ngay thật*, nào *ăn gian sẽ thua mạt có ngày!*

Trong keo, hai con cá đã *trao đổi găng tay*, cắn nhau mỗi con một miếng cắn: thế là bắt đầu ăn thua thực sự. Cá của tôi vẫn quạt đuôi, phùng xòe, lo lôi, lo tìm chỗ nhược mà hạ thủ. Cũng trong lúc ấy, ngờ đâu cá chú bảy lại không lo nghinh chiến; để liến thoắng, đảo bên này rồi đảo bên kia, lội tung tăng theo cá tôi, hết lội sau rồi bọc ra trước mặt, giương kỳ, xòe đuôi, khoe mã, giáp. Bỗng lẹ như chớp nhoáng: con cá của tôi, thừa lúc cá chú Bảy uốn mình trước mặt khoe bộ vảy óng ánh như sao, nó bỗng phóng hết mình tới trước, cắn một miếng thật mạnh vào bụng bở, mạnh cho đến đỗi bọt nước văng tung tóe và nghe rõ ràng một tiếng *bóc* rung rinh mặt nước hồi lâu. Rồi một sự bất ngờ diễn ra mau như điện chớp. Cá chú Bảy bị một vố đau quá, giựt mình chạy khan, xếp đuôi cuốn giáp, hát bài *tẩu mã* luôn, không còn gan dạ nào trở đầu nghênh chiến! Mà có gì lạ đâu: chẳng qua từ khi thả chung vào keo, cá chú Bảy thấy cá tôi sặt rằn, trên mình có vằn có vện, lầm tưởng đó là *cá mái* nên sẵn lòng trổ ngón ba mươi lăm! Bất thần nay bị cắn mạnh *như trời đánh, búa đổ*, bèn kinh tâm tán đởm, ù chạy luôn, quên chuyện đấu tranh!

Từ bại trước mắt, chuyển ra thắng một cách bất ngờ, tôi thò vợt múc cá ra, chìa tay lãnh hai mươi lăm đồng bạc ngon lành, trong khi chú Bảy, bây giờ mới nhìn bà con, lầm bầm:

Đồng tiền của ông cháu lớn quá! Tự hậu, tôi không dám đương đầu với ông nữa! Ai coi! Cá tôi lớn mười, đá với cá ông không bằng phân nửa của nó; tiền kể như bỏ túi, tội gì cá lớn trổ tật, trững mái làm chi hại tôi thua vô cớ vô căn! Hoặc tôi hết thời nên Tổ trác? Hoặc ông cháu có thần tài giữ của chi đây? Thật báo tôi quá, và tự hậu tôi không đá với ông nữa đâu!

Thật vậy! Chú Bảy từ ấy không hề cáp đá với tôi, mà tôi cũng giải nghệ từ đây vì biết rõ trong trường đấu kê đá cá, ngu ngơ như tôi làm vầy mà không sớm rút lui thì chỉ đưa đầu gối cho chúng đột!

CÓ MẤY THỨ CÁ ĐỂ NUÔI CHƠI?

Nay xin kể theo chỗ tôi biết, một vài thứ cá thường thấy:

1) *Cá thia thia cỏ, ao, hồ:* tùy tên đồng nội, tên địa phương mà gọi, như tại Sóc Trăng, có cá đồng Lọ Nghẹ, đồng Hàng Tràm, giồng Lình Kia (Long Tử Giang), v.v...

2) *Cá nước, cá Rạch* (ở Rạch Giá, rừng U Minh): Như đã nói, cá loại này hay lắm, răng bén cắn dữ, giỏi chịu đòn, không chạy bậy, trừ phi *hết mùa cá xuống nước*. Xiêm lai lơ mơ cũng cự không lại nó. Người đi hớt cam go, lội rừng mấy ngày ròng rã, cá trốn trong bọng dừa nước, chung với rắn, đỉa, trong bưng biền có tiếng là đầy cọp, sấu, thú dữ.... Ngày xưa cá đồng hạng tốt, bán một hai cắc bạc mỗi con, thì cá Rạch, gặp mùa hút và cho xổ thử thấy tài trước mắt thì ba đồng bạc mỗi con cá tốt, cũng có người dám mua. Cá nước duy bất tiện một điều là dễ nhìn ra, và chỉ cáp độ với cá nước khác chỗ hớt, còn cá cỏ, cá đồng, không ai dám đá với loại cá nước, cá Rạch này.

3) *Cá Xiêm, rặt,* gọi *cá Xiêm thiệt* chia ra cá có kỳ và đuôi đỏ lòm, *cá Xiêm đỏ*: bền nhưng ít bén; *cá Xiêm xanh* thì kỳ và

đuôi xanh lè xanh lét, cắn dữ, mạnh, lẹ, nhưng ít bền; *cá Xiêm đen* vảy đen huyền, như cục xiên xáo, vừa đẹp, vừa hay, nhưng ít thấy bán; *cá sáp* mình trắng, để chưng chơi, không ai nuôi đá, đủ biết tài nghệ tầm thường nên không ai chuộng.

4) *Cá Xiêm lai một đời,* còn dữ như thứ thiệt. Thấy dễ biết, vì càng lai thì thân mình con cái càng dài đòn thêm.

5) *Cá Xiêm lai biệt dạng,* riêng gọi *cá đúc*; người sành nghề dòm qua dễ biết vì cá ta, đuôi, kỳ màu không sáng như cá lai.

Năm giống cá vừa kể là cá thia thia đá độ. Đặc biệt nhứt là cá Xiêm của các ông hoàng chơi riêng trong hoàng cung. Người dân thường làm gì có được? Cái con tôi nói trong chuyện *thia thia đại chiến thằn lằn* vì cỡ lớn quá, không gặp độ nên cũng không biết tài hấn. Lại nữa, lão thủy thủ tặng cho Ba tôi, nói làm vậy, mà đủ tin chăng? Nước Xiêm, nước Cam Bốt là hai nước tu theo đạo phật, cấm sát sanh. Thế mà người Xiêm và người Khơme thích chơi cá hơn ai hết. Thậm chí, thầy sãi thấy đá cá cũng dừng chơn đứng xem! Có người phàn nàn: *Ông đã tu hành, sao lại ưa xem sát phạt? E trái với lòng từ bi của Phật tử chăng?!*

Trả lời: *Việc tu hành là khác. Đây là hai con cá nó đá lộn. Tự nó cắn nhau thì tôi coi! Tôi có xúi giục bao giờ mà tội với lỗi???.*

Ngoài các giống cá *võ sĩ*, biết trống mái thư hùng, biết cắn xé giết hại nhau, tranh đấu giữa đồng loại làm trò chơi cho thế gian vui mắt, lại có thứ cá *văn sĩ,* y mão lượt bượt, xúng xính trong những bộ áo *may trừ hao* nên rộng xùng xình thấy dễ tức cười, tôi muốn nói những cá nuôi trong bể cạn, trong bồn thủy tinh để làm kiểng chưng chơi. Ấy là:

a) *Cá phướn* (poisson de paradis), gần giống thia thia nhưng thân mình dài hơn, thêm đuôi kỳ dài nhằng, nếu để vậy mà cắn lộn với con cá khác thì nội bao nhiêu quần áo đủ thua, tự nhiên học trò khăn áo chỉnh tề đánh lộn khó hơn những thằng mình trần đóng khố!

b) *Cá bút chì* (poissons-crayons), (Nannostomes) lội dựng đứng đầu trở lên trên, đuôi ở dưới, nên đặt cá bút chì là vì vậy.

c) *Cá giống chiếc lá khô* (Monochire). Cá này kỳ giữa và đuôi trong khe, còn giáp thân mình trổ đốm rằn trắng xen rằn đỏ hoặc sậm đen, mới trông tưởng đó là chiếc lá khô, hay cục đá rong rêu. Chuyên môn nằm dưới đáy bồn, ăn cá nhỏ li ti, không ăn cá thì nuốt những chất dơ của các con khác tiết ra, làm cho bồn được sạch sẽ. Hay là tạo hóa sắm mớ monochire này thay thế các choa đổ thùng chầu xưa?

d) *Cá xanh dương* (màu bleu de Prusse) có lằn đỏ dài theo mình như *vải may pyjama*, trông rất đẹp. Sách tả cá sáu bảy phân bề dài, nhưng cá bán tại Sài Gòn không dài hơn ba bốn phân, tại giống đẹt hay vì ham bán sớm nên cá nhỏ? Danh gọi *macropode*, còn tại hải học viện *Museum de Berlin,* cũng gọi *Tel Matherina Ladigesi*...

. e) Cá *Taxotes Jaculatores* của xứ Bornéo, không biết ta gọi cá gì?

f) *Cá Scalaires*, tức cá sọc dưa, mình giống cá chim, có sọc đen sọc trắng, trông rất đẹp. Người Tàu có tánh hiếu kỳ tùy theo màu sắc đặt tên khá ngộ : *Hắc thần tiên* (hắc xành xính), *Mỹ châu Bạch thần tiên* (Pạc xành xính), v.v...

g) *Cá Carbus de Suatra*: đỏ vàng đen.

h) *Cá Tricogaster,* có hai dải dưới dài giáp đuôi.

i) *Cá Rasbora*, xanh đỏ đen.

j) *Cá Danio Rerio*, sọc dưa sặt rằn theo chiều dài như pyjama màu xanh vàng.

k) *Cá Têtra Déon* giống một thứ với cá *macropode* tả nơi số d).

l) *Cá Mollinésie* toàn đen.

m) *Cá Girardinus Guppy*, đuôi đủ màu như mống trời.

n) Cá *Hemi Grammus*, mình xám, mắt và cạnh đuôi điểm đỏ.

o) Cá mình trong ngần dòm thấu xương, bên này thấy qua bên kia.

Trong Chợ Lớn, trước đây, đường Đồng Khánh (nay đã dẹp) vừa qua khỏi đại cao lâu *Thoại Quỳnh Lâm*, có một nhà chuyên bán cá ngoại quốc, tự đặt tên Tàu, nhiều tên ngộ nghĩnh:

Quán ấy tên là *Thủy tộc quán NHÃ LẠC*, bán những cá:

- Xanh xường (Âu Châu)

- Cùn (Ba Tư)

- Bố Lô (Amazone)

- Hùng liền tán (Amazone)

- Tín cón cũn (Nam Âu châu)

Chầu trước tôi thấy ở đây một bồn đựng vài con cá lớn cỡ bàn tay, hình thù là cá chim, nhưng có sọc ngũ sắc y như mặt vằn vện *tướng núi Hát Bội*, hỏi giá, nói năm ngàn đồng mỗi con! Không biết mua về có được làm *Hắc thần tiên chăng?* Chưa

chi tốn nửa tháng lương mà còn thêm hồi hộp sợ cá chết thì đi đời năm ghim chớ không ít!

Ngoài những cá mới, cá lạ nói trên đây, thì có một thứ thia thia kỳ Tàu, danh gọi *Kim ngư*, Tây gọi *Télescope de Chine* chia ra nhiều giống:

1) Giống cá mình vàng khè, không có kỳ trên, lưng lớn như lưng cá ông, tên gọi *cá Ông Thọ*. Khi cá đúng sức lớn, thì trước mũi mọc thêm một mớ thịt dư lòng thòng như lông công hát bộ.

2) Giống cá vàng y như cá Ông Thọ, nhưng cá này có kỳ trên. Thường lội dưới nước tha thướt như công tử hát bội du xuân! Kim ngư mắt lồi như mắt cá thòi lòi là quí nhứt, danh gọi *Đồn nhãn*.

3) Một thứ kim ngư khác, mắt lồi thêm lật ngửa dòm trời, vì đó tên đặt *long nhãn ngưỡng thiên*.

4) Cũng Kim ngư, nhưng mắt như có bọc nước, lại gọi cá *thủy bao nhãn*.

5) Kim ngư tuyền đen là *hắc mẫu đơn*.

6) Cá tuyền trắng, lớn lên vảy chớp như bạc; còn kỳ đuôi cũng trắng phếu, thêm dài lê thê, trông đẹp như *bạch tỷ công tử* trong buồng Tàu hay anh chàng văn sĩ *bạch tỷ bạch mạo*.

7) Kim ngư nửa vàng nửa trắng là cá *dính dướng*.

8) Kim ngư nuôi lâu năm, đầu có mọc chóp mao, lúc lội vừa đớp nước vừa phun ra bọt tròn tròn, người Trung Hoa đặt tên là *sư tử hý cầu* để câu khách sộp, bán không dưới đôi ba trăm bạc. Đủ cặp giá còn mắc hơn nữa! Nhưng mua về, cá già mau mệt, và khó nuôi. Không vậy người bán cá dưỡng làm chi thứ *sư tử*

hy cầu mỗi lần ăn lăng quăng còn hơn xe Huê Kỳ hoặc như voi uống nước!

Trừ những thia thia nuôi để đá, phải cho ăn lăng quăng tẩy sạch chất dơ và đếm từ con một, có độ lượng thì cá không hư sớm, ngoài ra nuôi kim ngư và những cá để chưng chơi thì có thể cho ăn thêm với lăng quặng, chút ít rau cải, như rau muống tươi để nguyên lá, xà lách, ruột bánh mì, bột cho cá ăn, và lăng quăng hóa học, đỏ đỏ, bé ly ty, có người bán kim ngư Chợ Cũ Sài Gòn và trong Chợ Lớn, đều có bày bán rất nhiều. Nhiều người cho rằng ruột bánh mì, cá ăn thường sình bụng và chết. Tôi kinh nghiệm sáng sớm thả vài miếng bánh mì trong bể cạn, cá thia thia Tàu tôi nuôi hằng trăm con, chưa chết con nào. Đến chiều xế bóng, tôi mới thả lăng quăng sạch cho cá ăn thêm. Nếu lăng quăng mua về, để vậy cho ăn, tôi để ý thấy có thể vì đó mà cá chết, bởi lăng quăng này họ xúc trong mương rãnh Đô thành với đủ thứ chất dơ; phải rộng nó trong thau chậu cho có đủ ngày giờ nó nhả những chất độc ra, sau khi ấy sẽ cho ăn cá thì không bao giờ cá sanh bịnh. Còn lăng quăng hóa học, thì được vệ sanh hơn nữa, vì thứ này rộng trữ đến bao lâu cũn không thành muỗi.

KẾT LUẬN

Thú đá cá đi đôi với thú đá gà, vẫn là hai môn giải trí của người đồng ruộng. Muốn dưỡng thú chơi ấy thì nói đó là những cuộc vui lành mạnh của những người củi lục chất phác.

Không thương, muốn bỏ thì thiếu gì tội lỗi, lựa là tôi, không ai khảo, mà phải khai ra?

Riêng tôi, tôi xin có bao nhiêu, nói biết:

Trong Gia Định, có tích đời xưa, một thằng mê gà nòi, mê

cá thia thia thia cho đến đổi, gà bị phang củi đòn chết cóng; vợ chạy án, mẹ ruột ra chịu tội mà thằng con bất hiếu đành vác dao xắt chuối rượt mẹ chạy ra sân giữa cơn mưa, bỗng một tiếng sét đánh xuống, thằng con chết đứng, nay còn tích : *Trời trồng thằng nghịch nhi.*

Tôi thì chưa mê gà mê cá đến bực đó. Nhưng tôi có tiếng là mê sách, mê chơi đồ cổ ngoạn. Ai nói sao thì nói, chớ tôi nghĩ làm vầy: trong đời thiếu chi người mê ôm gái cùng nhau khiêu vũ, mê ôm ống vố đi mây về gió, mê ôm ba cây bài (văn văn, võ võ) "mành mành mụ mụ", thì tôi há chẳng ôm ngọc, ôm cảo thơm? Rồi thỉnh thoảng, tôi nhớ những phong lưu cổ thời, cũng cho tôi ôm gà ra tắm, ôm keo cá ra thay nước, há chẳng được sao? Nếu tôi làm được thì người khác cũng được. Gọi để xả hơi đôi chút.

Gia Định, cựu đường Rừng Sác, nay là Nguyễn Thiện Thuật, nhà số 5. Ngày 22 tháng 6 Tân Sửu (3 Aout 1961)

PHẦN THỨ NĂM

ĐỂ THAY CHO LỜI "HẬU TỰ"

BÀN VỀ XÃ HỘI LOÀI SÂU BỌ VÀ THÚ ĐÁ DẾ

Người Việt Nam, trước khi biết cắp sách đi học, đã biết *đá dế*. Lớp nay, mua tại chợ, muốn *dế mọi*, *dế lửa*, đều có. Lớp tôi, phải chịu khó ra đồng, kiếm lấy. Ngày nay văn minh lấy tờ giấy bạc thay mồ hôi công khó. Sướng nhỉ. Cái cũng tùy! Tùy tôi, tôi lại muốn tự mình tìm ra. Như vậy mới có cái thú: bắt con dế mọi này, đen như cục than hầm, tại Đồng Tập Trận. Phải chăng còn vấn vương chút hồn cựu chiến sĩ chống Tây năm xưa?

Còn con *dế lửa*, râu hoe, mình như cục lửa, tôi *xí được* tại mười tám thôn Vườn Trầu, bữa đi Hốc Môn với mẹ. Rõ ràng ban đêm nó gáy như tiếng kèn thúc giục đứng dậy chống xâm lăng!

Hai con dế, hai đoạn lịch sử! Thêm không tốn tiền. Lại được hai bữa tắm nắng.

Con tôi chơi mà bắt tôi suy nghĩ. Thấy nó chơi mà tội. Vô hộp quẹt cây, chẳng bây giờ là khó kiếm. Nó moi nó lục, nó tịch thu của mẹ nó, mớ hộp giấy đựng thuốc chích. Té ra đời nào có phương tiện đời ấy, và những hộp sành, vuông vuông, có đục lỗ *hồi văn tai vị* đời Đạo Quang đựng dế, thì cũng thế! Các tay chơi dế cuối đời Mãn Thanh, có hộp sành, mỹ thuật nhưng bộn bể. Cha mẹ tôi làm nghề thợ bạc, nên cho con đựng dế trong vỏ quẹt. Thằng Hồng Bảo, nay nó chơi dế trong hộp thuốc chích cũng vừa!

Chuyện người, muốn viết cho hay, thật khó! Cố viết, chỉ đụng đạm, mếch lòng. Thảo nào xưa Bồ Tùng Linh ham nói chuyện ma. Nhà Thanh còn tại ngôi, dân Mãn có tục cạo đầu gióc bím, chừa đuôi sam. Bồ tiên sanh hạ bút viết: *Bầy chồn say rượu, hiện nguyên hình, ló đuôi dài thườn thượt!* Lọt khỏi mắt

nhà cầm quyền, tiên sanh sung sướng hơn cười hầu non: nhà văn thời kỳ chuyên chế, gan không nhỏ, ham nói, có khi sướng miệng, rụng đầu không hay!

Bao nhiêu chuyện vợ ma chung tình với người sống, chồn báo nghĩa, hồ ly thủ tiết nuôi con, há chăng tác giả nói giấu mí: người với người không ra gì, còn thua thú vật, loài hồ mị, xác ma khô...

Ngày còn tụng văn Pháp, từng xem sách nghiên cứu về sâu bọ của nhà côn trùng học J.H.Fabre (1823-1915). Chuyện dế mèn, ve ve, con ông, cái kiến... Bài nhập đề "Un peuple extraordinaire" (Một dân tộc phi thường), tôi nhớ mài mại: *Có kẻ đi xa về, thuật rằng quần đảo Polynésie, thổ dân có tục banh môi cho trớt ra thật to, nong vào vành môi một vỏ ốc, miếng gỗ hoặc khúc ngà: nong môi càng to, vẻ đẹp càng tăng. Bộ lạc khác xuyên chân lỗ mũi để đeo vào một xương cá. Thổ dân nữa xoi trái tai đeo xương, đeo đồng, đeo chì. Tai thòng gần chấm vai và cực kỳ quý tướng: tai đức Phật Cồ Đàm!*

Hãy khoan cười sớm: mỹ nhân da trắng, khoe tối văn minh, bậm môi chịu đau cho người xỏ tai để đeo kim kim cương. Trân châu, kim cương, hột xoàn, vừa bằng đầu mút đũa, một gia tài không đổi. Anh chồng tân thời nhẹ túi chạy không đủ tiền mua sắm, nên trái tai bà vợ không chấm vai như tai các vị mạng phụ thuở xưa. Chỉ có thế thôi.

Lưu manh thời cổ hãnh diện vì khúc xương cá đâm ngang sống mũi. Lưu manh thời tân, không chịu đau được, đành cam chừa râu ngạnh trê, để râu cá chốt, hớt râu cứt chó kiểu "hề Charlot".

Xưa đàn ông, muốn có bộ mặt dữ dằn của ông tướng "lẫm lẫm oai phong", bèn xâm mặt vẽ vằn vện. Giống Sénégalais nay còn gạch mặt cho kẻ địch khiếp. Ngày nay phái đẹp hết sợ nạn bắt cóc: trước đây còn bó chân, banh môi, ép ngực, cũng vì ghê nạn bị kẻ chiến thắng chở, dắt về xứ họ. Nay muốn được dòm giỏ và yêu, bèn thoa môi, giặm má, và đeo "ngực độn"!

Làm gì thì làm. Hãy coi lại, còn thua xa loài côn trùng: con kim quít, áo của nó là một bộ vũ y xanh lam, hỏi áo nylon các cô có dám bì màu sặc sỡ ấy không? con bọ hung còn ai trên đời làm nghề đê tiện hơn hắn? Bộ giáp vàng lộng lẫy của bọ hung ủi cứt, công tử tỷ phú chưa có áo nào tốt bằng.

Tôi đạp xe đi làm, thường thấy anh đánh xe thổ mộ chợ Bà Chiểu, tay nắm cương, mắt ngủ gà. Anh không cấm cản ngựa già vừa chạy cà rịch cà tang, vừa gieo rắc trên đường tráng nhựa những ổ xanh xanh nóng nóng, lọt từ sau cạnh đuôi lọt ra. Cặp bò xe chở mía từ Thủ xuống, cũng không chịu thua: chơn vừa đi chậm chạp ồn ện, miệng vừa nhơi khúc mía ngọt ngon, phía sau bò vừa phun bãi nào bãi nấy còn lớn hơn mạt đinh Công Chánh gạch đường. Nếu cứ để vậy, không lâu Đô thành thơm tho sẽ biến nên hòn núi phân bò, phân ngựa. May sao bọ hung làm việc. Một con bay trên cao canh chừng, còn kỹ hơn ta canh lửa. Bò vừa phệt, bọ hung đánh hơi, chạy về kéo bà con cô bác đến làm phận sự! Giây lát sạch hơn! Ra đường, ai biết đó là bọ hung: giáp đen, cẳng đi giày đụng gối, trên đường ngo ngoe hai cái bông như bông mão hát bội, còn ai đẹp tày?

Người Á Đông ít chịu tìm hiểu. Mỗi mỗi đều tin trong sách để lại. Thuở nay cãi nhau rầm rầm và đinh ninh:

- Sò huyết do chim se sẻ hóa ra;

- Chồn đèn lâu năm biến thành con lươn vàng;

- Chuột xạ, chuột chù, sau trở nên con dơi muỗi.

Tin chắc nhứt, vì có câu chữ dựng đứng, là tích *minh linh nghĩa tử*. Không con, xin con kẻ khác về nuôi, ba bó một giạ, tính rằng vò vò bắt sâu về ổ nuôi làm con, đúng ngày sâu kiến ra vò vò con.

Sự thật đâu phải vậy.

J.H. Fabre tiên sanh chịu khó bắt vò vò nuôi trong ống thủy tinh trắng suốt. Nhứt cử nhứt động của vò vò, ông đều thấy rõ. Té ra vò vò chích sâu bọ làm cho tê bại, đem về nhét vào ổ làm mồi sống, chờ con trong trứng nở ra, sẽ có thực phẩm sẵn sàng như ta có đồ ăn trữ trong tủ lạnh! Fabre khám phá: đời đời, kiếp kiếp, cha truyền con nối, con vò vò có một phương pháp đặc biệt, mười lần không sai một, là mỗi khi bắt được sâu, vò vò dùng chưn ôm chặt sâu ấy, kềm cứng sâu được rồi thì dùng kim ở sau đít, chích mạnh bộ cân não con sâu, đóng ngay kẹt xương cổ. Bá phát, bá trúng! Nói thiệt, nghề châm chích của vò vò tuyệt diệu vô song, dám chắc ông bác sĩ chuyên môn, cô y tá lành nghề, có bữa vì mệt mỏi hay vì đa đoan công việc, còn đâm phạm chích thuốc ra ngoài gân máu, chớ còn vò vò, khỏi nói, với phương pháp gia truyền, không lầm lạc bao giờ. Tạo hóa trớ trêu thay! Mũi kim đệ nhứt xảo ấy, lại gắn vào đít con côn trùng nọ, cái mới buồn cười cho! Mỗi lần như thế, vò vò tiêm vào con sâu một chất nọc đủ làm cho sâu bán sống bán chết, tê liệt châu thân; nhưng vẫn sống mãi lâu sau để chờ trứng vò vò nở ra vò vò mén thì sẵn đó thức ăn tươi ngon, còn tươi ngon gấp mấy lần những thịt ta cất trong máy lạnh, vì dầu sao thịt máy lạnh là thịt thú vật đã chết, còn đây là thịt tươi

của con vật còn sống nhăn, giữ đủ thập phần bổ dưỡng. Tạo hóa tinh vi vậy thay, và chừng nào khoa học đưa ta đến đó.

Một lý nghiệm khác: chiến sĩ thời xưa luôn luôn cắp bửu đao báu kiếm tùy thân. Chí đến đời nay, chiến sĩ thêm kè kè vai vác súng, lưng đeo lựu đạn nặng nề. Gươm linh, súng dữ, hỏi có tùy thân mãi mãi được chăng? Thêm kẻ địch lúc nào cũng thấy những vũ khí ấy, nên đã mất phần nào linh nghiệm! Thua xa con ong, suốt đời, lúc ngủ cũng như cơn đi tháo ruột, đều đới tùy kim bén chứa nọc độc, đố ái dám rớ? Ta mang trên vai, nó đèo sau đít, tuyệt chưa?

Xã hội côn trùng có đủ sắc dân sắc thợ: sắc nào sắc nấy vẫn chưng diện giàu sang, người trần thế không sao bì kịp. Con sâu con bọ, hèn mạt thế mấy, tạo hóa cũng phú cho một bộ giáp kiên cố để lúc ngộ trận, đủ sức đảm đương với đời! Con mối ăn cây, con mọt khoét tre, đục khoét êm ru, không nghe tiếng động. Chúng nó xây nhà xây hang, dãy ngang dãy dọc lại mấy có giấy phép của bề trên? Tính ra một người thợ mộc giỏi, thương đồ nghề nên tốn không biết bao nhiêu thì giờ mảng giũa cưa, mài lưỡi bào, lưỡi đục, mà cưa, bào, đục vẫn lụt nhầy. Hàm răng con bò cào, cặp chưn trước con dế nhủi, luyện bằng thép A-lơ-măng hay Nhựt Bản, mà trọn đời không hư mẻ? Con hà khoét lủng khoan ghe, khoan chân chị gánh nước kêu Trời... Con dế nhủi ban nãy, cắt đứt rễ tre "lục bình", tiện ngang gốc hường quí phái, vì cặp giò trước dế nhủi, tạo hóa chế ra thứ răng cưa sắc lẻm: khí cụ kim thời khôn bì. Có nhiều giống sâu chuyên nghiệp ở trong xó tối, cả đời lo việc xoi lỗ, đục khoét tối ngày trong gỗ cứng, không ai thấy mặt mày! Thế mà những khi bị bắt ra ngoài ánh sáng, con nào con nấy, xem kỹ lại, trên đầu có mang hai sợi lông dài không khác tướng núi hay đào Phiên

hát bội, đầu giắt hai lông trĩ đắt tiền. Xa hoa đến thế là cùng! Khoa học ngày nay mới bắt chước thú: cặp dây *"dẫn điện"* danh gọi *"antenne"* hoặc tân thời hơn, *"radar"* đều do cặp lông kia mà có! Mầu nhiệm vậy thay!

Có giống, tuy bình nhựt chuyên nghề đê tiện: đào đất, xoi hang, nếu không nói là ủi cứt, vẫn y giáp xuê xang, xinh tốt: bọ hung, kiến dương, bù rầy...

Có giống thêm đeo đèn trên đầu, ai đụng nhằm, *đổ hào quang*, bị *điện giựt*, hết hồn với nó!

Những ai từng sống miền đất giồng cát: Sóc Trăng, Đồng Ông Cộ (Gia Định), biết đá dế, đá cống, sẽ không lạ với hai con vật bé bằng đầu bút chì đen: con cúc tròn tròn, con cống dài dài, cả hai khoét lỗ ở dưới đất cát y như chiến sĩ tối tân làm chiến hào để núp. Chiến hào nhơn tạo đâu có tinh xảo, điêu luyện bằng lỗ cúc, lỗ cống. Có ý xem: kiến con, bọ con, bò ngang lỗ ấy, sa chân té xuống, cúc cống nghe động miệng hang, sẽ trồi đầu lên, bắt kiến bọ ăn thịt ngon lành; ăn rồi, còn xác nếu để y, những con vật nhỏ khác sẽ biết mà lánh xa thì còn gì nhậu nhẹt? Để giấu nhẹm tang tích, cúc và cống sẽ dùng chiếc đầu có vá xúc tinh vi "bắn" xác lên cao, gió cuốn đi mất, tha hồ con sâu cứ bò, con kiến cứ kéo nhau cả bầy đến nạp thịt cho cúc và cống! Mà rồi cũng vì tánh hiếu chiến nên cúc và cống bị hại: trong Nam, học trò nghèo mấy chục năm về trước, đều biết cách đi bắt cúc ngoài và cống ngoài đồng cát. Cứ sắm một cây chưn nhang, một đầu gắn một cục sáp nhỏ; trên sáp nhét một sợi tóc ngắn ngắn, lấy đó làm khí cụ bắt cúc và cống. Dòm dưới đất, thấy lỗ nào trẹt trẹt, láng láng, ấy là lỗ cúc hay lỗ cống đây rồi. Sẽ ngồi xuống, lấy tay se nhẹ đầu chưn nhang. Sợi tóc thay

cho con vật, cào cào sột sạt trên cát: cúc và cống, tin chắc đó là con vật té hầm, phóng mình lên xem: bị bắt mười con không sót một! Đem về, để hai con chung một chén nhỏ, chúng nó sẽ cắn nhau còn giữ hơn đá dế! Ấy là thú vui con nhà nghèo mấy chục năm về trước, đâu như bây giờ các cô các cậu vui chơi xe lửa điện, poupée biết nói, đắt tiền thì có mà đâu đổi được thú vui kia, không tốn tiền cha mẹ xu nhỏ xu lớn gì! Cúc và cống, Fabre tiên sanh gọi "Fourmi-lion". Tự điển Đào Duy Anh dịch "Kiến sư tử". Giữa hai người, không biết ai Tây hơn ai?

Trở lại tác giả Liêu Trai, Bồ Tùng Linh kể chuyện một văn nhân ra đồng chơi, buồn ngủ, nằm dưới gốc đại thọ đánh một giấc ngon lành. Chiêm bao thấy được đưa đến một xứ xa lạ: cung vàng điện ngọc, cao vút tận mây xanh, cung phi mỹ nữ, xiêm y rực rỡ, đẹp không chỗ chê,... đang vui mắt nhìn, bỗng giựt mình thức dậy, nhà cửa, người tiên, biến mất. Còn lại, gần chỗ nằm ban nãy, một ổ kiến to, mới hay trong giấc "cô miên", hồn dạo cung điện, thế giới côn trùng!

Nay để chứng tỏ người mình ham mê sách vở, ít chịu suy nghĩ, nhạy nghe nhạy tin, xin lấy một tỷ dụ là bài ngụ ngôn "Lacigale et la fourmi" học nơi trường năm xưa. Bài này, trong bộ "Văn học sử yếu", Dương Quảng Hàm, bản 1951, có đăng bản dịch rất thanh thoát của Nguyễn Văn Vĩnh, như sau:

CON VE VÀ CÁI KIẾN

Ve sầu kêu ve ve.

Suốt mùa hè.

Đến kỳ gió bấc thổi;

Nguồn cơn thật bối rối,

Một miếng cũng chẳng còn,

Ruồi bọ không một con,

Vác miệng chịu khúm núm,

Sang chị kiến hàng xóm,

Xin cùng chị cho vay.

Răm ba hạt qua ngày.

"Từ nay sang tháng hạ,

Em lại xin đem trả.

Trước thu, thề Đất Trời!

Xin đủ cả vốn lời",

Tính kiến ghét vay cậy,

Trăm thói, thói này vì:

"Nắng ráo chú làm gì?"

Kiến hỏi ve như vậy.

Ve rằng: "Luôn đêm ngày.

Tôi hát, thiệt gì bác".

Kiến rằng: "Xưa chú hát?

Nay thử múa coi đây".

Như đã thấy, La Fontaine tả con ve lêu lổng chơi bời, kịp

sang đông rét mướt, không kiếm ăn được, phải đi vay bợ con kiến, nghe mà thảm não giùm cho.

Tưởng chừng thi sĩ Pháp viết đúng sự thật, nên nhiều người đinh ninh việc đời là thế:

"Vous chantiez! J'en suis fort aise,

Eh bien! Dancez maintenant".

- Chị ca hát trong mùa hè chứ? Được lắm! Đừng ngại chi tôi. Bây giờ sang đông, chị hãy múa nhảy vui đùa đi cho toại kỳ sở thích!

Bao nhiêu lời nói trong miệng chị kiến đây mới là cay nghiệt. Làm cha làm mẹ xưa nay thảy đều vịn theo đó mà răn con dạy cháu. Bỗng đọc sách khảo cứu của nhà côn trùng học J.H. Fabre, khiến tôi bật ngửa người. Té ra thuyết *Con ve cái kiến* như La Fontaine thuật, rất sai sự thật. Cóp và mô phỏng theo sách cũ, thi ba Pháp nay bị lầm to!

Chính J.H. Fabre để tâm khảo xét rõ, biết tung tích con ve gốc gác ở vùng ấm áp xứ cây ô liu, bắt tẩy thi gia...

La Fontaine, nguyên quán ở Chateau-Thierry, gần vùng kinh đô Paris, tức xứ lạnh, nên chưa thấy và chưa biết mặt mày ve ve (cigale) ra sao. Khi mô phỏng chuyện cổ tích Hy Lạp nói đến cigale, La Fontaine *không chó bắt mèo*... La Fontaine độ chừng bắt cigale đi vay gạo mượn thóc của con kiến, quên rằng kiến là loại có răng, ăn gạo được, còn ve ve thuộc giống có vòi nhọn để nút nhựa ô liu, bắt vay gạo, rồi răng đâu mà cắn? Dốt thứ nhứt kéo qua dốt thứ hai, vay không được gạo, xoay qua xin vay vài xác muỗi mòng, cái mới báo, cái mới hại to, vì ve ve thuộc loại ăn "chay" kia mà! Nó hút toàn nhựa ô liu mà thôi! Ấu

chưa?

Lỗi tại đâu mà có? Xét ra thuở nay, La Fontaine nổi tiếng là người thấu đáo nhơn tình bực nhứt, biết hết tâm tánh vạn vật. Xưa nay, ông mô tả con nào đúng như con nấy: chó ra mặt chó, chồn rõ mặt chồn. Dê, mèo, thỏ, rùa, quạ, chuột, mỗi giống, mỗi con, ông biết dư, nên ghi lại bằng những nét chấm phá tài tình, thần xuất quỉ một. Thế mà đụng phải ve ve, vì chưa từng thấy, đành tả theo ý tưởng, và bắt dế mèn, bò cào thay ve ve, mới hư chuyện!

J.H. Fabre dạy rằng về mùa đông, không bao giờ thấy ve ve vãng lai trên mặt đất. Mùa này, cigale còn trong thời kỳ *larve* (con sùng) và vẫn đang *nằm khểnh chờ thời* dưới một lớp đất dày, trên phủ giá lạnh.

Mùa hè bớn tớn đến, hơi dương ấm áp. Sùng ve trở mình, bắt đầu khoan lỗ trồi lên đất cái. Lỗ khoan của sùng ve khéo hơn của kỹ sư thợ mỏ thập bội: không một chút sứt mẻ, trơn bén phẳng lỳ, khéo nhứt là tròn vo vừa lọt ngón cái, ngay bon đứng thẳng như đã thử trước bằng lập lò (fil à plomb)! Có người khó tánh sẽ hỏi: "sao ve không biết bực bội, sao không sớm *ra đời*, lên mặt đất hưởng thanh khí và ánh sáng mặt trời?"- Thưa ve ve biết lắm chớ (tuy côn trùng nhưng vẫn có trí khôn)! Nhưng ve ve kinh nghiệm phụ truyền tử kế rằng lên sái mùa, *lên bất tử* giữa tiết đông thiên thì có môn chết cóng với giá lạnh!

Ra khỏi đất, sùng ve bò lần để kiếm cọng cỏ nhánh cây làm nơi nương tựa. Gặp cây, sùng ve móc hai chân trước, treo mình nhỏng nhảnh, thân buông thòng xuống, đầu trở lên trên. Trong chốc lát, hai chân treo đã đủ cứng cáp và chịu đựng.

Lần hồi khúc thân giữa xé ra, tét ngay theo chiều xương sống, lộ ra da non màu mơn mởn xanh xanh. Kế đó sùng ve rút đầu ra khỏi bọc, lần lượt rút ra cái mũi nhọn (sau này dùng hút nhựa ô liu), kế đến rút cặp giò trước, rồi đến khúc thân còn sót lại, kế rốt, rút cặp giò sau và hai cánh ve, nhọn lểu như đôi báu kiếm tùy thân: Tuy vậy ve non chưa trổ hình vóc như ve ve ta thường thấy. Nhờ hơi gió và sức nóng Thái Dương, con ve non đượm lần màu sắc và thêm cứng cáp: nhưng đây lại là đoạn đời đầy chông gai và nguy hiểm nhứt của ve ve: vì ở đâu có bán rượu đế là có thừa bợm lương hữu đệ tử Lưu Linh như dân nhậu Rừng Sác và Xóm Đồng Ông Cộ! Độ hai giờ sau, nếu không bị bắt về chiên mỡ, nếu chim không ăn, kiến không cắn và tha kịp, thì ve ve đã thoát nạn chết yểu. Hơn hai tuần nhựt, độ ba tuần là cùng, sau khi ở dưới lỗ chun lên, thì ve ve bắt đầu tìm chỗ đẻ trứng. Mỗi con đẻ khác chỗ, nhưng có khi *mụ* trước vừa ra, *mụ* sau lại vào, nên chỗ đẻ vẫn trùng nhau luôn! Muốn đẻ, ve ve dùng mũi sau rạch da cây một đường dài sâu sâu, tách vỏ làm hai, rồi đẻ vào đó độ mươi trứng; kế bay sang chỗ khác, lựa nơi vừa ý mà đẻ nữa! Chung qui mỗi con ve đẻ lối ba hay bốn trăm trứng là cùng, gom gọn trong ba hay bốn chục ổ trứng ve. Mà phải nở hết thì ve con làm gì *ăn nhậu* cho hết? Nhưng ác nghiệt thay, mỗi lần ve đẻ, lại có một loại ruồi nhỏ, luồn theo trôn ve, thừa dịp ve say mê sinh dục, ruồi chích nọc vào trứng ve cho tê bại mớ trứng ấy, rồi đẻ trứng ruồi của mình lên trên. Ngày sau, ruồi con sinh nở thì có sẵn mồi như sẵn thịt giữ trong máy lạnh! Luật thừa trừ của Tạo hóa khiến cho mỗi lần ve sanh có đến hai ba ruồi ve bay theo; và tính ra ve lớn gấp mấy chục lần ruồi, thế mà *các tư kỳ sự*, ve vẫn sanh, ruồi vẫn theo, ai lo phận nấy, ve không hại ruồi, và đời đời kiếp kiếp, số ve ve trên cõi đất không thêm không bớt, mỗi năm mỗi con đẻ ba bốn

trăm trứng, nở được ba bốn chục ve con là vừa!

Ve đẻ trứng ve, ruồi đẻ trứng ruồi; trứng ve bị nọc ruồi nên rữa, trứng ruồi hạp thời tiết nở ra giòi con, khi biết ăn thì sẵn trứng ve nếm ngon lành như ta ăn hột gà la cót!

Trứng ve nào không bị ruồi tứa thì sắc trắng ngà ngà. Ve đẻ tháng bảy, qua tháng chín trứng ve biến màu, đổi sắc; bây giờ trứng ấy trắng như hột lúa mì. Bước đầu tháng mười, trên trứng, trổ ra hai chấm đen đen đậm đậm, ấy là cặp nhãn của ve. Vào thời kỳ này, con giòi của ve giống hình "cá con" nhỏ tí! Giòi ve lớn dần, ban đầu mọc thêm một giầm nhỏ sau đuôi; trong giầm ấy chứa bộ giò trước của ve, còn đựng trong vỏ khéo. Lớn lên chút nữa, con giòi biến thành sùng ve, và sùng ve ấy chui rúc dưới đất sâu để chờ ngày thay lốt khác. Khi thành hình rồi, sùng ve bỏ vỏ xác không lại tòn ten trên cành, nhủng nhẳng trước gió. Lúc ấy, lúc lìa vỏ, sùng ve trộng bằng con bọ chét đất, nhưng có sức mạnh phi thường. Chờ cơn gió thuận, sùng ve buông thõng rơi xuống đất: công việc nghe dễ ợt, nhưng khi làm không phải không nguy hiểm! Gió mạnh sẽ đưa "anh nhảy dù sùng ve" xuống vũng nước, vũng bùn lầy, vùng cát khô, hoặc rơi xuống chỗ nào có nhiều đất sét thì cũng vô phương khoét lỗ! Hạp hơn cả là đất xốp thịt; chỉ trong vài giờ sùng ve đã đủ sức khoét một địa đạo ẩn thân. Còn ở trên mặt đất phút nào là còn sợ tai nạn phút nấy: nạn kiến bu, kiến cắn, nạn sâu bọ lớn nuốt tươi; nạn có nhái xơi, chim gà mổ, v.v... Để bù trừ sự hao hớt, ve ve đẻ khá sai trứng như đoạn trên đã kể. Sùng ve nằm yên dưới đất một "giấc mơ dài", khi đói lòng, sẽ cựa quậy quơ vài rễ cây tẩm bổ. Tính ra, từ trứng mén cho đến nguyên hình ve ve, nhà côn trùng học J.H. Fabre xét nghiệm ve ve tốn công phu đếm đủ bốn năm trời không hơn không kém. Nghĩ

cho: bốn năm tu luyện mới thành hình ve ve; hiện hình được rồi chỉ hưởng vỏn vẹn một tháng trời ca xang hát xướng! Ve ve phải bốn năm tăm tối trốn chui nhủi trong đất sâu tù đày, không khác một anh thợ mỏ, cần cù trong hầm nóng nực thâm u. Kịp khi mãn hạn, hết "giao kèo", thợ mỏ nhà ta vứt bỏ bộ y phục "làm đất" xấu xí, thay khăn áo chỉnh tề, lên góp mặt trên quả địa cầu, dạo rong đường phố: ve ve đồng một thế, cũng xách cặp cánh huỳnh kim bay lên thế gian, say ánh mặt trời tê mê tẩn mẩn... Mặc dầu ve ve nhịp cánh đến điếc tai bưng óc, cũng chưa bì bốn năm khổ luyện cùng cực dưới đất sâu! Tôi rất biểu đồng tình với ve ve, cứ ca ngâm suốt tháng cho phỉ hứng để rồi còn trở lại làm kiếp *thầy rùa độn thổ* nhiều năm! Và ai kia kịp thấu rõ tâm sự của ve, nỡ lòng nào trách cứ ve suốt đời chỉ lêu lổng những ca ngâm hát xướng?

Giữa ve và kiến, nếu có sự giao tiếp, ắt khác hẳn với thuyết của La Fontaine đã dạy; theo J. H. Fabre thì:

Ve ve không bao giờ biết vay nợ kiến. Trái lại, Fabre quả quyết:

"Với tánh cần sảy mót máy thuở nay, cái tánh bỏn sẻn rít rót ai ai cũng chán biết", "cái nguyên tắc không bỏ sót một vật mọn nào", biết đâu kiến chẳng từng hèn hạn lòn trôn ve ve, lượm từ cục nho nhỏ, từ lọn tròn tròn của ve ve thừa thãi bỏ ra?

Chị em hãy coi đây này: giữa tiết tháng bảy, nóng oi ả, tuy đà xế ngọ, nhưng những loài sâu bọ, lớp phơi khô lớp nắng khát, đều ráng công bò đi kiếm ăn vất vả. Trong lúc ấy, ve ta cười thầm mình tốt phước, bèn bay lại cây ô liu. Với cái dùi bén nhọn trời dành cho và gắn nơi chót mũi, ve ta chích mạnh vào da cây rồi tiếp tục vừa nhịp vừa ca, hai cánh vỗ vỗ không ngừng

vừa nút ngon nút ngọt chất béo từ trong thân cây tuôn ra, mặc tình say tỉnh tỉnh say, nửa mê man tàn tịch cái vị thơm và bổ của kho vô tận Trời dành, nửa mùi mẫn khúc liên ngâm trường thiên khoái lạc tự mình độc xướng!

Những ai tò mò thêm chút nữa, để tâm dò xét kỹ càng, sẽ thấy trong khi ve ve nút nhựa ô liu, biết bao sâu bọ, ruồi mòng, trong ấy có cả chị kiến tiện tặn của nhà thi sĩ, thảy thảy đều bu đầu dụm mỏ, tụ tập sau trôn ve! Con nào nhỏ thó thì chun lòn dưới thân ve, ve nhột sẽ nhớm cẳng lên, tha hồ bọn ăn bám *vào luồn ra cúi*! Cùng một lúc, những con lớn vóc, ỷ mình mập mạp mạnh mẽ, sẽ a lại cướp ra mặt một cục của ve ăn tiêu thừa thãi. Nhưng ve quân tử nào có nói gì? Tướng cướp tuồng như còn biết sĩ hổ, đùng đùng vỗ cánh bay đi. Vỗ cánh bay đi, rồi nửa đường nghĩ lại như tiếc của, lại trở lộn về "làm xấu" nữa!

Trong những lúc *thí giàn* như vậy, chị kiến sẵn tánh ghét ồn ào và đầy nhẫn nại, sẽ kéo phe đảng bà con, đến ngày càng đông, lúc nhúc sau đít ve, chờ cơ hội tốt!

Mặc dầu quân tử, có lúc ve ve cũng biết cáu! Những khi bị khuấy rầy quá, ve bèn rút mũi nhọn, bỏ lại đó bọn ăn mày; ve bay đi kiếm chỗ khác và không quên bắn tưới vào đầu bọn chúng một chất nước không thơm!

Nào những lúc như vậy, chị kiến dám hó hé lời gì? Đã nói chị là đầy nhẫn nại kia mà! Kiến như nhủ thầm đủ mình nghe: *Chị tưới đầu tôi, tôi chịu!* Kiến lui cui lượm mót những thức ăn của ve ve bỏ lại, liếm lấy liếm để mớ nhựa ô liu trong mạch cây còn đượm ra, kiến thật không bỏ rơi mảy nào!

Ve ve với kiến, theo nhà côn trùng học J.H. Fabre, nếu

phải cho ta bài học răn đời, đúng lý ra thì:

- *Tiểu nhơn là kiến*: gian manh ra mặt, xin xỏ đê hèn, gan lỳ cướp bóc làm càn, không kể ô danh xấu tiết, ưa cắn trộm, dầu thân có nhuốc nhơ cũng mặc!

- *Quân tử là ve ve:* thợ giỏi giắn, mình làm mình ăn, lương thiện, chỉ biết ca hát trọn đời, thêm giàu lòng bác ái, không xấu bụng với người nghèo thiếu!

Triết lý vậy thay, bài học cải chính "ve ve và kiến": sáu, bảy tuần nhựt ca xang, ba mươi hôm, sung sướng tận cùng, thì ve ve dứt bỏ *nghiệp nghệ sĩ ca hát dạo*, từ thân cây buông chơn rơi mình xuống đất: *kim thiền thoát xác* đầy nhẫn nại, kiến mẹ kiến con xúm khuân xác ve ve về ổ, chôn làm chi tốn kém, tích trữ đó để chịu đựng mùa đông!

CON BỌ HUNG

Danh tánh: Danh thật: *bọ hung*. Vì khổ độc, khi tiếp chuyện, xưng *bò hung, bù hung* cho dễ nói! Anh em cùng một giống với *bọ rầy*, chữ gọi *giáp trùng*. Ở Pháp, xưng *scarabée*, thoạt thấy *...ée* tưởng rằng thuộc giống cái, không ngờ chính giống đực, dòng *scarabéidées,* luôn luôn thuộc ***giống đực số nhiều*** (nom masculin pluriel), vì thế làm khổ không ít cho ai học bập bẹ tiếng Pháp!

Nghề nghiệp: Đổ thùng, tải phân, làm công đời đời kiếp kiếp, cha truyền con nối cho ty vệ sinh của *ông Tạo*.

Cơ xưởng: Không nơi lập cơ xưởng nhứt định. Khi nào trừu, dê, bò, ngựa đánh rơi của quí ngoài đường, là có y đến. Chưa chắc gì mấy tay giang hồ mã thượng, các bợm tìm vàng,

bòn kim cương, mua bán đồ P.X. mau chơn lanh cẳng hơn va!

Cứ mỗi bữa, trời chưa cao khỏi ngọn sào, đã tề trựu bà con lớn nhỏ hơn trăm đinh tráng, bò lúc nhúc, ôm xà nẹo nhau, giành giựt từ mảy vụn cái đống gia tài mới bữa qua còn kếch xù. Tại đây mới lòi mặt bợm! Có đứa làm ăn công khai, chuyên hớt lớp nhứt trên mặt; có kẻ lại thích kiếm chác âm thầm, khoét lỗ đục ngầm bên trong, tưởng làm vậy ít ai ngó thấy, cũng đỡ xấu hổ; đứa khác, sĩ diện đề cao, lại xoi hang dưới đất sâu để gậm được hòn nào là khuân giấu hòn nấy; ngoài ra còn thiếu gì đám bộ hạ ty tiểu, không bè đảng, cam tâm mót máy những phần rơi rớt của kẻ cả, tuy nhỏ nhặt nhưng tụ thiểu thành đa, lâu ngày giàu húm! Những kẻ đến sau thêm xấu chứng đói, thí "xực" luôn tại chỗ! Nhưng phần đông, biết tiết kiệm, giàu nhẫn nại, biết lo xa, biết phòng ngừa bão lụt, e phong vũ bất thường, vẫn ôm kè kè đem về chỗ trú cho vững bụng hơn.

Sáng sớm, gặp ngựa bò vừa làm một bãi, còn nóng hổi, sốt dẻo "mới ra lò", không phải mỗi ngày mỗi gặp! Gặp được đây âu cũng là duyên tiền định, phi tốt số không dễ gì thấy của này! Mà có của, đời nay phải biết quí trọng, phải cất giữ trong kho chắc chắn. Mùi thơm của món hàng đặc biệt bay xa mấy dặm. Chúng chúng yên hùng đánh hơi, nô nức bay đến chỗ: đứa nào bê trễ thì bay vù vù hối hả, có đứa già nua khấp khểnh cuốc bộ theo sau! Ủa! Còn con nào nữa đây? Cà xí cà nán đi chót làm vầy, mà xem dường lật đật, biết sợ mất phần, hiềm vì tuổi tác không cho phép chạy mau hơn!

Bộ giò lều khều quơ cà nghinh cà ngang, y như có máy tự động bé khéo giấu đâu dưới bụng. Hai cái râu "ăng ten" hoe hoe đo đỏ xòe cánh quạt rung rung tỏ bụng thèm thuồng. Đi thì đi

sau hơn ai nhưng khi đến chỗ lại làm tàng chen chen lấn lấn. À! Té ra đây là con "bọ hung chúa" (scarabée sacré), mình vận bộ hắc y rực rỡ, cũng lớn con hơn và cũng danh tiếng nhiều hơn các thứ bọ hung kia!

Bây giờ chú chàng đã nhập tiệc, ngồi bàn như ai, chễm chệ há thua mặt nào! Đồng loại có đứa đã vò viên gần xong cục thực phẩm vô giá của mình! Đứa khác, sẵn tánh tham, còn đang tô đắp phần thực cho thêm lớn thêm to hơn nữa.

Bây giờ ta hãy xem cách chúng nó xoe lọn phần ăn của chúng. Mỗi đứa trên đầu đều chứa đường viền "hồi văn đo đỏ", hình bán nguyệt, phía trên có điểm sáu gai răng cưa nhọn lẻm: ấy là khí cụ của trời ban cho, vừa để đào xới và cưa sả thức ăn, vừa là bồ cào để cào bỏ những xác cây vô bổ ích, vừa cào vừa tém thức ăn vào mồm. Cái viền đỏ có răng cưa ấy công hiệu như thần: khoét được, cưa được, xoi được, cắt được, lại còn biết đùa ra tém vào gọn ghẽ! Cặp giò trước cũng lanh lẹ không thua và tiếp sức trong việc bò viên rất tài tình. Mỗi giò dẹp dẹp và cong cong như vòng cung, thêm có lằn gân nổi như *bất chỉ*, đã khéo thêm chắc chắn như cây thép có lận góc cọt-nhe (cornière), mỗi giò ấy đều có tra năm răng cưa nhọn lểu và rất bén. Giả thử bọ hung ngộ sự phải cần dùng đến sức mạnh, phải tận lực xô đẩy, phải vạch đường đi trong bãi phân quá chặt chẽ thì lão ta cứ dùng cặp giò này là xong chuyện! Mỗi khi cặp giò làm cái việc: quét rộng một vòng tròn hình bán nguyệt, thì luôn khi ấy bọ hung dùng cặp giò qua chuyện khác: hai giò trước ấy sẽ giúp bọ hung gom lại những thứ gì do cái viền đỏ có sáu răng đã cưa sả ra được. Cưa và sả xong rồi thì cũng cặp giò ấy đùa ra sau những thứ đó cho bốn giò sau chực sẵn để thi hành phận sự chuyên môn là vò viên cho thật tròn thật khéo. Bốn giò sau,

ông Trời khéo sanh, quả là đồ nghề tinh vi của thợ tiện, còn khéo gấp mấy mươi lần đồ nghề của loài người. Bọ hung có cặp giò đoạn hậu điêu luyện (thuộc giò thứ năm và giò thứ sáu), vừa dài vừa cong hơi khúc chót thêm có tra một móng nhọn. Cái móng này thủ vai cái qui hay công pa (compas) để quay tròn trong sự vò viên cho thật đều đặn đúng cỡ. Tôi xin tóm tắt. Mỗi khi bọ hung gặp phân, thì ôm phân ấy dồn về dưới bụng, chừng ấy bốn giò sau nện nện và ịn ịn cho thành hình tròn, kế hai giò có côngpa lo quây cho thật tròn vo, còn hai giò ở giữa vừa lớn, mạnh và dẹp lại có phận sự vỗ vỗ đè nén không khác bàn tay thợ nhồi bánh phải làm thế nào cho viên bánh mau dẻ dặt, bớt xốp thịt và mau cứng cáp.

Mặt trời lên cao, không khí bắt đầu nóng lần và công việc của bọ hung càng xúc tiến hăng thêm. Cục phân, ban nãy vừa bằng viên thuốc bao sáp, nay đã to to gần bằng trái quít xiêm. Lát nữa đây, nó sẽ lớn bằng quả đấm, và có thứ bọ hung quá tham lam, vò viên phần thực của nó to hơn trái cam sành. Mà vò lớn như vậy, rồi đây sẽ biết làm sao xe nó về nhà cho nổi?

Công cuộc cộ phân về hang: Trên đã hỏi, dưới xin trả lời và xin chớ vội lo bao đồng thế cho bọ hung. Có sức ăn thì có sức chịu! Phần thực khi chia xong, mỗi con lo cáo lui để chở của về hang. Cũng biết "các tận sở năng" và "các thủ sở nhu" như loài người; và đến đây mới biết tài bọ hung! Mỗi con ôm cứng cái viên "phần thực" của nó bằng hai giò sau và hai giò này bọ hung biết cắm sâu vào cục phân như hai cái móc thép của phu vác gạo chành lúa: nhờ thủ thế như vậy, nên muốn xoay hướng đối chiều hay cử động cách nào, vẫn được lẹ làng như ý. Hai giò áp chót thì dùng để chống chỏi, lấy thế lấy đà... Hai giò trước thì dùng không khác cặp xà beng để khi xeo khi nạy. Bọ hung

đi thụt cà lùi, cái đầu dộng ngược xuống đất, cái mông đưa thẳng lên cao! Cặp giò sau làm việc nhiều nhứt, vừa rút mũi nhọn xom và đâm không "hở tay"(!) khi chỗ nầy khi chỗ khác, xô lần, lăn lần cục phân... Và nhờ có "mánh lới" hẳn hoi nên cục phân trở quay đủ mặt, tuy lớn bằng trăm lần con bọ hung nhưng phải tùy con vật bé tí hon mà lăn lóc, vừa thêm cứng mình dẻ khắt vừa tròn trịa vén khéo!

Ráng lên bọ hung! Ráng thêm lên với nào! Ối thôi rồi! Dè đâu thân ty tiểu hèn mọn như bọ hung, mà cũng vẫn còn gặp chướng ngại vật! Bọ hung đẩy cục phân lên dốc bờ mẫu, thình lình cục phân tuột lần, sụt xuống lần... Đã bao lần tôi định trong bụng mách khéo bọ hung tốt hơn nên lượng sức và lựa đường mòn phẳng phiu dễ chở chuyên đỡ mệt. Tôi thật già rồi mà chưa thấu đáo thâm ý con vật bé tí hon này chút nào. Coi vậy mà cứng đầu ghê! Bọ hung không nghe lời tôi và thích lựa bờ mẫu cao nghệu nghệu để trèo lên tuột xuống, vì bọ hung cho rằng làm vậy mới thấy *ta đây bất chấp vận mạng, ta làm theo đầu óc ta!* Tôi không cãi bọ hung được, vì biết dùng lời gì để nói với hắn đành lòng xem coi *mi cãi lời ta sẽ gặp những gì!*

Cục phân tròn vo, lớn bằng quả cam. Thiên nan, vạn nan, bọ hung đẩy ngược lần lên cao. Lên được nửa chừng, kế cục phân mất thăng bằng rớt tuột xuống chưn bờ mẫu như lúc đầu. Không nản chí, bọ hung lại đẩy trở lên đường cũ, quyết đem được qua bên kia bờ mẫu mới nghe cho! Năm lần mười hiệp, cứ cục phân rớt xuống là bọ hung đẩy lên, thét rồi bọ hung cũng thành công. Qua được dốc khó rồi, bọ hung đẩy nữa... Nhưng ít khi bọ hung đẩy phân một mình ên. Thế thường, đèo theo cục phân nhơ nhớp có đến hai thằng ra sức, đứa đẩy đứa trì, đứa xô,

đứa kéo, hè hụi té lên té xuống. Nguyên do là khi có một bọ hung vò xong cục phân, lo khuân về ổ, thì không biết còn lại bao nhiêu bọ hung đi trễ, thay vì đến đống phân làm lấy mình, lại sanh dạ tà tây, thấy chúng sẵn của, a lại hà rứa, kỳ thật là để chia phần thực! Bọn hung khách bay lại tiếp tay chăng? Bọ hung với bọ hung, giao kết với nhau những gì?

Nhà côn trùng học trứ danh, Fabre tiên sanh đã thấy hai bọ hung ráp với nhau, ạch đụi khuân một cục phân chung, tưởng đâu đó là con đực con cái sắp se duyên sau gò mối! Sau Fabre rõ lại và tự thẹn lấy mình, vì hai con vẫn *đực rựa* như nhau. Té ra bọ hung khách hiệp tác cùng bọ hung chủ, không ngoài ý gian *tiên hiệp lực, hậu đoạt công*! Bọ hung khách rõ là một lưu manh, giả bộ lăng xăng trợ lực, kỳ trung nó là thằng đại bợm chờ dịp đoạt gia tài của bạn! Nghĩ cho tự mình làm ra của, vẫn khó, sao bằng sẵn sức, cướp đoạt của tha nhơn, chẳng là dễ dàng và chớp nhoáng hơn! Như cướp không được, khi ấy sẽ làm tuồng giúp sức, đã không mất phần, thêm danh chánh ngôn thuận! Mai sau nếu chủ có thế nào, thì ta là khách sẽ giựt luôn cũng chưa muộn. Bằng chủ cao tay ấn, không làm gì y được, thì ta lại chia phần hùn hiệp... Bên nào cũng có lợi, bọ hung khách, tuy lưu manh, nhưng quả có mưu thâm, tìm được kế *lưỡng toàn kỳ mỹ!*

Có thứ bọ hung, ngoài mặt tuy gian nhưng trong lòng còn dè dặt đôi chút, đợi có cơ hội mới ra tay. Có thứ bọ hung khác, nóng tính hơn, vẫn đánh cướp chán chường không kiêng luật pháp.

Nghĩ cho cũng phường nuốt phân với nhau mà cũng lắm cảnh hỗn độn! Một con lui cui vò được một cục phân khá to hè hụi lăn về ổ, đinh ninh "của mình thì mình làm chủ", có bề gì

còn có luật pháp chở che. Dè đâu đi dọc đường, bỗng có một con khác, to mập và mạnh sức hơn, a lại, toan cướp của. Con chủ thất thế, mắc lo đẩy phân, đầu động ngược nào thấy gì: con khách trên cao phóng xuống thắng thế hơn nên vừa đánh một đòn, bọ hung chủ đã lăn cù, bọ hung khách chễm chệ leo lên cục phân thủ thế. Con chủ đứng dậy được, bò chung quanh cục phân, nhưng không làm gì được con khách, đứng vững trên đó như viên tướng mạnh đứng trên mặt thành kiên cố. Cứ con dưới xoay về hướng nào thì con trên xoay theo hướng đó, giằng quay như hai kép hát nghinh chiến. Mãi ham tranh giành, bất ngờ cục phân thiếu sự chăm nom vụt rã ra từng mảnh vụn. Hai bọ hung ôm nhau vật lộn, giò chống giò, càng quơ theo càng, miệng hét ra những tiếng nghiến trẹo trẹo nghe như tiếng cưa sắt cắt vật cứng. Giây lát, con khách mạnh sức nên thắng thế, bò lên cục phân còn lại, dường như muốn tỏ ra mình làm chủ cục này. Con chủ không chịu thua, a lại kéo xuống ráp chiến nữa... Cũng có khi bọ hung chủ, giàu triết lý, liệu sức không làm lại con kia, bèn bỏ hết sự nghiệp lại đó cho tướng cướp, quay đầu về đống phân kiến tạo nghiệp mới! Khi ấy bọ hung khách cướp được của rồi, bèn làm như vô sự, ung dung khuân tang vật đi kiếm nơi lưu trữ. Và nhiều khi, trên đường vận tải, tướng cướp này gặp tướng cướp khác, tướng sau thủ đoạn cao cường hơn nên đoạt mất của quí, và như vậy mới là *thiên đạo chí công!*

Lắm lúc chuyện lại khác, và chuyến này bọ hung khách không ra mặt làm tướng cướp, nhưng giấu hình giấu dạng, giả bộ hiền lành đến xin giúp công để sau này chủ chia cho một phần thực. Hai con gặp nhau, không hẹn mà nên: con chủ, nghĩ mình đơn độc, tham lắm có hại, nay nó lại nói tử tế, không nhận lời, rủi nó biến tâm trở mặt cướp càng khốn, bèn đánh

liều thâu nạp làm bạn đường; con khách cũng biết thân, hết sức chiều chuộng. Từ ấy, hai đàng đề huề, kẻ đẩy người kéo, rinh lần cục phân đi tới trước. Nói rằng hiệp công, kỳ thật chỉ có chủ ra sức. Bọ hung chủ trút đầu ngược, chổng mông lên hè hụi đẩy phân tới trước. Trái lại, bọ hung khách đứng phía trước, ôm bám cục phân, đầu ngóc lên cao, đi thụt cà lùi không khác *thằng hiếu tử đỡ đầu rồng xe đám ma*, nên nói chí đáng, hiệp công kiểu ấy còn hơn mấy lần gàn trở! Và vì làm không ăn khớp, nên cục phân tuy lăn tới nhưng ghe phen gặp nhiều trục trặc. Thét rồi, bọ hung khách thấm ý, biết mình giúp không đắc lực, nhưng bỏ đi thì tiếc, bèn leo lên cục phân nằm ì ra đó mặc cho bọ hung chủ đẩy lấy một mình! Buồn cười hơn nữa là bọ hung chủ vẫn chịu để vậy, vì xét ra thà cho thằng vô dụng nằm yên một chỗ, tuy không nhờ được việc gì, nhưng còn hơn làm mất lòng hắn, khiến hắn trở nên kẻ thù càng thêm báo hại. Một đôi khi cục phân đứng lại quá lâu, bọ hung khách biết có vướng víu gì, bèn nhảy xuống, làm bộ song tàn, đứng chống cẳng cà khêu, tiếp sức với chủ. Cục phân lăn êm rồi, khách trèo lên nằm nữa, trải bao "lên thác xuống ghềnh"! Đến đây, và để nghiên cứu vấn đề thêm tường tận, Fabre gần như ác ý, lén lấy kim găm, đâm lút cục phân dính cứng trên mặt đất! Những khi ấy thấy hai con bối rối mà thảm não giùm. Đẩy không đi, trì không tới, hai con bở dở nửa chừng, bò kiếm nguyên nhân tai hại. Tìm không ra manh mối, bọ hung chủ trở lại kềnh chân ủi nữa. Thấy không cục cựa, con chủ nẩy ra ý kiến, bèn trèo lên cục phân xem hà sự? Thì cũng chẳng thấy gì khác hơn là thằng ăn hại, bọ hung khách, nằm khểnh quơ quét râu hoe! Vì mũi kim găm, Fabre tiên sanh cố ý đâm lút sâu quá, tìm không ra, con chủ đổi chiến lược và bò xuống chui dưới cục phân quyết tìm cho ra duyên do mối trục trặc. Khi moi thấy mũi kim nhọn, biết

chắc là chướng ngại vật báo đời, thì hai con hè hụi chun dưới để nhổ kim lên. Ban đầu dùng *Thế con đội*, hai con nằm bẹp bò vô sát gốc kim rồi đứng trỗi dậy. Cục phân nhổm lên được một tý. Mừng lòng, hai con ráng hết sức đứng nhóng lên hết đà bộ chân, thì cục phân cũng nhớm lên thêm chút nữa, nhưng sức bọ hung có hạn, cục phân vẫn không làm sao sút và rớt ra khỏi cây kim găm. Những khi ấy, lại thấy bọ hung tinh khôn không thua người, đổi qua thế khác. "Thế con đội" đã không có kết quả, bọ hung xoay qua "thế tay xeo, tay nạy". Con thì chổng phao câu, con thì chống chồng mông, hai con ạch đụi cố chống chỏi cho đến khi nào cục phân bị đẩy kéo nhiều lần, kinh nứt và rã hai ra thì bọ hung càng thêm thích, vì sự vá víu sửa chữa không mấy khó. Thoạt như không làm sao hết rồi, xeo không xong, nạy không ra, đội không lên, tức là khi hết sức dùng xà beng (pince), nêm, chêm (coin) gì cũng vô hiệu, thì chỉ còn một nước bỏ đó đi tạo sự nghiệp khác! Nhưng may sao, Fabre vừa thấy bọ hung tỏ vẻ chán nản, tiên sinh vụt nhổ phứt cây kim găm giải nguy, hai bọ hung lật đật và khấp khởi đẩy và trì cục phân đi nữa. Khi nào lựa được một chỗ vừa ý bọ hung chủ, khi ấy lại thấy hai con đình bộ để lo việc xây cất phòng ăn chứa của quí.

PHÒNG ĂN (SALLE À MANGER) CỦA BỌ HUNG

Đến đây lại cũng bọ hung chủ lui cui đào hang làm chỗ chứa một mình, chớ bọ hung khách nhứt định nằm ì trên cục phân, gí mũi vào đó mà hửi cho đã thèm vậy thôi! Bọ hung chủ dùng đầu có răng cưa và hai giò trước có gai nhọn làm khí cụ moi đất. Đất vụn đào được bao nhiêu, bọ hung lòn ra sau bụng mà đùa ngược lên trên miệng hang. Trong chốc lát, lỗ đào đã sâu hoáy, bọ hung chun tuốt mất dạng. Và mỗi lần thụt lùi ôm đất lên miệng hang, là mỗi lần bọ hung liếc chừng cục phân sợ mất. Và mỗi lần trồi lên, rờ rẫm được nó rồi tuột xuống thì

cũng bằng uống một chén đầy nhơn sâm! Bọ hung khách trong lúc ấy vẫn "tọa thị điềm nhiên". Bỗng đâu, trong lúc chủ mắc bận đào chỗ chứa, khách vụt chổi dậy và lẹ làng lén rình cục phân tìm đường tẩu thoát. May sao chủ trồi lên kịp thời. mấy lúc ấy tưởng chừng sẽ có sự tranh đấu ghê gớm. Nhưng không! Nếu chủ hay kịp thì chú cứ chạy theo rinh của mình về chỗ cũ. Thằng bợm bãi sẽ giả đò như đang níu chận lại, không nhờ tao cục phân đà tuột mất! Rồi hai con lại đề huề thỏa thuận như không có việc gì xảy ra! Đó là khi hay được kịp thời kịp lúc. Cũng lắm khi đứa trộm chạy quá xa rồi chủ mới hay. Nếu chuyện dĩ lỡ như vậy, thì ta lại chứng kiến một cảnh cao thượng vô cùng. Khi bọ hung chủ biết mình mất của, quạt cánh bay lên cao dòm xem tứ hướng, không khác họ Tôn đứng trên mây tìm bóng thầy, khi biết vạn sự hưu hỷ, tưởng chừng như ai sẽ điên đầu mà chớ, nhưng đối với bọ hung, tuy thân hèn mọn nhưng tánh tình vẫn hơn ai mấy bực và cầm bằng bọt nước bị sóng đánh tan, bọ hung cứ quên hết để đi tìm mối khác. Ai sao không biết chớ riêng tôi, tôi phục bọ hung sát đất! Nghĩ cho công cán bấy chầy, chắt mót dành dụm lâu hoáy mới được một cục phân xem vừa mắt, thế mà nay thằng bạn mắc dịch đoạt mất, giá như tôi ắt giận nhịn cơm chờ chết, thế mà bọ hung vẫn thản nhiên bình tĩnh bỏ qua hết để đi tìm dịp sắm cục phân khác, thiệt bọ hung đáng được tôn làm thầy! Lạ quá! Học triết lý ở đâu mà rèn luyện trí óc được như thế? Bọ hung đành quên công cực khổ nắng nôi, quên chuyện vận tải vất vả, quên chuyện đào hầm nhọc nhằn, nay hầm đào rồi, của kề bên miệng, thế mà ô hô! Rủi ro chốc lát, công bất thành, chí bất toại, của quí tiêu, đống vàng mất! Như vậy mà bất oán thiên, bất vưu nhân! Tôi xin bái phục!

Bằng như, nói tỷ mà nghe, bọ hung chủ gặp bọ hung khách có ít nhiều quân tử tính, hai con may mắn khiêng của về đến nơi đến chốn, không bị lưu manh phá đám dọc đường... Khi ấy,

hang đã khoét rồi, miệng hang tròn trịa, vừa khéo, vừa khít với cục phân; khi ấy bọ hung chú ráng sức khuân của vào hang, cục phân vừa chui lọt vào trong, thì bọ hung liền lấp bít miệng hang, chỉ để còn một mình một động, hoặc quá lắm là cùng với bọ hung khách, tức hai đứa, mặc sức mê man tàng tịch với món ngon ao ước! Vạn tuế cái buổi hạnh phúc tràn trề này! Tuy hang thô sơ, không có quạt máy trên trần, nhưng nhờ ông cha khéo truyền nghề, bọ hung biết đào sâu nên ánh nắng không lọt thấu, hang mát vô cùng! Sẵn của ngon, sẵn yên tịnh, trên kia cửa đã bít, ai dầu đi ngang cũng không biết dưới này có ẩn tàng của báu, xa xa tiếng dế vô tình như khêu như gợi, giờ phút này và trong phòng này mới phải là nơi lúc làm việc bằng răng nhọn và bằng bao tử mạnh lành. Bọ hung "xực" cục phân to tướng, khi mình ên, khi với một bạn duy nhứt, không mời ai thêm! Đứa nào, đứa nấy, gục mặt gầm đầu mà ăn, ăn không dám nhúc nhích, không dám cục cựa, vén khéo tỷ mỷ không cho mất miếng nào.

- Hỏi ăn gì mà trịnh trọng đến thế?

- Xin thưa: ăn phân ăn cứt! Ai dám cười! Đời không bọ hung, sẽ là một đống phân, đâu có sạch và nên thơ như vầy!

(Phỏng dịch theo J.H. Fabre, bài *Le scarabể sacré* (Con bọ hung chúa) tr. 57-67 trong bộ *Le monde merveilleux des insectec* (Thế giới tuyệt mỹ của loài sâu bọ) nhà in Delagrave, bản năm 1935.

Sài Gòn ngày 6 tháng 9 d.l. 1961

MỤC LỤC

Mã số phân loại :

$\frac{7}{\text{ĐN - 2004}}$ 1817 – 2003

PHONG LƯU CŨ MỚI

VƯƠNG HỒNG SỂN

***

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐẶNG TẤN HƯỚNG

Biên tập: MAI KHOA

Sửa bản in: MAI KHOA

Bìa: TRẦN ĐỨC NGỌC

Thực hiện liên doanh:

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP. HCM

In 1000 bản. Khổ 14,5 x 20,5cm.
In tại Công ty cổ phần In Bến Tre.
Số đăng kí kế hoạch xuất bản 61/1817/XB–QLXB
Cục xuất bản cấp ngày 25/12/2003
Giấy trích ngang số 125/GTNXB do NXBTH
Đồng Nai cấp ngày 09/4/2004.
In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2004.

Nhà xuất bản tổng hợp ĐỒNG NAI, 210, Quốc lộ 1K, TP Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại: (061)946519. Ban biên tập: (061)946529
Ban Giám đốc: (061)946529 – (061)822613 – Fax: (061)946530
Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

Các Sách Đã Xuất Bản

MỜI CÁC BẠN CHỌN ĐỌC

- Kỹ thuật trồng tiêu & Đậu nành — *KS. Lương Tất Lợi*
- Kỹ thuật nuôi thuỷ đặc sản nước ngọt — *KS. Lương Tấn Lộc*
- Ương giống & nuôi Tôm càng xanh — *KS. Lương Tấn Lộc*
- 33 câu hỏi đáp trồng & chăm sóc cây Chuối — *KS. Lương Tất Lợi*
- 37 câu hỏi đáp trồng & chăm sóc cây Cam — *KS. Lương Tất Lợi*
- Kỹ thuật trồng cây ăn quả — *KS. Lương Tất Lợi*
- Kỹ thuật trồng cây qua Ca cao, Đu đủ — *KS. Lương Tất Lợi*
- Biện pháp phòng trị, Chôm chôm. Sa bô — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Biện pháp phòng trị Chuối, Táo — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Biện pháp phòng trị Dừa — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Biện pháp phòng trị Sầu riêng, Ổi — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Biện pháp phòng trị Xoài — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Biện pháp phòng trị Nhãn — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Biện pháp phòng trị Mãng Cầu, Mận — *PGS.TS. Ng. Thị Thu Cúc*
- Sử dụng đông dược trong chăn nuôi & trị bệnh — *Thuỳ Hương*
- Khai thác nguồn lợi gia súc sinh sản — *Thuỳ Hương*
- KT gây giống & chăm sóc Cá tai tượng — *Việt Chương*
- Nghệ thuật thuần hóa Chim — *Việt Chương*
- Nghệ thuật nuôi Chim Yến Phụng — *Việt Chương*
- Nghệ thuật nuôi & kinh doanh Chim kiểng nhỏ — *Việt Chương*
- Bí quyết nuôi & KD Chim, thú, Cá kiểng — *Việt Chương*
- Nghệ thuật nuôi Chim biết nói
- KT nuôi & huấn luyện Nhồng nói — *Việt Chương*

¥105 107



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ
288B An Dương Vương, Q.5. TP Hồ Chí Minh- ĐT/Fax: 8392516
Website: dnsachthanhnghiatphcm.com.vn

GIÁ: 34.000VNđ